

**NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày /5/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp)*

**A. CĂN CỨ PHÁP LÝ, NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI VÀ NHÓM TÊN**

**1. Căn cứ xây dựng Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

- Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11/7/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;
- Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11/7/2005 của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;
- Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND.TL ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc thành lập Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;
- Căn cứ Kế hoạch số 2126/KH-HĐTV ngày 14 tháng 09 năm 2021 của Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp về việc Xây dựng Ngân hàng tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2021;

**2. Nguyên tắc phân loại**

- Xếp theo loại tên.
- Xếp theo thứ tự A, B, C.

**3. Nhóm tên**

- Danh mục tên nhân vật lịch sử của đất nước: 154 tên;
- Danh mục tên nhân vật lịch sử gắn liền với tỉnh Đồng Tháp: 177 tên;
- Danh mục tên danh từ, địa danh, phong trào đấu tranh, sự kiện lịch sử - văn hóa tiêu biểu của đất nước và Quốc hiệu nước ta qua các thời kỳ lịch sử: 51 tên;
- Danh mục tên địa danh, di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu tỉnh Đồng Tháp: 26 tên.

## B. DANH MỤC TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

### I. NHÂN VẬT LỊCH SỬ CỦA ĐẤT NƯỚC (154 tên)

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
1	CHU VĂN AN	Chu Văn An (1292-1370): Người thầy giáo tiêu biểu, nổi tiếng. Ông tự Linh Triệt, hiệu là Tiều Ân, quê xã Thanh Liệt, Thanh Trì (Hà Nội). Thời trẻ, ông học giỏi, tính tình thẳng thắn, không màng công danh, ở nhà dạy học. Ông là người thầy giỏi, nhưng nghiêm khắc, trọng tài năng của học trò. Vua Trần Minh Tông nghe tiếng đã mời ông ra làm Tư nghiệp (thời Trần là hiệu trưởng) Quốc Tử Giám và dạy Thái tử học. Thời Trần Dụ Tông chính sự suy đồi, nịnh thần lũng đoạn, làm nhiều điều sai trái, ông dâng sớ xin chém 7 nịnh thần (Thất trảm sớ), vua không nghe. Ông ben treo ấn, từ quan về sống núi ở Phụng Hoàng (Chí Linh, Hải Dương) cho tới khi mất. Chu Văn An là người thầy chủ trương thực học, để lại cho đời các tập thơ: “Tiều ân thi tập”, “Quốc ngữ thi tập”, bộ “Tứ thư thuyết ước”... Vua Trần đã ra lệnh thờ ông ở Văn Miếu.	CHU VĂN AN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 11
2	LÊ VĂN AN	Lê Văn An (?-1437): Danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông người làng Mục Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hóa) tham dự hội thề Lũng Nhai. Từng chỉ huy đánh trên trăm trận lớn nhỏ, đánh vào Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa. Năm 1427, ông được cử cùng Lê Lý đem quân hỗ trợ Lê Sát ở Chi Lăng – Xương Giang. Ngày toàn thắng ông được phong công thần, Đĩnh Thượng hầu, chức Nhập nội Tư mã. Năm 1432, ông lại được thăng Đại tư không, năm 1434 được cử làm Tư mã Bắc đạo, khi mất, được truy tặng chức Tư không, thụy là Trung Hiến.	LÊ VĂN AN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 12
3	ĐÀO DUY ANH	Đào Duy Anh (1904-1988): Quê Khúc Thủy, Hà Đông, Hà Nội. Năm 1927, tham gia Đảng Tân Việt. Ông cùng với cụ	ĐÀO DUY ANH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Huỳnh Thúc Kháng ra báo “Tiếng dân”, tờ báo tiếng Việt đầu tiên của Trung Kỳ. Năm 1928 có sự cộng tác của Phan Đăng Lưu, ông thành lập “Quan Hải tùng thư” truyền bá những tri thức khoa học xã hội và những tư tưởng tiên tiến của thời đại. Sau Cách mạng tháng 8/1945, ông là Ủy viên Ban chấp hành Hội văn hoá cứu quốc Trung bộ, Giáo sư Đại học Văn khoa tại Hà Nội năm 1946. Chủ nhiệm khoa sử trường Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trong những năm từ 1960-1970, Đào Duy Anh dịch, hiệu đính, chú giải nhiều bộ sách lớn về văn hóa, lịch sử như: “<i>Lịch triều hiến chương loại chí</i>”, “<i>Đại Việt sử ký toàn thư</i>”, “<i>Phủ biên tạp lục</i>”. Năm 1974, ông cho ra mắt “Từ điển Truyện Kiều”, cuốn từ điển tác phẩm đầu tiên ở Việt Nam. Giáo sư Đào Duy Anh còn có công lớn trong việc đào tạo cán bộ sử học.</p>		<p>Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 13</p>
4	HOÀNG TĂNG BÍ	<p>Hoàng Tăng Bí (1883 – 1939): Quê Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội. Ông đỗ Phó Bảng, không ra làm quan, tham gia mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục tuyên truyền yêu nước. Lập công ty Đông Thành Xương ở Hàng Gai cạnh tranh với Hoa kiều. Sau vụ Hà Thành đầu độc, ông bị bắt rồi đưa đi an trí ở Huế. Ông còn viết báo Trung Bắc tân văn, dịch một số tiểu thuyết của Pháp và Trung Quốc. Tác phẩm chính là 03 vở tuồng: <i>Thù chồng nợ nước</i>, <i>Nghĩa nặng tình sâu</i>, <i>Hoa tiên ký</i>.</p>	HOÀNG TĂNG BÍ	<p>Bảo tàng Lịch sử Quốc gia  <a href="https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/69568/pho-bang-hoang-tang-bi-1883-1939-nha-yeu-nuoc-nhiet-thanh-vi-tuc-nho-uyen-tham.html">https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/69568/pho-bang-hoang-tang-bi-1883-1939-nha-yeu-nuoc-nhiet-thanh-vi-tuc-nho-uyen-tham.html</a></p>
5	BÙI HUY BÍCH	<p>Bùi Huy Bích (1744-1802): Tự là Hi Chương, Âm Chương, hiệu là Tồn Am. Ông quê ở Định Công, Hà Nội. Ông đỗ Hoàng giáp năm 1769, làm Đốc đồng Nghệ An, rồi thăng lên Hành tham tụng cuối thời Lê Hiến Tông. Tây Sơn ra Bắc, họ Trịnh sụp đổ. Lê Chiêu Thống, Quang Trung, Gia Long đều mời ông ra làm quan, nhưng ông từ chối ở ẩn tại quê nhà cho đến lúc mất. Bùi Huy Bích để lại nhiều thơ văn và công trình</p>	BÙI HUY BÍCH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 29</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		sưu tập quý giá. Tác phẩm có: Bích câu thi tập, Nghệ An thi tập, Lữ Trung tạp thuyết, Hoàng Việt thi tuyển, Hoàng Việt văn tuyển.		
6	NGUYỄN QUANG BÍCH	Nguyễn Quang Bích (1832 – 1890), quê quán: làng Trình Phố, huyện Trục Định, phủ Kiến Xương, Nam Định (nay thuộc Tiền Hải, Thái Bình). Năm 1861, ông đỗ Cử nhân, bổ giáo thụ phủ Trường Khánh, Ninh Bình. 1869, ông đỗ Hoàng Giáp bổ các chức vụ: Án Sát Tây Sơn, Tế tửu Quốc Tử Giám, Án Sát Bình Định, Chánh sứ Sơn Phòng kiêm Tuần phủ Hưng Hóa. Năm 1884, ông anh dũng chỉ huy giữ thành Hưng Hóa, khi thành bị mất, ông rút lên vùng Tây Bắc lập căn cứ chống Pháp lâu dài, không chịu theo lệnh bãi binh của triều đình nhà Huế. Năm 1885, hưởng ứng Phong trào Cần Vương, ông tham gia lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Bắc Kỳ. Năm 1890, ông bị bệnh mất, hưởng thọ 58 tuổi.	NGUYỄN QUANG BÍCH	Từ điển Thái Bình; Tỉnh ủy Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Nxb văn hóa thông tin, 2010 Tr.649
7	NGUYỄN BÌNH	Nguyễn Bình (1918-1966), tên đầy đủ là Nguyễn Bình Thuyết, quê xã Đồng Đội (nay là xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), làm thơ từ nhỏ và trở nên quen biết trong phong trào Thơ mới. Ông sớm nổi tiếng với những tập thơ: Lỡ bước sang ngang, Tâm hồn tôi, Hương cố nhân. Thơ Nguyễn Bình có một vị trí đặc biệt trong văn đàn thơ ca dân tộc. Ông chủ yếu khai thác chất liệu trong đời sống nông thôn truyền thống xưa, tiếp thu vốn văn học dân gian (ca dao) và những nhân vật bình dị của quê hương đồng nội. Tập thơ “Gửi người vợ Miền Nam -1955”, “Đồng Tháp mười - 1955”, “Đêm sao sang - 1962”, có ý nghĩa phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất, phục vụ chính trị. Ông mất tại Nam Định năm 1966.	NGUYỄN BÌNH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 35
8	LÝ BÔN	Lý Bôn (503-548) hay còn gọi Lý Bí - Người sáng lập nhà nước Vạn Xuân. Quê ở thôn Cổ Pháp, xã Yên Phong, huyện	LÝ BÍ, LÝ NAM ĐỀ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Lý Bí là người có tài văn võ lại có chí lớn. Năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống lại sự đô hộ của nhà Lương. Nghĩa quân kéo về thủ phủ Giao Châu là Long Biên, Thứ sử Tiêu Tư run sợ, bỏ thành chạy về Trung Quốc. Đầu năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đặt tên nước là Vạn Xuân. Năm 545, nhà Lương sai Trần Bá Tiên, Dương Phiêu cầm quân đánh Vạn Xuân. Trước thế giặc mạnh, ông đành bỏ kinh thành chạy lên miền Gia Ninh (Bạch Hạc – Phú Thọ), sau đó rút quân vào vùng đất của người Tày ở Tây Xương. Sau đó bị thua, ông đành rút quân chạy vào vùng động Khuất Lão (Tam Nông). Bị ốm nặng, ông giao binh quyền cho Triệu Quang Phục, ít lâu sau ông mất.</p>		<p>Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 28</p>
9	TẠ QUANG BỬU	<p>Tạ Quang Bửu (1910-1986): Nhà toán học, nhà hoạt động khoa học và giáo dục, quê xã Nam Hoàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Du học ở Tây Âu, ông từng học nhiều trường lớn như: Trường Điện cao cấp của Pháp, Đại học Oxford (Anh), có bằng toán học cao cấp của Pháp. Trước cách mạng tháng Tám, ông dạy học tư ở Trường Thiên Hựu và làm việc ở nhà máy đèn Huế. Sau cách mạng và trong thời gian kháng chiến chống Pháp, ông phụ trách nhiều nhiệm vụ quan trọng về ngoại giao và quốc phòng (Thứ trưởng, rồi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), thành viên trong phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại hội nghị Fontainebleau (1946); hội nghị Genève (1954). Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (1954-1965). Ông còn là đại biểu Quốc hội liên tục từ khoá I đến khoá VI, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Xô. Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.</p>	TẠ QUANG BỬU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 39</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
10	LƯƠNG VĂN CAN	<p>Lương Văn Can (1854-1927): Ông quê ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Năm 1879 ông mở trường dạy học tại số 4 phố Hàng Đào, Hà Nội. Vì đỗ cử nhân, ông thường được gọi là “cụ Cử Can”. Ông là một trong những người sáng lập Đông Kinh nghĩa thực và làm Thục trưởng. Từ trường Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội, phong trào Đông Kinh nghĩa thực lan đi rất nhanh và sâu rộng tới các tỉnh như: Hà Đông, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Nam... làm thực dân Pháp lo sợ. Tháng 12 năm 1907, Đông Kinh nghĩa thực bị giải tán, sau đó ít lâu nhân vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, thực dân Pháp bắt ông về Sở Liêm phóng để khai thác những tin tức về vụ đầu độc nhưng do không có chứng cứ kết tội nên phải thả. Năm 1913, sau vụ đánh bom khách sạn Hà Nội (23/4) của Việt Nam quang phục hội, thực dân Pháp cho là nhóm Đông Kinh nghĩa thực cầm đầu, chúng đã bắt giam ông, đày ra Côn Đảo, sau đó ông mới bị kết án biệt xứ và phải đi đày ở Campuchia 10 năm. Năm 1924, ông được tha về và mất tại Hà Nội năm 1927.</p>	LƯƠNG VĂN CAN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Trang 42</p>
11	ĐỘI CÁN	<p>Đội Cán (1881-1918), tên thật là Trịnh Văn Cán hay Trịnh Văn Đạt, quê làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, (nay thuộc xã Vũ Di, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc), phục vụ trong đội lính khổ xanh của Pháp, chức đội trưởng, nên thường gọi là Đội Cán. Đội Cán là người chịu ảnh hưởng và khâm phục tinh thần yêu nước chống Pháp của nghĩa quân Đề Thám. Ông cùng Lương Ngọc Quyên một chí sĩ yêu nước đang bị giam tại nhà tù ở Thái Nguyên lãnh đạo binh lính người Việt làm cuộc binh biến chống Pháp; cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã nổ ra đêm ngày 31/8/1917, nhưng nghĩa quân chỉ giữ được tỉnh lỵ 7 ngày, sau phải rút quân vì Pháp từ Hà Nội kéo lên đánh mạnh. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man;</p>	ĐỘI CÁN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Trang 53</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		cuối cùng trong trận đánh tại Pháo Sơn, ông bị thương nặng, không muốn sa vào tay giặc nên ông tự sát vào ngày 01/1/1918.		
12	HUY CẬN	Huy Cận (1919-2005): Nhà thơ Việt Nam, nguyên chủ tịch Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam. Quê ở Ân Phú, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thành viên Ủy ban dân tộc giải phóng được bầu tại Quốc dân đại hội Tân Trào (1945). Sau cách mạng tháng Tám giữ nhiều chức vụ như Bộ trưởng Bộ canh nông, Bộ trưởng phụ trách văn hóa nghệ thuật, tham gia nhiều hoạt động văn hóa quốc tế. Ông là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của phong trào thơ mới với tập thơ “Lửa thiêng”. Sau cách mạng tháng Tám thơ Huy Cận viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh giải phóng dân tộc như: “Trời mỗi ngày lại sáng”, “Đất nở hoa”, “Chiến trường gần chiến trường xa”, ... Hơn nửa thế kỷ sáng tác Huy Cận với tư cách là nhà thơ tiêu biểu đã có nhiều đóng góp cho thơ hiện đại Việt Nam.	HUY CẬN	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, trang 623
13	NAM CAO	Nam Cao (1915-1951): Ông chính tên là Trần Hữu Trí, quê làng Đại Hoàng (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam). Năm 1943, Nam Cao tham gia hội Văn hóa cứu quốc, năm 1946, theo đoàn quân Nam tiến vào Nam Trung Bộ. Năm 1950 ông tham gia chiến dịch Biên Giới và hi sinh vào tháng 11/1951. Tác phẩm của ông xuất hiện từ năm 1936, nhưng ông nổi tiếng với truyện ngắn Chí Phèo (1941), tiếp đó là các truyện ngắn có giá trị: Đồi thừa, Nước mắt, Trăng sáng..., đặc biệt truyện dài Sống mòn (1944). Sau cách mạng tháng Tám, Nam Cao có một số tác phẩm có giá trị: Nhật ký ở rừng, Chuyện biên giới, đặc biệt là truyện ngắn Đồi mắt. Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.	NAM CAO	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 336
14	VĂN CAO	Văn Cao (1923-1995): Tên thật là Nguyễn Văn Cao, quê gốc	VĂN CAO	Từ điển nhân vật lịch sử

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>ở huyện Vụ Bản, Nam Định, nhưng sinh ra và lớn lên ở Hải Phòng. Trong các lĩnh vực nhạc, thơ văn, họa ông đều có những đóng góp lớn. Riêng về nhạc, bài Tiến quân ca là một bản hùng ca cách mạng nổi tiếng đã trở thành Quốc ca nước ta. Những bài hát trữ tình nổi tiếng của ông sáng tác trước năm 1944: Buồn tàn thu, Thiên thu, Bến xuân, Suối mơ, Cung đàn xưa. Sau khi giác ngộ cách mạng và tham gia hoạt động phong trào yêu nước và trong kháng chiến chống Pháp ông sáng tác nhiều ca khúc phục vụ cách mạng như: Tiến quân ca, Chiến sỹ Việt Nam, Trường ca sông Lô, Ngày mùa, Tiến về Hà Nội, Mùa xuân đầu tiên... Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.</p>		<p>Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 587</p>
15	TRẦN QUÝ CÁP	<p>Trần Quý Cáp (1870-?): Quê xã Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đỗ Tiến sĩ năm 1904. Sớm có tinh thần yêu nước, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Trần Quý Cáp cực lực bài xích lối học khoa cử, đề xuất lối học mới tiến bộ. Năm 1905, ông cùng với Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng lên đường vào Nam hô hào vận động công cuộc duy tân. Năm 1906, ông được bổ làm giáo thụ ở phủ Thăng Bình, ông biến nơi này thành trung tâm truyền bá tư tưởng duy tân. Năm 1908, công cuộc chống thuế ở Quảng Nam bùng nổ, làm chấn động lòng người; phần lớn thân sĩ trong tỉnh tham gia đều bị bắt. Thực dân Pháp đẩy mạnh khủng bố. Ông bị bắt và bị khép vào tội mưu phản, lãnh án bị chém ngang lưng tại bãi sông Cạn, gần phủ Diên Khánh (Khánh Hòa).</p>	TRẦN QUÝ CÁP	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 48</p>
16	NGUYỄN HỮU CẦU	<p>Nguyễn Hữu Cầu (?-1751): Thủ lĩnh tiêu biểu của phong trào nông dân Đàng Ngoài. Ông quê ở xã Lôi Động (còn gọi là Đông Nổi), huyện Thanh Hà, trấn Hải Dương (Nam Thanh, Hải Dương); xuất thân trong gia đình nông dân nghèo, có sức</p>	NGUYỄN HỮU CẦU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr.</p>



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>khỏe, giỏi võ. Giữa năm 1739 ông gia nhập nghĩa quân Nguyễn Tuyển, sau cuộc khởi nghĩa Nguyễn Tuyển thất bại, ông tiếp tục hoạt động và chuyển căn cứ về Đồ Sơn (Hải Phòng). Tại Đồ Sơn ông làm lễ tế cờ, lấy danh nghĩa là Bảo dân đại tướng quân (vị tướng bảo vệ nhân dân) tự xưng là Ninh Đông vương, dân gian gọi là quận He. Cuối năm 1742, nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu mở rộng khắp Hải Dương, Yên Quảng đi đến đâu cũng phát của cải, lương thực cho dân nghèo, hàng vạn người đã theo nghĩa quân. Giữa năm 1744 quân triều đình do Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng chỉ huy đánh vào Đồ Sơn; nghĩa quân lại chuyển sang Kinh Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang), đóng đại bản doanh tại Xương Giang (Bắc Giang). Tháng 9/1745 quân triều đình do Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng chỉ huy đánh vào Xương Giang, Nguyễn Hữu Cầu chuyển về Hải Dương, sau đó vào Sơn Nam. Cuối năm 1750 Hoàng Ngũ phúc tiến đánh Sơn Nam, Nguyễn Hữu Cầu chạy vào Nghệ An, đầu năm 1751 bị quân của Phạm Đình Trọng bắt tại Hoàng Mai, rồi bị đưa ra Thăng Long chịu án tử hình. Nguyễn Hữu Cầu là hình ảnh tiêu biểu cho ý chí chống áp bức bóc lột của nông dân Đàng Ngoài thế kỷ XVIII.</p>		54
17	LÊ CHÂN	<p>LÊ CHÂN (20 – 43): Bà là nữ tướng dưới thời Hai Bà Trưng, có nhiều chiến công hiển hách. Bà được coi là người có công khai khẩn lập nên vùng đất mà đời sau phát triển thành thành phố Hải Phòng ngày nay. Theo thần tích đền Nghè, cha Lê Chân là Lê Đạo và mẹ bà là Trần Thị Châu. Bà là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai thái thú nhà Hán là Tô Định. Tô Định toan lấy bà làm thiếp nhưng bị cha mẹ bà cự tuyệt, theo truyền thuyết, chính vì thế họ đã bị sát hại. Lê Chân phải bỏ quê theo đường sông</p>	LÊ CHÂN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 58</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>xuôi xuống phía Nam, đến vùng An Dương, cửa sôngCấm, thấy địa hình, đất đai thuận lợi bà dừng lại lập trại khai phá. Cùng với thânquyển và người làng mà bà cho đón ra, Lê Chân phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm và đánh bắt thủy hải sản tạo nên một vùng đất trù phú. Nhớ cội nguồn, bà đặt tên vùng này là An Biên trang. Cùng với phát triển sản xuất, bà chiêu mộ traitráng để luyện binh và được sự ủng hộ của nhân dân quanh vùng. Binh sĩ của Lê Chân được huấn luyện chu đáo và có sở trường về thủy trận. Năm 40, khi Hai Bà Trưng dấy binh, bà đem theo binh lính gia nhập quân khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Trong các trận đánh, bà thường được cử làm nữ tướng quân tiên phong, lập nhiều chiến công. Sau khi thu phục 65 thành, Tô Định phải lui về nước, Bà được Trưng Vương phong là Thánh Chân công chúa, giữ chức chưởng quânbinh quyền nội bộ, đứng ra tổ chức, luyện tập quân sĩ, tăng gia sản xuất. Năm 43, Mã Viện lại đưa quân sang xâm lược, quân Hai Bà Trưng chống cự không nổi, hai Bà trầm mình xuống sông Đáy tự vẫn. Lê Chân trầm mình theo Hai Bà Trưng tự vẫn.</p>		
18	TRẦN KHÁT CHÂN	<p>TRẦN KHÁT CHÂN (1370 – 1399): Ông thuộc dòng dõi Bảo Nghĩa Vương (Trần Bình Trọng). Năm 1389, quân Chiêm Thành đánh Thăng Long, Vua Trần Thánh Tông sai ôngđem quân đi chặn giặc, ông giết được Vua Chiêm Chế Bồng Nga và được phongLong Tiệp Bồng thần Nội vệ Thượng tướng. Sau khi cướp ngôi nhà Trần, Hồ Quý Ly giết ông cùng 370 tôn thất nhà Trần khi ông 29 tuổi.</p>	TRẦN KHÁT CHÂN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 60</p>
19	LÊ CHẤT	<p>LÊ CHẤT (1769 – 1826): Ông là danh tướng của triều Tây Sơn sau đó theo nhà Nguyễn làm quan. Lúc đầu, ông theo Tây Sơn lập được nhiều chiến công, được phong tới chức Đô Đốc. Sau khi Quang Trung mất triều Tây Sơn suy yếu rồi,</p>	LÊ CHẤT	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr.</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>ông theo Nguyễn Ánh được phong làm Tả đồn Đô thống chế, cùng với một số đại thần trông coi việc xây dựng kinh thành Huế. Năm 1810, Ông làm Hiệp tốngtrần Bắc Thành, năm 1818 làm Tổng trấn Bắc Thành. Ông mất năm 1826 thọ 57 tuổi, được truy tặng Thiếu phó, thụy hiệu là Trung Nghị.</p>		61
20	PHAN BỘI CHÂU	<p>Phan Bội Châu (1867-1940): Tên thật là Phan Văn San, hiệu Sào Nam. Quê làng Đan Nhiễm (nay là xã Xuân Hoà), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Lúc nhỏ nổi tiếng thông minh, 8 tuổi đã thông thạo các loại văn cử tử, 13 tuổi đi thi ở huyện, đỗ đầu; 16 tuổi đỗ đầu xứ. Năm 17 tuổi đã viết hịch “Bình Tây thu Bắc”, năm 19 tuổi, tổ chức một đội “Thí sinh quân” 60 người để hưởng ứng Chiếu Cần vương chống Pháp. Năm 1904, thành lập Hội Duy tân chủ trương đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam. Từ 1905-1909, ông lãnh đạo phong trào Đông du, tổ chức gần 200 thanh niên yêu nước xuất dương sang Nhật Bản học tập. Tháng 3/1909, tổ chức Đông du bị giải tán, Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Ông về Trung Quốc rồi sang Thái Lan để tính kế lâu dài. Sau khi Cách mạng Tân Hợi (1911) thành công, ông trở lại Trung Quốc lập ra Việt Nam Quang phục Hội với tôn chỉ duy nhất “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hoà Dân quốc Việt Nam”. Hội cử người về nước hoạt động, tiến hành một số vụ bạo động vũ trang có tiếng vang, nhưng kẻ thù thẳng tay đàn áp. Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt giam. Năm 1917, ra tù, tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga, viết báo ca ngợi Lenin. Giữa 1924, phỏng theo Quốc dân Đảng của Tôn Trung Sơn, ông định cải tổ Việt Nam Quang phục Hội thành Việt Nam Quốc dân Đảng. Ngày 30/6/1925, bị thực dân Pháp bắt cóc tại Thượng Hải giải về nước, xử án tử hình. Trước phong trào</p>	PHAN BỘI CHÂU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 63</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		đấu tranh của nhân dân cả nước đòi thả Phan Bội Châu, thực dân Pháp buộc phải đưa ông về an trí ở Bến Ngự (Huế) cho đến khi mất vào năm 1940		
21	MẠC ĐỈNH CHI	Mạc Đĩnh Chi (1272-1346): Danh thần nhà Trần, tự là Tiết Phu, người làng Lũng Động, huyện Nam Sách (Hải Dương). Từ nhỏ đã nổi tiếng học giỏi. Năm 1304 ông đỗ Trạng nguyên khoa thi Thái học sinh. Năm 1308, ông được cử đi sứ nhà Nguyên (Trung Quốc), nhờ thông minh, hiểu biết sâu rộng và tài đối đáp của mình, ông được các đại thần và vua Nguyên khâm phục. Tuy làm quan đến chức Nhập nội hành khiển, Hữu ti lang trung, ông vẫn luôn là vị quan nghiêm túc, liêm khiết. Vua Trần rất quý trọng. Cuối đời ông được thăng Tả bộc xạ thuộc hàng ngũ đại thần.	MẠC ĐỈNH CHI	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 66
22	NGUYỄN CHÍCH	LÊ CHÍCH (1382-1448): Năm Nguyễn Chích 25 tuổi, nước Đại Ngu của nhà Hồ mất do cuộc xâm lược của nhà Minh. Ông nuôi chí đánh đuổi người Minh để cứu nước. Năm 1418, Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hoá). Nghe tin thanh thế của Nguyễn Chích, Lê Lợi sai người mang thư đến mời ông về cùng tham gia quân Lam Sơn. Nguyễn Chích đồng ý theo Lê Lợi, nhưng thời gian đầu ông vẫn ở căn cứ Hoàng Nghiêu. Từ Hoàng Nghiêu, ông mang quân ra đánh Lương Nhữ Hốt ở đồn Cổ Vô, được Lê Lợi phong chức Vinh lộc đại phu Lâm hồ vệ tướng quân. Sau đó Lê Lợi lại phong ông làm Đô đốc đạo phủ quản tổng đô đốc quân dân, tước Quan nội hầu. Cuối năm 1420, ông mang toàn bộ lực lượng gia nhập với Lê Lợi – lúc đó đóng mở Mường Nanh. Ông được Lê Lợi phong làm Thiết đột hữu vệ Đổng tổng đốc chủ quân sự. Từ năm 1421 đến 1423, ông tham gia nhiều trận đánh với quân Lam Sơn như trận Ba Lãm (12/1421) và trận Sách Khôi	NGUYỄN CHÍCH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 69

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>(2/1422) đánh bại 10 vạn quân Minh của Trần Trí. Ông được Lê Lợi thăng lên chức thiếu úy Cuối năm 1427, viện binh của Liễu Thăng và Mộc Thạnh lại sang cứu Vương Thông. Nguyễn Chích cùng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Lê Khuyển lên trấn ải Lê Hoa để chặn Mộc Thạnh. Nghe tin đạo quân Liễu Thăng bị tiêu diệt, Mộc Thạnh rút quân về nước. Quân Lam Sơn đuổi theo truy kích một trận nữa. Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi, lập ra nhà Hậu Lê. Năm 1429, Nguyễn Chích được phong tước Đình thượng hầu, ban cho họ Lê của vua. Từ đó ông được gọi là Lê Chích. Thời gian đầu, Lê Chích được tham gia triều chính nhưng sau đó ông bị Lê Lợi cách chức. Năm 1433, Lê Thái Tổ mất, con là Lê Thái Tông lên thay. Lê Chích được phục chức làm Đồng tổng quản châu Hoá, trấn thủ Thất Ái. Quân Chiêm Thành hai lần cướp phá, ông đều chặn đánh tan, giữ yên biên giới phía nam. Sau đó, Lê Chích còn lập công trong 2 lần đi đánh Chiêm Thành, được phong tước Đình hầu. Ông mất tháng chạp năm 1448, thọ 67 tuổi</p>		
23	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU	<p>Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888): Sinh ra và lớn lên tại làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) trong một gia đình nhà nho nghèo. Đỗ tú tài năm 1843, sau đó ra Huế chờ thi hương được tin mẹ mất đã về nhà chịu tang, trên đường về bị mù. Từ đó, ông mở trường dạy học, học trò rất đông. Nhiều lần, bọn cai trị Pháp tìm cách mua chuộc nhưng đều thất bại trước tinh thần bất khuất của một trí thức chân chính. Nguyễn Đình Chiểu là một chiến sỹ yêu nước dũng cảm, là một ngôi sao sáng nhất trong nền văn học ở miền Nam nửa sau thế kỷ XIX. Ông đã sáng tác được nhiều thơ, văn tế, hịch... góp phần to lớn trong việc cổ vũ, động viên nhân dân chiến đấu chống</p>	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 71</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		giặc. Ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị: Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Ngư tiều y thuật vấn đáp... Ông mất ngày 3/7/1888.		
24	PHAN HUY CHÚ	Phan Huy Chú (1782-1840): Nhà bác học, nhà thơ, hiệu là Mai Phong. Sinh ra và lớn lên ở xã Thụy Khuê (làng Thầy), huyện Quốc Oai, Hà Nội. Là con của Phan Huy Ích, một nhà nho có tiếng đầu tiên sĩ đời nhà Hậu Lê và từng làm quan cho nhà Tây Sơn. Năm Tân Tỵ (1821), vua Minh Mạng biết tiếng Phan Huy Chú, cho triệu ông vào kinh đô Huế làm Biên tu ở Viện Hàn lâm, rồi làm Phủ thừa, phủ Thừa Thiên, sau thăng lên làm Hiệp Trấn Quảng Nam... Sau đó, vì chán chốn quan trường, ông cáo bệnh xin về quê dạy học và viết sách. Công hiến chủ yếu và rất to lớn của Phan Huy Chú là một công trình biên khảo lớn, một tập bách khoa toàn thư đương thời: bộ Lịch triều hiến chương loại chí, đây là công trình có một dung lượng lớn, một kho tài liệu sử học về nhiều mặt, rất phong phú, chính xác và được phân loại hệ thống; là công trình nghiên cứu tiêu biểu đánh dấu thành tựu khoa học của nước ta đầu thế kỷ XIX.	PHAN HUY CHÚ	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 77
25	ÂU CƠ	Âu Cơ: Nhân vật thần thoại thời Hồng Bàng, Theo truyền thuyết xưa, Âu Cơ thuộc giống tiên, lấy Lạc Long Quân, đẻ ra một bọc có trăm trứng, nở ra 100 người con, 50 người con theo cha xuống biển, 50 người con theo mẹ lên núi. Người con trưởng được tôn làm Hùng Vương thứ nhất. Do đó người Việt sau này thường coi mình là “Con Rồng cháu Tiên”, “con Hồng cháu Lạc”.	ÂU CƠ	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 1. Tr 99
26	ĐẶNG TRẦN CÔN	ĐẶNG TRẦN CÔN (191? – 1947), Quê: làng Nhân Mục (còn gọi làng Mọc), huyện Thanh Trì, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông là người thông minh, hiếu học, là ông là tác giả của bản	ĐẶNG TRẦN CÔN	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>“Chinh phụ ngâm” kiệt tác văn học viết bằng chữ Hán của Việt Nam. <i>Chinh phụ ngâm</i> ra đời đã gây một tiếng vang lớn trong giới nho sĩ đương thời. Tác phẩm viết bằng chữ Hán giữa thời đại văn học chữ Nôm đang nở rộ cho nên nhiều người đã tìm cách dịch nó ra chữ Nôm. Trong số có những bản dịch đó, có một bản dịch thành công nhất được gọi là <i>Bài hiện hành</i>.</p> <p>Ngoài <i>Chinh phụ ngâm</i>, Đặng Trần Côn có một số bài thơ, bài phú tả cảnh thiên nhiên, chỉ còn lưu lại một số bài như <i>Tiêu tương bát cảnh</i>, ba bài phú <i>Trương Hàn tư thuần lộ</i>, <i>Trương Lương bố ý</i>, <i>Khẩu môn thanh</i>. Khuynh hướng chung của thơ văn ông là đi sâu vào tình cảm, đi sâu vào nỗi lòng trắc ẩn, phức tạp, sâu kín của con người, nhất là đối với người phụ nữ. Giống như những tác giả thơ văn ở thời này, ông cũng có những đóng góp lớn cho nền văn học thơ ca Việt Nam</p>		81
27	VÕ CHÍ CÔNG	<p>Võ Chí Công (1913-2000): Tên thật Võ Toàn, nhà hoạt động của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Quê ở xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam). Sớm giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng (1930-1934). Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1935. Bí thư lâm thời Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Quảng Nam (1940), Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam (1952), Phó Bí thư Khu uỷ khu 5 (1955-1960), Phó bí thư Trung ương cục Miền Nam, Bí thư, Chính uỷ quân khu V (1960-1975). Bộ trưởng Bộ Hải sản, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Huân chương Sao Vàng.</p>	VÕ CHÍ CÔNG	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 909
28	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	<p>Lương Định Cửa (1920-1975): Quê ở xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, Sóc Trăng, tốt nghiệp ngành nông nghiệp trường Đại học Tổng hợp ở Nhật Bản. Tốt nghiệp loại giỏi, ông được</p>	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		giữ lại trường và làm việc tại phòng thí nghiệm về di truyền, đã bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sĩ nông học. Ít lâu sau ông được phong giáo sư. Sau năm 1954, bắt liên lạc được với tổ chức cách mạng trong nước, ông đưa vợ là người Nhật và 2 con nhỏ về miền Nam Việt Nam, rồi ra vùng chiến khu và tập kết ra Bắc. Lần lượt làm việc ở Viện khảo cứu nông lâm, Trường Đại học nông nghiệp, Viện cây lương thực và cây thực phẩm. Cả cuộc đời ông cống hiến cho sự nghiệp lai tạo các loại giống cây trồng, đặt nền móng cho nền khoa học nông nghiệp Việt Nam, được phong Anh hùng lao động. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.		Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 82
29	HỒ ĐẮC DI	Hồ Đắc Di (1900-1984): Giáo sư Hồ Đắc Di, Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình trăn anh thế phiệt ở Huế. Năm 1918, sang Pháp du học. Ông tốt nghiệp bác sĩ, năm 1931, ông về nước, sau đó ra giảng dạy ở trường Y, vừa làm bác sĩ phẫu thuật thường trú tại bệnh viện Phủ Doãn (bệnh viện Việt Đức nay). Ông là người Việt Nam đầu tiên được bổ nhiệm giáo sư đại học thời thuộc Pháp. Sau Cách mạng tháng Tám Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho ông nhiều trách nhiệm quan trọng như: Tổng Thanh tra Y tế; Tổng Giám đốc Đại học y; Giám đốc Bệnh viện Đồn Thủy, Giám đốc trường Đại học Y – Dược ở chiến khu Việt Bắc...Sau ngày giải phóng thủ đô ông còn viết nhiều luận văn về y học dưới ánh sáng chủ nghĩa duy vật biện chứng. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.	HỒ ĐẮC DI	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 92
30	TÔ VĨNH DIỆN	Tô Vĩnh Diện (1924-1954): Quê ở xã Nông Trường, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, anh tham gia dân quân ở địa phương, năm 1949 xung phong vào bộ đội. Anh nổi tiếng với giai thoại “Thà hy	TÔ VĨNH DIỆN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr.



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		sinh, quyết bảo vệ pháo”, lấy thân mình chèn vào bánh xe pháo, giữ được pháo không bị rơi xuống vực trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Anh được Quốc hội, Chính phủ truy tặng Huân chương chiến công hạng Nhất, Huân chương quân công hạng Hai, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.		94
31	HOÀNG DIỆU	Hoàng Diệu (1829-1882): Tự Quang Viễn, hiệu Tĩnh Trai, quê làng Xuân Đài, huyện Điện Bàn, Quảng Nam. Năm 20 tuổi, ông đỗ Cử nhân (1848), khi 26 tuổi ông đỗ Phó bảng (1853), sau một thời gian làm quan ở các địa phương Trung Kỳ, Bắc Kỳ. Năm 1873, ông được triệu về Kinh đô Huế giữ chức Tham tri Bộ Hình, rồi Bộ Lại kiêm Đô sát viện. Năm 1880, ông được bổ nhiệm là Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội, Ninh Bình), thay Nguyễn Tri Phương đã tuần tiết với thành Hà Nội từ 1873. Ông nổi tiếng là người cương trực và là một trong những người tích cực chủ chiến. Ông đã lãnh đạo nhân dân Hà Nội chiến đấu chống lại quân Pháp. Ngày 25/4/1882, thành Hà Nội thất thủ, Hoàng Diệu thắt cổ tự tử, để lại di biểu.	HOÀNG DIỆU	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 96
32	TRẦN QUANG DIỆU	Trần Quang Diệu (?-1802): Danh tướng và trọng thần triều Tây Sơn (vợ là Bùi Thị Xuân). Ông đã tham gia nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là trận đại phá quân Thanh xuân Kỷ Dậu. Năm 1789, ông được vua Quang Trung cử làm đô đốc trấn Nghệ An. Năm 1790 -1791, ông chỉ huy đánh dẹp các lực lượng chống đối của nhà Lê cũ. Thời Quang Toản, ông là chủ tướng quan trọng nhất trong việc chống lại thế lực của Nguyễn Ánh, bảo vệ phần đất phía Nam. Năm 1802, ông dẫn tượng binh ra Nghệ An để lo chống giữ, nhưng chẳng may bị bắt tại Thanh Chương. Nguyễn Ánh tìm cách chiêu dụ, nhưng ông không chịu khuất phục, nên bị Nguyễn Ánh giết.	TRẦN QUANG DIỆU	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 97
33	XUÂN DIỆU	Xuân Diệu (1916-1985): Tức Ngô Xuân Diệu, quê làng Trảo	XUÂN DIỆU	Từ điển nhân vật lịch sử

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Nha, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh; sinh ở làng Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Năm 1944, tham gia phong trào Việt Minh, sau Cách mạng tháng Tám hoạt động tích cực trong Hội Văn hóa Cứu quốc, Thư ký tạp chí Tiền phong của Hội. Đại biểu quốc hội khóa I..., năm 1983 được bầu là Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm Nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức; là nhà thơ, nhà văn hóa, nhà lý luận, phê bình văn học Việt Nam nổi tiếng. Xuân Diệu được xem là cây bút tiêu biểu cho thơ ca hiện đại Việt Nam, nhà bình luận văn học xuất sắc. Ông đã xuất bản hàng chục tác phẩm thơ, thơ dịch, nghiên cứu, phê bình văn học... Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996.</p>		<p>Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 602</p>
34	NGUYỄN DU	<p>Nguyễn Du (1766-1820): Đại thi hào dân tộc, tên tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xuất thân trong một gia đình quý tộc lớn. Thân sinh của ông là Tiến sĩ Nguyễn Nghiễm làm Tể tướng thời Lê – Trịnh. Ông xuất thân là quý tộc nhưng lớn lên trong bối cảnh biến động lớn của đất nước; gia đình, anh em ly tán, bản thân long đong nay đây mai đó. Ông đã trực tiếp trông thấy những cảnh đau khổ của nhân dân, cảnh suy tàn của triều đình Lê – Trịnh, những chiến công vĩ đại của Quang Trung và sự phục hồi của triều Nguyễn Gia Long. Những công hiến vĩ đại nhất là những văn phẩm thể hiện tâm huyết, tài năng của ông lưu lại cho nhân dân, đất nước. Các văn phẩm chữ Hán có: Thanh hiên thi tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục; chữ Nôm có Truyện Kiều là tác phẩm bất hủ, vĩ đại.</p>	NGUYỄN DU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Trang 100</p>
35	KHÚC THỪA DỤ	<p>Khúc Thừa Dụ (?-907): Người mở đầu thời đại tự chủ của dân tộc. Ông là người Hồng Châu (Cúc Bồ, Ninh Giang, Hải Dương). Cuối thế kỷ IX, nhân cơ hội chính quyền đô hộ nhà Đường ở nước ta suy yếu, Khúc Thừa Dụ đã tổ chức cuộc</p>	KHÚC THỪA DỤ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 r.</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		khởi nghĩa, lật đổ chính quyền đô hộ, làm chủ đất nước. Năm 906, nhà Đường buộc phải phong cho ông làm Tiết độ sứ, Đồng bình chương sự. Đây chỉ là danh nghĩa, còn thực tế Khúc Thừa Dụ đã kết thúc cơ bản ách thống trị hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc. Tháng 7/907, ông mất.		102
36	TRẦN KHÁNH DỤ	Trần Khánh Dụ (?-1340): Danh tướng thời Trần. Ông thuộc dòng dõi họ Trần, con của thượng tướng Trần Phó Duyệt. Trần Thánh Tông nhận ông làm con nuôi, do có việc trái ý, ông bị vua Trần cách chức, tịch thu hết tài sản đuổi về quê ở Chí Linh, Hải Dương. Năm 1282 trước nguy cơ xâm lược của nhà Nguyên, vua Trần đã lên vùng quê ông, gọi ông về họp ở Bình Than (Hải Dương), bàn việc chống giặc. Ông góp công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông của nhà nước Đại Việt. Ngày toàn thắng ông được phong Phiêu kỵ thượng tướng quân, trải thờ ba đời vua, khi mất được truy phong Đại vương.	TRẦN KHÁNH DỤ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 112
37	LÊ DUẨN	Lê Duẩn (1907-1986): Ông sinh ngày 7/4/1907, tại làng Hậu Kiên, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Năm 1930, ông là một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931, ông bị thực dân Pháp bắt tại Hải Phòng, bị kết án 20 năm tù cầm cố và lần lượt bị giam ở các nhà lao Hà Nội, Sơn La, Côn Đảo. Từ 1946 - 1957, ông từng giữ các chức vụ: Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ, rồi Bí Thư trung ương cục miền Nam, ông đã lãnh đạo đảng bộ miền Nam tổ chức kháng chiến và tiến hành cải cách ruộng đất trong vùng giải phóng. Sau hiệp định Giơnevơ, ông ở lại lãnh đạo phong trào cách mạng, năm 1956, ông dự thảo Đề cương cách mạng miền Nam. Tại Đại hội Đảng lần thứ IV (1976), lần thứ V (1982), ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương và Bộ	LÊ DUẨN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 102.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		chính trị, giữ chức Tổng Bí thư. Do những công hiến to lớn, ông được Quốc hội và Chính phủ tặng thưởng Huân chương Sao Vàng.		
38	TRẦN NHẬT DUẬT	Trần Nhật Duật (1255-1330), một danh tướng đời Trần, là con trai thứ sáu của vua Trần Thái Tông. Ông là người học rộng biết nhiều, thông hiểu tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều dân tộc trong và ngoài nước. Ông là một nhà chính trị, quân sự Đại Việt thời Trần. Ông là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai và thứ ba, đặc biệt là chiến thắng Hàm Tử. Đời sau bàn về chiến công bình Nguyên, ông đứng hàng đầu. Ông làm quan trải bốn triều vua, ba lần coi giữ trấn lớn, luôn đề tiếng ở đời làm việc giỏi, ngay thẳng, nhản nhản, độ lượng khoan dung.	TRẦN NHẬT DUẬT	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 104
39	ĐẶNG DUNG	Đặng Dung (?-1414): Danh tướng nghĩa quân Trần Quý Khoáng. Quê Thiên Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. Ông là con trai của Quốc công Đặng Tất. Quân Minh xâm lược nước ta ông theo cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi. Năm 1409 ông cùng Nguyễn Cảnh Dị đánh chiếm Hạ Hồng, Chí Linh (Hải Dương). Quân Minh rơi vào thế bị động, phải đóng cửa thành cố thủ và cho người về nước xin cứu viện. Nhà Minh sai tướng Trương Phụ đem 10 vạn quân sang. Nhiều trận đánh quyết liệt diễn ra. Đầu năm 1414 ông bị giặc bắt ở Sán Bò Cán (thượng lưu Sông Gianh). Trên đường bị giải về Trung Quốc ông đã nhảy xuống sông tự vẫn, để lại bài thơ “Cảm hoài” nổi tiếng với lòng thiết tha về đất nước.	ĐẶNG DUNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 106
40	TẢN ĐÀ	Tản Đà (1890-1939): Tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, nhà thơ Việt Nam. Quê huyện Bất Nạt, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội). Sau khi hỏng khoa thi cuối cùng ông bắt đầu cộng tác với tờ Đông Dương tạp chí viết sách, mở thư điểm, thư cục, chủ trương tờ An Nam tạp chí. Tản Đà chủ yếu	TẢN ĐÀ	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 50

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		là một nhà thơ và là nhà thơ lãng mạn nổi danh nhất trong thập kỷ 20, 30, thế kỷ XX. Thơ Tố Hữu nói lên đầy đủ tâm tư, tình cảm của người đương thời ở vào buổi phong trào cứu nước của sĩ phu thất bại, thực dân Pháp ra sức củng cố nền đô hộ. Ông đã để lại nhiều tác phẩm như: “Khôi tình con” I, II (1916), “Thề non nước” (1932), “Tản Đà văn tập” (1932), “Vương Thúy Kiều chú giải” (1940)...		
41	BÉ VĂN ĐÀN	Bé Văn Đàn (1931-1954): Quê ở xã Quang Vinh, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Bố mất sớm. Lớn lên muốn vào bộ đội đánh giặc, anh phải trốn mẹ ra đi (1949). Anh đã tham gia hầu hết các chiến dịch lớn trong kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 trên đường đi chiến dịch đơn vị anh nhận lệnh cấp tốc lên Lai Châu, chặn địch đang chuẩn bị rút về Điện Biên Phủ, đại đội của anh đã kịp thời tiêu diệt địch ở Mường Pồn. Một khẩu trung liên của đơn vị không bắn tới được địch vì tầm súng quá thấp, Bé Văn Đàn không ngần ngại chạy lại cầm 2 chân khẩu trung liên đặt lên vai mình giục đồng đội bắn chặn giặc và hy sinh. Anh được Quốc hội và Chính phủ truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	BÉ VĂN ĐÀN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 120
42	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	Nguyễn Thị Định (1920-1992): Quê ở tỉnh Bến Tre, tham gia cách mạng từ nhỏ. Năm 1938 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1960 là Bí thư tỉnh ủy Bến Tre, Phó tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam (1965-1975). Năm 1974, Bà được phong quân hàm Thiếu tướng; là ủy viên Trung ương Đảng từ năm 1976. Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1987. Năm 1995, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 133
43	TRƯƠNG ĐỊNH	Trương Định (1820-1864): Lãnh tụ khởi nghĩa chống Pháp thời Nguyễn. Thuở nhỏ ở tại quê nhà Quảng Ngãi. Lớn lên	TRƯƠNG ĐỊNH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		theo gia đình vào lập nghiệp ở Tân An. Vì có nhiều công chiêu mộ dân khai hoang lập ấp, nên được triều đình cử làm Phó Quản cơ đồn điền (Quản Định). Năm 1859, giặc Pháp đánh vào Gia Định, Trương Định đã đưa đội quân gồm những nông dân đồn điền ra trận. Năm 1861, ông đóng đại đồn ở Tân Hòa, Gò Công. Thanh thế và lược lượng nghĩa quân rất mạnh, làm giặc pháp nhiều phen khốn đốn. Tháng 2/1863, địch tổng công kích đại bản doanh Trương Định ở Gò Công, nghĩa quân yếu thế phải rút về Phước Lộc để tiếp tục chống giặc. Ngày 20/8/1864, tên việt gian Huỳnh Công Tấn bí mật đưa quân địch vào vây bắt ông ở làng Tân Phước. Sau một trận chiến đấu anh dũng, ông bị trọng thương, không để rơi vào tay giặc, ông đã rút gươm tự sát.		Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 134
44	KIM ĐỒNG	Kim Đồng (1928-1943): Tên thật Nông Văn Dền, quê ở Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, là người dân tộc Nùng. Tham gia hoạt động cách mạng từ tuổi 13. Vào Hội Cứu quốc của Việt Minh để đánh Tây, đuổi Nhật. Sau một chuyến đưa thư đến Pác Bó, khi trở về thì trời sắp sáng đã bị địch phục kích. Kim Đồng đã hi sinh để bảo vệ một cuộc họp của các cán bộ lãnh đạo. Kim Đồng hi sinh khi mới 15 tuổi. Ở Nà Mạ có dựng tượng đài kỷ niệm Kim Đồng. Anh được tổng bộ Việt Minh tặng bằng có công với nước.	KIM ĐỒNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 141
45	PHẠM VĂN ĐỒNG	Phạm Văn Đồng (1906-2000): Bí danh Tô. Quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông tham gia phong trào học sinh bãi khóa để tang cụ Phan Châu Trinh (1925). Năm 1926, ông sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đến năm 1929, ông được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ, rồi vào Tổng bộ Hội Việt Nam Thanh niên. Bị bắt, tháng 7/1936 được trả tự do. Sau Cách mạng	PHẠM VĂN ĐỒNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 141

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>tháng Tám, ông lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng Bộ Tài chính, là Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Fontainebleau (Pháp). Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, Phó Thủ tướng (1949), trưởng phái đoàn Chính phủ dự Hội nghị Genève về Đông Dương. Thủ tướng chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1955- 1976), Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1976-1987). Ông được tặng thưởng Huân chương Sao Vàng và nhiều Huân chương khác của Liên Xô, Lào, Campuchia, Cuba. Ông là người học trò gần gũi, xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lãnh đạo có uy tín của Đảng và Nhà nước ta, nhà văn hóa lỗi lạc, có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực chính trị, đối ngoại, giáo dục, lí luận.</p>		
46	VÕ NGUYỄN GIÁP	<p>Võ Nguyên Giáp (1911-2013): Nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, nhà chỉ huy và lý luận quân sự xuất sắc của Việt Nam. Quê ở xã Lộ Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ông hoạt động cách mạng từ sớm: tham gia lãnh đạo phong trào học sinh ở Huế (1925) và tham gia Tân Việt Cách mạng Đảng. Năm 1930, ông bị thực dân Pháp bắt, đưa về quê quản thúc. Sau đó ra Hà Nội, ông tham gia hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ; tham gia sáng lập báo “Lao động”, “Tiếng nói chúng ta”; biên tập báo “Tin tức”, “Dân chúng”. Ông là Chủ tịch Ủy ban Báo chí Bắc Kỳ trong phong trào Đông Dương đại hội. Năm 1940, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, ông gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức Việt Minh ở Cao Bằng; tổ chức Ban xung phong Nam tiến (1942). Ngày 22/12/1944, ông được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao tổ chức Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân; chỉ huy đội đánh thắng hai trận đầu ở Phai Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần</p>	VÕ NGUYỄN GIÁP	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 911

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>(26/12/1944). Tháng 8/1945, ông là Ủy viên Ủy ban Quân sự Cách mạng Bắc kỳ; Tư lệnh Việt Nam Giải phóng quân; Ủy viên Ban Chỉ huy Lâm thời khu giải phóng Việt Bắc; tham gia Ủy ban Khởi nghĩa Toàn quốc; Ủy viên Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam. Năm 1946, ông là Phó Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt. Ông còn là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa II - VI; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa II - IV; Bí thư Tổng Quân ủy, sau này là Quân ủy Trung ương. Từ năm 1946 - 1947, ông là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Năm 1948 - 1975, ông là Đại tướng, Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Việt Nam; Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam. Trong kháng chiến chống Pháp, ông trực tiếp chỉ huy các chiến dịch lớn, đặc biệt là Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954). Trong kháng chiến chống Mỹ, ông chỉ đạo nhiều chiến dịch lớn, đặc biệt là Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975). Từ năm 1955 - 1980: ông là Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 - 1991); đại biểu Quốc hội các khóa I - VII. Ông được trao tặng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh.</p>		
47	PHAN ĐÌNH GIÓT	<p>Phan Đình Giót (1922-1954): Quê làng Vĩnh Yên, Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, xuất thân trong một gia đình nghèo, bố mất sớm, năm 13 tuổi ông phải đi ở và sống cảnh cực nhọc, vất vả. Sau Cách mạng tháng Tám, anh tham gia tự vệ chiến đấu. Đến năm 1950, anh xung phong đi bộ đội chủ lực. Trong chiến đấu, anh luôn nêu cao tinh thần quả cảm, kiên quyết vượt mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, anh lấy thân mình bịt kín lỗ châu mai địch, hỏa điểm của địch bị dập tắt, tạo thời</p>	PHAN ĐÌNH GIÓT	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 156</p>



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>ơ cho đơn vị tiến lên tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam. Anh được Quốc hội và Chính phủ tặng Huân chương Quân công hạng hai và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.</p>		
48	TRẦN NGUYỄN HÃN	<p>Trần Nguyễn Hãn (?-1428): Danh tướng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Quê ở xã Sơn Động, huyện Lập Thạch (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc), làm quan lộ Tam Giang dưới thời nhà Hồ. Khi giặc Minh xâm lược ông lập căn cứ khởi nghĩa ở quê, sau tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, lập nhiều công lớn, thu phục vùng Tân Bình, Thuận Hóa; bao vây thành Đông Quan, tham gia đánh thắng trận Xương Giang, bắt sống tướng giặc Hoàng Thúc, Thôi Tụ. Năm 1428 được thăng Tả tướng quốc, sau bị nghi oan và bị giết. Năm thứ 2 đời Lê Nhân Tông, nhà vua xuống chiếu ân xá, trả lại ruộng đất cho gia đình ông. Thời Mạc ông được truy phong Trung liệt đại vương.</p>	TRẦN NGUYỄN HÃN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 166</p>
49	QUỐC SƯ VẠN HẠNH	<p>Quốc sư Vạn Hạnh (938-1018): Nhà sư nổi tiếng thời tiền Lê. Quê ở châu Cổ Pháp (Tứ Sơn, Bắc Ninh). Thờ nhỏ thông minh, chăm học, nổi tiếng giỏi cả 3 đạo Nho, Phật, Lão. Năm 21 tuổi xuất gia đầu Phật, tu ở chùa Lục Tổ, rất được mọi người hâm mộ. Năm 981, quân Tống xâm lược nước ta, ông đã từng đóng góp nhiều ý kiến về việc chống giặc. Vua Lê Hoàn rất quý mến. Năm 1009, Lê Long Đĩnh chết, Lý Công Uẩn lên ngôi. Nhà Lý thành lập, ông được phong Quốc sư. Khi ông mất, vua Lý đích thân đến chùa làm lễ siêu độ.</p>	SƯ VẠN HẠNH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 586</p>
50	TỪ ĐẠO HẠNH	<p>Từ Đạo Hạnh (?-1116): Nhà sư nổi tiếng thời Lý. Quê ở Láng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, tên là Lộ, con của quan Đô sát Từ Vinh. Truyền rằng cha ông bị nhà sư Đại Diên ám hại, ông bèn bỏ học, cùng các nhà sư sang Thiên Trúc (Ấn Độ) học đạo, khi thành tài ông trở về nước trả thù cho cha, rồi đi tu ở chùa Thiên Phúc (chùa Thầy). Truyền rằng năm 1116 ông mất, hồn đầu thai làm con Sùng Hiền hầu, sau này trở</p>	TỪ ĐẠO HẠNH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 168</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		thành vua Lý Thần Tông, ông được xem là vị tổ của nghệ thuật hát chèo, múa rối nước.		
51	NGUYỄN HIỀN	Nguyễn Hiền (1235-1255): Nhà hoạt động chính trị thời Trần. Quê làng Dương A, huyện Thượng Nguyên (Mỹ Lộc, Nam Định), là trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử khoa thi của nước ta (đỗ Trạng nguyên năm 12 tuổi). Khi nghe Nguyễn Hiền kể ông chỉ tự học, chỗ nào không hiểu thì hỏi sư thầy, vua cho là thiếu lễ phép, bèn bảo ông về quê học lễ mấy năm, rồi sẽ ra làm quan. Sau này, Nguyễn Hiền vào triều làm quan thăng đến chức Thượng thư Bộ Công, tước kim tử Vinh lộc đại phu. Ông mất sớm, mọi người đều thương tiếc. Vua cho dân làng lập đền thờ ông và đổi tên huyện quê ông thành Thượng Hiền.	NGUYỄN HIỀN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 173
52	TÔ HIỆU	Tô Hiệu (1912-1944): Quê làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; tham gia các phong trào yêu nước từ năm 1925. Năm 1930, bị bắt và bị đày ra Côn Đảo; tại đây, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản. Năm 1939 được tha, Tô Hiệu về Thái Nguyên hoạt động, rồi lại được điều về Hà Nội và bầu vào Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách Hà Nội. Sau đó được cử phụ trách miền duyên hải Bắc Kỳ, trực tiếp làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng. Tháng 12/1939, ông bị địch bắt và giam tại Hải Phòng. Năm 1940 ông bị đày lên nhà tù Sơn La. Ở đây ông đã biến nhà tù thành trường học cách mạng, biên soạn tài liệu, tổ chức các lớp huấn luyện lý luận chính trị, văn hóa cho anh em trong tù. Do bị tra tấn, tù đày gian khổ, ông lâm bệnh nặng, qua đời ngày 7/3/1944 tại nhà tù Sơn La.	TÔ HIỆU	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 183
53	CHU HINH	Chu Hinh (thế kỷ XIII): Danh thân thời Trần, quê gốc làng Đan Nhiễm, huyện Tế Giang (nay là huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Vào buổi đầu nhà Trần, họ Chu đã có công hưng nghiệp, được ban quốc tính nên còn gọi là Trần Chu Hinh.	CHU HINH	Từ điển Thái Bình; Tỉnh ủy Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Nxb văn hóa thông

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Gia đình từ đời cha đã về ở đất Nam Quán (nay thuộc xã Đông Các, huyện Đông Hưng). Chu Hình trưởng thành từ đất này. Khoa Bính Thìn, Nguyên Phong năm thứ 6 (1256), đời vua Trần Thái Tông, ông thi đỗ Bảng nhãn, được bổ làm Chuyển vận sứ lộ Long Hưng. Ông có công lớn trong việc huy động sức người sức của từ Long Hưng cho cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất (1258). Ông được cử đi sứ nhà Nguyên. Con gái ông là Chu Thị Hương trở thành Phi của vua nhà Trần Anh Tông. Ông mất tại quê Nam Quán. Hiện đền thờ ông vẫn còn. Con cháu ông sau đổi thành Đặng Chu và một chi sang ở làng Xuân Đài, xã Đông Động cùng huyện.</p>		<p>tin, 2010 Tr. 162</p>
54	TRẦN HOÀN	<p>Trần Hoàn (1928-2003): Tên thật là Nguyễn Tăng Hích; quê Hải Tân, Hải Lăng, Quảng Trị. Ông nguyên là Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin, phó ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Nhạc sĩ Trần Hoàn, tác giả của nhiều ca khúc, bài hát được nhân dân cả nước yêu thích như: Sơn nữ ca, Một mùa xuân nho nhỏ, Chào mùa xuân, Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm, Khúc hát người Hà Nội, Đêm Hồ Gươm, Lời Bác dặn trước lúc đi xa... Do có nhiều công lao cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và nền văn học nghệ thuật nước nhà ông đã được Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng nhiều Huân, huy chương cao quý, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.</p>	TRẦN HOÀN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 189</p>
55	LÊ HOÀN	<p>Lê Hoàn (941-1005): Hay Lê Đại Hành, người anh hùng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất, sáng lập nhà tiền Lê. Người Châu Ái (Thanh Hoá). Ông không chỉ là một vị vua có những đóng góp lớn trong chống quân Tống phương Bắc, quân Chiêm phương Nam, giữ gìn và củng cố nền độc lập dân tộc mà còn có nhiều công lao trong sự nghiệp</p>	LÊ HOÀN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 188</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		ngoại giao, xây dựng và kiến tạo đất nước Đại Cồ Việt. Trong những năm làm vua, ông đã cho xây dựng nhiều cung điện ở kinh đô Hoa Lư, tổ chức lễ cày tịch điền hàng năm để khuyến khích nhân dân sản xuất nông nghiệp, mở mang đường sá từ Bắc vào Nam, trấn áp các thổ hào địa phương nhằm củng cố uy quyền của nhà nước trung ương và sự thống nhất đất nước, giữ mối quan hệ hòa hiếu với nhà Tống. Năm 1005, ông mất, miếu hiệu vẫn để là Đại Hành hoàng đế		
56	NGUYỄN THÁI HỌC	Nguyễn Thái Học (1902-1930): Quê ở Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Năm 1927, ông đã thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng, được bầu làm chủ tịch Đảng. Quốc dân đảng nêu rõ mục đích “Liên lạc tất cả anh em đồng chí không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dùng vũ lực để lấy lại quyền độc lập cho nước Việt Nam”. Năm 1930, ông tổ chức khởi nghĩa ở một số nơi (Yên Bái, Phú Thọ...), ở Hà Nội cũng có ném tạc đạn phối hợp. Nguyễn Thái Học trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Nhưng ở các nơi, cuộc khởi nghĩa đều thất bại nhanh chóng. Sau một thời gian lẩn trốn Nguyễn Thái Học bị bắt ở ấp Cổ Vịt (thuộc Hải Dương), bị đưa ra Hội đồng Đề hình, Ngày 17/6/1930 cùng 12 đồng chí bị Nguyễn Thái Học bị địch xử chém tại tỉnh lỵ Yên Bái.	NGUYỄN THÁI HỌC	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 193
57	NGUYỄN HỒNG	Nguyễn Hồng (1918-1957): Tên thật là Nguyễn Nguyên Hồng, nhà văn Việt Nam, sinh tại Nam Định. Sáng tác sớm, ngay từ những tác phẩm đầu tay đã chứng tỏ “nhà văn của những người cùng khổ”, tiểu thuyết Bỉ vỏ (1936), Hồi kí Những ngày thơ ấu (1938). Thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), Nguyễn Hồng viết trên nhiều tờ báo cách mạng: “Mới”, “Người mới”, “Thế giới”... Khoảng năm 1939 - 1942, ông bị mật thám bắt và bị đưa đi trại tập trung ở Bắc Mê Hà Giang. Năm 1943, hoạt động bí mật trong Hội	NGUYỄN HỒNG	Từ điển bách khoa Việt Nam" Tập 3, Tr. 153

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Văn hóa cứu quốc. Sau Cách mạng tháng Tám, ông công tác ở Hội văn hóa cứu quốc, Hội văn nghệ Việt Nam. Nguyên Hồng sáng tác cả thơ, bút kí, hồi kí, kịch, tiểu luận phê bình, nhưng nổi bật hơn cả là các bộ tiểu thuyết nhiều tập: Cửa biển, Sóng gầm, Thời kỳ đen tối, Khi đứa con ra đời.... Với những đóng góp to lớn cho nền văn học nước nhà, năm 1996, Nguyên Hồng đã vinh dự được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật.		
58	NGUYỄN HUỆ	Nguyễn Huệ (1753-1792): Là Anh hùng dân tộc, có tên là Quang Bình, Văn Huệ, người gốc huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, gia đình bị bắt đưa vào ấp Tây Sơn Thượng thuộc phủ Qui Ninh, tỉnh Bình Định (nay thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Năm 1771, anh em ông lập đồn trại ở vùng núi trong vùng, chiêu tập nghĩa quân chống lại triều đình phong kiến của chúa Nguyễn. Năm 1776, ông cầm quân vào đánh Bình Thuận. Năm 1782, ông và Nguyễn Nhạc vào Nam đánh Nguyễn Ánh. Năm 1783, ông đem quân ra vây Phú Quốc, gia đình Nguyễn Ánh phải chạy ra Côn Đảo, cuối cùng chạy sang Xiêm (Thái Lan) cầu viện. Năm 1785, ông phục kích tại Mỹ Tho từ Rạch Gầm đến Xoài Mút rồi chờ quân Xiêm lọt vào trận địa để tiêu diệt. Năm 1778, ông được phong làm Phụ chánh Bắc Bình vương đóng quân ở Thuận Hóa. Năm 1788, ông lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung (nên cũng gọi là vua Quang Trung). Tấn công ra Bắc tiêu diệt quân Mãn Thanh, thống nhất đất nước. Năm 1792, ông mất, làm vua được 4 năm, hưởng dương 40 tuổi, miếu hiệu là Thái Võ Hoàng đế.	NGUYỄN HUỆ, QUANG TRUNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh, nxb Giáo dục, 2005 Tr. 202
59	PHÙNG HÙNG	Phùng Hùng (?-789): Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống đô hộ Đường, quê ở Đường Lâm (Cam Lâm, Ba Vì, Hà Nội). Tổ tiên đời đời làm quan lang ở địa phương. Là người mưu	PHÙNG HÙNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>trí, khỏe mạnh, giỏi võ; bản tính hào hiệp quảng đại thường hay giúp đỡ người nghèo. Thời thuộc Đường (766-779), giặc Côn Lôn, Chà Và quấy phá nước ta, chính quyền đô hộ rối loạn. Ông bèn cùng em chiếm giữ Đường Lâm. Nhờ quân cứu viện, giặc cướp bị đánh lui. Tên đô hộ Cao Chính Bình làm nhiều điều tàn ác. Ông kêu gọi nhân dân nổi dậy khởi nghĩa; kéo quân về bao vây thành Tống Bình, Cao Chính Bình chống đỡ không nổi, sợ hãi rồi sinh bệnh mà chết. Quân trong thành mở cửa xin hàng. Năm 782 Phùng Hưng được tôn làm vua, ở ngôi được 7 năm thì ông mất, nhân dân tôn ông làm Bố Cái Đại vương để tỏ lòng thương nhớ và kính trọng.</p>		<p>Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 213</p>
60	HỒ XUÂN HƯƠNG	<p>Hồ Xuân Hương (cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX): Nhà thơ lớn thế kỷ XIX. Bà quê gốc ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Bà được người đời mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”, sinh sống ở Khán Xuân (gần Hồ Tây, Hà Nội). Hồ Xuân Hương là nhà thơ gần như chuyên viết về phụ nữ, được coi là nhà thơ tiêu biểu cho tư tưởng nhân đạo trong trào lưu văn học cuối cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX. Nghệ thuật thơ của bà rất độc đáo. Những sáng tác của bà đã đóng góp đáng kể vào kho tàng văn học dân tộc.</p>	HỒ XUÂN HƯƠNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 216</p>
61	LÊ VĂN HUU	<p>Lê Văn Hưu (1230-1322): Nhà sử học đầu tiên của nước ta. Ông quê Phú Lý, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa), xuất thân trong một dòng họ lớn. Đỗ Bảng nhãn năm Đinh Mùi (1247), vị Bảng nhãn đầu tiên của nước ta. Sau đó, ông được đưa vào làm ở Viện Hàn lâm, rồi thăng dần lên chức Thượng thư Bộ Binh. Do sự hiểu biết sâu rộng của ông, ông được cử làm Giám tu Quốc sử viện, biên soạn bộ lịch sử của đất nước. Năm 1272 ông soạn xong bộ Đại Việt sử ký. Bộ sử viết từ thời Triệu cho đến cuối đời Lý, đã trở thành tư liệu cơ sở cho nhà sử học thế</p>	LÊ VĂN HUU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 216</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		kỷ XV là Ngô Sĩ Liên hoàn thành bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Tiếc rằng bộ sử của ông hiện nay không còn.		
62	TỔ HỮU	Tổ Hữu (1920-2002): Ông tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông là một tác gia có vị trí đặc biệt quan trọng, một nhà thơ tiêu biểu của dòng thơ cách mạng Việt Nam với các tập thơ như: Từ ấy, Việt Bắc, Một tiếng đờn. Năm 1938, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông đảm trách nhiều chức vụ: Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ Việt Nam, Giám đốc Nha tuyên truyền và văn nghệ thuộc Thủ tướng phủ, Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, Phó chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng... Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về Văn học nghệ thuật (1996), Huân chương Sao Vàng (1994), Giải thưởng Văn học Đông Nam Á của Thái Lan (1996).	TỔ HỮU	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 218
63	PHAN HUY ÍCH	Phan Huy Ích (1751-1822): Văn thân triều Tây Sơn, nhà văn, hiệu là Dụ Am. Người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An ( nay thuộc xã Thạch Châu, Thạch Hà, Hà Tĩnh). Năm 1771, ông đỗ đầu khoa thi Hương ở Nghệ An, năm 1775, lại đỗ đầu khoa thi Hội. Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc, xuống chiếu cầu hiền, Phan Huy Ích cùng Ngô Thì Nhậm, Đoàn Nguyên Tuấn ra hợp tác với Tây Sơn. Phan Huy Ích được phong làm Tả thị lang Bộ Hình. Năm 1789, sau khi đại phá quân Thanh ông được giao nhiệm vụ phụ trách công việc ngoại giao. Sau khi đi sứ sang Trung Quốc về nước ông được thăng Thị trung ngự sử ở Tòa nội các. Năm 1802 quân Nguyễn Ánh ra Bắc, ông bị bắt cùng với Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Thế Lịch. Sau khi được tha ông trở về Sài Sơn sống ẩn dật, rồi về quê hương xứ Nghệ mở trường dạy học và mất	PHAN HUY ÍCH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 221

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
64	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	<p>năm 1822.</p> <p>Nguyễn Thị Minh Khai (1910-1941): Quê ở xã Vĩnh Yên, tỉnh Nghệ An. Sớm giác ngộ, năm 1927 bà đã quyết chí đi vào con đường hoạt động cách mạng (tham gia đảng Tân Việt). Năm 1930, bà gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách tuyên truyền, huấn luyện đảng viên tại Trường Thi, Bến Thủy, rồi sang Hương Cảng làm việc văn phòng chi nhánh Đông phương bộ của Quốc tế cộng sản. Năm 1931, bà bị bắt tại Hương Cảng. Năm 1935, bà ra tù và được Đông phương bộ Quốc tế Cộng sản cử làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội lần thứ 7 Quốc tế cộng sản tại Moskva và vào học trường đại học Phương Đông. Năm 1936, bà được cử về nước truyền đạt chỉ thị của Quốc tế Cộng sản và được cử vào Xứ ủy Nam Kỳ, giữ chức Bí thư Thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, cùng các đồng chí lãnh đạo cao trào cách mạng 1936 – 1939. Năm 1940, bà bị bắt ngay sau phiên họp của xứ ủy Nam Kỳ về phổ biến chủ trương khởi nghĩa và bị giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Tuy nhiên, bà vẫn liên lạc với bên ngoài và vẫn tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh. Ngày 32/11/1940 khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, thực dân pháp vin vào cuộc khởi nghĩa để kết án bà. Ngày 26/8/1941, thực dân Pháp đã xử bắn bà tại Hóc Môn.</p>	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 226</p>
65	TRẦN QUANG KHẢI	<p>Trần Quang Khải (1241-1294): Danh tướng thời Trần. Ông là con thứ hai của vua Trần Thái Tông và hoàng hậu Thuận Thiên. Năm 1259, Trần Thánh tông phong ông làm Thái úy, năm 1271, được phong Tướng quốc thái úy. Năm 1282, trước nguy cơ xâm lược của nhà Nguyên, Trần Thánh Tông cử ông làm Thượng tướng Thái sư chuẩn bị chống giặc. Năm 1285 quân Nguyên tiến vào nước ta từ hai phía nam và bắc. Đất nước lâm vào thế ngàn cân treo sợi tóc. Đoàn kết nội bộ để</p>	TRẦN QUANG KHẢI	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 228</p>



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>chống giặc trở thành điều tâm niệm của mọi người. Ông và Tiết chế Trần Hưng Đạo xóa bỏ mối bất hòa cùng nhau dốc sức lo cho cuộc kháng chiến. Tháng 5/1285, quân ta mở cuộc tổng phản công, ông cùng các tướng đánh tan giặc ở Chương Dương, rồi nhân đà thắng lợi tiến về giải phóng Thăng Long. Giặc hoàn toàn bị đánh tan, ông xúc cảm đọc 4 câu thơ: <i>Đoạt sáo Chương Dương độ/ Cầm hồ Hàm Tử quan/ Thái Bình tu trí lực/ Vạn Cổ thờ giang san.</i></p>		
66	NGÔ GIA KHẨM	<p>Ngô Gia Khảm (1912-1990): Anh hùng lao động (1952), quê Liên Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh. Năm 1928, tham gia hoạt động Cách mạng. Năm 1936, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1941, Ngô Gia Khảm bị thực dân Pháp bắt giam ở Sơn La. Trong tù ông giữ tinh thần đấu tranh, có lần tuyệt thực đến 11 ngày, buộc địch phải trả tự do. Ra tù, ông tiếp tục hoạt động chống Pháp. Năm 1944, Ngô Gia Khảm là một trong những người đầu tiên xây dựng và là Quản đốc xưởng quân giới ở Chiến khu Việt Bắc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông xây dựng Xưởng hoá chất đầu tiên ở Việt Bắc, chế tạo thuốc nổ làm mìn, lựu đạn, đạn. Ông bị thương ba lần trong khi sản xuất... Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương khác.</p>	NGÔ GIA KHẨM	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 3, Tr. 128
67	HUỶNH THỨC KHÁNG	<p>Huỳnh Thúc Kháng (1875-1947): Tên thật là Huỳnh Hanh, biệt hiệu Minh Viên. Nhà trí sĩ, nhà văn, quê Thanh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Năm 1904, ông thi Hội đỗ Tiến sĩ, nhưng không ra làm quan, ở nhà đọc Tân thư, giao du với các nhà nho yêu nước như Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp..., tích cực cổ động phong trào Duy Tân tự cường ở Trung Kỳ đầu thế kỷ XX. Năm 1908, nhân vụ chống thuế ở Trung Kỳ nổ ra, ông bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo, đến năm 1921 mới ra tù. Năm 1926, ông trúng cử Viện trưởng Viện</p>	HUỶNH THỨC KHÁNG	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 232

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Dân biểu Trung Kỳ, năm 1927, ông cho xuất bản báo Tiếng dân và làm chủ bút. Cách mạng tháng Tám thành công, ông làm Bộ trưởng Nội vụ, quyền Chủ tịch nước khi Bác Hồ sang Pháp. Tác giả các sách Thi tù từng thoại, Thi văn với thời đại, Trung Kỳ cựu sưu ký...		
68	TRẦN TỰ KHÁNH	Trần Tự Khánh (?-1224): Người có công trong việc thành lập nhà Trần. Ông là con Trần Lý, một chủ trại ở Lưu Gia (Hưng Hà, Thái Bình). Năm 1209, do nổi loạn Thái tử Sảm nhà Lý phải chạy ra vùng Lưu Gia, ở nhờ nhà Trần Lý, sau đó lấy con gái Trần Lý làm vợ. Họ Trần tập hợp quân sĩ giúp Thái tử Sảm dẹp loạn. Sau khi cha ông là Trần Lý qua đời, ông được lên thay cha, chỉ huy quân của mình. Năm đó Cao Tông chết, Thái tử Sảm lên ngôi, Tự Khánh được phong làm Chương Thành Hầu. Bấy giờ đất nước loạn lạc, ông cùng Thượng tướng Phan Lân tổ chức lại quân ngũ, chế tạo đồ binh khí, ngày ngày tập luyện. Chẳng may vua Lý mắc chứng điên loạn, phải giao việc chính sự cho ông. Uy thế của họ Trần tăng lên. Đầu năm 1224, ông mất được truy phong Kiến Quốc Đại vương	TRẦN TỰ KHÁNH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 234
69	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585): Nhà chính trị, nhà văn hóa lớn. Quê ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, Ông học rất giỏi, nhưng thấy thời thế nổi loạn không muốn thi và làm quan. Mãi đến 1535 (45 tuổi), mới chịu đi thi, đỗ Trạng nguyên rồi ra làm quan thời Mạc. Sau tám năm làm quan thấy gian thần lộng hành, ông dâng sớ xin chém một số nhưng không được, bèn xin từ quan về quê dạy học. Sau lại ra làm quan nhà Mạc. Làm đến chức Tả Thị lang Bộ Lại, rồi thăng Thượng thư Bộ Lại, tước Trình quốc công, mọi người tôn xưng là Trạng Trình. Năm 70 tuổi, ông về hưu, lập am Bạch Vân, lấy tên hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Ông mở trường dạy học bên cạnh sông Hàn, sông ấy còn có tên Tuyết Giang, vì thế	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 235

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		học trò tôn xưng là Tuyết Giang Phu Tử. Học trò của ông rất đông và rất nhiều người trở thành nhân tài của nước như Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ, Nguyễn Quyện. Ông là nhà triết học, nhà văn, nhà thơ lớn của THẾ KỶ 16. Tác phẩm để lại có: Bạch Vân am thi tập, Bạch Vân quốc ngữ thi.		
70	PHÙNG KHẮC KHOAN	Phùng Khắc Khoan (1528-1613): Nhà hoạt động chính trị, kinh tế, nhà thơ. Ông tên tự là Hoàng Phu, hiệu là Nghị Trai. Người làng Bùng (Phùng Xá), huyện Thạch Thất, nay thuộc Hà Nội; nổi tiếng thông minh từ nhỏ, học trò Nguyễn Bình Khiêm, quen gọi là Trạng Bùng. Ông học giỏi nhưng không chịu đi thi và làm quan cho nhà Mạc. Năm 1550, ông vào Thanh Hóa theo nhà Lê. Năm 1590, nhà Lê mở khoa thi ở Thanh Hóa, ông đỗ Hoàng giáp. Sau đó giữ các chức Thượng thư Bộ Hộ, Bộ Công triều Lê; làm chánh sứ sang Trung Quốc (1597). Ông sáng tác nhiều thơ văn, chữ Nôm có Ngự phủ nhập đào nguyên; chữ Hán có Ngôn chí thi tập, Mai lĩnh sứ hoa thi tập. Thơ văn của ông là tiếng nói của tầng lớp sĩ phu muốn giúp dân, giúp nước, ông là tác giả lớn trong thế kỷ thứ XVI, XVII.	PHÙNG KHẮC KHOAN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 240
71	NGUYỄN KHUYẾN	Nguyễn Khuyến (1835-1909): Trước tên là Nguyễn Thắng, hiệu Quế Sơn, người làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình Nho học lâu đời. Ông học giỏi (đỗ đầu thi Hương, thi Hội, thi Đình), vì thế, người ta thường gọi ông là Tam nguyên Yên Đỗ. Sau đó được bổ làm quan ở Huế, Thanh Hóa, Nghệ An rồi Quảng Ngãi. Năm 1883 triều đình kí hàng ước 25/8/1883 với Pháp, ông cáo quan về quê, không chịu hợp tác với giặc. Tác phẩm của ông được tập hợp trong hai cuốn: Quế Sơn thi tập và Yên Đỗ tam nguyên quốc âm thi tập. Thơ Nguyễn Khuyến thường ca ngợi khí tiết sáng ngời của những người chống giặc, vì nước hi sinh, căm	NGUYỄN KHUYẾN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 248

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		ghét bọn cướp nước.		
72	LÝ THƯỜNG KIỆT	<p>Lý Thường Kiệt (1019-1105): Người chỉ huy kiệt xuất, anh hùng của cuộc kháng chiến chống Tống. Họ Ngô tên Tuấn, tự là Thường Kiệt. Quê làng An Xá, huyện Quảng Đức (Cờ Xá, Gia Lâm, Hà Nội). Thuở trẻ, thông minh, ông sớm chăm đọc sách, nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Ông có nhiều công lao trong việc chống Tống, bình Chiêm, đóng góp xây dựng đất nước phồn vinh, nên được ban quốc tính (do đó có tên Lý Thường Kiệt). Nhà Tống ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta. Thái hậu Ý Lan giao cho ông tổ chức cuộc kháng chiến, bảo vệ tổ quốc. Trong cuộc họp bàn, ông đã nêu lên chủ trương táo bạo “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc”, “tiên phát chế nhân” đánh vào Ung Châu (Nam Ninh, Quảng Đông, Trung Quốc), nơi tập trung quân nhà Tống, phá hết kho tàng vũ khí, lương thảo rồi rút quân về nước. Năm 1077, hơn 30 vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tràn vào nước ta theo hai đường thủy, bộ. Ông đã chỉ huy quân dân đánh tan cuộc xâm lược của giặc. Cuộc kháng chiến thắng lợi huy hoàng, uy tín của ông tăng lên. Lý Nhân Tông nhận ông là “Thiên tử nghĩa đệ”. Ông là tác giả bài thơ bất hủ “Nam Quốc Sơn Hà”, cổ vũ tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân dân ta. Bài thơ khẳng định quyền độc lập dân tộc tự chủ thiêng liêng của Tổ quốc.</p>	LÝ THƯỜNG KIỆT	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 255</p>
73	VÕ VĂN KIỆT	<p>Võ Văn Kiệt (1922-2008): Nhà hoạt động Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Quê ở xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Tham gia hoạt động trong phong trào dân chủ. Năm 1939, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vũng Liêm. Ông giữ các chức vụ: Bí thư huyện ủy Phước Long (1946-1947), Phó Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu (1949).</p>	VÕ VĂN KIỆT	<p>Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 912</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Bí thư thành ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, Phó Bí thư rồi Bí thư khu ủy Sài Gòn – Gia Định (1959-1970). Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP.HCM, Bí thư Thành ủy TP.HCM (1975-1982). Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước (1982-1988), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992-1997)... Ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Sao Vàng.		
74	YẾT KIÊU	Yết Kiêu (1242-1301): Gia nô trung tín của Trần Hưng Đạo, quê làng Hạ Bì (Tứ Lộc, Hải Dương) giỏi nghề bơi lội. Cùng với Dã Tượng, có công lớn trong việc bảo vệ Trần Hưng Đạo và trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên 1285. Sau thắng lợi ông được ban tước và được trả tự do.	YẾT KIÊU	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 1093
75	LÊ LAI	Lê Lai (?-1418): Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn. Quê ở xã Kiên Thọ, Ngọc Lặc, Thanh Hoá, một trong những người tổ chức hội thề Lũng Nhai. Tháng 5/1419, nghĩa quân Lam Sơn bị vây ở núi Chí Linh, trong giờ phút nguy hiểm, Lê Lợi kêu gọi người đóng giả mình cho giặc bắt để chúng giải vây. Lê Lai tình nguyện nhận trách nhiệm nặng nề này và bị giặc bắt rồi giết. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua, truy phong ông là Công thần hạng nhất, “Lũng Nhai công thần”, hàm Thiếu úy, thụy Toàn Nghĩa.	LÊ LAI	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 267
76	CÙ CHÍNH LAN	Cù Chính Lan (1930-1952): Quê xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (1946), ông xung phong vào bộ đội, lúc đầu làm chiến sĩ giao thông liên lạc, sau được giao chỉ huy tiểu đội chiến đấu. Trong chiến dịch Quang Trung (1950) được nêu gương “Anh hùng tay không diệt giặc”. Chiến dịch Hòa Bình (1951), ông dùng lựu đạn diệt xe tăng địch trên đường số 6, tạo điều kiện cho đồng đội hoàn thành nhiệm vụ. Ngày 29/12/1951, ông tham gia đánh đồn Cô Tô, bị cụt hai tay và	CÙ CHÍNH LAN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 267

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		một chân văn anh dũng chỉ huy đến hơi thở cuối cùng. Được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1952).		
77	Ỡ LAN	Ỡ Lan (?-1117): Linh Nhân Thái Hậu, Nguyên phi tài sắc của Lý Nhật Tông tức Lý Thánh Tông, quê ở xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Bà góp phần cai quản việc nước, thu phục nhân tâm, tạo điều kiện cho Lý Thánh Tông đánh thắng Chiêm Thành (1069). Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, Kiến Đức lên ngôi khi mới 7 tuổi (tức Lý Nhân Tông). Ỡ Lan trở thành Hoàng thái hậu nhiếp chính. Bà cùng Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt tổ chức đánh thắng giặc Tống (1076); bà chăm lo sản xuất nông nghiệp, mở mang học hành.	Ỡ LAN	Từ điển Bách khoa Việt Nam, Nxb. Từ điển Bách khoa, 2005 Tập 4, trang 1083
78	PHẠM NGŨ LÃO	Phạm Ngũ Lão (1255-1320): Danh tướng thời Trần. Quê ở làng Phù Ủng (nay là huyện Ân Thi, Hưng Yên). Ông là người văn võ song toàn, chỉ huy mưu trí. Trong kháng chiến chống Mông – Nguyên, ông theo 2 vua chiến đấu lập nhiều công lớn. Trong đời vua Anh Tông (1293-1314), ông được phong Điện Súy Thượng tướng quân vì có nhiều chiến công ở vùng biên ải. Năm 1320 ông mất, vua Minh Tông nghỉ châu 3 ngày, vô cùng thương tiếc.	PHẠM NGŨ LÃO	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 271
79	ĐINH LỄ	Đinh Lễ (?-1427): Danh tướng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông người Lam Sơn, Thanh Hóa. Ông là cháu gọi Lê Lợi bằng cậu. Ông cùng 2 em Đinh Liệt, Đinh Bò tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ rất sớm, trải qua nhiều gian khổ, lập được nhiều chiến công. Ông là một trong những chỉ huy quan trọng chiến dịch Tốt Động – Chúc Động. Năm 1427 trong một trận phản kích quân Vương Thông ở mặt trận Nam Đông Quan. Đinh Lễ bị giặc bắt và sát hại.	ĐINH LỄ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 281
80	NGÔ SỸ LIÊN	Ngô Sỹ Liên (thế kỷ XV-?): Nhà sử học lớn, người làng Chúc Lý, huyện Chương Đức (Chương Mỹ, Hà Nội. Đỗ Tiến sĩ năm 1442, làm quan ở Viện Hàn lâm, sau thăng Đô ngự sử.	NGÔ SỸ LIÊN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Vào thời Hồng Đức (1470-1497), ông làm việc ở viện quốc sử, được giao biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Trong bộ sử ông đề cao tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, song cũng khẳng định tư tưởng phong kiến Nho giáo trong tiến trình phát triển lịch sử.		Nxb Giáo dục, 2005 Trang 286
81	ĐINH LIỆT	Đinh Liệt (?-1471): Một đại thần nhà Lê sơ. Quê ở sách Thủy Luận (nay thuộc Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá), ông là em của Đinh Lễ, cháu Lê Lợi, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ đầu. Ông đã chỉ huy quân đánh chiếm Đỗ Gia (Hương Sơn, Hà Tĩnh), sau theo Lê Lợi tiến ra Đông Đô. Năm 1427, ông cùng Lê Sát phục kích viện binh của nhà Minh ở Chi Lăng, đánh bại giặc, giết Liễu Thăng, góp phần diệt viện, giải phóng đất nước. Trong những năm làm quan, ông đóng góp nhiều vào việc xây dựng quân đội, bình định đất phía nam. Như nhận định của nhà sử học Lê Quý Đôn “ông là người có công đầu giúp vua mở nước, trải thờ 4 triều vua, lại là công thần trung hưng số một, địa vị và danh vọng đều rất cao” (Đại Việt thông sử).	ĐINH LIỆT	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 287
82	NGUYỄN VĂN LINH	Nguyễn Văn Linh (1915-1998): Tên thật là Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc), quê thôn Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Năm 1929, ông tham gia Học sinh đoàn do Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lãnh đạo. Năm 1930, ông bị bắt và kết án tù chung thân, bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936 được trả tự do, được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương, tham gia hoạt động trong công nhân lao động ở Hải Phòng, Hà Nội. Cuối năm 1939, được phân công tham gia lập lại Xứ ủy Trung Kỳ, năm 1941, bị bắt ở Vinh, địch đưa ông về Sài Gòn xử án 5 năm tù và đày ra Côn Đảo lần 2. Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, ông được đón về Nam bộ, hoạt động ở Sài Gòn với các chức vụ: Bí thư Thành ủy, Bí Thư đặc khu Sài Gòn – Gia Định, năm 1949-	NGUYỄN VĂN LINH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 291

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		1960 là Ủy viên và Quyền Bí thư xứ ủy Nam Bộ. 1960, được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, năm 1976, làm Bí thư Thành ủy TP.HCM. Năm 1986, ông được bầu làm tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam. Do công lao và thành tích với cách mạng, ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng và nhiều Huân chương cao quý khác.		
83	ĐINH BỘ LĨNH	Đinh Bộ Lĩnh (924-979): Người có công thống nhất đất nước ở thế kỷ thứ X, đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt; còn gọi là Đinh Tiên Hoàng, quê động Hoa Lư, châu Đại Hoàng (nay thuộc huyện Hoa Lư, Ninh Bình). Ông là con của thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, là vị vua sáng lập ra triều đại nhà Đinh nước Đại Cồ Việt trong lịch sử Việt Nam. Ông là người có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn. Năm 968 ông lên ngôi hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), xây dựng kinh đô ở Hoa Lư, thành lập triều đình, đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Năm 970, ông đặt niên hiệu là Thái Bình.	ĐINH BỘ LĨNH, ĐINH TIÊN HOÀNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 294
84	MAI THỨC LOAN	Mai Thúc Loan (?-722): Thủ lĩnh nghĩa quân chống độ hộ Đường, còn gọi là Mai Hắc Đế, ông quê ở Mai Phụ (Thạch Bắc, Thạch Hà, Hà Tĩnh). Trên đường đi gánh vãi nộp công cho nhà Đường, ông đã kêu gọi mọi người trở về quê, rèn vũ khí chống quân đô hộ. Ông cho người liên kết với Lâm Ấp và Chân Lạp phát cờ khởi nghĩa, lấy Sa Nam (Nam Đàn) làm căn cứ, đóng đại quân ở núi Vệ, xây chiến lũy vững chắc. Quân nhà Đường kéo lên đàn áp, nghĩa quân đánh tan giặc, nhân đó truy đuổi chúng giải phóng cả vùng Hoan – Ái (Thanh, Nghệ, Tĩnh). Nghĩa quân suy tôn ông làm vua- tục gọi là Mai Hắc Đế. Đô thành đóng ở Vạn An. Sau khi ổn định tình hình, ông đem quân đánh ra Giao Châu, Đô hộ Quang Sở Khách phải bỏ thủ phủ Tống Bình (Hà Nội) chạy về nước. Năm 722, Nhà Đường vội sai tướng Dương	MAI THỨC LOAN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr.296



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Tư Húc đem 10 vạn quân sang đàn áp. Nghĩa quân chống không nổi, thành Vạn An thất thủ. Mai Thúc Loan chạy vào rừng, rồi mất.</p>		
85	DUƠNG KHÔNG LỘ	<p>Dương Không Lộ (?-1119): Nhà sư nổi tiếng thời Lý, người xã Hải Thanh, Hải Hậu, Nam Định, xuất thân từ một gia đình đánh cá. Từ sớm ông đã có chí đi tu, làm bạn với các nhà sư. Khi đã thành đạt, ông về trụ trì ở Chùa Keo (Thái Bình), nhưng vẫn đi lại khắp nơi để truyền đạo. Do đó trong nhân dân, những huyền thoại về việc “đi mây về gió”, “pháp thuật tinh thông”, “có tài thu nhỏ mọi vật” được truyền tụng. Dương Không Lộ cũng được coi là vị Tổ nghề đúc đồng.</p>	DUƠNG KHÔNG LỘ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 245</p>
86	LÊ LỢI	<p>Lê Lợi (1385-1433): Là người khởi xướng khởi nghĩa Lam Sơn chiến thắng quân đội chiếm đóng nhà Minh, giành lại độc lập cho nước Đại Việt và trở thành vị vua sáng lập của nhà Hậu Lê. Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế vào năm 1428, sử gọi là Lê Thái Tổ, chính thức dựng lên triều Hậu Lê. Ông khôi phục quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Thăng Long và đổi tên Thăng Long thành Đông Kinh vào năm Thuận Thiên thứ hai (1430). Ông lên ngôi trong 6 năm (1428 - 1433), đặt niên hiệu Thuận Thiên xây dựng đất nước, đặt lại khoa cử, luật lệ, chế tác lễ nhạc, thu thập lại sách vở, mở mang trường học... tạo nên một triều đại Hậu Lê huy hoàng trong lịch sử.</p>	LÊ LỢI	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 245</p>
87	PHAN ĐĂNG LƯU	<p>Phan Đăng Lưu (1901-1941): Quê ở xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Ông tham gia đã tham gia Hội Phục Việt, sau đổi thành Hưng Nam, rồi Tân Việt cách mạng đảng. Năm 1928, tại đại hội thành lập Tân Việt cách mạng Đảng, ông được bầu làm ủy viên thường vụ Tổng bộ phụ trách tuyên huấn. Cuối năm được phân công sang Quảng Châu (Trung Quốc) gặp Tổng bộ Hội Việt Nam cách mạng thành niên để bàn kế hoạch thống nhất hoạt động. Năm 1930,</p>	PHAN ĐĂNG LƯU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 312</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>ông bị bắt ở Hải Phòng và bị kết án 3 năm tù khổ sai đày đi Buôn Ma Thuột. Năm 1936, ông được ra tù, nhưng bị quản thúc ở Huế. Ông lại tiếp tục hoạt động cách mạng và có những đóng góp xuất sắc vào các cuộc vận động hợp pháp và nửa hợp pháp ở Trung Kỳ. Năm 1939, ông được bầu bổ sung vào Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương, được phân công chỉ đạo phong trào Nam Kỳ. Năm 1940, ông bị mật thám bắt, năm 1941, ông bị đế quốc Pháp kết án tử hình. Ngày 26/8/1941 ông bị xử bắn cùng với các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần.</p>		
88	ĐẶNG THAI MAI	<p>Đặng Thai Mai (1902-1984): Quê Lương Điền, huyện Thanh Chương, Nghệ An, sinh ra và lớn lên trong một gia đình Nho học có truyền thống khoa bảng và giàu lòng yêu nước. Sau khi tốt nghiệp trung học ở Vinh, ông học trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương tại Hà Nội (1924), học xong vào dạy ở trường Quốc học Huế. Thời kỳ này ông tham gia Đảng Tân Việt, bị bắt và kết án tù treo. Hết hạn tù, ông ra Hà Nội tham gia lập trường tư thục Thăng Long, vừa dạy học, vừa viết báo và là một trong những người sáng lập phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ. Trong thời kỳ mặt trận dân chủ Đông Dương, ông được Đảng cộng sản Đông Dương giới thiệu ra tranh cử vào Viện dân biểu Trung kỳ. Sau cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, ông giữ nhiều chức vụ: Bộ trưởng Bộ Giáo dục, đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hóa...Hòa bình lập lại (1954), ông tiếp tục đảm nhiệm nhiều cương vị: Viện trưởng Viện Văn học, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Thời kỳ này ông đã hoàn thành nhiều công trình nghiên cứu có giá trị: Văn thơ cách mạng thế kỷ XX, Văn thơ</p>	ĐẶNG THAI MAI	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Phan Bội Châu, Tác phẩm Nhật ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).		
89	HỒ TÙNG MẬU	<p>Hồ Tùng Mậu (1896-1951): Quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; tên chính là Hồ Bá Cự. Năm 1916, ông cùng một số thanh niên yêu nước bí mật sang Thái Lan, Trung Quốc hoạt động cách mạng. Năm 1923, ông cùng với Lê Hồng Sơn thành lập Tâm Tâm xã, một tổ chức yêu nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Cuối năm 1924 được sự giáo dục và huấn luyện của Nguyễn Ái Quốc, ông sớm trở thành một cán bộ xuất sắc của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Ông đã 3 lần bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam. Ông góp phần tích cực vào hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản ở Việt Nam. Năm 1931, ông bị mật thám Pháp bắt, đưa về tô giới Pháp. Chúng giải ông về nước tuyên án khổ sai chung thân, giam ở nhà lao Vinh, Lao Bảo, Kon Tum, Buôn Ma Thuột, Trà Khê... Sau Cách mạng tháng Tám thành công, ông đã giữ các chức vụ Giám đốc kiêm chính ủy Trường quân chính Trung Bộ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính Liên khu IV, Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II. Ông hy sinh trên đường đi công tác ở Thanh Hóa. Ông được nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.</p>	HỒ TÙNG MẬU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 325</p>
90	HỒ CHÍ MINH	<p>Hồ Chí Minh (1890-1969): Quê làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Lúc còn nhỏ có tên là Nguyễn Sinh Cung, khi đi học lấy tên là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động ở nước ngoài lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho nghèo có truyền thống yêu nước, vì vậy sớm có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Tháng 6/1911, Người xuống làm công dưới tàu buôn</p>	HỒ CHÍ MINH, NGUYỄN TẤT THÀNH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 330</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Latusơ Trêvin, để có cơ hội đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước mới. Người đặt chân tới nhiều nước châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, đến năm 1917 thì trở lại Pháp. Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Năm 1920, Người bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế Công sản và là một trong những người sang lập Đảng Cộng sản Pháp (1920), sau đó, Người tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921), ra báo Le Paria (Người cùng khổ). Năm 1923, sang Liên Xô, năm 1924 về Trung Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, tổ chức tiền thân của chính đảng vô sản. Về sau, Người còn tham gia sang lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Thông qua việc mở các lớp huấn luyện chính trị và việc ra tuần báo Thanh niên, viết sách đường Kách mệnh. Người đào tạo nhiều thanh niên hăng hái trở thành những nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Đầu tháng 5/1927, Người rời Quảng Châu đi Liên Xô, rồi về Xiêm (Thái Lan, năm 1928). Năm 1930, Người từ Xiêm sang Trung Quốc, triệu tập hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, (sau đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương). Năm 1941, Người về nước cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành lập Mặt trận Việt Minh. Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (02/9/1945). Trong những năm 1945-1954, Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn dân đấu tranh giữ vùng chính quyền cách mạng và hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Từ 1954- 1965, Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, gắn liền với cuộc đời hoạt động sôi</p>		

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
91	DUƠNG ĐÌNH NGHỆ	<p>nổi, đầy gian khổ, hi sinh nhưng vô cùng oanh liệt vẻ vang của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng dân tộc vĩ đại.</p> <p>Dương Đình Nghệ (? – 937) hay còn gọi là Dương Diên Nghệ. Thượng tướng của Khúc Thừa Hạo. Ông hết lòng giúp họ Khúc chăn dân trị nước. Đến năm Đinh sửu 917 Khúc Thừa Hạo mất, ông phù tá con Hạo là Khúc Thừa Mĩ. Năm Quý vị 923, nhà Nam Hán sai Lý Khắc Chính và Lý Tiên sang đánh. Khúc Thừa Mĩ bị bắt. Dương Diên Nghệ tạm lánh, lập cách báo thù cho họ Khúc, bèn lập ra trường đánh vật, chiêu tập hào kiệt cứu nước. Năm Tân mao 931, ông hưng binh, đánh tan quân đội của Thứ sử Lý Khắc Chính và Lý Tiên. Nhà Nam Hán sai Trần Bảo đem quân sang. Ông đón đánh, chém luôn Trần Bảo. Với chiến công lẫy lừng đó ông được nhân dân tin phục, suy tôn ông làm Tiết độ sứ. Ông mến tài viên thuộc tướng Ngô Quyền, gả con cho và cho trấn giữ Ái châu. Được 6 năm, một đêm, ông bị tên thuộc hạ là Kiều Công Tiễn phân bội ám sát chết. Ngô Quyền hay tin, lập tức kéo binh và đánh giết Kiều Công Tiễn dựng ra nhà Ngô.</p>	DUƠNG ĐÌNH NGHỆ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb</p>
92	TRẦN ĐẠI NGHĨA	<p>Trần Đại Nghĩa (1913-1997): Tên thật là Phạm Quang Lễ, quê tỉnh Vĩnh Long. Học song bậc trung học ở Sài Gòn, năm 1935, tiếp tục học các trường Đại học kỹ thuật điện, Viện nghiên cứu máy bay và Đại học Xoócbon, sau đó ông làm việc ở công trường cầu công, xưởng chế tạo máy bay vũ khí quân giới... Năm 1942, ông sang Đức làm việc trong xưởng chế tạo máy bay và Viện nghiên cứu vũ khí. Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, ông đã về nước cùng với Người, được giao chức vụ Cục trưởng Cục Quân giới. Trong kháng chiến chống Pháp, ông đã sáng chế được các vũ khí: súng không giật SKZ, Bazoca. Năm 1948, ông được phong hàm thiếu tướng, năm 1952, được tuyên dương Anh hùng lao</p>	TRẦN ĐẠI NGHĨA	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 347</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		động. Năm 1966, ông được bầu là Viện sĩ nước ngoài Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước (sau này là trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia). Do những cống hiến to lớn của ông Nhà nước đã trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).		
93	NGÔ THÌ NHẬM	Ngô Thì Nhậm (1746-1803): Nhà chính trị, quân sự, ngoại giao, nhà văn, người làng Tả Thanh Oai (Hà Nội). Năm 1775, Đỗ tiến sĩ, làm quan tại triều Lê- Trịnh. Triều đình lộn xộn, lòng dân ly tán, Ngô Thì Nhậm bỏ quan về ở ẩn, viết sách. Năm 1786, Tây Sơn ra Bắc Hà dẹp Trịnh, trao quyền cho vua Lê, Ngô Thì Nhậm được Lê Chiêu Thống mời ra giữ chức Hiệu thư; sau tập đoàn Lê Chiêu Thống bị quân Tây Sơn lật đổ, ông được Nguyễn Huệ trọng dụng. Cuối năm 1788, 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta. Ông chủ động đề xuất ý kiến rút quân ra khỏi Thăng Long vào Thanh Hóa, lập phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn, đợi Nguyễn Huệ đem quan ra bắc cùng phối hợp phản công. Sau chiến thắng Đống Đa, Ngô Thì Nhậm được giao nhiệm vụ ngoại giao với nhà Thanh. Năm 1790, ông làm Thượng thư Bộ Binh, rồi làm Tổng tài Quốc sử quán, năm 1793, làm chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại Quang Toản, trả thù hèn hạ nhà Tây Sơn, ông bị Đặng Trần Thường bắt giam, đánh đòn ở Văn Miếu, Thăng Long, mấy ngày sau ông mất. Ông viết nhiều sách khảo cứu, nhiều thơ, văn, tác phẩm để lại có: Hi Doãn văn tập, Hoàng Hoa đồ phổ, Xuân Thu quản kiến...Ông là một trong các tác giả của bộ tiểu thuyết lịch sử Hoàng Lê nhất thống chí.	NGÔ THÌ NHẬM	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 361
94	LÊ HỒNG PHONG	Lê Hồng Phong (1902-1942): Quê xã Thông Lạng (nay là xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An). Lớn lên, ông làm thư ký cho một hiệu buôn, rồi làm thợ ở nhà máy diêm	LÊ HỒNG PHONG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Vinh. Chính nơi đây ông được giác ngộ cách mạng. Năm 1924, ông cùng Phạm Hồng Thái sang Thái Lan, rồi Trung Quốc để liên lạc với cách mạng. Ít lâu sau ông được kết nạp vào Tâm Tâm xã, rồi gia nhập Cộng sản đoàn, nòng cốt của Hội Việt Nam thanh niên cách mạng. Ông được gửi vào học trường Quân sự Hoàng Phố và trường Không quân ở Liên Xô, tiếp đó vào học trường Đại học Phương Đông nghiên cứu lý luận cách mạng. Cuối năm 1931, ông lên đường về nước. Năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại do ông phụ trách hoạt động rất tích cực, vì thế, chẳng bao lâu, phong trào cách mạng trong nước hồi phục dần, ông là trưởng đoàn đại biểu Đảng ta sang Liên Xô dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Cùng thời kỳ này tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, giữ cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1937, Ông về Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 9/1939, ông bị địch bắt tại quê nhà rồi đưa vào giam ở Khám Lớn (Sài Gòn), sau đó bị đày ra Côn Đảo và hy sinh (5/9/1942).</p>		<p>Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 390</p>
95	TRẦN PHÚ	<p>Trần Phú (1904-1931): Quê huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh (sinh tại Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi). Đỗ đầu Cao đẳng Tiểu học ở Huế (1922), được bổ về dạy ở trường Tiểu học Cao Xuân Dục ở Vinh. Năm 1925, ông tham gia hội Phục Việt (sau đổi tên thành Hưng Nam, rồi Tân Việt cách mạng đảng). Mùa xuân năm 1927, ông được cử sang học trường Đại học Phương Đông Matxcova, nhóm cộng sản Việt Nam học tại đây do ông làm Bí thư. Tháng 4/1930, ông về nước được bổ sung vào Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng và khởi thảo Luận cương chính trị, đề ra đường lối mới cho cách mạng Việt Nam. Luận cương chính</p>	TRẦN PHÚ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 392</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		trị được Hội nghị Trung ương lần thứ nhất họp ở Hương Cảng (Trung Quốc) tháng 10/1930 thông qua. Cũng tại hội nghị này, Trần Phú được cử làm Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 4/1931, bị địch bắt tại Sài Gòn. Tháng 8/1931, ông bị ốm nặng, thực dân Pháp buộc phải đưa ông sang điều trị tại nhà thương Chợ Quán. Nhưng bệnh tình quá trầm trọng nên ngày 6/9/1931 ông đã từ trần.		
96	TRIỆU QUANG PHỤC	Triệu Quang Phục (?-571): Danh tướng của Lý Bí, ông là con của Triệu Túc, quê ở Chu Diên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc Vĩnh Phúc). Giỏi võ nghệ từ sớm, ông đã cùng cha theo Lý Bí khởi nghĩa, lật đổ chính quyền đô hộ, giải phóng đất nước. Năm 546 Lý Bí rút vào động Khuất Lão, giao quyền chỉ đạo cuộc kháng chiến cho Triệu Quang Phục. Năm 548 ông lên ngôi vua xưng là Triệu Việt Vương, dân gian gọi ông là Dạ Trạch Vương. Năm 550 ông tiến quân từ căn cứ Dạ Trạch đánh giết tướng giặc Dương Sần. Đất nước giải phóng. Ông về kinh thành, được tôn làm triệu Việt Vương. Sau ông bị Lý Phật Tử bội ước đánh úp, Quang Phục chống cự không nổi, phải chạy về phía nam đến của Đại An (Nam Định) rồi mất. Nhân dân địa phương đã lập đền thờ ông.	TRIỆU QUANG PHỤC	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 396
97	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Phan Đình Phùng (1847-1895): Người làng Đông Thái, nay là xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ tiến sĩ năm 1877, được bổ làm Tri huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, sau về Huế giữ chức Ngự sử. Tính ông cương trực, khảng khái. Năm 1885, Tôn Thất Thuyết họp đình thần để công bố việc phế bỏ vua Dục Đức, đưa Hiệp Hòa lên ngôi. Cả triều đình chỉ có ông dám đứng lên phản đối, nên bị cách chức, đuổi về làng. Nhưng hai năm sau, khi đưa vua Hàm Nghi ra Hà Tĩnh, Tôn Thất Thuyết lại triệu Phan Đình Phùng	PHAN ĐÌNH PHÙNG	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 397



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		ra và cử giữ chức Hiệp thống quân vụ, lãnh đạo nghĩa quân chống thực dân Pháp. Đại bản doanh nghĩa quân đặt tại vùng rừng núi Hương Sơn, Hương Khê (Hà Tĩnh), còn địa bàn hoạt động của nghĩa quân rất rộng, bao gồm vùng Nghệ - Tĩnh, một phần tỉnh Quảng Bình và một phần tỉnh Thanh Hóa. Tuy phải chiến đấu trong điều kiện vô cùng gian khổ, ông vẫn duy trì cuộc kháng chiến trong 10 năm, được nhân dân và quân sĩ tin yêu, ủng hộ nhiệt liệt. Ông bị thương trong một trận đánh và sau đó mất ngày 28/12/1895.		
98	VŨ TRỌNG PHỤNG	Vũ Trọng Phụng (1912-1939): Bút danh Thiên Hư, nhà văn Việt Nam. Quê làng Hào, huyện Mĩ Hào, Hưng Yên. Sống ở Hà Nội. Lúc 16 tuổi, thôi học làm thư kí đánh máy, nhân viên bán hàng, nhưng đều bị sa thải. Từ năm 1930, làm báo, viết văn. Mất trong nghèo túng vì bệnh lao phổi. Vũ Trọng Phụng viết cả truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, kịch, phê bình văn học, dịch thuật... ở thể loại nào ông cũng tỏ ra sắc sảo, song ở phóng sự và tiểu thuyết tài năng cử Vũ Trọng Phụng phát huy đầy đủ hơn cả: Kỹ nghệ lấy Tây (1934), Cơm thầy ơn cô (1936), là những thiên phóng sự thuộc loại hay nhất trong văn xuôi Việt Nam, báo chí đã gọi Vũ Trọng Phụng là “ông vua phóng sự đất Bắc”. Giông tố (1936), Số đỏ (1936), là hai tiểu thuyết có thể gọi là kiệt tác của nền văn xuôi hồi bấy giờ. Với một sức bút mãnh liệt, một tài năng dồi dào, ông có ảnh hưởng rõ rệt đến sự trưởng thành của nền văn xuôi Việt Nam đương thời.	VŨ TRỌNG PHỤNG	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 935
99	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	Nguyễn Tri Phương (1800-1873): Quê ở làng Chi Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; thi không đỗ nên chỉ được bổ làm Thư lại. Song nhờ có tài năng và đạo đức ông được thăng đến chức vụ đầu triều, nhiều lần giữ chức Thống đốc quân vụ ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ. Năm 1858, ông là	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 401

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		người cầm quân chống Pháp xâm lược ở Đà Nẵng. Ngày 20/11/1873, quân Pháp do Garnier chỉ huy, đánh thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương thân chinh ra chỉ huy chiến đấu ở cửa Nam thành và bị trọng thương. Giặc Pháp thừa thế xông vào chiếm thành, bắt giữ ông, chúng muốn cứu chữa, nhưng ông kiên quyết không chịu dùng thuốc, ông tuyệt thực đến ngày 20/12/1873 thì mất.		
100	BÀ HUYỆN THANH QUAN	Bà Huyện Thanh Quan (đầu thế kỷ XIX): Tên thật là Nguyễn Thị Hình, quê ở làng Nghi Tàm, huyện Hoàn Long (nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội). Bà là vợ ông Lưu Nghi, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, làm Tri huyện ở huyện Thanh Quan (Đông Hưng, Thái Bình), nên bà thường được gọi theo chức vụ của chồng là Bà huyện Thanh Quan. Bà nổi tiếng hay chữ, được vời vào kinh làm Cung trung giáo tập, dạy các công chúa và cung phi. Tác phẩm chỉ thấy có một số bài thơ Nôm được truyền tụng.	BÀ HUYỆN THANH QUAN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 183
101	LẠC LONG QUÂN	Lạc Long Quân: Tên thật là Sùng Lãm, khoảng thiên niên kỷ 3 TCN; nhân vật huyền thoại lịch sử, tổ tiên của người Việt, Cha của vua Hùng thứ nhất. Con của Kinh Dương Vương, nòi rồng, đất phương Nam. Lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ (giống tiên, gốc phương Bắc), sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành 100 con trai, sau đó Lạc Long Quân đem 50 con xuống biển, Âu Cơ đem 50 con lên vùng núi cao, tỏa ra thành tổ tiên người Việt. Người con cả theo mẹ lên núi được suy tôn làm vua nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Phủ Thọ ngày nay), hiệu là Hùng Vương.	LẠC LONG QUÂN	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2. Tr 625
102	CAO BÁ QUÁT	Cao Bá Quát (1808-1855): Thủ lĩnh nghĩa quân nông dân Bắc kì, nhà thơ lớn, nhà thư pháp. Tự Chu Thần, hiệu Cúc Đường, Mẫn Hiên, quê xã Phú Thụy, huyện Gia Lâm (Hà Nội). Ông đồ cử nhân, thuở nhỏ nổi tiếng “văn hay, chữ tốt”, những mây	CAO BÁ QUÁT	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr.

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>lần vào kinh thi Hội đều phạm trường quy nên bị đánh hỏng. Năm 1841, ông vào làm việc ở Bộ Lễ tại kinh đô Huế. Năm 1853 -1854, các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh bị hạn hán, dân đói khổ, lòng bất mãn với chính quyền phong kiến tràn ngập khắp nơi. Nhân cơ hội này ông tổ chức cuộc khởi nghĩa trên đất Mỹ Lương, tôn Lê Duy Cự làm minh chủ. Cuộc khởi nghĩa chưa kịp bùng lên thì bị bại lộ, nên chỉ kéo dài được mấy tháng. Cao Bá Quát hy sinh tại trận. Cao Bá Quát là nhà thơ lớn, người bảy giờ ca ngợi: “Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán”. Thơ văn của ông còn lại không nhiều, khoảng 1000 bài Nôm và Hán trong bộ Cao Chu Thần thi văn tập, thể hiện rõ bản lĩnh của ông, luôn giữ nhân cách cao thượng, không gập lưng uốn gối tìm giàu sang, đồng thời cũng biểu hiện tình yêu thiên nhiên đất nước, yêu lịch sử, đề cao các anh hùng dân tộc, các nhà Nho có nhân cách, phản ánh nổi cực khổ của dân nghèo.</p>		407
103	NGÔ QUYỀN	<p>Ngô Quyền (899-944): Người chỉ huy trận Bạch Đằng nổi tiếng. Ông là người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội). Năm 937, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết hại. Ông quyết định đem quân từ Châu Ái ra trừng trị tên phản chủ cướp quyền. Kiều Công Tiễn hoảng sợ, cho người sang Nam Hán cầu cứu. Vua Nam Hán nhân đó, một lần nữa tổ chức cuộc xâm lược. Ông lãnh đạo nhân dân đánh bại quân Nam Hán trong trận Bạch Đằng lịch sử “vang dội đến nghìn thu” đã khẳng định nền độc lập của đất nước ta. Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, xây dựng lại chính quyền, đóng đô ở Cổ Loa. Năm 944, Ngô Quyền mất.</p>	NGÔ QUYỀN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 410</p>
104	LÊ THỊ RIÊNG	<p>Lê Thị Riêng (1925 - 1968): Nhà hoạt động Cách mạng, quê ở xã Vĩnh Mỹ, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Năm 1945, bà tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1965, bà là khu</p>	LÊ THỊ RIÊNG	<p>Báo điện tử Công an Nhân dân. <a href="https://cand.com.vn/Tu-">https://cand.com.vn/Tu-</a></p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>ủy viên Sài Gòn-Gia Định, Trưởng ban Phụ nữ vận Khu ủy Sài Gòn-Gia Định. Năm 1968, vào ngày mùng 2 Tết Mậu Thân, bà bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa thủ tiêu, tại bốt Bà Hòa ở Chợ Lớn (nay là đường Hồng Bàng, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) cùng với và một số tù nhân khác, trong đó có ông Trần Văn Kiêu và bà Phùng Ngọc Anh - một nữ chiến sĩ biệt động nổi tiếng biệt danh “Tiểu Long nữ”. Trong nhóm người đó chỉ có một mình bà Phùng Ngọc Anh may mắn sống sót vì bà Lê Thị Riêng đã lấy thân mình che đạn cho bà.</p>		<p>lieu-antg/Nu-Anh-hung-Le-Thi-Rieng-cai-chet-hoa-thanh-bat-tu-i463534/</p>
105	NGUYỄN SINH SẮC	<p>Nguyễn Sinh Sắc (1862-1929): Ông còn có tên là Nguyễn Sinh Huy. Quê làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông đỗ Phó bảng năm 1901, làm quan ở kinh thành Huế, rồi được bổ nhiệm giữ chức Tri huyện Bình Khê (Bình Định). Năm 1927, ông vào Sài Gòn sinh sống bằng nghề Đông y, có thời gian vào làm trong đồn điền cao su. Để tiện việc theo dõi kiểm soát, thực dân Pháp buộc ông phải lưu trú tại Cao Lãnh (Đồng Tháp). Tại đây ông tiếp tục hành nghề Đông y và giữ mối liên lạc với các trí sĩ yêu nước bị thực dân “an trí” ở các địa phương miền Nam. Năm 1929, ông mất tại Cao Lãnh.</p>	NGUYỄN SINH SẮC	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 421</p>
106	VÕ THỊ SÁU	<p>Võ Thị Sáu (1935-1952): Tên thật Nguyễn Thị Sáu, quê ở làng Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai. Mới 12 tuổi chị Sáu đã được người anh trai giác ngộ cách mạng, rồi theo anh trốn lên chiến khu. 14 tuổi, nhận nhiệm vụ, chị trở về hoạt động tại quê nhà. Sau đó, chị ở lại Bà Rịa điều tra tình hình địch và liên lạc, tiếp tế cho chiến khu. Năm 1950, chị mang lựu đạn về làng giết Cai tổng Tòng, tên tay sai đại gian ác của địch trong vùng và bị giặc Pháp bắt. Gần 3 năm, chúng đã giam giữ chị hết nhà tù này đến nhà tù khác, cùm kẹp, tra tấn dã man, trước sau chị vẫn kiên gan chịu đựng, không để lộ bí mật cách</p>	VÕ THỊ SÁU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 419</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		mạng. Cuối cùng kẻ thù đã xử bán chị tại Côn Đảo. Chị được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.		
107	NGÔ VĂN SỞ	Ngô Văn Sở (?-1795): Danh tướng cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Ông vốn gốc họ Ngô ở Trảo Nha, huyện Thiên Lộc (Can Lộc, Hà Tĩnh). Sau rời vào huyện Bình Khê, Quy Nhơn (Tây Sơn, Bình Định). Năm 1787, ông cùng Phan Văn Lân được Nguyễn Huệ cử làm Tham tán quân vụ cùng Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Bắc Hà diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Khi Vũ Văn Nhậm tỏ ý chuyên quyền, bị Nguyễn Huệ giết, ông được giao quyền cai quản Bắc Hà. Cuối năm 1788, 29 vạn quân Thanh kéo sang xâm lược, ông nghe lời Ngô Thì Nhậm rút lui chiến lược, lập phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn (Ninh Bình – Thanh Hóa). Đầu năm 1789, dưới sự lãnh đạo của Quang Trung, Ngô Văn Sở chỉ huy một cánh quân đánh quân Thanh, góp phần lập lên chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa. Từ năm 1790 – 1792, ông làm Đô đốc thủy quân cùng với Lê Văn Nhậm, đánh lại bọn phi ở Biển Đông. Năm 1795, ông triệu về Phú Xuân, bị quyền thần Vũ Văn Dũng sát hại.	NGÔ VĂN SỞ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 429
108	TRẦN QUỐC TẮNG	Trần Quốc Tảng (1252 - 1313): Ông là con trai thứ 3 của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, tước hiệu là Hưng Nhượng vương. Ông tham gia cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai (1285), lần thứ ba (1288). Lập nhiều chiến công. Sau chiến tranh ông được phong đất ở Tĩnh Bang (vùng Đông Triều, Quảng Ninh). Tác phẩm để lại có Phóng cuồng ca	TRẦN QUỐC TẮNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 437
109	HÀ HUY TẬP	Hà Huy Tập (1902-1941): Xuất thân trong một gia đình nhà Nho. Quê ở Cẩm Hưng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh. Năm 1923, ông tốt nghiệp trường Cao đẳng tiểu học ở Huế, được bổ nhiệm về dạy Trường tiểu học thị xã Nha Trang, Trường tiểu học Cao Xuân Dục (Vinh). Ở đây được giác ngộ cách mạng,	HÀ HUY TẬP	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 445

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>năm 1925, ông tham gia Hội Phục Việt (sau đổi thành Tân Việt). Cuối năm 1928, được cử sang Quảng Châu bàn việc hợp nhất Hội Tân Việt với Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và chuyển sang hoạt động trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Năm 1929, sang Liên Xô học trường Đại học Phương Đông của Quốc tế cộng sản. Đầu năm 1934, Hà Huy Tập về Ma Cao (Trung Quốc), tham gia Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng. Tháng 3/1935, giữ cương vị Bí thư Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 7/1936 cùng với Lê Hồng Phong chủ trì Hội nghị I, của Ban chấp hành trung ương Đảng, quyết định thành lập mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi, sau đổi thành Mặt trận thống nhất dân chủ. Tại Đại hội này Hà Huy Tập được cử giữ chức Tổng Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng công sản Đông Dương. Sau Hội nghị ông trở về nước trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Đến hội nghị Ban Chấp hành trung ương tháng 3/1938, Nguyễn Văn Cừ giữ chức Tổng Bí thư Đảng, Hà Huy Tập là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng. Ngày 30/3/1940, bị bắt và giam tại Khám Lớn (Sài Gòn), ngày 25/3/1941, bị Pháp buộc tội là người chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc khởi nghĩa Nam kỳ và kết án tử hình. Ngày 28/8/1941, bị bắn tại Hóc Môn (Gia Định). Hà Huy Tập là một chiến sĩ cách mạng kiên cường, đã hi sinh anh dũng vì nền độc lập, tự do của đất nước, vì lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản.</p>		
110	PHẠM NGỌC THẠCH	<p>Phạm Ngọc Thạch (1909-1968): Ông sinh tại thành phố Sài Gòn. Sau khi đỗ bác sĩ y khoa tại Hà Nội, năm 1935 ông về quê mở bệnh viện tư hành nghề. Là một trí thức giàu lòng yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1941 tham gia phong trào do Đảng Cộng sản Đông</p>	PHẠM NGỌC THẠCH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 448</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Dương lãnh đạo, chữa bệnh cho cán bộ hoạt động bí mật, tuyên truyền vận động cho Mặt trận Việt Minh. Là đảng viên cộng sản từ tháng 5/1945, thời kì tiền khởi nghĩa ông tham gia và lãnh đạo Thanh niên tiên phong, đã góp phần vào Cách mạng tháng Tám thắng lợi ở Sài Gòn – Chợ Lớn. Cách mạng tháng Tám thành công ông cử làm Bộ trưởng bộ Y tế của Chính phủ trung ương lâm thời. Kháng chiến Nam Bộ, rồi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng ở trong Nam và ở Trung ương (Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn; Thứ trưởng Chủ tịch phủ...). Hòa bình lập lại (1954), ông lần lượt giữ chức Thứ trưởng, rồi Bộ trưởng Bộ Y tế, Viện trưởng viện chống Lao trung ương. Đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam và tiến hành chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, ông chỉ đạo toàn ngành chuyển hướng công tác đẩy mạnh đào tạo cán bộ và sản xuất thuốc, phục vụ kịp thời và đặc lực cho cuộc kháng chiến. Ông là đại biểu Quốc hội các khóa II, III, Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Ủy viên Hội trừ lao quốc tế. Ông hy sinh ở chiến trường miền Nam Việt Nam năm 1968. Ông được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).</p>		
111	HOÀNG HOA THÁM	<p>Hoàng Hoa Thám (1858-1913): Ông gốc ở làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, sau di cư lên Sơn Tây (Hà Tây), rồi lại lên Yên Thế (Bắc Giang). Cha là Trương Văn Thân, một nông dân nghèo. Năm 1885, ông đã có mặt trong đội quân khởi nghĩa chống Pháp cùng với Bá Phức, Thống Luận dưới quyền chỉ huy của Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh), lấy tên là Đê Dương được Cai Kinh đổi tên thành Hoàng Hoa Thám (tức Đê Thám). Sau khi Cai Kinh chết, Đê Thám tách ra hoạt động riêng và trở thành thủ lĩnh của phong trào nông</p>	HOÀNG HOA THÁM	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 454</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>dân Yên Thế chống thực dân Pháp xâm lược với biệt danh “Hùm xám Yên Thế”. Trong suốt thời gian lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp, ông đã tổ chức đánh nhiều trận thắng lợi, như: Trận thung lũng Hồ Chuối (tháng 12/1890), trận Đồng Hom (tháng 3/1892), tiếp đến nhiều trận đánh khác gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Lần thứ nhất, năm 1894, kẻ địch buộc phải để ông làm chủ 4 tổng: Hữu Thượng, Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ. Lần thứ 2, năm 1897, Pháp phải công nhận ông được phép khẩn hoang ở Phồn Xương. Đồn điền Phồn Xương thực chất là một căn cứ chống Pháp là nơi thu hút các sĩ phu, thủ lĩnh các phong trào yêu nước. Tháng 1/1909, thực dân Pháp tấn công trở lại, Hoàng Hoa Thám kịp thời đối phó, Tháng 11/1909, thực dân Pháp dồn lực lượng về Yên Thế bao vây Đền Thám, Bà Ba Cẩn (vợ ba Đền Thám) bị bắt, nhiều nghĩa quân khác lần lượt hi sinh. Nghĩa quân dần dần tan rã. Ngày 10/2/1913, ông bị bọn tay sai của Pháp sát hại</p>		
112	TÔN ĐỨC THẮNG	<p>Tôn Đức Thắng (1888-1980): Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Quê ở xã Mỹ Hoà Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh Long Xuyên (nay là tỉnh An Giang). Năm 1912, ông đã tổ chức và lãnh đạo cuộc bãi công của học sinh trường dạy nghề và công nhân nhà máy sửa chữa tàu thủy Ba Sơn. Sau đó bị thực dân Pháp lùng bắt ráo riết, ông phải trốn sang Pháp, sau vào làm thợ máy trong hải quân Pháp. Năm 1919, ông tham gia cuộc binh biến tại Biên Đen, chống lại cuộc chiến tranh can thiệp của đế quốc nhằm tiêu diệt nước cộng hòa Xô viết Nga. Trở về nước năm 1920 trong đợt binh lính Việt Nam hồi hương, ông ra sức xây dựng các cơ sở công hội bí mật tại khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn và đã lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Sơn tháng 8/1925 thắng lợi. Năm 1926, ông gia nhập</p>	TÔN ĐỨC THẮNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 470</p>



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, cuối năm 1929 bị thực dân Pháp bắt kết án 20 năm khổ sai và đày ra Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, từ năm 1945 - 1969, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng, Nhà nước, Mặt trận: Chủ tịch Mặt trận liên minh ba nước Đông Dương, Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam từ 1955, Phó chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ 1960... Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ông được cử làm Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và giữ chức đó tới ngày qua đời. Do những công hiến to lớn, ông đã được tặng thưởng Huân chương Sao vàng (1958).</p>		
113	NGUYỄN CHÍ THANH	<p>Nguyễn Chí Thanh (1914-1967): Quê ở huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế. Ông tham gia phong trào Mặt trận Bình dân, được kết nạp vào Đảng Công sản Đông Dương tháng 7/1937, năm 1938 làm Bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên. Giữa năm 1939, bị thực dân Pháp bắt và giam ở các nhà lao Huế, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột. Năm 1941, ông vượt ngục và cùng một số đồng chí khác thành lập Tỉnh ủy lâm thời Thừa Thiên. Năm 1943, ông lại bị bắt, ra khỏi tù sau cuộc Nhật đảo chính Pháp (3/1945), ông được cử đi dự hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng, được chỉ định làm Bí thư Xứ ủy Trung kì. Năm 1947, được chỉ định làm Bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên, sau đó làm Bí thư phân khu ủy Bình – Trị – Thiên. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951) ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương và được cử vào Bộ Chính trị. Sau ngày hòa bình lập lại ông đã góp phần xây dựng quân đội lớn mạnh, năm 1959, được phong quân hàm đại tướng. Trong kháng chiến chống Mỹ, ông được Đảng điều động trở lại quân đội, năm 1965 vào miền Nam tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ. Do</p>	NGUYỄN CHÍ THANH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 456</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>công lao và thành tích đối với tổ quốc, đối với cách mạng, ông được nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương cao quý, sau khi mất được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Quân công hạng hai.</p>		
114	TÔ HIẾN HÀNH	<p>Tô Hiến Thành (?-1179): Vi đại thần nổi tiếng nhà Lý. Quê ở Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội. Làm quan đời Lý Anh Tông đến chức Thái phó trông coi việc binh. Từ năm 1141 -1159, ông đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa, nổi dậy của Thân Lợi ở Thái Nguyên, các tộc người miền Tây Nam, đánh quân Champa xâm lấn biên giới. Năm 1175, Lý Anh Tông lập Long Trát làm Thái tử, phong ông làm Nhập nội Thái phó, tước vương giúp đỡ thái tử. Năm đó Lý Anh Tông mất, trước khi mất vua di chiếu giao cho ông giúp việc vua mới với mong muốn “công việc nước nhà nhất thiết tuân theo phép cũ”. Năm 1171, vua mới 3 tuổi lên ngôi, một mình ông phải lo mọi việc nghiêm chỉnh, công bằng, mọi người đều quy phục. Năm 1179, ông mất.</p>	TÔ HIẾN THÀNH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 462</p>
115	HOÀNG VĂN THỤ	<p>Hoàng Văn Thụ (1906-1944): Ông dân tộc Tày, quê xã Nhân Lý (nay là xã Hoàng Văn Thụ), huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Sau phong trào truy điệu cụ Phan Châu Trinh (1926), ông cùng với một số thanh niên lập ra nhóm thanh niên yêu nước ở Lạng Sơn. Một năm sau ông trốn sang Trung Quốc tìm đường hoạt động cách mạng. Tại đây năm 1929, ông cùng với Hoàng Đình Giông thành lập chi bộ Đông Dương Công sản đầu tiên ở vùng biên giới Trung – Việt. Năm 1939 Lê Hồng Phong từ Liên Xô về Trung Quốc, ông đã giúp Lê Hồng Phong liên lạc với trong nước, mở nhiều lớp huấn luyện ở Long Châu, đào tạo, huấn luyện thanh niên từ trong nước ra. Đầu năm 1937, ông trở về hoạt động ở Cao Bằng, được bổ xung vào Xứ ủy Bắc Kỳ. Tháng 3/1939, ông được bầu làm Bí</p>	HOÀNG VĂN THỤ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 496</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Tháng 8/1943 trên đường đi dự họp ở Hà Nội, ông bị mật thám Pháp bắt tại khu Tám Mái (Hà Nội). Ngày 24/5/1944, địch sử bắn ông tại trường bắn Tương Mai (Hà Nội).		
116	TÔN THẤT THUYẾT	Tôn Thất Thuyết (1835-1913): Quê làng Phú Mộng, xã Xuân Long, Huế. Năm 1869 được bổ nhiệm chức An sát Hải Dương, rồi sang làm Tán tương quân vụ dưới quyền Hoàng Tá Viêm. Ngày 21/12/1873, ông tham gia đánh trận Cầu Giấy lần thứ nhất ở cửa ngõ phía Tây Hà Nội, cùng với đội quân cò đen của Lưu Vĩnh Phúc. Tháng 6/1883, ông được bổ sung vào Viện cơ mật. Sau khi Tự Đức mất, ông là một trong ba phụ chính đại thần. Lúc bấy giờ triều đình đã đầu hàng thực dân Pháp. Những trước sau ông vẫn là người chủ chiến và ra sức xây dựng lực lượng để đánh giặc, giành lại chủ quyền. Khi thất bại trong một cuộc binh biến năm 1885, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi ra sơn phòng tỉnh Quảng Trị xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi toàn dân kháng chiến. Ông mất tháng 3/1913.	TÔN THẤT THUYẾT	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 502
117	TUỆ TĨNH	Tuệ Tĩnh (cuối thế kỷXIV): Tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, danh y thời Trần. Ông hiệu là Hồng Nghĩa Đường, quê ở Nghĩa Lư, Hồng Châu (Nghĩa Phú, Bình Giang, Hải Dương). Năm 22 tuổi ông đi thi Hội đõ, nhưng không làm quan, xin về quê chữa bệnh, bốc thuốc. Ông thường đi lại khám chữa bệnh, ở 24 ngôi chùa ở Hồng Châu, vận động mọi người trồng cây thuốc nam với phương châm “Thuộc Nam Việt chữa người Nam Việt”, không những thế ông còn dạy các nhà sư cách chữa bệnh thông thường, thu thập kinh nghiệm chữa bệnh trong dân gian, ghi lại thành sách như: Nam dược thần hiệu, Nam dược Quốc ngữ phú ...Nhân dân xem ông là vị thánh thuốc Nam. Truyền rằng, cuối thế kỷ XIV, ông bị triều	TUỆ TĨNH	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 566

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
118	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	<p>đình bắt đem công cho nhà Minh, rồi mất ở bên ấy.</p> <p>Nguyễn Trường Tộ (1830 -1871): Quê ở làng Bùi Chu, Hưng Nguyên, Nghệ An, xuất thân trong một gia đình nghèo, theo đạo Thiên Chúa, thông minh, chăm học và được truyền tụng là Trạng Tộ. Ông rất chú ý lời học thực dụng và chán ghét lối học từ chương, khoa cử. Năm 1855, ông được đi tham quan Singapo, Hương Cảng, rồi qua Rome và Pari học các môn khoa học thường thức, các môn thực nghiệm. Năm 1861, ông về đến Sài Gòn lúc Pháp đã chiếm Gia Định, ông làm phiên dịch giữa nhà Nguyễn với Pháp. Ngay trong thời gian này, Nguyễn Trường Tộ đã thiết tha đề nghị triều đình gấp rút duy tân đất nước, mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước, cử người đi học tập khoa học, kỹ thuật ở các nước tiên tiến phương Tây. Sau đó triều đình còn phái ông sang Pháp thuê mướn giáo sư, chuyên gia kỹ thuật, mua máy móc, sách vở... về mở một trường kỹ thuật theo lối phương Tây. Thời gian này ông đã gửi về triều đình Huế một bản điều trần rất quan trọng gọi là Tám điều cấp cứu (như cần gấp rút chấn chỉnh võ bị, bộ máy hành chính, tài chính, học thuật, thuế điền thổ...). Cuối năm 1870, ông lại xin triều đình cho vào Nam chuẩn bị cuộc đột kích vào thành Gia Định nhân lúc Pháp gặp khó khăn, nhưng bị khước từ. Mặc dù vậy, tháng 9/1871 và những ngày tháng tiếp theo, ông vẫn kiên trì gửi thêm nhiều điều trần tiếp tục đề nghị cải cách, chấn hưng kinh tế... Cho đến ngày phải nằm trên giường bệnh, ông vẫn thiết tha về công cuộc cải cách đất nước. Ông mất ngày 10/10/1871. Nguyễn Trường Tộ xứng đáng được coi là một nhà tư tưởng đổi mới, có hành động thức thời ở nửa sau thế kỷ XIX đầy biến động của nước ta.</p>	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 524</p>
119	LÊ THÁI TỘ	Lê Thái Tộ (1385-1433): Tên thật là Lê Lợi, anh hùng dân	LÊ THÁI TỘ	Từ điển bách khoa Việt

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>tộc, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của nhà Minh, vị vua khai sáng nhà Hậu Lê. Sinh ngày 10/9/1385 tại quê mẹ. Tổ 3 đời của Lê Lợi là Lê Hồi vốn làm nghề dạy học. Lê Hồi dời nhà đến Lam Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hóa) lập nghiệp. Lê lợi thừa nghiệp của ông (Lê Dinh) và cha (Lê Khoáng) trở thành một hào trưởng lớn vùng Lam Sơn. Đầu năm 1416, Lê Lợi cùng 18 người tâm huyết và chí hướng tổ chức hội thề ở Lũng Nhai. Đầu năm 1418, Lê Lợi giương cao cờ nghĩa, tự xưng Bình Định Vương, phát Động khởi nghĩa Lam Sơn. Sau một loạt các chiến thắng vang dội (Tốt Động-Chúc Động, Chi Lăng-Xương Giang) và đánh tan 2 đạo quân Minh tiếp viện với kế sách vừa bao vây, vừa dụ hàng. Lê Lợi đã buộc quân Minh cố thủ trong thành Đông Quan phải cam chịu thất bại, rút quân về nước.</p>		<p>Nam Tập 2, Tr. 670</p>
120	LÝ THÁI TỐ	<p>Lý Thái Tổ (974 -1028): Ngươi sáng lập ra nhà Lý, tên húy của Lý Công Uẩn, người châu Cổ Pháp (Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh), đời vua Lê Đại Hành, ông giữ chức Điện tiền Chỉ huy sứ. Khi Lê Ngoại Triều mất, nhà Tiền Lê suy hẳn. Triều đình tôn Lý Công Uẩn lên ngôi, Lý Công Uẩn lên làm vua, đặt niên hiệu là Thuận Thiên. Năm 1010, ông xuống chiếu dời đô từ Hoa Lư về Đại La, rồi đổi tên thành Thăng Long. Trong những năm trị vì ông thường xuyên chăm lo việc ổn định tình hình chính trị, củng cố thống nhất, phát triển sản xuất, giao hảo với nhà Tống. Tháng 4, năm 1028, ông mất, miếu hiệu là Thái tổ</p>	LÝ THÁI TỐ, LÝ CÔNG UẨN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 584</p>
121	TRẦN QUỐC TOẢN	<p>Trần Quốc Toản (1267-1285): Vị thiếu niên anh hùng, danh tướng của cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Có người cho rằng ông sinh ra ở Trang Liệt (Tiên Sơn, Bắc Ninh), có người cho ông là con của Hoài Đức vương Bà Liệt, sống ở</p>	TRẦN QUỐC TOẢN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr.</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Tây Chân (Nam Định). Năm 1282, vua Trần mở hội nghị Bình Than (Hải Dương) để thống nhất ý chí chống giặc. Bấy giờ ông mới 15 tuổi, tước Hoài Văn hầu, được tin đã tự mình đến dự. Thấy ông nhỏ tuổi, quân canh giữ không cho vào. Ông nghĩ giận đến nổi tay bóp nát quả cam đang cầm lúc nào không biết. Ông quay về trang trại của mình huy động những người thân thuộc và dân làng xung quanh, họp thành một đạo quân hơn 1000 người, cùng nhau ngày đêm luyện tập, rèn đúc vũ khí. Năm 1285, quân Nguyên tràn vào nước ta, theo lời kêu gọi của triều đình, ông dẫn quân lên đường, tham gia kháng chiến, giương cao lá cờ “Phá cường địch, báo hoàng ân”. Ông tham dự vào nhiều trận đánh lớn ở Tây Kết (Hung Yên), Chương Dương (Hà Nội). Trong một trận đánh ở vùng sông Như Nguyệt, ông đã hy sinh năm 1285, lúc ấy mới tuổi 18. Vua Trần Nhân Tông thương tiếc, thân làm bài văn tế và truy phong ông tước Vương. Người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản trở thành biểu tượng sáng ngời của tuổi trẻ yêu nước Việt Nam.</p>		521
122	VÕ TRƯỜNG TOẢN	<p>Võ Trường Toản là người huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Cụ là một nhà nho lớn, một nhà giáo đức độ tài ba, lỗi lạc ở miền Nam ở thế kỷ 18.</p>	VÕ TRƯỜNG TOẢN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 121</p>
123	LÝ THÁI TÔNG	<p>Lý Thái Tông (1000-1054): Là con trưởng của Lý Công Uẩn, tên húy Phật Mã, lại có tên là Đức Chính, sinh ở Trường Yên (Ninh Bình). Năm 1028 ông lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thiên Thành. Năm 1042 ông cho ban hành bộ Hình thư - bộ luật đầu tiên của nước ta, tiếp đó quy định thể lệ mũ áo các quan khi vào chầu. Ông cũng quan tâm tới mối quan hệ giữa tộc người Việt với các dân tộc thiểu số ở biên giới. Ông đặt</p>	LÝ THÁI TÔNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 451</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		quan hệ tốt với nhà Tống. Về văn hóa Lý Thái Tông rất chuộng Phật giáo và là người xây chùa Diên Hựu (Một Cột). Ông mất năm 1054.		
124	LÝ THÁNH TÔNG	Lý Thánh Tông (1023-1072): Tên thật là Lý Nhật Tông, vua thứ ba triều Lý, con Lý Thái Tông. Lên ngôi năm 1054, đổi tên nước là Đại Việt. Cho xây tháp Báo Thiên (1057), lập văn miếu thờ Chu Công, Khổng Tử (1070), kiện toàn quân đội Cấm binh, Sương binh, củng cố khối đoàn kết dân tộc, có lòng thương dân, khuyến khích nông nghiệp. Năm 1069 đánh Chiêm Thành, vua Chiêm là Chế Củ dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính (Quảng Bình, Quảng Trị) cho nhà Lý.	LÝ THÁNH TÔNG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2, Tr. 803
125	LÝ NHÂN TÔNG	Lý Nhân Tông (1066-1128): Tên thật là Càn Đức, vị vua thứ 4 (1072-1128), triều Lý con vua Lý Thánh Tông và nguyên phi Ý Lan. Lên ngôi lúc 7 tuổi. Việc hoàn thành nhà nước phong kiến tự chủ thời Lý Trần phần lớn được thực hiện dưới triều Lý Nhân Tông. Lý Nhân Tông ham chuộng văn hóa, mở đầu nền giáo dục khoa cử và tổ chức khoa thi năm 1075; sống tiết kiệm, chăm lo phát triển nông nghiệp. Cùng Lý Thường Kiệt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi, có nhiều biện pháp kiên quyết bảo vệ biên giới phía bắc và thắt chặt quan hệ giữa triều đình với các tù trưởng thiểu số, ông chỉ mong muốn “bốn bề yên vui, biên thùy ít loạn”.	LÝ NHÂN TÔNG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2, Tr. 803
126	TRẦN THÁI TÔNG	Trần Thái Tông (1218-1277): Vua mở nghiệp nhà Trần, tên thật là Trần Cảnh, lại có tên Trần Bô, sinh năm 1218 tại phủ đệ Tinh Cương, huyện Ngự Thiên, phủ Long Hưng (nay là thôn Tam Đường, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà). Tháng 10 năm Kiến Gia thứ 4 (1224), Lý Chiêu Hoàng lên ngôi, Trần Cảnh được vào cung giữ chức nội thị chính thủ. Được Lý Chiêu Hoàng quý mến, sau được cô, chú tác thành vợ chồng, rồi Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng. Trần Cảnh đăng	TRẦN THÁI TÔNG	Từ điển Thái Bình; Tỉnh ủy Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Nxb văn hóa thông tin, 2010 Tr. 957

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>quang, mở ra triều Trần. Năm 1234, Thượng hoàng Trần Thừa qua đời, vua trực tiếp trị vì đất nước. Các bề tôi có công tôn phò đều được ban chức cao, bổng hậu. Trong hoàng tộc, với bề trên thì hiếu thuận, với anh em thì chí tình. Nước được chia thành 12 lộ, đặt chức an phủ, trấn phủ, quan đại tư xã, tiểu tư xã, bộ máy từ trung ương xuống tận cơ sở đều nắm chắc. Trần Thái Tông đã lãnh đạo đánh bại cuộc xâm lược lần thứ nhất của quân Mông Cổ (1258). Ngày 1 tháng 4 năm Bảo Phù thứ 5 (1277), Trần Thái Tông mất tại cung Vạn Thọ.</p>		
127	TRẦN THÁNH TÔNG	<p>Trần Thánh Tông (1258-1278): Tên thật là Trần Hoảng, con trưởng của Trần Thái Tông và Công chúa Lý Thị Thuận Thiên. Vua thứ 2 của triều Trần. Năm 1258 cùng vua cha triệu tập Hội nghị Diên Hồng, phát động lòng yêu nước của toàn dân và cùng các tướng lĩnh phản công đánh đuổi quân Mông Cổ, khôi phục kinh thành Thăng Long. Lên ngôi năm 19 tuổi, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi cho con là Trần Khâm (Trần Nhân Tông), lên làm Thượng Hoàng. Là ông vua nhân từ, tôn trọng hiền tài, biệt đãi anh em và người trong họ, chăm lo, săn sóc đến việc huấn luyện văn võ cho con cháu người trong hoàng tộc nên các vương hầu ai cũng hoà mục, kính sợ.</p>	TRẦN THÁNH TÔNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005. Tr. 466</p>
128	TRẦN NHÂN TÔNG	<p>Trần Nhân Tông (1279-1293): Tên húy là Trần Khâm, vua thứ 3 của triều Trần. Trong thời gian ông làm vua, nước Đại Việt bị quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ 2 (1285) và lần thứ 3 (1288). Trần Nhân Tông trở thành ngọn cờ tiêu biểu lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn gian khổ đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi huy hoàng. Ông vừa là nhà chiến lược tài giỏi, vừa là vị tướng cầm quân dũng cảm ngoài chiến trường. Ông còn là một triết gia lớn, đứng đầu phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử; một thi sĩ tài hoa, tác giả hai câu thơ bất hủ viết tại Long Hưng, bên lăng Trần Thái Tông, lúc làm lễ</p>	TRẦN NHÂN TÔNG	<p>Từ điển Thái Bình; Tỉnh ủy Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Nxb văn hóa thông tin, 2010 Tr. 954</p>



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		dâng tù binh mừng chiến thắng, ngày 1/4/1288: <i>Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã/Sơn hà thiên cổ điện kim âu.</i> cũng hòa mục, kính sợ. Trần Thánh Tông còn 6 bài thơ chép trong “Việt âm thi tập”.		
129	TRẦN ANH TÔNG	Trần Anh Tông (1276-1320): Tên thật là Trần Thuyên, nhà thơ Việt Nam, con Trần Nhân Tông, lên làm vua lúc 17 tuổi (1293), khi cả nước đang hàn gắn vết thương chiến tranh và củng cố nền thống nhất. Thời ông văn học thịnh vượng. Các nhà nho lớp trẻ như Đoàn Nhữ Hài, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn được trọng dụng. Bản thân ông cũng thích văn nghệ. Nay thơ ông còn 12 bài chép trong “Việt âm thi tập”.	TRẦN ANH TÔNG	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 546
130	LÊ THÁNH TÔNG	Lê Thánh Tông (1441-1497): Tên húy là Lê Tư Thành, vua và nhà thơ Việt Nam thời Lê sơ, là người thông minh ham học hỏi, thông hiểu kinh sử, tập, luật, thi, họa, nổi tiếng uyên bác, lên ngôi năm 1460 trị vì đất nước 37 năm, lấy hiệu là Quang Thuận (1460- 1469), Hồng Đức (1470-1497). Ông chủ trì biên soạn Bộ Luật Hồng Đức nổi tiếng của quốc gia Đại Việt. Là người tổ chức biên soạn nhiều bộ sách quý như “Thiên nam dư hạ tập”, “Đại Việt sử ký toàn thư”... Dưới thời Lê Thánh Tông trị vì đất nước trở nên giàu có, biên giới mở mang, chế độ phong kiến được củng cố vững chắc, nhân dân an cư lạc nghiệp, văn hóa giáo dục phát triển, đạo Nho trở thành quốc giáo. Ông là một nhà vua “văn võ song toàn”.	LÊ THÁNH TÔNG	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 2, Tr. 671
131	LÊ HỮU TRÁC	Lê Hữu Trác (1720-1791): Hiệu Hải Thượng Lãn Ông. Đại danh Y, nhà văn, nhà thơ Việt Nam. Quê ở xã Liêu Xá, huyện Đường Hào (nay là Mỹ Văn), tỉnh Hưng Yên. Năm 1741, về quê ngoại làng Tình Diễm, Hương Sơn, Hà Tĩnh, nuôi mẹ già, chuyên tâm theo nghề y, trở thành lương y nổi tiếng cả nước. Năm 1781, được triệu ra kinh thành Thăng Long chữa bệnh cho Trịnh Sâm và con Trịnh Cán. Lê Hữu Trác đề cao	LÊ HỮU TRÁC	Tủ điển bách khoa Việt Nam Tập 2, Tr. 667

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		y đức, hết lòng cứu chữa người bệnh không phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Cuốn Thượng kinh ký sự kể lại chuyện ra Thăng Long chữa bệnh cho chúa Trịnh của ông là một tài liệu lịch sử, một áng văn có giá trị. Bộ Hải Thượng y tông tâm lĩnh, của Lê Hữu Trác (66 quyển) là bộ bách khoa thư về y học cổ truyền Việt Nam. Ông còn là tác giả của nhiều bài thơ tự sự, vịnh cảnh có giá trị hiện thực, trữ tình và nhân đạo sâu sắc.		
132	NGUYỄN TRÃI	Nguyễn Trãi (1380-1442): Anh hùng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, tài đức vẹn toàn. Hiệu là Úc Trai, quê ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (Thường Tín, Hà Nội). Tổ tiên ông vốn quê Chí Linh, Hải Dương. Cha là Nguyễn Phi Khanh, Thái học sinh thời Trần. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1400, được làm Ngự sử đại phu thời Hồ Quý Ly. Năm 1407, giặc Minh xâm lược nước ta, Nhà Hồ mất. Đầu năm 1416, ông trốn vào Thanh Hóa tham dự hội thề Lũng Nhai, cùng Lê Lợi tổ chức cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Nguyễn Trãi đã từng dâng Lê Lợi bản Bình Ngô sách, chỉ rõ con đường cứu nước với chủ trương đánh vào lòng người. Khởi nghĩa Lam Sơn hoàn toàn thắng lợi, Nguyễn Trãi thay Lê Lợi thảo “Bình Ngô đại cáo” có giá trị như một bản tuyên ngôn độc lập, được người đời sau đánh giá là “thiên cổ hùng văn”. Ngày thắng lợi, ông được coi là bậc công thần, ban quốc tính, tước Quan phục hầu. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình Nguyễn Trãi bị tru di ba họ trong vụ án Lệ Chi Viên. Hơn hai mươi năm sau, vua Lê Thánh Tông mới minh oan và phục chức cho ông truy phong tước Tể văn hầu.	NGUYỄN TRÃI	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb
133	HUYỀN TRẦN	Huyền Trân (thế kỷXIII-thế kỷXIV): Huyền Trân công chúa. Là công chúa, con gái thượng hoàng Trần Nhân Tông, em gái vua Anh Tông. Năm 1306, vua cha đem gả cho vua Champa	HUYỀN TRẦN, HUYỀNTRẦNCÔNG CHÚA	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2. Tr. 414

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		là Chế Mân để đổi lấy 2 châu Ô, Lý (Quảng Trị, Huế). Huyền Trân về Champa được phong làm hoàng hậu. Sau khi Chế Mân chết, vua Trần sai quan Thượng thư Tả bộc xạ Trần Khắc Chung tìm cách đưa bà nước, thoát khỏi tục tuần táng trên dàn lửa.		
134	PHAN CHÂU TRINH	Phan Châu Trinh (1872-1926): Quê làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Năm 1900, ông thi Hương đỗ Cử nhân. Năm 1901, thi Hội đỗ Phó bảng, được bổ dụng làm Thừa biện Bộ Lễ trong triều đình Huế. Ít lâu sau do tiếp thu ảnh hưởng tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản, ông từ quan về liên lạc với các nhà yêu nước như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đề xướng phong trào Duy Tân. Năm 1906, ông viết thư gửi toàn quyền Đông Dương tố cáo những chính sách hủ bại trong nước, lên án bọn quan lại phong kiến Nam triều. Năm 1907, Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội và một số chi nhánh đã mời ông ra diễn thuyết và hô hào duy tân, cải cách. Năm 1908, phong trào chống thuế của nông dân Trung kỳ nổ ra. Cùng với nhiều chí sĩ khác, ông bị bắt tại và đày đi Côn Đảo. Sau 3 năm ra tù, ông xin sang Pháp với ý định tranh thủ hội Nhân quyền Pháp để đòi chính quyền thực dân ở Đông Dương cải cách chính trị, tôn trọng nhân quyền. Trong thời gian ở Pháp ông tiếp xúc với một số nhà trí thức yêu nước tiến bộ của Việt Nam sống ở Pháp (như Phan Văn Trường), đặc biệt có mối liên hệ mật thiết với Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917-1923. Năm 1925, ông trở về nước tiếp tục hoạt động theo đường lối cũ, sau đó bị ốm nặng rồi từ trần ngày 14/3/1926. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, ông có sáng tác nhiều văn thơ yêu nước như: Thư gửi chính phủ Đông Dương, Tinh quốc hồn ca, Thư gửi Hội nhân quyền, Santé thi tập, Giai nhân kỳ ngộ. Số thơ văn này đã góp	PHAN CHÂU TRINH	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 540

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
135	TRIỆU THỊ TRINH	<p>phần làm phong phú kho tàng văn học Việt Nam.</p> <p>Bà Triệu (?-248): Thủ lĩnh nghĩa quân chống Ngô, tên thật là Triệu Thị Trinh, Triệu Trinh Nương; người vùng Quan Yên (Định Công, Yên Định, Thanh Hóa). Bà thường nói “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ đâu chịu làm tì thiếp người”. Năm 248 cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi nghĩa chống quân thống trị nhà Ngô. Nghĩa quân đã lấy núi Tùng (Hà Trung, Thanh Hóa) làm nơi xuất phát và tiến quân về thành Áp, đánh bại quân đô hộ. Nghĩa quân đánh đâu thắng đó. Các huyện ở Cửu Chân lần lượt được giải phóng. Ngô vương đã cử tướng giỏi là Lục Dận đem quân sang đàn áp. Thế cùng lực tận, bà tuần tiết trên ngọn Tùng Sơn (Hậu Lộc, Thanh Hóa). Nay ở đó còn lăng mộ và đền thờ bà.</p>	TRIỆU THỊ TRINH, BÀ TRIỆU	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 542</p>
136	LÝ TỰ TRỌNG	<p>Lý Tự Trọng (1914-1931): Thuở nhỏ có tên là Lê Văn Trọng, quê ở xã Thạch Minh, Thạch Hà, Hà Tĩnh. Gia đình anh phiêu bạt sang Thái Lan, ông sinh tại bản May, tỉnh Na Khôn, vùng Đông Bắc Thái Lan. Ông sớm được đi học và có ý thức về những hoạt động cứu nước. Đầu năm 1926, ông được Tổng bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc sang Thái Lan chọn đưa về Quảng Châu. Ở đây ông được Nguyễn Ái Quốc đặt tên là Lý Tự Trọng, rồi được giới thiệu vào học tại trường trung học của chính phủ Tôn Trung Sơn, sau đó về làm việc ở cơ quan Tổng bộ ở Quảng Châu. Ông góp phần tích cực vào việc liên lạc giữa Tổng bộ Việt Nam cách mạng thanh niên với Đảng bộ, các cán bộ cách mạng ở Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc; đồng thời tổ chức chuyển thư từ tài liệu của Tổng bộ về nước. Ngày 8/2/1931 để bảo vệ đồng chí Phan Bội đang diễn thuyết tuyên truyền</p>	LÝ TỰ TRỌNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		cách mạng, Lý Tự Trọng đã bắn chết mật thám Pháp và bị bắt, ông bị kết án tử hình, Giặc Pháp đã xử tử ông tại Gài Gòn ngày 21/11/1931.		
137	TRẦN BÌNH TRỌNG	Trần Bình Trọng (1259-1285): Là danh tướng của cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên. Ông thuộc dòng dõi Lê Hoàn, quê huyện Thanh Liêm, Hà Nam. Nhờ gia đình có nhiều công với nhà Trần nên ông được ban họ vua. Năm 1285, quân Nguyên xâm lược nước ta. Giặc đánh vào Thiên Trường (Nam Định), ông được giao nhiệm vụ chặn giặc. Một trận đánh lớn xảy ra ngày 26/2/1285 ở bãi Đà Mạc (Duy Tiên, Hà Nam). Quân ta thua, Trần Bình Trọng bị bắt, giặc tìm mọi cách dụ dỗ, tra khảo, nhưng không khuất phục được ông, ông còn tuyệt thực để nêu cao khí tiết người chiến sĩ bất khuất. Giặc hỏi “có muốn làm vương đất Bắc không”. Ông quát to “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”, giặc giết ông, nhưng câu nói bất hủ của người anh hùng vẫn còn vang vọng mãi.	TRẦN BÌNH TRỌNG	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 546
138	NGUYỄN VĂN TRỖI	Nguyễn Văn Trỗi (1940-1964): Anh quê xã Thanh Quýt, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Gia đình nghèo, mẹ mất sớm, bố đi làm xa, anh sớm có ý thức tự lập, 15 tuổi đã vào Đà Nẵng, Sài Gòn tìm việc. Anh sớm giác ngộ cách mạng, tham gia Đoàn Thanh niên, rồi trở thành chiến sĩ biệt động, hoạt động bí mật trong nội thành. Trong những năm 1963-1964 phong trào đấu tranh của nhân dân ta chống bè lũ xâm lược Mĩ và bọn bù nhìn tay sai phát triển mạnh. Chính phủ Mĩ phải cử nhiều phái đoàn quân sự cấp cao sang miền Nam Việt Nam xem xét tình hình. Các chiến sĩ biệt động nội thành khẩn trương triển khai các trận đánh địch. Anh xung phong nhận nhiệm vụ đặc biệt, đặt mìn tại cầu Công Lý để giết tên McNamara Bộ trưởng quốc phòng Mĩ khi xe đi qua. Anh bị	NGUYỄN VĂN TRỖI	Tủ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 547

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>kẻ thù bắt lúc đang thi hành nhiệm vụ (9/5/1964). Giặc Mĩ và tay sai dùng mọi thủ đoạn dã man, thâm độc, dụ dỗ, mua chuộc đến tra tấn, khủng bố, những trước sau anh chỉ nhận có một mình mưu giết McNamara. Chúng xử bắn anh ngày 15/10/1964 tại Sài Gòn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi trên tấm ảnh Nguyễn Văn Trỗi trên pháp trường như sau: “Vì Tổ quốc, vì nhân dân, liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi đã anh dũng đấu tranh chống đế quốc Mĩ đến hơi thở cuối cùng. Chí khí lẫm liệt của anh hùng Trỗi là tấm gương cách mạng sáng ngời cho mọi người yêu nước, nhất là cho các cháu thanh niên học tập”. Anh được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.</p>		
139	NGUYỄN TRUNG TRỰC	<p>Nguyễn Trung Trực (1887-1868): Ông còn có tên là Nguyễn Văn Lịch (Quản Lịch), người phủ Tân An, tỉnh Định Tường (nay thuộc tỉnh Long An). Ông thông hiểu chữ Hán vừa làm nghề nông, vừa làm nghề chài lưới. Ngay khi Pháp đánh chiếm Nam kì, ông đã đứng lên chống lại chúng. Trận đánh nổi tiếng của ông là trận đốt cháy pháo hạm Hi Vong (Espérance) trên sông Vàm Cỏ Đông ngày 10/12/1861. Sau trận đó ông được triều đình Huế phong chức Quản cơ, coi giữ vùng Hà Tiên. Năm 1867, Pháp chiếm xong Nam Kì, triều đình Huế lặn sâu vào con đường đầu hàng. Ông lập căn cứ kháng chiến ở đảo Hòn Chông. Rạng sáng ngày 16/6/1868, ông đưa quân về đánh úp đồn Kiên Giang (nay là thị xã Rạch Giá), tiêu diệt toàn bộ quân Pháp đóng ở đó, rồi rời sang đảo Phú Quốc. Giặc Pháp đã huy động một lực lượng lớn đuổi theo, bao vây và tấn công đảo này. Tháng 9/1868, ông bị giặc bắt, ông đã nói một câu nổi tiếng “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam, thì mới hết người Nam đánh Tây”. Cuối cùng giặc đã hành hình ông ở Rạch Giá ngày 27/10/1868.</p>	NGUYỄN TRUNG TRỰC	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 551</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
140	HAI BÀ TRÙNG	<p>Tên gọi khác: Trưng Vương, Trưng Nữ Vương. Chỉ 2 chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị. Hai bà dòng dõi họ Lạc (Hùng), không rõ năm sinh, mất năm 43. Quê gốc ở làng Hạ Lôi, huyện Mê Linh (Hà Nội ngày nay). Mùa Xuân năm 40, Hai Bà phát động cuộc khởi nghĩa sau khi tập hợp được lực lượng nhân dân nhằm lật đổ ách đô hộ của nhà Đông Hán, dựng lại cơ nghiệp của các Vua Hùng. Cuộc khởi nghĩa lan rộng, được nhân dân các quận Cửu Chân, Hợp Phố hưởng ứng, chính quyền đô hộ trên toàn đất nước ta bị lật đổ. Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh. Cuối năm 42, nhà Đông Hán sai Mã Viện đem quân sang xâm lược. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc, quân của Hai Bà bị thiệt hại nặng, phải lui về phía Mê Linh. Giặc nhân đó dồn hết lực đánh vào Mê Linh, quân Hai Bà rút về Cẩm Khê (chân núi Ba Vì, Hà Nội). Trong một trận đánh, Hai Bà chống không nổi đã tự vẫn "<i>Cẩm Khê đến lúc hiểm nghèo/Chị em thất thế đành liều với sông</i>"</p>	HAI BÀ TRÙNG, TRUNG NỮ VƯƠNG, TRUNG VƯƠNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Trang 552</p>
141	HỒ NGUYỄN TRÙNG	<p>Hồ Nguyễn Trùng (1374-1446): Nhà quân sự thời Trần – Hồ. Ông là con trai đầu của Hồ Quý Ly. Năm 1401, Hồ Hán Thương (em ông) được đưa lên làm vua, phong ông làm Tả tướng quốc. Trong thời gian giữ chức, ông rất quan tâm đến việc chế tạo vũ khí. Ông đã cải tiến loại hỏa pháo cũ thành hai loại súng mới: Thần cơ và thần cơ sang pháo. Ông lại cải tiến thuyền chiến cũ để đóng thành hai loại thuyền chiến lớn. Đầu năm 1407 quân Minh xâm lược nước ta. Ông là một trong những chỉ huy cuộc kháng chiến và đã chiến đấu anh dũng. Tháng 6 năm đó quân nhà Hồ thua trận phải rút vào Thanh Hóa, Nghệ An. Ông bị giặc bắt ở cửa biển Kỳ La (Kỳ Anh, Hà Tĩnh) và bị đưa về Trung Quốc cùng cha và em mình. Biết ông là một nhà kỹ thuật quân sự tài năng, nhà Minh đã giữ ông lại,</p>	HỒ NGUYỄN TRÙNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 555</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		trông coi việc chế tạo vũ khí ở các quan xưởng của mình. Cuối đời, nhớ về quê hương ông đã viết tập Nam Ông mộng lục ghi lại sự tích một số nhân vật lịch sử thời Lý – Trần.		
142	ĐÀO DUY TỬ	Đào Duy Từ (1572-1634): Nhà văn hóa, người giúp chúa Nguyễn xây dựng cơ nghiệp. Quê làng Hoa Trai, Ngọc Sơn (nay là Vân Trai, Tỉnh Gia, Thanh Hóa), có tài văn võ nhưng không được đi thi vì con nhà ca xướng. Ông rời quê hương vào phủ Hoài Nhơn (Bình Định) nương nhờ Khâm lí Trần Đức Hòa. Trần Đức Hòa trọng tài năng đã tiến cử ông lên chúa Nguyễn, được chúa phong chức Nha úy nội tán. Ông giúp chúa Nguyễn đắp các lũy Trường Dục, Nhật Lệ (còn gọi là lũy Thầy) để ngăn đường quân Trịnh, định lại phép thu thuế, luyện tập quân sĩ... Năm 1634, ông bị ốm nặng rồi chết. Tác phẩm có: Hồ trưởng khu cơ (quận sự học), Tư Dung văn và Ngọc Long cương văn (văn học). Ông có công phát triển nghề hát bội ở Đàng trong, là người khởi thảo tuồng Sơn Hậu.	ĐÀO DUY TỬ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 573
143	HÀN MẶC TỬ	Hàn Mặc Tử (1912-1940): Tên thật là Nguyễn Trọng Trí, ngoài bút danh Hàn Mặc Tử, còn có các bút danh Lệ Thanh, Phong Trần... sinh ra trong một gia đình công giáo nghèo, ở làng Lệ Mỹ, Đồng Hới, Quảng Bình, rồi vào Quy Nhơn cư trú. Thuở nhỏ ông học tiểu học ở Quy Nhơn, ra Huế học trung học, sau đó làm ở Sở Điền đạc Quy Nhơn (1932), nhưng vì đau yếu nặng phải thôi việc. Khi bệnh có phần bớt ông vào Sài Gòn viết các báo: Công luận, Sài Gòn, Tân thời... Bệnh cũ tái phát, ông về Quy Nhơn chữa chạy, rồi mất ở nhà thương phong Quy Hòa. Hàn Mặc Tử làm thơ rất sớm, từ thời 1930-1931, đã có bài thơ Đường đăng báo được Phan Bội Châu khen và họa lại, là bạn thơ của Chế Lan Viên, Quách Tấn, khi ông còn sống có tập thơ Gái quê (1936). Sau khi ông mất lần lượt một số tập khác được công bố: Thơ Hàn Mặc Tử, Đau	HÀN MẶC TỬ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 164



Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
144	NGÔ GIA TỰ	<p>thương, Lê Thanh thi tập, Duyên kì ngộ....</p> <p>Ngô Gia Tự (1908-1935): Quê ở làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1925, ông tham gia phong trào học sinh bãi khóa đòi thực dân Pháp trả tự do cho cụ Phan Bội Châu. Bị đuổi khỏi trường Bưởi, ông mở trường dạy học ở quê, được giới thiệu vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sau đó sang Quảng Châu dự huấn luyện. Năm 1927, ông được Kỳ bộ chỉ định vào Tỉnh bộ Bắc Ninh. Năm 1928, ông vào Sài Gòn hoạt động, sau trở về Hà Nội cùng một số đồng chí khác đứng ra triệu tập hội nghị chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản. Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập tháng 3/1929, tại 5D Hàm Long (Hà Nội) có sự đóng góp to lớn của ông. Ngô Gia Tự sau khi phản đối chủ trương không lập Đảng cộng sản của Hội nghị Hội Việt Nam cách mạng thanh niên họp ở Hương Cảng đã bỏ về nước và ngày 17/6/1929 đã lập ra Đông Dương Công sản đảng ở Bắc kì. Sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), ông được bầu làm Bí thư Ban chấp hành lâm thời của đảng bộ Nam kì. Cuối năm 1930, ông bị Pháp bắt tại Sài Gòn. Ngày 2/5/1933, tòa Đại hình đặc biệt đã xử và kết án tù chung thân, đày anh ra Côn Đảo. Cuối tháng 01/1935 ông bị mất tích trong một cuộc vượt ngục giữa biển cả.</p>	NGÔ GIA TỰ	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 576</p>
145	NGUYỄN TUÂN	<p>Nguyễn Tuân (1910-1988): Ông quê làng Mọc (Nhân Mục), huyện Từ Liêm nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội, sau gia đình rời vào thành phố Thanh Hóa. Nguyễn Tuân học Thành chung Nam ở Nam Định, bị đuổi học vì tham gia bãi khóa; sau đó tìm đường trốn qua Xiêm (Thái Lan), nhưng bị bắt đưa về quản thúc ở Thanh Hóa. Hết hạn ông ra Hà Nội sống bằng nghề viết báo, viết văn. Nguyễn Tuân nổi tiếng với: Vang bóng một thời, sau đó là một loạt</p>	NGUYỄN TUÂN	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 561</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>tùy bút: Tùy bút I, Tùy bút II, Thiếu quê hương, Chiếc lư đồng mắt cua, Ngọn đèn dầu lạc... Cách mạng tháng Tám thành mở ra cho ông một chân trời nghệ thuật. Cùng với nhiều văn nghệ sĩ thời kì đầu cách mạng, Nguyễn Tuân đã đeo ba lô đi kháng chiến. Hòa bình lập lại, ông trở về Hà Nội tiếp tục sáng tác với tập Tùy bút kháng chiến và hòa bình, tùy bút Sông Đà, Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).</p>		
146	TÔN THẤT TÙNG	<p>Tôn Thất Tùng (1912-1982): Ông sinh tại Huế. Sau khi tốt nghiệp xuất sắc Đại học Y khoa Hà Nội (1939), ông được giữ lại làm bác sĩ nội trú tại bệnh viện Phủ Doãn (nay là bệnh viện Việt – Đức). Ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường ông đã say mê nghiên cứu khoa học. Luận án “Các tĩnh mạch trong gan” của ông được Trường đại học tổng hợp Pari tặng Huy chương bạc. Phương pháp cắt gan của ông được Viện Hàn lâm phẫu thuật Pháp đánh giá cao. Sau Cách mạng tháng Tám, ông được Chính phủ cử làm Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (1946), ông theo Chính phủ ra vùng tự do giữ chức cố vấn phẫu thuật cho Bộ Quốc phòng, kiêm thứ trưởng Bộ Y tế, đồng thời góp sức xây dựng trường Đại học Y khoa. Hòa bình lập lại, ông được cử làm Giám đốc bệnh viện hữu nghị Việt – Đức, kiêm Chủ nhiệm Bộ môn Ngoại - trường Đại học Y khoa Hà Nội. Đề tài khoa học của Giáo sư Tôn Thất Tùng được giới y học quốc tế đánh giá cao. Công trình phẫu thuật gan của ông được dịch và xuất bản ở Liên Xô, Pháp, Mĩ. Ông được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động; truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh (1992), Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).</p>	TÔN THẤT TÙNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 567</p>
147	NGUYỄN HUY TUỞNG	<p>Nguyễn Huy Tường (1912-1960): Ông sinh ra trong một gia</p>	NGUYỄN HUY TUỞNG	<p>Từ điển nhân vật lịch sử</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>đình nhà Nho có truyền thống yêu nước ở xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông tham gia phong trào yêu nước của thanh niên, học sinh ở Hải Phòng. Năm 1935 ông làm viên chức ở Hải Phòng, Hà Nội. Nguyễn Huy Tưởng xuất hiện trong làng văn với những đề tài lịch sử. Năm 1942, tiểu thuyết đầu tay Đêm hội Long trì ra đời, sau đó là Vũ Như Tô (kịch, 1943), Cột đồng Mã Viện (kịch, 1944), An Tư công chúa (tiểu thuyết, 1944). Các tác phẩm trên được viết lúc tác giả đã tham gia Mặt trận Việt Minh, trong khuôn khổ Hội văn hóa cứu quốc, nên thấm đượm tinh thần yêu nước quật cường của dân tộc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông có kí sự Cao Lạng, Những người ở lại. Hòa bình lập lại có tiểu thuyết Bốn năm sau (1959). Ông được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).</p>		<p>Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 580</p>
148	LƯƠNG THẾ VINH	<p>Lương Thế Vinh (1442-?): Nhà văn hóa lớn, nhà toán học, tự là Cảnh Nghi, hiệu là Thụy Hiên. Ông quê làng Cao Hương, huyện Thiên Bản (Vụ Bản, Nam Định). Thuở nhỏ thông minh, đỗ Trạng nguyên khoa thi năm 1463, thường gọi là Trạng Lương. Lúc đầu ông giữ chức văn thư, soạn thảo các giấy tờ giao thiệp với nhà Minh. Thời Hồng Đức (1470 -1497), ông giữ các chức quan phụ trách giáo dục; vua cũng cử ông làm Sái phu (sửa chữa và bình phẩm thơ văn) của Hội Tao đàn. Ông không ham công danh phú quý, dám nói thẳng, cứng rắn và hay khôi hài. Khi về già sống bình dị ở quê hương. Ông là nhà văn, nhà toán học, nhà nghiên cứu nghệ thuật, nghiên cứu Phật học. Tác phẩm có: Đại thành toán pháp, Hí phường phả lục, Thiên môn giáo khoa.</p>	LƯƠNG THẾ VINH	<p>Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 597</p>
149	KINH DƯƠNG VƯƠNG	<p>Nhân vật huyền thoại trong lịch sử Việt Nam, vào khoảng thiên niên kỷ 3 TCN. Theo truyền thuyết Viên Đế thân nông phương Bắc đi tuần đến Ngũ Lĩnh lấy bà Vu Tiên, sinh ra</p>	KINH DƯƠNG VƯƠNG	<p>Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2. Tr 582</p>

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Lộc Tục. Viên Đế chết, con cả là Nghi lên làm vua phương Bắc, Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam. Kinh Dương Vương sinh con là Sùng Lãm (còn gọi là Lạc Long Quân). Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ là tổ tiên của người Việt phương Nam (con trưởng là Hùng Vương sau này làm vua nước Văn Lang).		
150	HÙNG VƯƠNG	Hùng Vương: Theo truyền thuyết, là con trai của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Truyền thuyết được ghi lại trong “Lĩnh Nam chính quái” thời Trần kể rằng Âu Cơ kết hôn với Lạc Long Quân sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành 100 con người trai, về sau Lạc Long Quân chia tay Âu Cơ, 50 con theo cha xuống biển, 50 con theo mẹ lên vùng núi. Người con cả được tôn là vua, gọi là Hùng Vương, Hùng Vương đặt quốc hiệu là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ), truyền ngôi được 18 đời, đều được gọi là Hùng Vương.	HÙNG VƯƠNG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2. Tr 411
151	PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG	Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương): Người anh hùng trẻ tuổi thời Hùng Vương. Theo truyền thuyết, Phù Đổng Thiên vương xuất thân từ một gia đình nghèo ở Làng Gióng (Gia Lâm – Hà Nội), 3 tuổi chưa biết nói, biết cười. Bấy giờ vào đời vua Hùng Vương thứ 6, giặc Ân từ phương Bắc tràn xuống đánh phá nước Văn Lang. Quân ta chống lại rất khó khăn. Vua Hùng lo lắng cho người đi các nơi cầu người tài giỏi đánh giặc. Sứ của vua đến làng Gióng, rao to lời cầu. Cậu bé 3 tuổi bỗng biết nói, nhờ mẹ gọi sứ vào và nhờ sứ về đóng cho mình một con ngựa sắt, một cái nón sắt và một chiếc roi sắt để đi đánh giặc. Sứ lấy làm lạ về báo ngay cho vua Hùng. Hùng Vương vội sai người rèn ngựa, nón, roi sắt chở đến làng. Cậu bé làng Gióng vươn mình đứng dậy thành người khổng lồ. Ông nhảy lên mình ngựa sắt, đội nón, cầm roi, thúc ngựa lên đường đánh giặc, roi gãy, ông bèn nhổ các bụi tre	PHÙ ĐỔNG, PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 392

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		ngà bên đường đánh tan giặc, đất nước sạch bóng quân thù. Ông quay ngựa, phi về núi Sóc ở quê nhà (nay thuộc Sóc Sơn, Hà Nội), rồi bay về trời.		
152	AN DƯƠNG VƯƠNG	An Dương Vương: Tên thật là Thục Phán, người sáng lập và là vua nước Âu Lạc. Có giả thuyết cho là thủ lĩnh người Tây Âu (x. Âu Lạc), ở vùng núi phía Bắc, đã từng xung đột với vua Hùng và cũng là người chống Tần thắng lợi (214 - 208 TCN), nối ngôi vua Hùng, hợp nhất Tây Âu và Lạc Việt, thành nhà nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa. Tục truyền An Dương Vương được rùa thần giúp đỡ cho móng làm lẫy nỏ rất hiệu nghiệm, nên đánh bại nhiều lần xâm lược của Triệu Đà. Sau đó Triệu Đà dùng mưu (cho con trai là Trọng Thủy sang cầu hôn với con gái An Dương Vương là My Châu) lấy cắp nỏ thần rồi đem quân sang đánh (179 TCN). An Dương Vương thua chạy đến vùng Nghệ An, nhảy xuống biển tự tử.	AN DƯƠNG VƯƠNG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1. Tr 42
153	NGUYỄN XÍ	Nguyễn Xí (1396-1465): Danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 9 tuổi cha mẹ mất, ông cùng anh là Nguyễn Biện đến Lam Sơn làm gia thần cho Lê Lợi. Đầu năm 1418, ông chỉ huy đội Thiết đột thứ nhất, theo Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn và đã lập được nhiều chiến công. Khởi nghĩa toàn thắng, ông được phong chức Long hồ tướng quân, Xuy trung bảo chính công thần. Sau đó ông được phong công thần, Huyện hầu, rồi Thái bảo. Cuối năm 1459, chính biến xảy ra ở trong triều. Nghi Dân giết vua Nhân Tông và Thái hậu. Tám tháng sau, Nguyễn Xí và một số đại thần xướng nghĩa phế truất Nghi Dân, đưa Lê Tư Thành (Lê Thánh Tông) lên làm vua. Ngày 18/11/1465, ông mất được truy tặng hàm Thái phó, tên thụy Nghĩa Vũ. Năm 1484, ông được truy tặng Cương quốc công.	NGUYỄN XÍ	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 600
154	BÙI THỊ XUÂN	Bùi Thị Xuân (1771-1802): Nữ tướng thời Tây Sơn. Quê thôn Phú Xuân, xã Bình Phú (Tây Sơn, Bình Định), là vợ của danh	BÙI THỊ XUÂN	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam; Đinh Xuân

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		tướng Trần Quang Diệu. Thuở nhỏ, bà học võ với Đô thống Ngô Mạnh, rồi cùng Trần Quang Diệu gia nhập nghĩa quân Tây Sơn. Bà đã cùng nghĩa quân Tây Sơn lập nhiều chiến công hiển hách. Khi triều Tây Sơn sụp đổ, Phú Xuân lọt vào tay Nguyễn Ánh, bà theo vua Cảnh Thịnh chạy ra Nghệ An, tự chỉ huy 5000 quân chặn giặc ở lũy Trấn Ninh. Tháng 2/1802, quân Nguyễn Ánh vượt qua Nhật Lệ (Quảng Bình), Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng bỏ Quy Nhơn, theo đường thượng đạo ra Nghệ An gặp bà. Hai vợ chồng xuống Thanh Chương (Nghệ An) thì bị bắt. Trần Quang Diệu bị giết còn bà và con gái bị voi giày.		Lâm, Trương Hữu Quýnh. Nxb Giáo dục, 2005 Tr. 605

## II. NHÂN VẬT LỊCH SỬ TỈNH ĐỒNG THÁP (177 tên)

Stt	Tên nhân vật lịch sử	Tóm tắt thân thế, sự nghiệp	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
1	PHẠM THỊ A	Bà Phạm Thị A bí danh Thanh Miền (1936-1961) ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (nay thuộc xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An). Từ năm 1952 đến năm 1961, bà tham gia Ban Chấp hành Phụ nữ Cứu quốc xã Thạnh Lợi, rồi Ủy viên Ban Chấp hành Phụ nữ xã Trường Xuân... Trong cuộc biểu tình ngày 05/3/1961 do tỉnh Kiến Phong tổ chức nhằm đấu tranh chống địch bắn, giết, bình định, dồn dân lập ấp chiến lược, ở tỉnh lỵ có hơn 10.000 người tham gia. Ở quận lỵ Mỹ An có hơn 1.000 người do bà Phạm Thị A dẫn đầu, đi xuống kéo lên phối hợp cùng các đoàn biểu tình khác đấu tranh trực diện với địch ... Để trấn áp đoàn biểu tình, địch huy động một lực lượng quân sự lớn ngăn chặn, đàn áp. Bà Phạm Thị A đã cầm cờ dẫn đầu xông lên, hô khẩu hiệu: “Phản đối bắt lính, bắn phá vào nhà dân, phản đối dồn dân lập ấp”... Trung đội biệt kích	PHẠM THỊ A	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr 16

		của địch bắn thẳng vào đoàn biểu tình, bà Phạm Thị A hy sinh. Khí phách hiên ngang của bà đã tạo nên sức mạnh to lớn, đoàn biểu tình đã tràn lên như nước vỡ bờ phản đối, buộc địch phải ngưng nổ súng, hứa sẽ bồi thường thiệt hại. Với tấm gương và sự hy sinh anh dũng của bà Phạm Thị A, ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng bà Phạm Thị A danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i> .		
2	NGUYỄN VĂN AN	<p>Ông Nguyễn Văn An (1895-1961) làng Long Hậu, tổng An Thới, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Ông xuất gia năm 17 tuổi tại chùa Tây Hưng, Sa Đéc, pháp danh Pháp Hải. Năm 28 tuổi, ông trụ trì chùa Phước Sơn ở Trà Cú (Trà Vinh).</p> <p>Khi Hội Lương Xuyên Phật học thành lập, ông nhận chức trụ trì chùa Long Phước (huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh), trụ sở của Hội, đồng thời ông cũng làm giáo sư cho Phật học đường Lương Xuyên. Ông có tư tưởng tiên bộ và hoạt động tích cực trong phong trào chấn hưng Phật giáo Nam Kỳ. Ông là một trong những nhà sư đầu tiên tán thành chủ trương “đổi mới” Phật giáo. Phật giáo là nhập thế, phải tham gia vào công việc xã hội quốc gia, chứ không phải xuất thế đứng bên lề. Đó là tư tưởng chính trong các bài giảng của ông. Sau đó, ông làm trụ trì chùa Hiệp Châu (Sóc Trăng). Năm 1944, ông trở lại chùa Long Phước. Năm 1951, giáo hội Tăng Già Nam Việt được thành lập tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn), ông được mời làm Trụ sự Trưởng cho giáo hội tại Vĩnh Long. Ông là người triệt để ủng hộ công trình của Thiền sư Khánh Hoà trong công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ.</p>	NGUYỄN VĂN AN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.18
3	NGUYỄN VĂN BẢNH	Ông Nguyễn Văn Bảnh, thường gọi là Già Dền (1927-1972), làng Tân Thành, tổng An Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp), tham gia cách mạng năm 1957. Ngày 11/8/1965, Nguyễn Văn	NGUYỄN VĂN BẢNH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.23

		<p>Bánh sử dụng vũ khí tự tạo đánh hư 2 thuyền bay của địch, diệt 4 lính, có 2 lính Mỹ. Ngày 08/7/1967, địch cho 2 tiểu đoàn đánh phá vùng giải phóng Tân Thành. Tổ du kích của Nguyễn Văn Bánh có 3 người. Quân địch đông, có pháo và máy bay yểm trợ, nên 2 du kích bỏ trận địa. Nguyễn Văn Bánh trụ lại đẩy lùi 6 đợt tiến công của địch suốt từ 6 giờ sáng đến 4 giờ chiều, diệt 4 tên, làm bị thương 6 tên, thu 3 súng, 10 ba lô.</p> <p>Ngày 01/11/1972, trong lúc cùng 2 du kích thực hiện nhiệm vụ lấy xác đồng chí đã hy sinh, bị lọt vào ổ phục kích của địch, Nguyễn Văn Bánh quyết tử chiến đấu, giết 1 tên địch và anh dũng hy sinh. Từ ngày vô du kích (1964) đến lúc hy sinh, Nguyễn Văn Bánh cùng đội du kích Tân Thành đánh địch 265 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 1.078 tên, trong đó có 5 lính Mỹ, bắt sống 3 tên, làm rã ngũ 280 tên, giết chết 21 tên, giải tán một ban tè xã, 100 lính phòng vệ dân sự.</p> <p>Ngày 30/10/1978, liệt sĩ Nguyễn Văn Bánh được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
4	NGUYỄN VINH BẢO	<p>Ông Nguyễn Vinh Bảo (1918- 2021) , quê làng Mỹ Trà, tổng Phong Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), trong một gia đình có truyền thống âm nhạc. Vì vậy, ngay từ nhỏ ông đã biết đàn nhiều loại đàn như: đàn kim, đàn tranh, đàn cò, đàn gáo.</p> <p>Năm 1955, trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn thành lập, ông được mời dạy đàn tranh và được cử làm Trưởng ban cổ nhạc miền Nam. Ông được giới nghệ sĩ phong tặng <i>Đệ nhất danh cầm</i>. Cũng từ năm 1955, ông nghiên cứu cải tiến hình dạng, kích thước cây đàn tranh từ 16 lên 17 dây rồi 19, 21 dây, thuận tiện cho việc thể hiện các “hơi, điệu” mà không cần sửa dây, lên nhận. Ông còn là nghệ nhân đóng đàn tranh, bầu, kim, gáo... nổi tiếng. Năm 1972, ông cùng giáo sư Trần Văn Khê thực hiện</p>	NGUYỄN VINH BẢO	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.27



		<p>cho Ocora (Radio - France) 1 đĩa nhạc tài tử Nam Bộ. Đĩa này khiến UNESCO chú ý và cơ quan này đã mời ông và giáo sư Trần Văn Khê thực hiện đĩa Collection UNESCO. Từ sau ngày miền Nam giải phóng, ông soạn sách <i>Tự học đàn tranh</i> dày hơn 800 trang bằng hai thứ tiếng Pháp, Anh phổ biến cho người nước ngoài. Ông là người rất tâm huyết với việc nghiên cứu, truyền bá âm nhạc dân tộc Việt Nam, nhất là với thế hệ trẻ và ông được tôn vinh là Nhạc sư.</p> <p>Ngày 26/02/2008, Bộ Văn hoá và Truyền thông Cộng hoà Pháp trao tặng ông Huy chương Nghệ thuật và Văn chương (Officier de L'ordre des Arts et des Lettres) - phần thưởng cao quý của nước Pháp dành cho những nghệ sĩ có cống hiến to lớn cho nghệ thuật và văn chương. Ông là người Việt thứ hai và là người Việt trong nước đầu tiên nhận được vinh dự cao quý này. Ngày 02/10/2014, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng ông Bằng khen vì “có thành tích bảo tồn và phát huy Nghệ thuật đàn ca tài tử Nam bộ, góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc”.</p>		
5	LIUU QUANG BẬT	<p>Ông Lưu Quang Bật (1889 – 1958), quê làng Mỹ Trà, tổng Phong Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), trong một gia đình điền chủ khá giả, thuở nhỏ có học chữ Nho.</p> <p>Hưởng ứng phong trào Đông Du và Duy Tân, ông đi qua Hồng Kông rồi Nhật Bản năm 1907, họp mặt với các nhà cách mạng Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Cường Để,... Năm 1909, Nhật và Pháp cấu kết, ông bị trục xuất về nước, bị Pháp bắt giam ở Sài Gòn. Sau đó thực dân Pháp chuyển ông về giam ở Mỹ Tho khá lâu mới được trả tự do.</p> <p>Dù thường xuyên bị theo dõi, hăm dọa, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết, ngấm ngầm tuyên truyền chống Pháp. Ông qua đời tại xã An Bình (huyện Cao Lãnh) năm 1958, thọ 69 tuổi.</p>	LIUU QUANG BẬT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.39

6	NGUYỄN THỊ BẦY	<p>Đến nay vẫn chưa rõ năm sinh, năm mất của bà. Bà được biết đến là người phụ nữ Đồng Tháp Mười có tấm lòng kiên trung đối với nghĩa quân Thiên Hộ Dương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tên bà trở thành tên một Vàm ở ngã ba sông - Vàm Bà Bầy.</p> <p>Theo hoà ước 1862, triều đình Huế nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho thực dân Pháp. Sau đó, Pháp cho đóng đồn ở Cần Lố để đàn áp nghĩa quân Thiên Hộ Dương và ngăn chặn sự liên lạc của nghĩa quân từ căn cứ Tháp Mười với các tỉnh miền Tây. Nguyên đoạn sông Cần Lố, chỗ vàm Bà Bầy ngày nay chỉ cách rạch Cái Sao Thượng bởi mấy con mương trong vườn cau của bà. Thay vì đi đường cũ, khi đến đoạn này, nghĩa quân và đồng bào kéo xuống ghe qua các mương này rồi bơi qua rạch Cái Sao Thượng. Đường đi này không những ngắn hơn mà còn tránh được sự kiểm soát của giặc. Bà Bầy biết việc này ngay từ đầu, nhưng vẫn im lặng giữ bí mật. Lâu ngày, Pháp phát hiện ra và cho quân mai phục. Một hôm Pháp được mật báo là sẽ có một toán nghĩa quân di chuyển bằng xuồng qua đây. Khi quân Pháp đến nơi, thì chỉ thấy bóng dáng từ xa hai người phụ nữ, nên liền đuổi theo, nhưng họ nhanh chân chôn thoát. Lính Pháp vào nhà bắt bà Bầy khảo tra, đánh đập buộc bà Bầy chỉ ra tông tích nghĩa quân. Bà không khai báo điều gì. Sau một hồi tra tấn không kết quả, lính Pháp thay phiên nhau hãm hiếp bà đến chết.</p>	NGUYỄN THỊ BẦY	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.40
7	NGUYỄN VĂN BẦY	<p>Ông Nguyễn Văn Bầy (1936 – 2019) , quê làng Hoà Thành, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hoà Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Khi được tuyên dương Anh hùng là Thượng úy, Đại đội phó Đại đội 1 thuộc Trung đoàn 923 Không quân (Đoàn Không quân Yên Thế), Bộ Tư lệnh Không quân, đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.</p> <p>Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, năm 1960 ông được đưa đi Liên Xô học lái máy bay phản lực. Tháng 4/1965 tốt nghiệp về nước,</p>	NGUYỄN VĂN BẦY	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.29

		<p>ông lao vào cuộc chiến chống không quân Mỹ đánh phá miền Bắc nước ta. Trong hai năm 1966 -1967, phi công Nguyễn Văn Bảy bắn rơi 7 máy bay Mỹ. Ông là một trong 19 phi công Việt Nam đạt đẳng cấp ACE - danh hiệu có từ chiến tranh thế giới thứ hai dành cho những phi công lái máy bay quân sự bắn hạ 5 máy bay trở lên.</p> <p>Ông trải qua nhiều cương vị công tác: Trung đoàn trưởng Trung đoàn Không quân 937, Phó Tư lệnh Sư đoàn Không quân 372, Phó tham mưu trưởng Quân chủng Không quân (nay là Quân chủng Phòng không - Không quân). Sau ngày thống nhất, ông tiếp quản sân Bay Cần Thơ, tham gia điều hành các sân bay khác ở miền Nam và chỉ huy làm nhiệm vụ tại Campuchia.</p> <p>Ông Nguyễn Văn Bảy đã được Nhà nước phong hàm cấp Đại tá, tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 2 Huân chương Chiến công hạng Ba. Ngày 01/01/1967, Nguyễn Văn Bảy được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
8	PHẠM VĂN BẢY	<p>Ông Phạm Văn Bảy (1951 – 1969) tên thường dùng là Nguyễn Hùng Cường, sinh năm 1951, quê quán làng Long Hưng, tổng An Phong, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Long Hưng A, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Tháng 3/1969, ông nhập ngũ vào đơn vị Địa phương quân huyện. Thời gian ở bộ đội chỉ có 5 tháng, nhưng ông đã tham gia chống càn 24 trận, đánh phục kích và công đồn 5 trận, trực tiếp bắn rơi 2 máy bay, bắn bị thương 1 chiếc, diệt hơn 50 tên địch. Tiêu biểu là trận ngày 9/10/1969, mới 6 giờ 30 sáng địch cho máy bay trinh sát L-19 và trực thăng đến quần đảo khu vực vàm Trà Bông thuộc xã Long Hưng, nơi bộ đội và cơ quan của huyện đóng quân. Nguyễn Hùng Cường vừa ra đến công sự thì một chiếc trực thăng bay tới và dừng ngay trên đầu bắn xối xả và thả lựu đạn xuống. Ông dùng súng Garăng bắn liền 7 phát, chiếc máy bay</p>	PHẠM VĂN BẢY	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.31

		<p>trúng đạn rớt tại chỗ. Chiếc còn lại quần đảo xung quanh và bắn phá ác liệt. Bình tĩnh chờ nó tới gần, ông bắn liên tiếp mấy phát. Bị trúng đạn, chiếc trực thăng này cố bay thêm được một đoạn, rồi rớt xuống. Hai chiếc trực thăng chiến đấu khác lao xuống phóng hoả tiễn dữ dội. Ông lại dũng cảm bắn bị thương thêm một chiếc, nó chao đảo rồi cố bay về Cao Lãnh. Địch liền đưa 2 tiểu đoàn bộ binh đến bao vây quân ta và kêu pháo từ Đức Thành (Lai Vung), Bình Hàng Trung (Kiến Văn) bắn hơn 3.000 quả vào trận địa, sau đó mở các đợt tấn công. Trước tình hình hết sức nguy hiểm, ông đã tình nguyện ở lại chiến đấu ngăn chặn và thu hút hoả lực địch về phía mình để đồng đội điều chuyển thương binh và cơ quan đến nơi an toàn. Ông đã anh dũng hy sinh.</p> <p>Xét thành tích, phẩm chất và chiến công đặc biệt xuất sắc của Liệt sỹ Nguyễn Hùng Cường, ngày 20/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng ông danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
9	PHAN VĂN BẦY	<p>Ông Phan Văn Bầy (1910 – 1942) làng Tân Dương, tổng An Phong, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1927, ông được kết nạp vào tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Sau ngày 03/02/1930, Chi bộ Đảng Cộng sản xã Tân Dương được thành lập, ông được cử làm Bí thư. Ngày 13/5/1930, ông trực tiếp cầm đơn và cùng hơn 700 nông dân Tân Dương và vùng lân cận biểu tình, đấu tranh chống thuế, chống sưu, thả những người bị bắt... Sau đó, ông bị Pháp bắt và bị Toà Đại hình tỉnh Vĩnh Long kết án 5 năm tù, đày đi Côn Đảo (tháng 5/1931). Đầu năm 1936, mãn hạn tù, nhưng nhà cầm quyền Pháp cấm không cho ông về Sa Đéc, Cần Thơ cư trú, mà buộc phải đi biệt xứ. Năm 1938, ông được bầu vào Liên Tỉnh uỷ Cần Thơ. Cuối năm 1939 đầu năm 1940, ông được điều xuống Trà Vinh, làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.</p>	PHAN VĂN BẦY	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.33</p>

		Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (1940) ông được Liên Tỉnh uỷ đưa xuống Cà Mau lập lò rèn ở rừng U Minh Thượng để sản xuất vũ khí, rồi được cử làm Phó Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ kiêm Bí thư Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang. Ngày 05/6/1941, Phan Văn Bảy cùng một số đồng chí trong Liên Tỉnh uỷ, Xứ uỷ lại bị giặc bắt và bị kết án tử hình. Ngày 22/7/1942, ông hy sinh tại Hóc Môn.		
10	VĂN TẤN BẢY	<p>Ông Văn Tấn Bảy (1936 – 197), thường gọi là Bảy Nheo, sinh năm 1936, tại làng Tân Nhuận Đông, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 1958, vào du kích xã năm 1960 và là Ấp đội trưởng. Bằng lối đánh du kích, bắn tỉa giỏi, sử dụng có hiệu quả các loại vũ khí thô sơ, từ tháng 9/1960 đến tháng 02/1964, ông cùng đồng đội diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, riêng ông diệt 30 tên. Bọn địch ở Tân Nhuận Đông luôn khiếp vía, kinh hồn vì Đội Du kích của Bảy Nheo.</p> <p>Đầu năm 1964, ông công tác điệp báo Ban An ninh Sa Đéc (tỉnh Vĩnh Long). Tháng 4/1968, ông cùng đồng đội nổ súng tấn công Ty Cảnh sát Sa Đéc diệt và làm bị thương 70 tên, thu nhiều tài liệu quan trọng và súng đạn. Ngày 07/8/1972, ông cùng với ông Cao Văn Báo, Trưởng Tiểu ban Điệp báo Tỉnh và một cán bộ đi công tác địa bàn, liên lạc với cơ sở nội tuyến, ông lọt vào ổ phục kích của địch, chúng nổ súng, ông bị thương gãy chân. Địch bao vây, ông ráng rút chốt lựu đạn, chờ địch lại gần, tung ra “chia hai” với chúng, thêm 3 tên chết, 6 tên bị thương. Văn Tấn Bảy đã anh dũng hy sinh. Ngày 28/7/1998, Liệt sĩ Văn Tấn Bảy được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	VĂN TẤN BẢY	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.37
11	LÊ VĂN BÉ	Ông Lê Văn Bé (1949 – 1972), bí danh Út Bé, quê xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1967, ông được Ban Binh vận xã Mỹ An vận động và xây dựng làm cơ sở nội tuyến hoạt động trong hàng ngũ địch. Ông được kết nạp Đảng ngày	LÊ VĂN BÉ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.42

		<p>20/10/1969. Trong thời gian làm cơ sở nội tuyến, ông cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho lực lượng ta đánh đồn địch và trực tiếp lập nhiều chiến công xuất sắc.</p> <p>Đêm ngày 20/10/1969, ông chỉ huy 17 phòng vệ dân sự khởi nghĩa diệt ác ôn, phá kềm kẹp gom dân tại đồn Kinh Giữa (Mỹ An), đem về cho cách mạng 9 khẩu súng. Tháng 11/1969, ông phối hợp với bộ đội địa phương, hình thành hai mũi đánh đồn Mỹ An thu được 10 súng và 01 máy truyền tin. Tháng 02/1970, tại đồn Tam Giác, ông đã đặt mìn nổ chậm diệt 03 tên ác ôn. Đêm ngày 28/12/1971, ông làm nội ứng cho lực lượng vũ trang đánh đồn Mỹ Hòa, đồn Tứ Giác và đồn Bình Định, diệt gần 20 tên địch, thu 15 súng và 02 máy truyền tin. Sáng ngày 28/02/1972, ông đặt mìn nổ chậm dưới bàn phát lương tại chi khu Mỹ An diệt 42 tên và làm hư hỏng một triệu đồng tiền Sài Gòn. Tháng 4/1972, trong trận diệt đồn Bà Vẹn, ông đã tiêu diệt nhiều tên địch và anh dũng hy sinh ở tuổi 23.</p> <p>Quá trình hoạt động cách mạng, ông đã diệt trên 80 tên địch và thu nhiều vũ khí đem về cho cách mạng. Ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng Liệt sỹ Lê Văn Bé danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
12	ĐINH CÔNG BÊ	<p>Đinh Công Bê (1932 – 1970), tên thường gọi Ba Chiến, làng Tịnh Thới, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1948, gia nhập bộ đội huyện Cao Lãnh, vào Đảng năm 1958, cấp bậc cao nhất là Đại đội bậc phó, chức vụ Chính trị viên Đại đội.</p> <p>Hơn 22 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ông luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, ở bất cứ địa bàn nào, công tác gì (chính trị, vũ trang...). Ông có sở trường chế tạo trái gài và gài trái rất hiệu quả, được nhân dân, đồng đội tin yêu, ca ngợi và đặt cho các biệt danh nổi tiếng: “kỹ sư”,</p>	ĐINH CÔNG BÊ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.44</p>

		<p>“chuyên gia gài trái”, “ông thần mìn, thần lựu đạn”... Từ năm 1959 đến tháng 7/1970, ông trực tiếp và cùng đơn vị đánh địch 45 trận, phần nhiều đánh bằng vũ khí thô sơ. Riêng ông diệt 91 tên địch, trong đó có tên trung úy giang cánh ác ôn; làm bị thương hàng chục tên khác; đánh hư và cháy 3 xe bọc thép (1 M-118 và 2 M-113), chìm 1 tàu chiến, đánh trái gài làm 1 máy bay trực thăng bị thương... Ngày 10/7/1970, trong một trận đánh ở xã Mỹ Thọ, một mình ông đặt trái 105 ly diệt 8 tên, làm bị thương 4 tên biệt kích. Sau đó ông bám trở lại quan sát trận địa bị địch phục kích, ông hy sinh.</p> <p>Liệt sỹ Đinh Công Bê được tặng nhiều Huân chương, Huy chương và danh hiệu dũng sĩ và được Nhà nước truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i> ngày 28/4/2000.</p>		
13	NGUYỄN THỊ BIẾT	<p>Bà Nguyễn Thị Biết (1904 – 1969) quê ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Chồng bà là Lê Văn Nghị. Bà có 6 người con là Liệt sỹ. Trong suốt thời gian kháng chiến chống Mỹ, nhà bà là nơi nuôi chứa cán bộ cách mạng, trong đó có Tỉnh uỷ Vĩnh Long.</p> <p>Năm 1989, bà Nguyễn Thị Biết được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, năm 1994, được truy tặng danh hiệu <i>Bà Mẹ Việt Nam anh hùng</i>.</p>	NGUYỄN THỊ BIẾT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.
14	NGUYỄN VĂN BIỂU	<p>Ông Nguyễn Văn Biều (1820 – 1914), gốc người thôn Tân Phú, tổng Phong Thạnh, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (nay là xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp), sinh năm 1820, là con thứ tám trong một gia đình nông dân nghèo. Lúc nhỏ có theo học chữ Nho và võ nghệ.</p> <p>Khi được tin Thiên hộ Võ Duy Dương kéo quân về Đồng Tháp Mười, chọn Gò Tháp làm tổng hành dinh, xây dựng đồn lũy chống giặc Pháp, ông liền từ giã vợ con để vô Gò Tháp ra mắt Thiên Hộ Dương và được tin cần giao cho nhiệm vụ tổ chức chỉ</p>	NGUYỄN VĂN BIỂU	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.46

		<p>huy đội phòng vệ căn cứ. Từ đó mọi người gọi ông là Phòng Biều hoặc Phòng Tám (vì ông thứ tám trong gia đình).</p> <p>Tháng 4/1866, thực dân Pháp tập trung đại quân tấn công triệt hạ căn cứ Tháp Mười. Phó tướng Đốc binh Kiều và ông ở lại đại bản doanh cố thủ nghì binh trong lúc đại quân do Thiên hộ chỉ huy rút lui an toàn để bảo tồn lực lượng chiến đấu sau này. Ác chiến diễn ở Gò Tháp, Đốc binh Kiều bị thương và qua đời tại đây. Sau khi chôn cất Đốc binh Kiều, Phòng Biều rút quân về Sinh Lớn, cố thủ ở ngã ba Thông Bình (Tân Thành). Mặc dù quân ít, vũ khí thô sơ, giặc Pháp lại càn quét liên miên, nhưng nghĩa quân vẫn kiên trì chiến đấu kéo dài suốt bốn năm nữa. Trong thời gian này, ông đã trừng trị Phạm Văn Khanh, kẻ phản bội đã dẫn đường cho giặc Pháp vào triệt hạ căn cứ Tháp Mười.</p> <p>Trước sự truy lùng của giặc, lực lượng nghĩa quân ngày một sa sút. Thấy không thể tiếp tục chiến đấu được nữa, ông ra lệnh giải tán nghĩa quân. Sau đó, ông về xóm Giồng, rạch Cao Miên, làng Bình Hàng Trung (nay thuộc huyện Cao Lãnh) ẩn dật. Tại đây, ông cùng Hoà thượng Minh Thông - Hải Huệ (ở chùa Bửu Lâm gần nhà) tổ chức truyền dạy võ nghệ cho thanh niên. Ông mất năm 1914, thọ 84 tuổi. Công lao chống giặc giữ nước của ông mãi được nhân dân ghi tạc; ông được nhân dân làng Bình Hàng Trung thờ phượng trong đình làng. Vào năm 2014, mộ ông được Ủy ban nhân dân xã và nhân dân cải táng vào khuôn viên đình thần Bình Hàng Trung.</p>		
15	ĐẶNG VĂN BÌNH	<p>Ông Đặng Văn Bình (1941 – 1972), quê ở làng Long Hưng, tổng An Phong, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Long Hưng A, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia Du kích xã năm 1961, vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam năm 1970. Lúc hy sinh là Xã đội Trưởng xã Long Hưng.</p> <p>Với 11 năm chiến đấu ác liệt, ông kiên cường bám trụ, dũng cảm đánh địch trên 315 trận, lấy bom pháo lép của địch cải tiến</p>	ĐẶNG VĂN BÌNH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.48



		<p>thành trái gài đánh lại địch, kết hợp công, rào..., đã đánh chìm 4 tàu gỗ, giết 44 tên, làm bị thương 491 tên, thu 4 súng... Tháng 5/1972, ông nhận nhiệm vụ diệt tê, hỗ trợ quân chúng phá kềm kẹp, trở về ruộng vườn cũ. Ông bị phục kích trọng thương. Chúng dò theo dấu máu để tìm ông. Ông cố sức gài trái lựu đạn cuối cùng trên đường rút lui. Lựu đạn nổ, 3 tên địch chết. Chúng hoảng sợ không dám theo nữa. Khi được đồng đội đưa đến trạm xá thì ông trút hơi thở cuối cùng.</p> <p>Liệt sĩ Đặng Văn Bình để lại tấm gương sáng về tinh thần chiến đấu dũng cảm, chịu đựng gian khổ, chủ động tấn công địch. Ngày 30/10/1978, Liệt sĩ Đặng Văn Bình được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
16	PHAN VĂN BỘ	<p>Ông Phan Văn Bộ (1908 - ?), quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), là con trai thứ tám của Hội đồng Phu (Phan Văn Đước - Trà Giang Thôn Lão) và em ruột luật sư, nhà báo nổi tiếng Thân Việt Phan Văn Thiết (1902 - 1987).</p> <p>Theo học Collège Mỹ Tho, ông đỗ bằng Thành Chung năm 1928. Sau đó, ông làm thông ngôn Sở Tư pháp (1929) và chính thức bước vào ngành này từ năm 1934 với chức danh tham tá, lục sự, chánh lục sự. Với bút hiệu Lãng Ba, ông đã xuất bản thi phẩm: <i>Hoa tàn</i> (1956), <i>Hoa nở</i> (1958), <i>Hoa cười</i> (1960), <i>Hoa lan</i> (1962). Thi sĩ Lãng Ba có bài thơ ca ngợi công đức ông chủ chợ Cao Lãnh Đỗ Công Tường, đền thờ nằm ở trung tâm chợ Cao Lãnh.</p>	PHAN VĂN BỘ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.49</p>
17	NGUYỄN NGỌC BỒI	<p>Ông Nguyễn Ngọc Bồi (1916 – 1964), bí danh Tám Dưa, sinh năm 1916 tại làng Tân Huệ, tổng An Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay xã Tân Huệ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng</p>	NGUYỄN NGỌC BỒI	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.50</p>

		<p>Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 1934, vào Đảng năm 1936, năm 1938 là Bí thư Chi bộ Tân Huệ.</p> <p>Năm 1940, ông là Ủy viên Ban Khởi nghĩa Nam Kỳ ở tỉnh Châu Đốc. Do kế hoạch bị lộ, cuộc khởi nghĩa tại địa phương không thực hiện được, ông phải “điều lắng” sang nơi khác. Tháng 7/1941, là Ủy viên Liên Tỉnh ủy Hậu Giang. Cuối năm 1942, ông làm Bí thư Ban Cán sự tỉnh Châu Đốc. Năm 1943, giữ nhiệm vụ Bí thư Liên Tỉnh ủy Hậu Giang kiêm chủ nhiệm tờ báo <i>Giải Phóng</i> với bút danh Hồng Sơn. Năm 1945, ông được bổ sung Xứ ủy viên Nam Kỳ. Năm 1947 - 1949, ông là Phó Chủ nhiệm Liên đoàn Việt Kiều Khu 6 Cao Miên. Năm 1950 - 1951, ông công tác Mặt trận Liên Việt. Năm 1952 - 1953, ông là Huyện ủy viên Châu Phú A. Năm 1954 - 1955, ông làm Phó ty Công an Long Châu Hà, Bí thư Thị xã ủy Hà Tiên. Năm 1956 - 1957, được phân công đặc trách công tác Tôn giáo tỉnh An Giang. Năm 1958 - 1963, ông lần lượt làm Bí thư các xã Lương Phi, Tú Tề, Cô Tô, phụ trách căn cứ Núi Dài - Tri Tôn. Tháng 01/1964, ông hy sinh. Đề ghi nhận công lao cống hiến của ông Nguyễn Ngọc Bồi (Tám Dưa), Đảng và Nhà nước truy tặng: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quyết thắng hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.</p>		
18	NGUYỄN VĂN BÔNG	<p>Ông Nguyễn Văn Bông (1886 - ?), quê ở làng Tân Mỹ (Rạch Giông), tổng An Thạnh Thượng, hạt Sa Đéc (nay là xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1905, ông lập gia đình. Tuy vậy, ông vẫn theo đuổi chí hướng tu học, tìm hiểu giáo lý nhà Phật. Năm 1915, ông rời gia đình chu du nhiều nơi để “tâm sư học đạo”. Sau đó theo “Pháp môn Lục phương”, ông truyền đạo và lập ra “Lục Phương Tông”.</p> <p>Ông đi khắp đó đây để sưu tầm các cây thuốc nam chữa bệnh cho mọi người, qua đó truyền bá giáo lý mà ông thu nhận được. Ông được xưng tụng là bậc “minh triết”, lấy đạo hiệu là Minh</p>	NGUYỄN VĂN BÔNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.52</p>

		<p>Trí. Những năm 1920 - 1930, ông đã vận động hình thành các tổ chức xã hội, từ thiện như làm đường, bắc cầu ở hai làng Tân Mỹ, Tân Khánh Tây; lập được nhiều trạm cứu tế, phòng thuốc nam chữa bệnh nhiều nơi, được nhân dân kính phục. Nhờ những hoạt động xã hội từ thiện này, uy tín của ông Nguyễn Văn Bồng - Thầy Minh Trí ngày càng vang xa. Năm 1933, ông cùng một số đệ tử lên Sài Gòn, tìm một khu đất ở vùng Chợ Lớn để xây chùa và xin phép thành lập <i>Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam</i>.</p> <p>Ngày 25/7/1934, tại chùa Hưng Long (đường Minh Mạng, Chợ Lớn), Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội được chính thức thành lập. Ông Minh Trí được tôn làm “Đức Tôn Sư”. Năm 1949, Hội quán Trung ương của Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội đặt tại chùa Tân Hưng Long (Phú Định, Chợ Lớn). Đến 1951, ông Minh Trí cải cách giáo pháp chuyển từ “Lục Phương Tông” sang “Phước Huệ song tu”, nghĩa là “tu thanh tịnh ở nội tâm, làm các phương tiện phước đức, không có hình thức bên ngoài...”.</p>		
19	NGUYỄN VĂN BÚT VÕ ĐÌNH SÂM	<p>Hai ông Nguyễn Văn Bút (Thống chế Bút) và Võ Đình Sâm (còn gọi là Đình Sâm), vốn là người huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (tức vùng Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp ngày nay). Chưa rõ năm sinh năm mất.</p> <p>Năm 1867, thực dân Pháp chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ. Tại Sa Đéc, Thống chế Bút đã hô hào nhân dân nổi dậy đánh giặc Pháp nhiều nơi, khí thế rất mạnh mẽ. Nghĩa quân do ông chỉ huy đột nhập phá ngay đồn Pháp tại Tân Quy Đông, gần 50 tên giặc bị giết, gây tiếng vang lớn trong vùng. Nghĩa quân của ông được nhiều người hưởng ứng, trong đó có Võ Đình Sâm, một thanh niên yêu nước, giỏi võ nghệ lại có tài tổ chức, chỉ huy.</p> <p>Để bảo toàn lực lượng, sau chiến thắng ở Tân Quy Đông, Thống chế Bút cùng với Võ Đình Sâm rút về Cần Thơ, lập căn cứ Láng Hầm, tức vùng Trà Niềng - Ba Láng, Phong Điền (nay thuộc xã Nhơn Ái, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ). Ở đây</p>	NGUYỄN VĂN BÚT VÕ ĐÌNH SÂM	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.54

		<p>có Cai tổng Định Bảo là Nguyễn Văn Vĩnh cấu kết với giặc Pháp thường xuyên áp bức, bóc lột nhân dân, nghĩa quân nhiều lần viết thơ khuyên giải, cảnh báo nhưng Nguyễn Văn Vĩnh vẫn đứng nào tạt ấy. Nghĩa quân quyết định mang quân bao vây nhà ở Phong Điền, bắt giết Nguyễn Văn Vĩnh tại chỗ.</p> <p>Sau đó, Thống chế Bút cùng với Võ Đình Sâm lui về đầm lầy Ba Láng rồi sang An Giang phân tán, hoạt động khắp vùng rộng lớn từ Sa Đéc, Vĩnh Long cho đến Mỹ Tho, Định Tường. Ít lâu sau, thực dân Pháp sử dụng tay sai khét tiếng Trần Bá Lộc truy lùng, bắt được Thống chế Bút và giết ông ngay tại chợ Sa Đéc hòng lung lạc tinh thần yêu nước của nhân dân ta.</p>		
20	NGUYỄN VĂN CÁI	<p>Ông Nguyễn Văn Cái (1907 – 1982), bí danh Nguyễn Nam, quê làng Bình Thành Tây, tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Từ năm 1927, ông vừa dạy, vừa học ở Lấp Vò, vừa tham gia hoạt động cách mạng. Tháng 5/1928, ông gia nhập Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, vào An Nam Cộng sản Đảng năm 1929, tại chi bộ Lấp Vò. Tháng 10/1929 bị địch bắt giam cùng em ruột là Nguyễn Văn Cung.</p> <p>Ra tù, từ năm 1931 đến năm 1939, ông hoạt động cách mạng ở Cần Thơ. Từ năm 1939 đến giữa năm 1946, ông công tác ở tỉnh Bến Tre, giữ các chức vụ: Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh. Giữa năm 1946, ông ra miền Bắc công tác, làm Giám đốc phòng Nam Bộ Trung ương, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội và Chính phủ. Từ năm 1948 đến 10/1951, ông làm Cục trưởng Cục tiếp tế vận tải trực thuộc Bộ kinh tế. Sau 1954, ông làm Phó Giám đốc Sở Mậu dịch Trung ương, Giám đốc Tổng Công ty lương thực, Vụ trưởng vụ Tài vụ Bộ Thương nghiệp và Bộ Nội thương, Trưởng Ban Thanh tra Bộ Nội thương. Ông là đại biểu Quốc hội khoá I, II, III.</p>	NGUYỄN VĂN CÁI	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.56</p>
21	LÊ THỊ CĂN	Bà Lê Thị Căn (1895 – 1952), quê làng Mỹ Ngãi, quận Cao	LÊ THỊ CĂN	Đồng Tháp nhân vật chí,

		<p>Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Chồng bà là Nguyễn Bình Trị, có lòng yêu nước, tính tình hào hiệp, ông qua đời năm 1946.</p> <p>Bà được mọi người thương yêu gọi Má Mười, là người mẹ chiến sĩ mẫu mực hết lòng thương yêu, chăm sóc bộ đội, cống hiến gần tất cả gia tài cho kháng chiến và cả 3 người con trai đều là liệt sĩ. Ngoài ra, bà Lê Thị Cẩn còn có người con rể út là Nguyễn Đắc Nam, hy sinh tháng 7/1970 khi đang là Tham mưu phó Trung đoàn 1, Quân khu 8 và cháu nội là Nguyễn Thị Thu Ngọc (con gái của Nguyễn Phước Thì), hy sinh ngày 02/3/1962.</p> <p>Ngày 28/4/1997, bà Lê Thị Cẩn được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i>.</p>		năm 2005.
22	LÊ VĂN CHẮC	<p>Ông Lê Văn Chắc (? - ?), thường gọi là Cò mi Chắc, quê làng Mỹ Ngãi, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), không rõ năm sinh, năm mất. Là một trí thức yêu nước, ông đứng vào hàng ngũ 300 công nhân, viên chức Ngân hàng Đông Dương (Banque de L'Indochine), đoàn kết bãi công chống chủ Tây đàn áp, sa thải nhân viên (03/5/1926). Bị thất bại, ông trở về quê nhà, tham gia Thanh niên Cao vọng Đảng (Hội kín Nguyễn An Ninh) ở Cao Lãnh.</p> <p>Ông có mối đồng cảm với Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội (1927), Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), tích cực hoà nhập vào phong trào đấu tranh dân chủ, dân sinh. Trong cuộc biểu tình ngày 03/5/1930 tại Cao Lãnh, ông đại diện đoàn biểu tình trao yêu sách kháng thuế cho nhà cầm quyền. Giỏi tiếng Tây, ông đấu lý không khoan nhượng với chủ quận Lê Quang Tường, cò Tây Ca-zê-nô-va về nguyện vọng chính đáng của quần chúng, đòi phải hoãn thuế thân, trả tự do tức khắc cho những người thiếu thuế bị bắt giam.</p> <p>Trước cuộc khủng bố trắng 1930 - 1931 của thực dân Pháp, ông</p>	LÊ VĂN CHẮC	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.59</p>

		rút vào bí mật, hoạt động cùng các đồng chí Cộng sản. Ông là một trí thức Nam Bộ có khí tiết, để lại một tấm gương sáng: trung với nước, hiếu với dân.		
23	LÊ VĂN CHÁNH	<p>Ông Lê Văn Chánh (1911 – 2009), quê làng Mỹ Trà, tổng Phong Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Tháng 6/1929, ông được kết nạp Đảng tại Chi bộ tổ Việt Nam Cách mạng Thanh niên xã Mỹ Trà. Từ tháng 4/1930 đến năm 1944, ông là Trưởng Cán sự Chi bộ xã Mỹ Trà và Cao Lãnh, Trưởng Cán sự ấp Ba Sao, Trưởng Cán sự Liên ấp Ba Sao và Mỹ Quý, Cao Lãnh, rồi Bí thư Liên chi Ba Sao và Mỹ Quý, Cao Lãnh, rồi cán bộ Huyện uỷ Cao Lãnh. Từ năm 1946 đến 1949, ông là Huyện uỷ viên, rồi Thường vụ Huyện uỷ Cao Lãnh; Bí thư Huyện uỷ, phụ trách Chủ tịch Uỷ ban Liên Việt và Chánh Thư ký Ban Chấp hành Nông hội huyện Cao Lãnh. Từ năm 1952, ông là Phó Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh và là Uỷ viên Uỷ ban Liên Việt tỉnh Long Châu Sa.</p> <p>Tháng 10/1954, ông tập kết ra Bắc công tác tại cơ quan Đảng uỷ Dân Chính Đảng Trung ương. Sau đó, ông là cán bộ tổ chức Đảng uỷ, rồi Phó Văn phòng Đảng uỷ và Uỷ viên Ban Tổ chức Đảng Bộ Dân Chính Đảng Trung ương (1955). Năm 1960, ông là Phó Ban Tổ chức và là Uỷ viên Uỷ Ban Kiểm tra Đảng bộ Dân Chính Đảng Trung ương. Từ năm 1966, ông là Phó Ban Tuyên giáo Đảng bộ Dân Chính Đảng Trung ương và là Phó Giám đốc Trường Lý luận Chính trị Trung cấp tại chức Đảng bộ Dân Chính Đảng Trung ương. Tháng 11/1975, ông nghỉ hưu và mất năm 2009. Ông Lê Văn Chánh đã được tặng danh hiệu Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Huân chương Kháng chiến Nam Bộ và nhiều hình thức khen thưởng khác.</p>	LÊ VĂN CHÁNH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.62
24	NGUYỄN VĂN	Ông Nguyễn Văn Châu (1936 - 1972), quê làng Mỹ An Hưng,	NGUYỄN VĂN CHÂU	Đồng Tháp nhân vật chí,

	CHÂU	<p>quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia du kích xã năm 1957, sau đó, vào Ban An ninh huyện. Năm 1966, ông được phân công về xã Mỹ An Hưng phối hợp với du kích xã tiêu diệt bọn ác ôn. Tại đây, ông đã tiêu diệt một số tên như tên “xây dựng nông thôn” ác ôn, tên tình báo của Ty Chiêu hồi, ông cùng với 3 du kích xã bắt, xử lý 2 tên dân vệ xung kích. Năm 1967, ông được phân công phụ trách xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, không lâu sau, ông diệt 1 gián điệp và 1 điệp báo viên hoạt động ở xã Định Yên. Năm 1968, ông cùng trung đội Địa phương quân huyện và Du kích xã Bình Thạnh Trung đánh trung đội bảo an, diệt 31 tên. Tháng 7/1968, ông được cử đi các xã Long Hậu, Tân Phước (huyện Lai Vung), xã Định Yên (huyện Lấp Vò) bắt 10 tên ác ôn. Tháng 9/1968, địch tập trung đánh phá ác liệt vào căn cứ của ta, ông cùng 2 chiến sĩ khác bám trận địa, đánh địch suốt 3 ngày liền tại xã Long Hậu, diệt 17 tên, bị thương 6 tên. Năm 1970, ông nhận nhiệm vụ xử lý Trưởng Cuộc cảnh sát ác ôn ở xã Mỹ An Hưng. Khi chùa Tòng Sơn tổ chức cúng, lợi dụng lúc đông người, ông rút lưỡi lê đâm chết tên này. Năm 1972, địch tập trung nhiều lực lượng, binh chủng đánh vào căn cứ địa Tỉnh uỷ, Huyện uỷ (ở xã Long Hưng), lúc này ông đang là Phó Trưởng Ban An ninh huyện Lấp Vò, ông cùng đơn vị anh dũng chiến đấu và đã hy sinh.</p> <p>Ông Nguyễn Văn Châu được tặng thưởng: Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất. Ngày 22/7/1998, Liệt sĩ Nguyễn Văn Châu được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.66
25	NGUYỄN VIỆT CHÂU	<p>Nguyễn Việt Châu (1927 – 1969), tên thường dùng Sáu Tâm, quê làng Sung Tích, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi). Năm 1943,</p>	NGUYỄN VIỆT CHÂU	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.68

ông rời quê hương vô Sài Gòn tìm đến cơ quan Kỳ bộ Việt Minh Nam Bộ đóng tại Tân Định, Sài Gòn nơi anh trai của ông là Trần Văn Trà đang công tác. Ông được phân công in tài liệu, truyền đơn và in báo Giải phóng của Kỳ bộ.

Tháng 11/1944, cả cơ quan Kỳ bộ và ông cùng anh trai sa vào tay giặc. Ông không khai lời nào, địch giam ông ở Khám Lớn Sài Gòn. Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, ông được trả tự do, tìm bắt liên lạc với Xứ uỷ Nam Kỳ, gia nhập vào Đội giải phóng liên quận Hóc Môn, Bà Điểm, Đức Hoà. Năm 1946, ông là cán bộ Việt Minh huyện Chợ Gạo, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1948 - 1950, ông là Tỉnh uỷ viên tỉnh Gò Công, Chính trị viên Tỉnh đội. Năm 1951, được điều về làm Bí thư Huyện uỷ Châu Thành (Sa Đéc). Năm 1956, ông được chỉ định làm Bí thư Tỉnh uỷ Sa Đéc. Năm 1957, tỉnh Sa Đéc sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Long, ông được cử làm Bí thư Tỉnh uỷ Vĩnh Long. Đến năm 1961 được điều lên Khu uỷ Tây Nam Bộ.

Từ năm 1961 - 1967, ông kinh qua các chức vụ: Khu uỷ viên, Chính trị viên Quân khu, Tuyên huấn Khu, Giám hiệu trường Đảng Hoàng Văn Thụ. Cuối năm 1967, ông được Khu uỷ chỉ định làm Bí thư Thành uỷ Cần Thơ, trực tiếp lãnh đạo chiến trường trọng điểm của Khu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968. Ngày 06/12/1969, trong lúc Nguyễn Việt Châu đang chủ trì cuộc họp Thành uỷ Cần Thơ, tại xã Phú Hựu, huyện Phụng Hiệp, máy bay địch đến bắn phá, ông bị trọng thương và hy sinh.

Công lao và sự nghiệp cách mạng của ông đã gắn liền với lịch sử cách mạng của Đảng bộ tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp), tỉnh Vĩnh Long và Cần Thơ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ông được tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều Huân chương, Huy



		chương khác.		
26	NGUYỄN THỊ CHƠI	Bà Nguyễn Thị Chơi (1920 – 1980), quê làng An Khánh, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Chồng bà là ông Hồ Văn Mừng. Bà có 7 người con trai lần lượt tham gia kháng chiến, trong đó có 5 người con là Liệt sỹ. Ngày 17/12/1994, bà Nguyễn Thị Chơi được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i> .	NGUYỄN THỊ CHƠI	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015.
27	TRẦN THỊ CHƠI	Bà Trần Thị Chơi (1916 – 1991) tên thường gọi Tư Chơi, quê ấp Tân Thuận B, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Thời kháng chiến chống Mỹ, bà làm giao liên cho Ban Giao bưu tỉnh Vĩnh Long. Gia đình bà có 11 người thì cả 11 người đều tham gia kháng chiến, trong đó có 5 người đã hy sinh: Nguyễn Văn Tròn hy sinh năm 1972, Nguyễn Văn Chia hy sinh năm 1968, Nguyễn Văn Ân hy sinh năm 1968, Nguyễn Văn Thu hy sinh năm 1974, Nguyễn Văn Tám hy sinh năm 1974. Năm 1994, bà Trần Thị Chơi được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i> .	TRẦN THỊ CHƠI	Đồng Tháp nhân vật chí, năm 2005.
28	PHAN THỊ CHỮ	Bà Phan Thị Chử (1883 – 1980), quê làng An Phú Thuận, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Chồng bà là ông Nguyễn Văn Năm. Bà có 8 người con (6 trai, 2 gái). Sáu người con trai của bà lần lượt đi kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong đó có 5 người con là Liệt sỹ. Ngày 17/12/1994, bà Phan Thị Chử được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i> .	PHAN THỊ CHỮ	Đồng Tháp nhân vật chí, năm 2005.
29	VÕ VĂN CHỨA	Ông Võ Văn Chứa (1921 – 1972), Bảy Tường, quê làng Tân Thành, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là thuộc huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp).	VÕ VĂN CHỨA	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.77

		<p>Năm 1946, ông thoát ly tham gia cách mạng, làm Thư ký nông hội xã An Bình, huyện Hồng Ngự. Năm 1949, ông được kết nạp Đảng tại Chi bộ xã An Bình, huyện Hồng Ngự. Từ năm 1950, ông là Thư ký Nông hội xã An Bình. Cuối năm 1954, ông được chỉ định làm Bí thư xã An Bình. Tháng 12/1957, ông là Huyện uỷ viên Huyện uỷ Hồng Ngự, rồi Thường vụ Huyện uỷ (1961), Phó Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự (1962). Tháng 7/1964, ông là Tỉnh uỷ viên, Bí thư huyện uỷ Thanh Bình, tỉnh Kiến Phong. Từ năm 1969, ông là Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh uỷ, kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Kiến Phong. Ngày 25/9/1972, trên đường đi dự hội nghị từ Khu về, ông bị địch gài lựu đạn và hy sinh tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Quá trình tham gia cách mạng, ông đã có những đóng góp quan trọng cho cách mạng tỉnh nhà. Ghi nhận những đóng góp đó, ông đã được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều hình thức khen thưởng khác.</p>		
30	NGUYỄNKIMCHUNG	<p>Bà Nguyễn Kim Chung (1907 – 1988), quê làng Tân Đông, quận Sa Đéc (nay thuộc xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ngay từ nhỏ, bà đã được bồi dưỡng nghệ thuật tuồng. Những năm 1930 - 1945, bà trở thành một đào hát giỏi trong các gánh: Trần Đất, Bàu Bòn, Huỳnh Kỳ, Song Phụng... Bà đóng rất nhiều vai, được khán giả đương thời yêu thích, trong đó có vai Mạnh Thị trong vở <i>Mạnh Lệ Quân thoát hài</i> và nhiều vai khác trong các vở <i>Phụng Nghi Đình</i> (vai Lữ Bó), <i>Ngũ biến báo phu cừu</i> (vai cùi và điên, hát bài hành khất)... Bà được mọi người mến mộ gọi thân thương “Cô Năm Sa Đéc”, “Bà Năm Sa Đéc”. Giữa năm 1947, Cô Năm Sa Đéc về làm vợ ông Vương Hồng Sển, hai ông bà sống ở căn nhà thuê “xóm Cù Lao”, đường Võ</p>	NGUYỄNKIMCHUNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.75</p>

		Di Ngụy, Phú Nhuận (Sài Gòn). “Cô Năm Sa Đéc” là một nghệ sĩ có tài, từ sân khấu hát bội cho đến sân khấu cải lương, đều có những thành công, góp phần phát triển nghệ thuật sân khấu miền Nam trong những năm 30 - 60 của thế kỷ XX...”. Bà tham gia các phim: “ <i>Cho đến bao giờ</i> ” của đạo diễn Huy Thành (1983); “ <i>Con thú tật nguyền</i> ” của Hồ Quang Minh (1984); “ <i>Mùa nước nổi</i> ” của đạo diễn Hồng Sến (1985); “ <i>Nơi bình yên chim hót</i> ” của đạo diễn Việt Linh (1986) và nhiều phim khác nữa...		
31	LÊ VĂN CỬ	<p>Ông Lê Văn Cử (1909 – 1992), quê làng Hoà An (rạch Cái Tôm), tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông sớm giác ngộ cách mạng, tham gia hoạt động Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội (1927), Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), trở thành thành viên tích cực trong Mặt trận Việt Minh. Trước Tổng khởi nghĩa, ông phục vụ ở Tổng uỷ An Thạnh Thượng, xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), cùng đồng bào đấu tranh anh dũng kiên cường chống thực dân Pháp đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.</p> <p>Ngày 23/9/1945, ông giữ chức vụ Trưởng Quốc gia Tự vệ cuộc (Công an) tỉnh Sa Đéc. Sau đó, ông được điều động và phân công lãnh đạo lực lượng Công an miền Trung Nam Bộ, phụ trách công tác ở Sở Công an Nam Bộ (đồng chí Phạm Hùng làm giám đốc), cho đến ngày Hiệp định Genève được ký kết (20/7/1954). Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Ông là người con Cao Lãnh được Đảng ưu ái, tin nhiệm cử làm thư ký riêng cho Bác Hồ. Khoảng năm 1963, ông chuyển ngành, giữ cương vị Phó Vụ trưởng rồi Vụ trưởng Vụ Pháp chế Phủ Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dưới thời Thủ tướng Phạm Văn Đồng.</p> <p>Sau ngày 30/4/1975, ông hồi kết phụ trách công tác Pháp chế Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền</p>	LÊ VĂN CỬ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.82

		Nam Việt Nam, cho đến ngày nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông mất năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh, để lại cho đời tâm gương sống đẹp vì lý tưởng cách mạng, trung với Đảng, hiếu với dân.		
32	PHAN VĂN CỬ	<p>Ông Phan Văn Cử (1881 – 1917), quê làng Mỹ Trà, tổng Phong Thạnh, huyện Kiến Đăng, phủ Kiên Tường, tỉnh Định Tường (nay thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1905, phong trào Đông Du nổ ra và lan rộng đến Nam Kỳ, ông tích cực tham gia cùng với người bạn là Phạm Nhơn Thuần. Bây giờ, các nhà yêu nước ở Cao Lãnh cùng bỏ tiền ra lập Nam Đồng Hương lữ quán. Lập khách sạn, một hoạt động khá phổ biến của chủ trương Minh Tân lúc bấy giờ ở Nam Kỳ. Lữ quán vừa là nơi kinh doanh tạo ra tiền giúp phong trào, vừa là nơi tập trung hội họp của các nhà ái quốc. Nam Đồng Hương là nơi gặp gỡ các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Dương Bá Trạc, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Sinh Sắc... Ông Phan Văn Cử, người có năng lực kinh doanh, nên ông được giao làm quản lý lữ quán. Ông chẳng những hoàn thành nhiệm vụ mình, mà còn bỏ tiền giúp đỡ thanh niên, học sinh có chí học tập.</p> <p>Ngoài ra, ông còn hưởng ứng phong trào, bằng cách bỏ tiền ra mua đất trồng cao su ở Hóc Môn theo hướng kinh doanh công nghiệp. Nhưng chẳng may ông mất sớm lúc mới 37 tuổi. Ngày 04/4/2011, phần mộ của ông được di dời nguyên trạng về bên cạnh khu mộ gia đình ông Lê Văn Đáng, trong Khu di tích Mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.</p>	PHAN VĂN CỬ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.84
33	NGUYỄN VĂN CUNG	Ông Nguyễn Văn Cung (1909 – 1935), quê làng Bình Thành Tây, tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1926, ông tích cực tham gia phong trào bãi khoá để làm lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh, bị đuổi học vì tội làm “quốc sự”. Sau đó, ông cùng 8 thanh niên khác được tuyển chọn đưa đi huấn luyện	NGUYỄN VĂN CUNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.55

		<p>chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 02/1928, ông vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội tỉnh Long Xuyên và thành lập một chi hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội tại Lấp Vò. Tháng 02/1929, ông làm Bí thư Tỉnh bộ thay Châu Văn Liêm được rút về Thường vụ Kỳ bộ. Tháng 8/1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng tại Lấp Vò và thành lập chi bộ Đảng tại đây, do ông làm Bí thư.</p> <p>Cuối tháng 3/1930, tỉnh Long Xuyên thành lập Tỉnh uỷ lâm thời, ông được phân công phụ trách Ban Chấp uỷ (Bí thư), ông cùng tổ chức lãnh đạo các cuộc đấu tranh của quần chúng ở vùng Chợ Mới đòi hoãn thuế, giảm thuế (ngày 09/5/1930 và ngày 28/5/1930) giành thắng lợi. Tháng 9/1930, ông bị địch bắt trong lúc đi chỉ đạo cơ sở vùng Chợ Mới và bị kết án 15 năm tù, đày ra Côn Đảo. Năm 1935, chi bộ nhà tù tổ chức nhiều chuyến vượt ngục. Ông được chọn cùng một số người nữa vượt biển về đất liền tiếp tục hoạt động. Khi bè ra giữa biển, thời tiết không thuận lợi, bè bị chìm và tất cả đều hy sinh.</p> <p>Nguyễn Văn Cung - người con yêu nước của quê hương Lấp Vò, một trong những người Cộng sản đầu tiên, người Bí thư chi bộ đầu tiên ở Lấp Vò và là Bí thư Tỉnh uỷ đầu tiên của tỉnh Long Xuyên, đã hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ, khi khả năng và trí tuệ cách mạng đang sung mãn là một mất mát lớn đối với phong trào cách mạng địa phương.</p>		
34	VÕ VĂN DÁNH	<p>Ông Võ Văn Đánh (1931 – 1995), thường gọi Tư Hiếu, quê làng Tăng Hoà, tổng Hoà Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là xã Tăng Hoà, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Năm 14 tuổi, ông tham gia cách mạng và 17 tuổi ông vào Vệ quốc Đoàn. Hai lần bị giặc Pháp bắt, có lần chúng đem đồng đội và cả em ruột của ông ra bắn trước mặt ông để lung lạc tinh thần, song ông vẫn vững vàng, mưu trí tìm cách trốn thoát.</p> <p>Sau ngày đình chiến 1954, ông được giao nhiệm vụ bảo vệ cơ</p>	VÕ VĂN DÁNH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.91</p>

		<p>quan và các đồng chí Tỉnh uỷ Kiên Phong. Trong thế bị địch kèm kẹp, bao vây, lùng sục, ông vẫn bảo vệ Tỉnh uỷ an toàn. Sau Đồng Khởi, ông về Ban Tuyên huấn phụ trách nhà in. Khi Mỹ gây Chiến tranh cục bộ, ông được điều về lãnh đạo đơn vị C.279 bảo vệ cơ quan Tỉnh uỷ. Năm 1966, trong một trận chống càn, ông bị thương nặng, hư một mắt nhưng vẫn không rời đơn vị. Căn cứ của Tỉnh uỷ Kiên Phong ở Xẻo Quýt vẫn tồn tại, an toàn trong vòng vây đồn bót, càn quét, đánh phá địch cho đến ngày hoàn toàn giải phóng, có công lớn của ông và đơn vị C.279. Ngày 06/01/1969, 1 đại đội quân Mỹ đổ xuống đánh vào cơ quan Tỉnh uỷ đóng ở Bình Hàng Tây. Với tư tưởng “<i>nắm thắt lưng địch mà đánh</i>”, ông chờ bọn Mỹ vào cách 5 thước mới ra lệnh nổ súng. Suốt ngày chịu đựng bom pháo ác liệt của Mỹ, ông chỉ huy đơn vị bám chặt công sự, đánh bật tất cả các đợt tấn công của địch. Sáng ngày 04/10/1974, ông tổ chức phục kích, bẻ gãy ý đồ đưa 4 đại đội hành quân hòng tái chiếm đồn Góc Khê (Thanh Mỹ).</p> <p>Sau ngày giải phóng, đơn vị C.279 được tuyên dương danh hiệu Anh hùng. Năm 1978, ông được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>. Ông tiếp tục công tác, là Phó Trưởng ty Công an Đồng Tháp, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ. Ông qua đời ngày 05/10/1995, an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp.</p>		
35	NGUYỄN THỊ DÀNH	<p>Bà Nguyễn Thị Dành (1899 – 1930), quê làng Đông Hoà, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đông Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Bà là cháu ngoại danh tướng Nguyễn Tri Phương, mẹ Nhạc sĩ, Giáo sư, Tiên sĩ Trần Văn Khê và nghệ sĩ Trần Văn Trạch (1924 - 1994) nổi danh “quái kiệt” làng nhạc Nam Bộ.</p> <p>Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1927 bà trở thành nữ hội viên</p>	NGUYỄN THỊ DÀNH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.93</p>

		<p>đầu tiên Chi hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ở Vĩnh Kim (Mỹ Tho). Năm 1930, bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, được giao nhiệm vụ Bí thư Chi bộ Vĩnh Kim, chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho. Phong trào đấu tranh cách mạng ở đây lên khá cao, địch ráo riết đàn áp, truy lùng. Tỉnh uỷ Mỹ Tho giới thiệu bà về sinh hoạt, công tác ở làng Hoà An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc. Ngày 03/5/1930, bà tham gia cuộc biểu tình đòi hoãn thuế của nhân dân Cao Lãnh. Thực dân Pháp và tay sai lùng bắt những người lãnh đạo cuộc biểu tình. Bà lẩn tránh trong đồng rơm, bị cảnh sát đâm lưỡi lê trúng 2 vết vào người, phải lấy rơm vuốt cho lưỡi lê sạch máu để khỏi bị lộ. Vì vết thương quá nặng, bà từ trần ngày 20/7/1930, hưởng dương 31 tuổi, lúc bà đang mang thai 3 tháng và Trần Văn Khê mới 9 tuổi. Máu bà Nguyễn Thị Dành đã đổ trên đất Cao Lãnh, tô thắm truyền thống cách mạng Hoà An - Cao Lãnh - Đồng Tháp anh hùng.</p>		
36	NGUYỄN QUANG DIÊU	<p>Nguyễn Quang Diêu (1880 – 1936), tự là Tử Ngọc, hiệu là Cảnh Sơn (hay Nam Sơn), người làng Tân Thuận, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm 1907, ông tham gia phong trào Đông Du. Tháng 5/1912, nhà ái quốc Phan Bội Châu lập Việt Nam Quang phục Hội ở Trung Quốc, suốt 6 năm sống và hoạt động ở Trung Quốc, ông theo con đường cách mạng tự sản do Phan Bội Châu vạch ra. Cuối năm 1926, ông bí mật về hoạt động trong nước. Sau một thời gian ở Sài Gòn, ông về Sa Đéc (nay là Đồng Tháp) vào đầu năm 1927, được sự hỗ trợ nhiệt tình của hai ông Võ Hoành và Phó bảng Nguyễn Sanh Huy (Nguyễn Sinh Sắc). Từ đây, với tư cách người tù khổ sai vượt ngục, ông vẫn hăng say hoạt động, phải đổi tên nhiều lần (Nam Xương, Trần Văn Vẹn...) và cải trang để đi hoạt động. Các tỉnh miền Tây, nhất là Cao Lãnh, Tân</p>	NGUYỄN QUANG DIÊU	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.96</p>

		<p>Châu, Hồng Ngự, Châu Đốc,... là những địa phương ông thường lui tới tuyên truyền giáo dục quần chúng và tạo được nhiều cơ sở cách mạng. Ngày 15/5/1936, ông bị bệnh qua đời trong sự im lặng của một “<i>tội phạm chánh trị vượt ngục</i>”, được đồng bào, đồng chí và môn sinh an táng tại làng Vĩnh Hoà (năm 1989 được cải táng ở quê nhà).</p> <p>Ông để lại một khối lượng lớn tác phẩm thơ góp phần không nhỏ trong văn học yêu nước Việt Nam thời cận đại, đánh dấu bước ngoặt tư tưởng trong cách mạng nước ta những thập niên đầu thế kỷ XX. Công lao lớn của ông là giác ngộ một số quần chúng nông dân, nhất là thanh niên đi từ chủ nghĩa yêu nước chân chính sang chủ nghĩa yêu nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa.</p>		
37	NGUYỄN THỊ DUNG	<p>Bà Nguyễn Thị Dung (? - ?), người huyện An Xuyên, phủ Tân Thành (nay thuộc vùng Châu Thành - Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp). Bà sống vào khoảng cuối đời Minh Mạng (1820 - 1840). Gia đình bà thuộc vào hạng giàu có nổi tiếng trong vùng. Tuy vậy, tính tình bà lại rất thuận hậu, thương người, hay giúp đỡ người nghèo và hết mình vì việc nghĩa không hề tiếc của.</p> <p>Bà vốn mến mộ đạo Phật nên thường lạc quyên, bố thí và chẩn tế ở rất nhiều nơi nên tiếng đồn về lòng nhân đức của bà lan rộng. Bà luôn được nhân dân hết lòng mến mộ. Năm đầu thời Thiệu Trị (1841), có biến loạn lớn ở vùng An Giang - Châu Đốc. Dân chúng trong vùng lâm vào cảnh khôn khó. Bà thấy vậy bèn xuất tiền của, gạo thóc ra tay cứu giúp. Quân đội của triều đình bấy giờ đương lúc cần quân nhu, lương thực, bà hay tin vội xuất lúa nhà ra ủng hộ. Quan quân rất cảm kích tấm lòng của bà nên sau đó gởi tấu sớ về triều nêu rõ công trạng của bà. Vua Thiệu Trị sau khi xem tấu sớ đã họp triều thần và quyết định sắc tứ cho bà một tấm biển son đề bốn chữ vàng “Lạc quyên nghĩa phụ” để biểu dương lòng hảo nghĩa của bà cho dân chúng noi gương.</p>	NGUYỄN THỊ DUNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.98</p>



		Sau khi bà qua đời, dân chúng trong vùng vẫn hằng nhớ ơn và chuyện bà Nguyễn Thị Dung được vua sắc tặng bằng vàng là một vinh dự hiếm hoi mà nhân dân nhiều đời còn nhắc nhở.		
38	NGUYỄN VĂN DŨNG	<p>Ông Nguyễn Văn Dũng (1952 – 1970), quê làng An Phú Thuận, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp), tham gia cách mạng tháng 3/1968, là Tiểu đội Phó Đội Trinh sát vũ trang Ban An ninh tỉnh Vĩnh Long, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Năm 1969, địch bình định ác liệt, càn quét liên miên để mở rộng vùng chiếm đóng. Để bảo vệ căn cứ Tỉnh uỷ (ở huyện Tam Bình), Ban An ninh tỉnh giao Đội Trinh sát vũ trang bằng mọi cách diệt cho được bọn này. Ông cùng đồng đội kiên trì điều nghiên, vạch phương án đánh địch. Giữa đêm 23/12/1969, ông cùng đơn vị tổ chức đánh đồn, diệt gọn 12 tên biệt kích ác ôn, thu toàn bộ vũ khí. Ngày 26/4/1970, đơn vị của ông được lệnh đánh tập kích Đoàn bình định số 23, tại khu trù mật Cái Sơn, Tam Bình. Chưa đầy 15 phút, đã diệt gọn 22 tên, trong đó có tên trưởng đoàn và tên trung úy chỉ huy tâm lý chiến, thu 15 súng, 3 máy truyền tin PRC-25... Bọn thám báo đóng cách đó 100 mét chạy đến cứu nguy cho đồng bọn. Để bảo toàn lực lượng, ông cho đồng đội rút lui, ông tình nguyện ở lại đánh kèm chế địch. Với khẩu tiêu liên vừa thu được, ông bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch. Súng hết đạn, ông bị thương gãy chân, máu ra nhiều kiệt sức, trời hừng sáng... Địch tràn tới, ông bình tĩnh buông nhip, trái lựu đạn nổ tung, 3 tên nữa chết và trọng thương. Nguyễn Văn Dũng đã anh dũng hy sinh ở tuổi 18.</p> <p>Ông Nguyễn Văn Dũng được tặng Huân chương Chiến công hạng Ba, nhiều Bằng khen, Giấy khen. Ngày 03/8/1995, liệt sĩ Nguyễn Văn Dũng được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	NGUYỄN VĂN DŨNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.99</p>

39	PHẠM HOÀNG DŨNG	<p>Phạm Hoàng Dũng (1952 – 1978), quê xã Thường Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Long Châu Sa (nay là xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Khi hy sinh, Dũng là đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đại đội trưởng Đại đội 732, Tiểu đoàn 4 Bộ đội tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Năm 1968, mới 16 tuổi, ông vô du kích xã. Năm 1975, ông được chuyển qua công tác công an xã. Năm 1977, bọn Pôn-pốt gây ra chiến tranh biên giới Tây Nam. ông vận động các quân nhân phục viên ở xã trở lại tham gia chiến đấu và thành lập một đại đội lấy tên 732. Đại đội được công nhận thuộc Tiểu đoàn 4, Bộ đội địa phương tỉnh. Ngày 28/02/1978, một tiểu đoàn địch định đánh chiếm đồn biên phòng ta. Lúc 6 giờ 30 phút, địch lọt vào trận địa, ta nổ súng, địch chống trả quyết liệt. Gần 12 giờ trưa, ông dẫn một tổ 4 người đánh cắt ngang đội hình địch. Chúng rối loạn, quân ta xung phong. Kết quả ta diệt 75 tên, bắt sống 2 tên, thu 30 súng. Ngày 19/5/1978, 400 tên địch chia hai cánh từ Thường Phước và Giồng Bàng đánh xuống Mương Kinh. Ông chỉ huy đơn vị đánh địch, trận chiến càng gay go, ta hy sinh 3 đồng chí. Ông ra lệnh đơn vị chuyển hết thương binh, liệt sĩ rút lui, một mình ông ở lại chiến đấu chặn địch. Khi hết đạn, ông hy sinh. Kết quả trận này ta diệt 70 tên địch.</p> <p>Chỉ tính từ tháng 4/1977 đến ngày hy sinh, ông đã đánh 30 trận, diệt 27 tên, bắn bị thương 9 tên, thu 7 súng. Ông được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất, nhiều Bằng khen, Giấy khen. Ngày 29/8/1985, Phạm Hoàng Dũng được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	PHẠM HOÀNG DŨNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.101</p>
40	BÙI VĂN DỰ	<p>Ông Bùi Văn Dự (1913 – 1987), bí danh Nguyễn Thanh, tên thường dùng là Ba Dự, sinh năm 1913 tại làng Tân Thuận, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p>	BÙI VĂN DỰ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.103</p>

		<p>Tham gia cách mạng cuối năm 1929, vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 10/1930 tại Chi bộ làng Tân Thuận Đông. Từ năm 1930 đến 1932, ông Bùi Văn Dự bị giặc bắt tra khảo, giam cầm 4 lần (ở Sa Đéc, Vĩnh Long và Sài Gòn). Ông lần lượt được Đảng giao những trọng trách: Phụ trách Ban cán sự Đảng bộ Cao Miên (1932 - 1934), Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, Ban cán sự Xứ uỷ Nam Kỳ (1942 - 1944), Bí thư Liên Tỉnh uỷ miền Trung Nam Bộ (Khu 8) kiêm Bí thư Tỉnh uỷ Long Châu Tiền (1946 - 1948), Ban Dân vận (Hoà Hảo vận và tôn giáo vận), đại diện Uỷ ban Kháng chiến Khu 8, Ban Kiểm tra Nam Bộ (1948 - 1949), Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương cục, Phó Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt Nam Bộ (1951 - 1953).</p> <p>Từ tháng 7/1954 đến 1975 ông giữ các chức vụ: Bí thư Đảng uỷ, kiêm Trưởng Ban tập kết miền Tây Nam Bộ, Vụ Trưởng vụ Chính sách tập kết, Uỷ viên Thường trực Ban Nghiên cứu Dự thảo Dự án xây dựng nông trường quốc doanh và khai hoang (trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng), Vụ Trưởng Vụ Đào tạo cán bộ miền Nam, phụ trách trường Đảng 105, Uỷ viên Thường trực, Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Thống nhất Trung ương, uỷ viên Ban Cán sự Đảng bộ Trung ương. Từ năm 1975 - 1978, ông làm Phó trưởng Ban Thường trực Ban xây dựng vùng kinh tế mới Trung ương. Đến năm 1978, ông được nghỉ hưu, sống cùng gia đình tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.</p>		
41	PHAN VĂN DƯỢC	Ông Phan Văn Dược (1875 – 1946), thường gọi là Hội đồng Phu, có bút danh Trà Giang Thôn Lão, sinh năm 1875 tại thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường	PHAN VĂN DƯỢC	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.105

		(nay thuộc phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Là một nhà Nho uyên thâm và yêu nước, ông từng đồng tâm, hiệp ý với ông Lê Quang Hiến (1864 - 1950), đóng góp tiền xây cất nhà thương Cao Lãnh (1923), tài trợ phong trào Đông Du miền Nam, tạo điều kiện cho chí sĩ Nguyễn Quang Diêu (1880 - 1936) xuất dương cứu nước (1913) và trọn tình báo bọc chí sĩ Nguyễn Quyền (1869 - 1941) giám học Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), thông gia cụ Cử Hoàn, cho đến cuối đời.		
42	VÕ DUY DƯƠNG	<p>Võ Duy Dương (1827 – 1866), quê thôn Cù Lâm Nam, thuộc phủ Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), là em ruột của anh hùng chống Pháp Võ Duy Tân. Tương truyền ông rất khỏe mạnh và giỏi võ nghệ, được bà con tôn là Ngũ linh Dương. Tháng 02/1859, Pháp đánh thành Gia Định. Ông cùng Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, lập Đội Nghĩa ứng kéo về Gia Định đánh Pháp, ông được phong chức Chánh quản đạo. Ông được phong hàm Chánh bát phẩm Thiên hộ vào năm 1860. Tháng 5/1861, ông được sung vào phái bộ của Khâm phái quân vụ Đỗ Thúc Tịnh vào Nam với nhiệm vụ chiêu mộ nghĩa dũng chống giặc. Trong một thời gian ngắn, ông mộ được gần 1.000 nghĩa dũng và được phong chức Quản cơ.</p> <p>Trương Định được phong làm Bình Tây Tướng quân và Võ Duy Dương làm Chánh đề đốc, Nguyễn Hữu Huân làm Phó Đề đốc. Lực lượng nghĩa quân đánh Pháp nhiều trận, gây cho chúng nhiều tổn thất. Đến năm 1864 Trương Định hy sinh, Thiên Hộ Dương rút quân về Tháp Mười xây dựng căn cứ. Năm 1865, nghĩa quân đánh vào Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý, nhất là trận Mỹ Trà khiến Phó đô đốc Rozé phải đưa viện binh từ Sài Gòn xuống cứu viện. Tháng 4/1866, De Lagrandiere tập trung quân chia làm ba mũi tấn công vào Đồng Tháp Mười. Sau gần mười ngày quần thảo với giặc, Thiên Hộ Dương ra lệnh rút lui</p>	VÕ DUY DƯƠNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.111

		về biên giới và Cái Thia (Cái Bè). Tháng 11, Thiên Hộ Dương vượt biên về Kinh, đến cửa Thần Mẫu (Cần Giờ), bất ngờ ông bị Lý Sen, một tên cướp biên giết chết. Thiên Hộ Dương nằm xuống, nhưng tên tuổi và sự nghiệp chống giặc giữ nước của ông mãi mãi gắn chặt với mảnh đất Đồng Tháp Mười anh hùng.		
43	LÊ VĂN ĐÁNG	<p>Ông Lê Văn Đáng (1864 – 1947), quê làng Hoà An (nay là phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), có trình độ Nho học rất khá. Có lúc ông giữ chức Hương Chánh nhất trong làng, nên mọi người thường gọi ông là Chánh nhất Đáng hoặc Chánh Đáng.</p> <p>Năm 1907, hưởng ứng phong trào Đông Du, ông cùng với con là Lê Văn Sao và một đồng chí là Lê Văn Mỹ xuất dương qua ngã Xiêm La (Thái Lan) sang Trung Quốc rồi đến Nhật tích cực tìm phương cứu nước. Năm 1908, Pháp cầu kết với Nhật trực xuất du học sinh Việt Nam, ông bị đưa về Sài Gòn, sau đó bị giải về Vĩnh Long giam hơn một năm. Khi mãn hạn tù, về quê ông vẫn tiếp tục chống Pháp. Mỗi khi địa phương có hoạt động kháng Pháp nổi lên là ông bị giặc bắt giam, trước sau tất cả 9 lần. Ông và cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã trở thành bạn tâm giao, thường xuyên trao đổi, giáo dục về nỗi nhục mất nước, khơi dậy tinh thần dân tộc, không cam làm nô lệ cho các thế hệ thanh niên. Khi cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc lâm trọng bệnh, ông là một trong những người kề cận, chạy chữa thuốc thang và lo liệu việc an táng khi cụ Phó bảng qua đời. Ông qua đời vào năm 1947, thọ 83 tuổi. Hiện mộ phần gia đình ông nằm trong Khu di tích Mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, bên cạnh mộ ông Phan Văn Cừ.</p>	LÊ VĂN ĐÁNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.113
44	CAO VĂN ĐẠT	Ông Cao Văn Đạt (1930 – 2006), bí danh Tư Hồng, quê xã Mỹ Ngãi, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông tham gia cách mạng năm 1948, đến năm 1960 thoát ly gia đình vào Tổ sản xuất vũ	CAO VĂN ĐẠT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.116

		<p>khí xã Thanh Mỹ, huyện Mỹ An, tỉnh Kiên Phong (nay là xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Từ năm 1972 đến năm 1984, ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Bí thư Đảng uỷ kiêm Trưởng Công an xã và Bí thư Đảng uỷ xã. Ông cùng đồng đội nghiên cứu chế tạo thành công lựu đạn gài, huyền lôi, bôc lôi, đập lôi, thuỷ lôi sào, súng kíp, súng ngựa trời, súng ngắn..., phục vụ cho xã nhà và các xã bạn đánh địch. Ông cải tạo đầu đạn pháo 105 ly lép thành trái gài đánh xe tăng và đầu đạn 155 ly phóng xa 300 mét chính xác. Vũ khí do ông và tổ sản xuất vũ khí làm ra sử dụng có hiệu quả, được Tỉnh, Quân khu phổ biến rộng rãi. Từ năm 1960 đến năm 1972, ông cải tạo được 650 đầu đạn pháo, 500 trái gài đánh xe tăng, sửa chữa và sản xuất 6.000 trái lựu đạn gài, 90 khẩu súng kíp, 70 khẩu súng ngắn... Trong trận chống địch càn vào nơi sản xuất, cất giấu vũ khí, một mình ông chiến đấu, thu hút địch về phía mình. Dù bị thương cụt một chân, ông vẫn giữ vững trận địa, diệt 5 tên (có 1 Đại úy Tiểu đoàn trưởng), làm bị thương 4 tên khác, góp phần bẻ gãy trận càn, bảo vệ nơi sản xuất.</p> <p>Ông nghỉ hưu từ năm 1984, ngụ tại xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp và từ trần năm 2006. Ông đã được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, trong đó có Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất. Ngày 20/12/1994, ông Cao Văn Đạt được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt tuyên dương danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
45	ĐỖ THỊ ĐỆ	<p>Bà Đỗ Thị Đệ (1802 – 1886), người làng Mỹ Trà, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) là một đại điền chủ giàu có nhất nhì trong vùng. Bà chẳng những là người giỏi giang, tháo vát trong công việc làm ăn kinh doanh, gia sản ngày một lớn mà còn có lòng nhân từ, hay làm việc thiện, cứu trợ cho người nghèo, trợ giúp người</p>	ĐỖ THỊ ĐỆ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.118</p>

		<p>sa cơ lỡ vận... Do vậy nhân dân cả vùng Câu Lãnh (tên gọi Cao Lãnh thời ấy) vô cùng mến phục.</p> <p>Vào năm Tự Đức thứ 12 (1859), thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, sau đó chiếm luôn ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Lúc đầu là quân triều đình, về sau là nghĩa quân Thiên Hộ Dương đều được bà giúp đỡ, ủng hộ rất nhiều lương thực, đồ sắt, đồ đồng thau... rèn đúc khí giới. Công đức của bà đối với nhân dân, triều đình và nghĩa quân được vua Tự Đức ân tứ một tấm biển sơn son thếp vàng, ghi bốn chữ: “HẢO NGHĨA KHẢ PHONG”.</p>		
46	TRẦN ANH ĐIỀN	<p>Ông Trần Anh Điền (1922 – 2016), tên khai sinh là Trần Văn Điền, bí danh Thọ, Ba Vũ, tên thường dùng là Tám Bé, quê làng Mỹ Xương, tổng Phong Nẫm, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng ngày 25/8/1945. Năm 1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 10/1948, ông là Huyện uỷ viên dự khuyết, rồi Huyện uỷ viên chính thức (4/1949). Tháng 4/1954, ông là Phó Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh, đến đầu năm 1955, ông là Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh. Tháng 11/1955, ông là Tỉnh uỷ viên dự khuyết. Sau đó là Tỉnh uỷ viên chính thức, Trưởng Ban Bình vận Tỉnh. Trung tuần tháng 11/1959, ông nhận nhiệm vụ Phó Bí thư Tỉnh uỷ Kiên Phong. Tháng 4/1960, ông được Khu uỷ Khu Trung Nam Bộ chỉ định Bí thư Tỉnh uỷ Kiên Phong. Tháng 4/1967, ông là Khu uỷ viên dự khuyết Khu Trung Nam Bộ, sau đó là Khu uỷ viên chính thức, phụ trách trường Đảng Trần Phú (Khu Trung Nam Bộ). Năm 1972, ông là Uỷ viên Thường vụ Khu uỷ phụ trách Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra Khu uỷ. Cuối năm 1974, ông được Khu uỷ phân công về tỉnh Sa Đéc, trực tiếp chỉ đạo việc phá thế kèm kẹp, mở vùng giải phóng ở vùng yếu hữu ngạn sông Tiền, cùng Tiểu đoàn 502 vào tiếp quản thị xã Sa Đéc sáng ngày 01/5/1975.</p>	TRẦN ANH ĐIỀN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.122</p>

		<p>Đầu năm 1976 giải thể Khu và thành lập các tỉnh mới, ông về làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Tháp. Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ V năm 1982, ông được bầu Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiếp tục giữ trọng trách Bí thư Tỉnh uỷ cho đến lúc về hưu năm 1986. Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác.</p>		
47	NGUYỄN VĂN ĐỐC	<p>Ông Nguyễn Văn Đốc (1908 – 1995), làng Hoà An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng trong những ngày tiền khởi nghĩa 1945, tháng 8/1945 được kết nạp Đảng. Tháng 10/1945, ông được chỉ định làm thư ký cho uỷ trưởng Ngoại giao Uỷ ban nhân dân Nam Bộ, một tuần sau được điều sang phụ trách Sở Hoả-xa Sài Gòn cho đến ngày Sài Gòn thất thủ. Tháng 11/1945 đến 1946, ông phụ trách Quốc gia Tự vệ cuộc tỉnh Sa Đéc, rồi Uỷ viên Thư ký Uỷ ban nhân dân tỉnh Sa Đéc, đến cuối năm 1946, được điều làm thư ký cho đồng chí Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ. Sau đó, ông là Trưởng Văn phòng Ban Nội vụ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ (1947 - 10/1949), Trưởng phòng Cán bộ Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ (01/1949 - 1951), Trưởng Văn phòng Ban Kinh tài Nam Bộ (1952 - 1953), Uỷ viên Ban Kinh tài Nam Bộ, kiêm Chánh Văn phòng Ban (1953 - 8/1954), Uỷ viên Tiểu ban tập kết Dân - Chính - Đảng miền Tây Nam Bộ (1954 - 01/1955), Phó Văn phòng phái đoàn liên lạc Bộ Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam cạnh Uỷ ban kiểm soát quốc tế tại Sài Gòn (01/1955 - 1956), Phó Văn phòng rồi quyền Chánh Văn phòng Ban Thống Nhất (1957 - 1960), Cục trưởng Cục Cung-Tiêu, Bộ Nông trường (1961 - 5/1964), Phó Văn phòng Trung ương Cục miền Nam (6/1964 - 11/1965), Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương</p>	NGUYỄN VĂN ĐỐC	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. 131



		<p>Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (12/1965 - 1970), Vụ trưởng Vụ Quản lý học sinh miền Nam, Ủy ban Thống Nhất, rồi Chánh Văn phòng kiêm Vụ trưởng Vụ Quản lý học sinh miền Nam và đào tạo cán bộ cho miền Nam của Ủy ban Thống Nhất (1974 - 8/1975). Ngày 01/11/1977, ông nghỉ hưu tại phường 3, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Quá trình công tác ông đã được Đảng, Nhà nước tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.</p>		
48	NGUYỄN VĂN ĐỪNG	<p>Nguyễn Văn Đùng (1938 – 1963), quê làng Phong Mỹ, tổng Phong Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), vào bộ đội ngày 5/9/1959, khi hy sinh là Tiểu đội Trưởng, Đại đội 1, Tiểu đoàn chủ lực 261 Khu Trung Nam Bộ, đảng viên Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam.</p> <p>Ông đã tham gia đánh giặc trên 30 trận, luôn gan góc, mưu trí, linh hoạt. Trận đánh ở Thủ Thừa, ông cùng đơn vị đánh bại tiểu đoàn “Cọp đen” nổi tiếng ác ôn. Trận đánh ở Gò Công, ông bí mật dẫn tiểu đội đột kích mãnh liệt, tạo thế cho đơn vị diệt địch, địch bị diệt 145 quân, ta thu nhiều súng đạn. Trong trận Ấp Bắc lịch sử ngày 03/01/1963, tiểu đội của ông vận động ra tiêu diệt một cánh quân địch đổ bộ rồi trở về phòng ngự. Trận đánh diễn ra ác liệt. Đến chiều, tiểu đội chỉ còn ông và hai chiến sĩ, vẫn không rời vị trí. Địch tiến vào, ông phân công hai chiến sĩ đánh bọn bộ binh, còn ông chờ xe M-113 vào cận công sự mới lao lên ném thủ pháo. Chiếc xe M-113 đi đầu cháy tại chỗ, địch lùi lại, bắn xối xả, ông bị thương nặng, gọi hai chiến sĩ lại dặn quyết giữ vững trận địa, rồi hy sinh. Trong chiến thắng Ấp Bắc, riêng tiểu đội của ông đã diệt 3 xe M-113, bắn bị thương một chiếc khác, cùng đơn vị bắn rớt 5 máy bay trực thăng, bắn bị thương 9 chiếc khác, diệt 470 tên địch, làm phá sản chiến thuật “trực</p>	NGUYỄN VĂN ĐỪNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.133</p>

		<p>thăng vận” và “thiết xa vận” của địch. Tiêu đội của ông được bộ đội, nhân dân tặng danh hiệu “<i>Tiêu đội gang thép</i>”.</p> <p>Ông Nguyễn Văn Đùng đã được tặng thưởng một Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất và là Chiến sĩ thi đua của Quân khu. Ngày 05/5/1965, ông Nguyễn Văn Đùng được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công Giải phóng hạng Nhì và danh hiệu <i>Anh hùng các Lực lượng vũ trang nhân dân Giải phóng</i>.</p>		
49	PHAN THỊ GUÔNG	<p>Bà Phan Thị Guong (1909 - 1992), quê xã Bìm Tia, huyện Tà Bết, tỉnh Preyveng (Campuchia), sau đó về Việt Nam, ngụ tại xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Chồng bà là ông Tắc (Tuk), người Campuchia. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, 4 người con trai của bà lần lượt lên đường kháng chiến và lần lượt hy sinh.</p> <p>Năm 1994, bà Phan Thị Guong được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i>.</p>	PHAN THỊ GUÔNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015.
50	NGUYỄN THANH HÀ	<p>Ông Nguyễn Thanh Hà (1915 – 2001), tên thường gọi Nguyễn Thành A, quê làng An Bình, tổng Phong Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng từ năm 1936. Tháng 6/1938, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ tháng 6/1938, ông làm Chủ nhiệm báo <i>Lao động</i>, hoạt động công khai tại Sài Gòn. Năm 1939, ông bị địch bắt đày đi Côn Đảo. Năm 1945, mãn hạn tù trở về, ông tham gia cướp chính quyền tại Sài Gòn và sau đó là Thành uỷ viên Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định. Đầu năm 1946 đến tháng 10/1946, ông là Bí thư Tỉnh uỷ Tân An (nay là Long An). Từ năm 1948, ông là Bí thư Khu uỷ Khu 8, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính khu Trung Nam Bộ, thanh tra</p>	NGUYỄN THANH HÀ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.137

		chính trị miền Trung Nam Bộ. Năm 1952, ông được cử làm Chủ nhiệm biên sự sứ của nước ta tại Côn Minh, Trung Quốc. Năm 1954, ông được cử tham gia phái đoàn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Genève. Từ năm 1957 đến 1981, ông công tác tại Bộ Ngoại giao và là Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền tại các nước: Tiệp Khắc, Hungari, Rumani, Nam Tư, Mali và Cuba. Quá trình tham gia cách mạng, công tác và cống hiến, ông đã được Đảng, Nhà nước tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất và nhiều hình thức khen thưởng.		
51	PHAN VĂN HÂN	Ông Phan Văn Hân (1925 – 1968), tên thường dùng là Phan Thành Long, Tư Long, bí danh Hai Xang, quê làng Nhơn Mỹ, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Ông tham gia cách mạng năm 1940 và trải qua các chức vụ: Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chính trị viên Tỉnh đội Long Châu Sa (12/1952 - 8/1954), Liên Tỉnh uỷ viên rồi Uỷ viên Thường vụ Liên Tỉnh uỷ miền Trung Nam Bộ, Trưởng Ban Binh vận Liên Tỉnh miền Trung Nam Bộ, Thành uỷ viên Khu Sài Gòn - Gia Định (8/1954 - 1956). Sau cuộc Tổng tấn công Xuân Mậu Thân năm 1968, ông bị địch bắt, thủ tiêu ở hầm P42 - trại giam đặc biệt của Ngô Đình Nhu dùng để tra tấn những người cộng sản, đặt dưới chuồng cọp trong Sở thú Sài Gòn.	PHAN VĂN HÂN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.153
52	NGUYỄN DUY HANH	Ông Nguyễn Văn Hanh (1899 – 1934), tên thường dùng là Nguyễn Duy Hanh, bí danh Nhuận, quê làng Bình Đông, tổng An Thạnh, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội tháng 5/1928 tại Chi hội Lấp Vò. Khi Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng đầu tiên ở Lấp Vò được thành lập (khoảng 11/1929), ông được chỉ định làm Phó Bí thư	NGUYỄN DUY HANH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.145

		Chi bộ. Cuối tháng 11/1929, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng xã Phong Hoà, quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Phong Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) được thành lập, ông được cấp trên điều về làm Bí thư chi bộ này. Đầu năm 1930, ông lại được cấp trên điều về công tác tại cơ quan Xứ uỷ (Sài Gòn), sau đó được phái về Mỹ Tho làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Năm 1931, được Xứ uỷ Nam Kỳ điều trở lên Sài Gòn công tác và bị mật thám Pháp theo dõi bắt cùng nhiều đồng chí trong cơ quan Xứ uỷ. Năm 1933, giặc kêu án ông cùng một số đồng chí khác: phát lưu chung thân, đày ra Côn Đảo. Năm 1934, do yêu cầu công tác ở đất liền, Bác Tôn Đức Thắng tổ chức cuộc vượt ngục cho 11 đồng chí trẻ trong đó có Ngô Gia Tự, Nguyễn Duy Hanh, Năm Ó... Chuyến vượt biển không thành, 11 đồng chí vĩnh viễn ở lại trong lòng đại dương.		
53	LÊ THỊ HẠNH	Bà Lê Thị Hạnh (1899 – 1991), quê thôn Mỹ Trà, tổng Phong Thạnh, huyện Kiên Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (nay thuộc phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) và mất tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1991. Là con gái thứ 3 của ông Lê Quang Hiến, bà được đi học, thấy xa hiểu rộng. Sau khi lập gia đình với nhà báo nổi tiếng Diệp Văn Kỳ, bà cùng chồng sang Pháp du học. Năm 1924, vợ chồng bà về nước, bước chân vào làng báo Sài Gòn, chủ trương tờ tuần báo <i>Đông Pháp thời báo</i> (1927 - 1929), tờ nhật báo <i>Thần chung</i> (1929 - 1930), tờ nhật báo <i>Công luận</i> (1933 - 1935), gây được tiếng vang trong cả nước. Bà mở nhà in Bảo Tồn, từng nhận in báo Đảng thời kỳ Mặt trận dân chủ: <i>Dân chúng</i> (1938 - 1939), <i>Dân muốn</i> (1938 - 1939), <i>Dân tiến</i> (1938), <i>Tiến tới</i> (1939) do các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, Phan Đăng Lưu, Xứ uỷ viên Trung Kỳ, Lưu Quý Kỳ, Trợ lý Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo, biên tập. Đặc biệt, trước yêu cầu cấp bách của Đảng, bà đã nhiệt tình	LÊ THỊ HẠNH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.146

		nhận in tờ báo “ <i>Phụ nữ</i> ” số đặc biệt kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ 19/5/1946, do Xứ uỷ Nam Bộ quyết định phát hành công khai tại Sài Gòn. Vợ chồng bà là bạn thân của Bác Hồ, thời niên thiếu theo học Huế. Tuy không trực diện chiến đấu chống kẻ thù chung nhưng bà luôn luôn ở tư thế giúp đỡ cách mạng trong khả năng sẵn có.		
54	NGÔ VĂN HAY	<p>Ông Ngô Văn Hay (1903 – 1978), tự Ngô Khắc Kỳ, còn gọi là Thầy giáo Kỳ, quê làng Tân Hưng, Sa Đéc (nay thuộc Phường 4, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Trong gần 40 năm làm nghề dạy học (1924 - 1960), ông là một nhà giáo mẫu mực, khiêm tốn, tận tụy và hết lòng thương yêu học trò. Chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945, gia đình ông là một trong những nơi cô giáo Ngài (Trần Thị Nhượng) bắt liên lạc, xây dựng cơ sở vận động giáo chức và học sinh trong nội thị. Cuối năm 1946, ông đưa toàn bộ gia đình vô vùng kháng chiến Đồng Tháp Mười. Ông công tác tại Ty Giáo dục Sa Đéc với nhiệm vụ nghiên cứu, cải tiến chương trình giảng dạy cho phù hợp với các trường trong vùng kháng chiến. Năm 1949, giặc Pháp đánh phá ác liệt khu căn cứ Mỹ Quý, ông lại bệnh nặng. Tỉnh uỷ và Uỷ ban Kháng chiến Hành chính Sa Đéc thống nhất đưa ông về lại Sa Đéc tiếp tục dạy học, hoạt động hợp pháp để củng cố, xây dựng cơ sở. Từ năm 1950, ông về sống ở làng Tân Hưng, Sa Đéc, tiếp tục dạy học tại trường Nam Tiểu học. Những năm tháng chống Mỹ, cứu nước, ngôi nhà và vườn cây kiểng của ông trở thành một trong những nơi nuôi chứa cán bộ cách mạng, là đường dây hợp pháp để cán bộ bí mật điều lắng, chuyển vùng, là nơi cán bộ ta đến làm công tác tổ chức binh, địch vận và cũng là nơi che giấu cán bộ khi bị địch truy lùng.</p> <p>Bên cạnh hình ảnh một nhân sĩ, một nhà giáo yêu nước, ông Ngô Văn Hay còn là một nghệ nhân nổi tiếng với “<i>Vườn kiểng</i>”</p>	NGÔ VĂN HAY	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.151

		<i>cổ ở làng Tân Hưng của ông giáo Kỳ</i> ". Do đã tích cực giúp đỡ và bảo vệ cách mạng, ông được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng chông Pháp hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng chông Mỹ hạng Nhì, Hội đồng Bộ trưởng tặng <i>Bằng Có công với Nước</i> .		
55	LÊ QUANG HIỀN	<p>Ông Lê Quang Hiền (1872 – 1950), quê làng Mỹ Trà (nay thuộc thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), là một điền chủ giàu có, yêu nước, có nhiều kinh nghiệm trong khai khẩn đất hoang ở vùng Cao Lãnh.</p> <p>Ông hỗ trợ nhiều tiền bạc cho phong trào Đông Du, trực tiếp qua Nguyễn Quang Diêu và nhất là Cường Để, đã được Cường Để phong cấp cho bằng “Đề Đốc”. Ông thường làm công việc từ thiện, cứu trợ, trợ giúp người nghèo khó. Năm 1923, ông hiến một miếng đất và đứng ra làm cuộc lạc quyên, ông đứng đầu danh sách ủng hộ 1.000 đồng (lúc ấy giá lúa là 0,3 đồng/giạ) để xây dựng nhà thương Cao Lãnh (cuộc lạc quyên được 7.979 đồng). Trong những năm 1930, ông đã thành công trong việc khai khẩn đất hoang ở Đồng Tháp Mười, trong khi nhiều điền chủ, tư sản khác có cả người Pháp, người Ấn thất bại đến sạt nghiệp. Ông đã được chính quyền thực dân Pháp lúc ấy ban cho Khuê bài Canh nông vì thành tích này. Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chánh Pháp, chính quyền thực dân Pháp ở Cao Lãnh tan rã; Nhân dân địa phương dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Đảng Cao Lãnh, cử đồng chí Lê Văn Thượng làm Phó quận trưởng và Lê Quang Hiền làm Quận trưởng. Nhờ thế mà trật tự được ổn định. Sau ngày 23/9/1945, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Nam Kỳ, ông Lê Quang Hiền ủng hộ kháng chiến nhiều lúa gạo, tiền bạc; hưởng ứng chủ trương tiêu thổ kháng chiến của cách mạng, ông phá bỏ nhà cửa rút theo lực lượng kháng chiến vào căn cứ. Đến năm 1950, ông lâm bệnh qua đời trong vùng kháng chiến.</p>	LÊ QUANG HIỀN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.158
56	LÊ THÁI HIỆP	Ông Lê Thái Hiệp (1923 – 1991), tên khai sinh là Lê Văn Đô	LÊ THÁI HIỆP	Đồng Tháp nhân vật chí,

		<p>còn có tên Lê Thái, Lê Trung Chính, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông hoạt động cách mạng từ tháng 3/1945 và tham gia giành chính quyền ở Cao Lãnh ngày 25/8/1945. Năm 1947, ông làm Trưởng ban Thông tin Tuyên truyền huyện Cao Lãnh, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 02/1948. Tháng 6/1949, ông là Huyện uỷ viên Huyện uỷ Cao Lãnh rồi Phó Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh Sa Đéc, sau đó phụ trách trường Đảng tỉnh Long Châu Sa. Tháng 8/1954, ông là Tỉnh uỷ viên Tỉnh uỷ Sa Đéc và được rút lên làm Chánh văn phòng Khu uỷ Khu VIII (Trung Nam Bộ). Tháng 6/1961, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Mỹ Tho, rồi Khu uỷ viên, Bí thư Tỉnh uỷ Kiến Phong thay đồng chí Trần Anh Điền đi học (02/1964). Tháng 02/1966, ông trở về Khu phụ trách công tác Tuyên huấn Khu VIII. Năm 1970, ông là Phó ban rồi Trưởng ban Nghiên cứu tổng hợp Trung ương cục miền Nam cho đến cuối năm 1975. Đầu năm 1976, ông là Vụ trưởng Vụ Địa phương 2 Văn phòng Trung ương Đảng và làm tốt nhiệm vụ này cho đến lúc về hưu, tháng 12/1986.</p> <p>Quá trình hoạt động hào hùng và những đóng góp to lớn của ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.</p>		<p>Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.159</p>
57	PHẠM VĂN HỒ	<p>Hoàng thượng Hoàng Đạo (1862 – 1942), tên thật là Phạm Văn Hồ, pháp danh Như Nguyên, pháp tự Liễu Giác, bút hiệu Hoàng Đạo, thường gọi là Hoà thượng Hầu, quê thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (nay thuộc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Vốn có lòng yêu nước, thương dân, chùa Linh Sơn, nơi ông trụ trì, trở thành cơ sở hoạt động của những nhà yêu nước trong</p>	PHẠM VĂN HỒ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.174</p>

		<p>phong trào Đông Du cho đến khi có Đảng Cộng sản Việt Nam. Bạn tâm giao giàu lòng yêu nước của ông như Nguyễn Quang Diêu, Lê Văn Mỹ, Lê Văn Đáng, Nguyễn Hữu Kiên, Lê Văn Ký, Võ Hoàn, Nguyễn Sinh Sắc...thường có các cuộc họp kín, bàn chuyện chống Tây tại chùa Linh Sơn. Trong cuộc biểu tình kháng thuế ngày 03/5/1930 do Chi bộ Cao Lãnh lãnh đạo, chùa Linh Sơn là một trong những nơi xuất phát sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng. Lòng yêu nước, thương dân được ông truyền dạy cho con cháu, trong đó có 3 người cháu ngoại tham gia cách mạng hy sinh, được công nhận liệt sỹ. Suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chùa Linh Sơn và những người thân trong gia đình Hoà thượng luôn biểu hiện sáng ngời lòng ái quốc.</p> <p>Hoà thượng Hoàng Đạo mất tại chùa Linh Sơn năm 1942, để lại tấm gương tốt đời, đẹp đạo, tình cảm sâu nặng, sáng ngời trong lòng phật tử, đồng bào.</p>		
58	DƯƠNG VĂN HOÀ	<p>Dương Văn Hoà (1944 – 1972), quê xã Mỹ An, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Phong (nay là xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1963, ông gia nhập bộ đội, năm 1968 vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam. Lúc hy sinh là Đại đội phó Địa phương quân huyện Mỹ An.</p> <p>Trận tập kích phân chi khu Mỹ Hoà gồm 4 đồn, 1 ban tề xã, 1 trung đội phòng vệ dân sự, vào ngày 28/02/1971, ông là Trung đội Trưởng chỉ huy 1 mũi có 3 chiến sỹ, dù bị thương ở đùi nhưng ông vẫn cùng đơn vị xung phong tiêu diệt các ổ đề kháng của địch. Lúc đó, ông phát hiện bọn địch ở 2 đồn gần đó tới cứu viện, liền dùng súng AK bắn diệt 6 tên, đẩy lùi bọn địch lại, tạo thuận lợi cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Đầu năm 1972, địch xua 3 đại đội của Tiểu đoàn 417 bảo an, 5 trung đội dân vệ lấn chiếm vùng hậu giáp ranh hai huyện Kiến Văn, Mỹ An để lập nông trường Kiến Mỹ. Đêm 23/01/1972, ông chỉ huy lực lượng</p>	DƯƠNG VĂN HOÀ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.160</p>



		<p>gồm 18 chiến sĩ tập kích 1 đại đội địch trong bốn lần chiếm này. Ông đưa đồng đội tiếp cận địch, nổ súng và ném lựu đạn tiêu diệt 63 tên, góp phần bẻ gãy ý đồ lập nông trường của địch và ông đã anh dũng hy sinh.</p> <p>Dương Văn Hoà đã được bầu chiến sĩ thi đua, 3 Bằng Dũng sĩ, 7 bằng khen, 8 giấy khen. Ngày 30/10/1978, liệt sĩ Dương Văn Hoà được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
59	TỔNG PHƯỚC HOÀ	<p>Tổng Phước Hoà (? – 1777) là anh ruột của Lưu thủ Tổng Phước Hiệp, vốn dòng dõi người huyện Tống Sơn (nay là Hà Trung), tỉnh Thanh Hoá theo nghiệp binh lúc còn trai trẻ, được phong hàm Cai cơ, dưới quyền Lưu thủ Long Hồ Tống Phước Hiệp.</p> <p>Khoảng năm Bính thân (1776), quân Tây Sơn truy đuổi quân Nguyễn vào Gia Định, chúa Định vương chạy đi Trấn Biên. Tống Phước Hiệp sai Tống Phước Hòa đem quan bản bộ vào cứu, đóng đồn ở Lương Pha, cùng các đạo quân khác đánh nhau với quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn thua rút về Quy Nhơn, quân Nguyễn lấy lại được Sài Gòn, chúa thăng cho Tống Phước Hòa làm Chương thủy doanh, Quân công.</p> <p>Sau đó, Tống Phước Hòa cùng Tống Phước Thiêm được cử vào dinh Long Hồ. Ở đây, trong quân ngũ của Tống Phước Hiệp, ông được giao coi giữ Đông Khẩu đạo (tức vùng Sa Đéc ngày nay) thay cho Cai cơ Nhân thanh hầu Nguyễn Hữu Nhân đang lâm trọng bệnh.</p> <p>Năm Đinh Dậu (1777), đại binh của Tây Sơn từ Quy Nhơn lại tiến đánh Gia Định, Tống Phước Hòa cùng với Tống Phước Thiêm lập tức điều động binh sĩ ra sức cản phá và làm nhiệm vụ bảo vệ Nguyễn Phúc Dương. Nhưng trước sức mạnh của đối phương, Tống Phước Hòa phải cho người phò chúa chạy về Ba Vát (nay thuộc Bến Tre), chỉ còn mỗi mình ông ở lại đốc sức</p>	TỔNG PHƯỚC HOÀ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.161</p>

		<p>chống cự.          Chúa Nguyễn Phúc Thuần đã bị bắt, nay nghe tin Tây Sơn cũng bắt được chúa Nguyễn Phúc Dương, Tổng Phước Hòa gom tàn quân quyết đánh một trận nữa để hồng cứu vãn tình thế, nhưng cũng thất bại. Trước tình thế đó, ông bảo với thuộc hạ: “<i>Chúa lo thì bề tôi phải chết. Nghĩa không nên tránh</i>”. Ông liền trở gươm tự sát tại chiến trường Ba Vát.          Đến năm Gia Long thứ 9 (1810), Tổng Phước Hòa được nhà vua cho truy tặng là Chương dinh Quận công và được đưa vào thờ ở miếu Trung Tiết Công Thần ở Huế . Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), ông được sắc phong làm Trung đẳng thần. Vốn từng là Tổng binh Đông Khẩu đạo, nên khi xưa ở làng Tân Phú Đông thuộc Sa Đéc có miếu thờ ông Tổng Phước Hòa</p>		
60	LÊ VĂN HOANH	<p>Ông Lê Văn Hoanh (1899 – 1987), quê làng Hoà An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Cha ông là Lê Văn Đáng, bạn tâm giao của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Hai anh ruột là Lê Văn Sao (cùng hoạt động với Nguyễn Ái Quốc ở Pháp) và Lê Văn Lãng đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930.          Từ năm 1930 ông hoạt động trong tổ chức Cứu tế đỏ Sài Gòn. Tháng 8/1945, ông tham gia phong trào Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn. Bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, ông về Sa Đéc, làm Phó Giám đốc Quốc gia tự vệ cuộc (Công an) Sa Đéc. Từ tháng 3/1946, ông là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Long Xuyên, rồi Tỉnh uỷ viên, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Long Châu Tiền (3/1948). Sau đó, ông được điều lên làm Phó Giám đốc Sở Ngân khố Nam Bộ (5/1952), rồi Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Long Châu Sa (4/1953 - 7/1954). Cuối năm 1960, ông là Ủy viên Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh An Giang, kiêm Phó ban Tài chính tỉnh. Tháng 11/1967, ông được điều động làm cán bộ phụ trách Đảng</p>	LÊ VĂN HOANH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí,          Nxb Trẻ, năm 2015.          Tr.167</p>

		<p>vụ Ban Kinh Tài khu Trung Nam Bộ. Ngày 28/3/1973, ông bị giặc bắt tra tấn dã man, song ông vẫn giữ tròn khí tiết người cộng sản, không khai báo. Địch kết án ông 30 tháng tù và giam ở khám Chí Hoà. Ngày 30/4/1975, ta giải phóng Sài Gòn, ông ra khỏi nhà tù và được đưa về Ban Kinh Tài khu Trung Nam Bộ. Tháng 02/1976 Khu giải thể, ông được bố trí về Ủy ban Kinh tế tỉnh Đồng Tháp và nghỉ hưu năm 1986.</p> <p>Quá trình hoạt động cách mạng của ông đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất.</p>		
61	VÕ HOÀNH	<p>Ông Võ Hoàn (1873 – 1946) hiệu là Ngọc Tiêu, quê làng Thanh Liệt, thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội).</p> <p>Ông là người nhiệt tình yêu nước, coi thường lợi ích cá nhân, từ bỏ cả khoa cử, tham gia các phong trào yêu nước vào đầu thế kỷ XX như Đông Du, Duy Tân. Năm 1907, ông cùng một số nhà yêu nước như Nguyễn Quyền, Lương Văn Can... thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục để truyền bá tư tưởng Duy Tân. Chưa đầy một năm hoạt động, trường bị đóng cửa, các yếu nhân của trường đều bị thực dân Pháp bắt và kết án đày đi Côn Đảo vào năm 1909, trong đó có Võ Hoàn, Nguyễn Quyền, Lương Văn Can... Năm 1912, các ông được thả ra, song bị đưa vào Nam an trí, ông bị chỉ định cư trú ở Sa Đéc. Ông đưa gia đình vào ở tại làng Tân Qui Đông, tự sinh sống bằng nghề coi mạch hốt thuốc và dạy chữ Nho, từ chối nhận trợ cấp 10 đồng mỗi tháng của chính quyền Pháp.</p> <p>Mặc dù sự đi lại, giao tiếp của ông đều có sự giám sát của bọn lính kín, nhưng ông vẫn tìm cách liên hệ với nhiều nhà yêu nước như Nguyễn Sinh Sắc, Nguyễn Quang Diêu, Lê Văn Đáng... Cách mạng Tháng Tám 1945 bùng nổ, chung quanh ông đã có</p>	VÕ HOÀNH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.169</p>

		<p>một số thanh niên, học trò tin cẩn cùng ông tham gia khởi nghĩa. Ông bàn giao số thanh niên này cho bà Trần Thị Nhượng (cô giáo Ngòi), người lãnh đạo cuộc cướp chính quyền tại Sa Đéc. Thực dân Pháp tái chiếm Sa Đéc, ông theo lực lượng cách mạng rút vào Đồng Tháp Mười, tiếp tục cuộc kháng chiến lâu dài. Do tuổi già, ông qua đời vào 12/1946.</p>		
62	NGUYỄN MINH HỒNG	<p>Nguyễn Minh Hồng (1945 – 2000), tên thường gọi Út Đậu, quê xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, nhập ngũ tháng 8/1963. Khi được tuyên dương Anh hùng, ông là Thượng úy, Chính trị viên Tiểu đoàn 261, Trung đoàn 1, Quân khu IX, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Ngày 07/10/1967, ông chỉ huy Tiểu đội Biệt động đánh địch trong thị xã Long Xuyên làm thiệt hại nặng 1 trung đội địch. Ngày 10/8/1968, địch đổ quân xuống núi Tô, ông cùng đơn vị ngoan cường chiến đấu diệt 165 tên, riêng ông diệt 30 tên. Ngày 30/10/1972, ông chỉ huy đại đội phục kích đánh 1 tiểu đoàn địch ở xã Long Khánh (Cai Lậy), diệt hơn 50 tên. Riêng ông diệt 23 tên. Ngày 12/12/1974, một tiểu đoàn địch đánh vào vị trí trú quân của ta, ông tổ chức phản kích diệt 150 tên địch, bắn rớt 1 máy bay lên thẳng, giữ vững trận địa. Tính từ năm 1963 đến tháng 4/1975, ông cùng đơn vị đánh địch cả trăm trận, diệt gần ngàn tên địch, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh, riêng ông diệt 273 tên, thu 23 súng.</p> <p>Sau 30/4/1975, ông công tác tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang, cấp bậc Đại tá, chức vụ Tỉnh uỷ viên, Phó chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang; Đại biểu Quốc hội khoá IX và X đơn vị tỉnh An Giang, Uỷ viên Uỷ ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội, Phó trưởng đoàn chuyên trách Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang.</p> <p>Ông Nguyễn Minh Hồng đã được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công Giải phóng (1 hạng Nhất, 3 hạng Ba), 4 lần đạt danh</p>	NGUYỄN MINH HỒNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.177</p>

		hiệu Dũng sĩ và 8 bằng khen. Ngày 06/11/1978, ông Nguyễn Minh Hồng được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i> .		
63	VÕ THANH HỒNG	<p>Ông Võ Thanh Hồng (1950 – 1975), tên thường gọi Thanh Hồng, quê xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 23/9/1967, ông tình nguyện đầu quân vào đơn vị Biệt động thị xã Cao Lãnh, ngày 18/8/1969 ông được kết nạp vào Đảng. Ông tham gia chiến đấu 50 trận, chỉ huy chiến đấu 23 trận, diệt 70, làm bị thương 170 tên địch, bắt sống 15 tù binh, thu 100 súng các loại (trong đó có 01 cò 60 ly, 04 M79, 03 súng ngắn), diệt 1 đại đội và 3 trung đội, san bằng và phá huỷ 11 đồn tua phân chi khu, đánh hỏng 04 xe GMC, 01 xe Jeep, 02 pháo 105 và 155 ly của yếu khu Quảng Khánh. Trong một trận phục kích kích vận động diệt trung đội bảo an địch ở yếu khu Quảng Khánh, mở đường cho đại bộ phận lực lượng ta vào giải phóng thị xã Cao Lãnh ngày 25/4/1975, ông điều động 20 đồng chí phục kích tiêu diệt đại bộ phận địch tại đây, nhưng còn lại hai tên đang ẩn nấp, ông kêu gọi đầu hàng, địch không tuân theo, đơn vị diệt 01 tên, tên còn lại bắn trả nên ông đã hy sinh khi vừa tròn 25 tuổi.</p> <p>Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày 30/01/2011, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng Liệt sỹ Võ Thanh Hồng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân</i>.</p>	VÕ THANH HỒNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.179
64	NGUYỄN VĂN HUỆ	Ông Nguyễn Văn Huệ (1913 - ?), quê làng Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và đảm nhận chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Sa Đéc từ tháng 5/1945 đến tháng 10/1945. Từ tháng 8/1945 đến tháng 6/1946, ông là Chủ tịch Ủy ban Cách mạng và Chủ tịch Ủy ban	NGUYỄN VĂN HUỆ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.185

		Kháng chiến tỉnh Sa Đéc. Ông được bầu Đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá đầu tiên 1946, đơn vị tỉnh Sa Đéc. Năm 1956 tập kết ra Bắc, ông là Ủy viên Thường vụ Đảng uỷ Bộ Giáo dục, chuyên trách công tác Đảng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài vụ Bộ Giáo dục. Ông là đại biểu Quốc hội lưu nhiệm khoá II và khoá III, nơi ứng cử Sa Đéc. Đến nay, chưa rõ nơi cư trú cuối đời và ngày tháng năm ông qua đời.		
65	LÊ VŨ HÙNG	<p>Ông Lê Vũ Hùng (1952 – 20030, quê ở xã Nhơn Ái, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ. Do lúc nhỏ đi học trễ, nên khi học lên bậc trung học, ông học cùng một lúc hai lớp đệ tứ và đệ tam để kịp thi Tú tài I, tránh bị địch bắt đi quân dịch. Năm 1971, ông vừa học Đại học Sư phạm Cần Thơ vừa theo học Đại học Văn khoa Cần Thơ. Năm 1973, ông dạy môn Văn trường Trung học Lai Vung, vừa tiếp tục học Đại học Văn khoa Cần Thơ để lấy bằng cử nhân Văn khoa.</p> <p>Ông được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năm 1977, kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1980. Đến năm 1982, ông lần lượt công tác và giữ các chức vụ: Trưởng ban Điều hành trường cấp 2, cấp 3 huyện Lai Vung (nay là trường cấp 2 xã Tân Thành), dạy học và làm Tổ trưởng tổ Văn, Thư ký Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh rồi Phó Hiệu trưởng trường Trung học Phổ thông thị xã Sa Đéc, thành viên Ban chấp hành Thị đoàn Sa Đéc và Tỉnh đoàn Thanh niên Đồng Tháp.</p> <p>Ngày 04/9/1982, ông được điều động làm cán bộ nghiên cứu khối văn xã, cán bộ tổng hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Năm 1985, ông được đề bạt chức vụ Phó văn phòng và sau đó là Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Là người hiếu học, nên trong quá trình ở trường cấp 3 thị xã Sa Đéc và Văn phòng Ủy ban nhân dân, ông tranh thủ theo học tại chức và tốt nghiệp ngành Văn trường Đại học Sư phạm Thành</p>	LÊ VŨ HÙNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.188

		<p>phố Hồ Chí Minh. Ông là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh từ năm 1985. Tháng 9/1988, ông nhận nhiệm vụ Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Đồng Tháp. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V năm 1991, ông được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Ông là đại biểu chính thức dự Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII và thứ IX.</p> <p>Ngày 27/12/1997, ông được Thủ tướng Chính phủ quyết định điều động về Bộ Giáo dục - Đào tạo, giữ chức vụ Thứ trưởng. Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.</p>		
66	LÊ QUANG HƯƠNG	<p>Ông Lê Quang Hương (1922 – 1976), tên thường dùng là Lê Hương, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Bằng con đường tự học, ông thông thạo nhiều ngoại ngữ: Anh, Pháp, Trung, Khmer.</p> <p>Năm 1948, ông trở về Sài Gòn và bắt đầu viết văn. <i>Quả đấm thối son</i> là tác phẩm đầu tay xuất bản năm 1952, khi ông làm biên tập cho Nhà xuất bản Dân Tộc. năm 1957, ông cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí uy tín tại Sài Gòn. Ông là một trong những tác giả người Việt có nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá, lịch sử, dân tộc học Khmer. Ông được Chính phủ Hoàng gia Cao Miên tặng thưởng Huy chương và Bằng danh dự về loạt bài viết về Hội chợ Quốc Tế tại Phnom Pênh năm 1955. Đến năm 1969, ông nhận được giải nhất về biên khảo của Trung tâm Văn bút Sài Gòn. Gần 30 năm cầm bút cho đến khi qua đời, ông miệt mài sưu tầm, nghiên cứu và sáng tác trên 30 tác phẩm. Trong di cảo của ông có bản thảo <i>Cao Lãnh và Đồng Tháp Mười</i> là công trình mang nhiều tâm huyết của ông đối với quê hương. Ông còn để lại hàng trăm bức hình về Cao Lãnh trong những năm 50 của thế kỷ XX, giúp chúng ta có cái nhìn toàn cảnh về</p>	LÊ QUANG HƯƠNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.197</p>

		Cao Lãnh xưa. Sau đất nước hoàn toàn giải phóng hơn một năm (11/9/1976) ông qua đời vì bạo bệnh, hưởng dương 44 tuổi.		
67	NGUYỄN HƯƠNG	<p>Ông Nguyễn Hương (1819 – 1864), quê thôn Tân Tịch, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (nay là phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông nổi tiếng là giỏi võ nghệ, được chỉ định làm chỉ huy Đội áp tải bạc thuế về Kinh đô Huế. Đến Huế, ông được giữ lại phục vụ trong quân đội gần năm năm, trải qua các chức: đội trưởng, chánh đội trưởng rồi lãnh binh. Đến triều Tự Đức, ông giữ chức Chánh lãnh binh được phái về trấn nhậm Hà Tiên. Cùng lúc ấy, giặc Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây. Ông không tuân mệnh triều đình ra hàng giặc mà rút quân về Láng Linh - một vùng sinh lầy ở An Giang cùng với Quản cơ Trần Văn Thành lập chiến khu kháng chiến. Hai ông liên kết nhau chỉ huy nghĩa quân chống lại cuộc càn quét của giặc vào rừng Bảy Thưa, đánh một trận quyết liệt đến nay đồng bào còn nhắc nhở. Song do lực lượng không cân sức lại bị triều đình bỏ rơi, nên cuối cùng nghĩa quân tan vỡ, Quản cơ Thành tử trận, ông thoát được trốn về quê nhà, rút theo quân bản bộ của mình. Tại đây, ông cùng với cấp chỉ huy thuộc quyền như Kim Chung, Quản Bạch, lấy vùng Hồ Cừ làm căn cứ chống Pháp. Chiến đấu một thời gian, trước thế mạnh của giặc, nghĩa quân lần hồi tan rã. Ông ra lệnh giải tán nghĩa quân, rồi sống ẩn dật trong cảnh túng thiếu cho đến lúc qua đời.</p>	NGUYỄN HƯƠNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.199</p>
68	NGUYỄN THẾ HỮU	<p>Ông Nguyễn Thế Hữu (1927 – 2008), tên khai sinh là Nguyễn Hữu Lưỡng, quê làng Mỹ Lợi, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đốc Bình Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng từ tháng 8/1945. Từ năm 1946, ông là Ủy viên Đoàn Thanh niên Cứu quốc xã, rồi cán bộ Thanh niên Cứu quốc huyện Cái Bè và cán bộ Thông tin truyền truyền huyện Cái Bè. Từ năm 1950, ông là cán bộ Kiểm Huấn Ty Thông tin rồi cán bộ Huấn học Tỉnh uỷ Mỹ Tho, sau đó ông là</p>	NGUYỄN THẾ HỮU	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.201</p>



		<p>Huyện uỷ viên Cái Bè, Bí thư xã Đốc Bình Kiều. Sau Hiệp định Giơnevơ, ông tiếp tục làm Bí thư Chi bộ xã Đốc Bình Kiều. Năm 1956, ông làm cán bộ nghiên cứu tôn giáo Tỉnh uỷ Mỹ Tho và năm 1957 trở lại làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ An. Năm 1958, ông được điều về tỉnh Kiến Phong làm cán bộ Huấn học tỉnh, sau đó làm Phó Bí thư rồi Bí thư Ban cán sự Đảng Thị xã Cao Lãnh. Từ năm 1961 đến năm 1963, ông làm Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh, kiêm Chính trị viên Huyện đội. Năm 1964, ông là Tỉnh uỷ viên, rồi Tỉnh đội phó Tỉnh đội Kiến Phong (1965), Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự, kiêm Chính trị viên Huyện đội (1967), Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ/Trưởng Ban An ninh tỉnh Kiến Phong (1969), Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ Kiến Phong (1973). Sau khi tỉnh Sa Đéc do ta thành lập, ông là Bí thư Tỉnh uỷ thay đồng chí Nguyễn Văn Năm (Tám Mai). Tháng 02/1976, tỉnh Đồng Tháp được thành lập, ông giữ nhiệm vụ Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ Đồng Tháp và đến Đại hội lần thứ IV Đảng bộ tỉnh năm 1986, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Tại Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, ông được bầu Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tiếp tục làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Tháp đến lúc về hưu năm 1992.</p> <p>Do có nhiều công lao, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất.</p>		
69	HUỶNH CÔNG HUY	<p>Huỳnh Công Huy (? – 1884). Đến nay chưa có tư liệu để biết rõ về dòng dõi và quê quán của ông Huỳnh Công Huy. Ông được Thiên Hộ Dương giao phụ trách quản đốc quân lương. Dưới sự chỉ huy điều động của ông, đội quân lương đã vượt qua mọi khó khăn bắt tróc từ khâu tuyên truyền vận động, thu nhận, vận</p>	HUỶNH CÔNG HUY	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.191</p>

		<p>chuyên, tiếp tế ra mặt trận, đến các đồn lũy xa xôi; vượt qua bao ngăn chặn, rình rập, phục kích của giặc để mang lương thực đến tận chiến trường phục vụ chiến đấu. Vì vậy, ông được chủ tướng Thiên Hộ Dương và anh em nghĩa quân hết lòng tin tưởng.</p> <p>Khi Thiên Hộ Dương quyết định bỏ căn cứ Tháp Mười, rút lui để bảo toàn lực lượng, ông được lệnh phải gấp rút mang một số lương thực tối đa có thể mang được, rút đi trước lên vùng biên giới. Khi nghĩa quân ta rã, ông không về xứ, vẫn ở lại Sa Rài, giải tán đội quân lương. Để có lúa gạo bảo đảm cuộc sống lâu dài cho số nghĩa quân tình nguyện ở lại, ông hô hào họ phá hoang rừng bụi hai bên rạch Thông Bình để làm ruộng, về sau chiêu mộ thêm lưu dân từ các nơi khác đến. Làng Tân Thành chính thức ra đời vào khoảng năm 1870, thuộc tổng An Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc, dân làng cử ông làm hương cả. Khi mới thành lập, làng Tân Thành rất rộng bao gồm cả huyện Tân Hồng ngày nay (chỉ trừ xã Bình Thạnh), đến năm 1901 trong làng có 1.434 dân cư. Sự ra đời của làng Tân Thành là công lao của toàn dân làng, trong đó phải kể đến công lao to lớn của ông Huỳnh Công Huy. Theo truyền thống thì <i>Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ</i>, ở đây, ông Huỳnh Công Huy vừa khai khẩn lại vừa khai cơ, nên ông chẳng những được dân làng thờ với tư cách là tiền hiền trong chính điện của đình làng, mà còn lập miếu thờ riêng gọi là miếu Tiền Hiền.</p>		
70	TRẦN QUANG HUY	<p>Ông Trần Quang Huy (? - ?), xuất thân trong một gia đình nghệ sĩ nhiều đời theo ngành trang trí cổ truyền, nhạc phụ của họa sĩ Hà Cẩm Tâm, quê ở Cao Lãnh (Đồng Tháp), thân phụ của họa sĩ Trần Quang Hiếu có biệt tài vẽ tranh ngựa.</p> <p>Là người con xứ Sa Đéc địa linh nhân kiệt, một thời mang mỹ danh “Khu vườn xứ Nam Kỳ”, ông tiên phong khai sinh nghệ thuật hình nổi trên lụa (năm 1948), đồng thời làm hàng mã, đèn hoa sáp, chưng cộ, bát tiên kì thú..., được Bộ Kinh tế thời đó</p>	TRẦN QUANG HUY	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.194</p>

		cấp bằng sáng chế, nức tiếng với cơ sở chính Thủy Tiên ở chợ Sa Đéc và các chi nhánh Thủy Tiên của đội ngũ môn sinh tay nghề cao, kế thừa ở nhiều nơi. Sản phẩm Thủy Tiên triển lãm hội chợ bao giờ cũng được công chúng ái mộ nghệ thuật truyền thống dân tộc nhiệt liệt hoan nghênh. Ngày nay, ở tỉnh Đồng Tháp và một số tỉnh lân cận, nghề làm chân dung nổi trên lụa còn duy trì.		
71	ĐOÀN MINH HUYỀN	<p>Đoàn Minh Huyền (1807 – 1856), người ở vùng Cái Tàu Thượng, làng Tòng Sơn, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang; đến thời Pháp thuộc đổi thành làng Tòng Sơn và sau đó là làng Mỹ An Hưng, tổng An Thạnh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm 1849, ở Nam Kỳ, xảy ra vụ mất mùa và đại dịch (kéo dài đến 1850), đã làm nhân dân lâm vào cảnh cùng cực, khổ đau và chết chóc. Trong hoàn cảnh ấy, ông Đoàn Minh Huyền từ Tòng Sơn vào Trà Bư (nay thuộc ấp An Thái, xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), rồi đến vùng Kiến Thạnh (xưa thuộc làng Long Kiến; nay thuộc xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), cư ngụ ở cốc ông đạo Kiến, trở tài trị bệnh cho dân. Từ chỗ chữa trị bệnh có kết quả, ông dìu dắt được nhiều bệnh nhân và người thân của họ nghe theo những điều dạy khuyên của ông. Thấy người tin theo ngày một đông, nên ngay năm ấy (1849), ông đã sáng lập ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, với tôn chỉ và phương pháp hành đạo rất đơn giản.</p> <p>Nghe ông chữa bệnh bằng nước cúng (nước lã), bông cúng,...đồng thời rao giảng đạo, quan tỉnh An Giang nghi ngờ ông là gian đạo sĩ, hoạt động chính trị nên bắt giam, nhưng xét không có bằng chứng phải thả tự do cho ông. Song ông buộc phải quy y theo đạo phật (phái Lâm Tế) và tu tại chùa Tây An,</p>	ĐOÀN MINH HUYỀN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.195

		dưới chân núi Sam (Châu Đốc). Từ đó, ông được người dân tin tưởng gọi tôn kính là Phật Thầy Tây An.		
72	NGUYỄN VĂN KHẢI	<p>Ông Nguyễn Văn Khải (1940 – 1966), tại làng Bình Hàng Trung, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 17 tuổi, ông gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng, vào Đảng tháng 8/1958. Ngày 15/9/1966, ông hy sinh, khi đang giữ chức vụ Đại đội Phó Đại đội Đặc công tỉnh Kiến Phong (nay là Đồng Tháp).</p> <p>Từ năm 1960 cho đến lúc hy sinh, ông Nguyễn Văn Khải cùng đồng đội chiến đấu 85 trận, có 33 trận với cương vị chỉ huy từ cấp tiểu đội đến cấp đại đội, trận nào cũng hoàn thành nhiệm vụ với hiệu suất cao, hiệp đồng chiến đấu tốt ăn khớp với bộ binh, được đơn vị ban tín nhiệm. Ngày 15/9/1966, lúc đang đỉnh trận lựu lớn, ta tổ chức tập kích yếu khu quân sự Thống Linh, thuộc xã Thiện Mỹ (nay là xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh). Sau gần 1 giờ chiến đấu giằng co ác liệt, các mũi của ta xung phong không được vì địch dựa vào lô cốt kiên cố bắn trả quyết liệt. Được lệnh rút quân nhưng nhiều thương binh, tử sĩ còn kẹt lại trong rào. Ông động viên anh em cùng mình trở vào đưa đồng đội ra. Dưới làn đạn địch bắn như vãi trấu, ông lội nước cống từng thương binh, tử sĩ ra khỏi rào. Đến người thương binh thứ 7, ông trúng đạn địch, hy sinh.</p> <p>Với thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 20/12/1994, Liệt sĩ Nguyễn Văn Khải được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	NGUYỄN VĂN KHẢI	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.203
73	NGUYỄN THANH KHÊ	<p>Nguyễn Thanh Khê (1916 – 2006), thường gọi Sáu Cầm, quê làng Mỹ Thọ, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là Đồng Tháp). Năm 1946, ông dạy học ở trường kháng chiến và là cán bộ Ban Xã hội thuộc Ủy ban Hành chính huyện Cao Lãnh. Sau đó là</p>	NGUYỄN THANH KHÊ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.209

		<p>Trưởng Văn phòng Ủy ban Hành chính tỉnh Sa Đéc. Tháng 11/1947, ông được cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Cao Lãnh, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (năm 1948). Đến tháng 10/1951, ông được rút lên làm Trưởng Văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Long Châu Sa. Tháng 3/1952, ông là Huyện uỷ viên Phó chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Cao Lãnh. Giữa năm 1956, ông được điều lên huyện Thanh Bình, là huyện uỷ viên phụ trách Binh vận, Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện uỷ. Tháng 5/1964, ông được bầu vào Tỉnh uỷ Kiến Phong. Đến tháng 3/1965, ông kiêm Trưởng Ban Kinh tế Tài chính tỉnh Kiến Phong. Cuối năm 1969, ông được bầu Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh và được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Kiến Phong năm 1972. Đến tháng 02/1974, ông là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Kiến Phong.</p> <p>Khi thành lập tỉnh Đồng Tháp (02/1976), ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Nhân dân tỉnh. Đến tháng 6/1977, ông làm Bí thư Thị uỷ Sa Đéc. Tháng 6/1981, ông về tỉnh làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Tháp, Bí thư Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Tháng 10/1987, ông nghỉ hưu và mất ngày 10/12/2006.</p> <p>Quá trình cống hiến cho cách mạng, ông được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.</p>		
74	TRẦN TRỌNG KHIÊM	<p>Ông Trần Trọng Khiêm (1821 – 1866), quê làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ. Năm 1855, ông vô miền Nam. Ông cùng vài người bạn đứng ra khai hoang góp phần lập nên làng Hoà An thuộc tổng An Tịnh, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang,</p>	TRẦN TRỌNG KHIÊM	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.211</p>

		<p>giáp ranh với làng Mỹ Trà (thuộc huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường).</p> <p>Năm 1862, triều đình Tự Đức nhường ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định và Định Tường cho Pháp. Năm 1863, ông cùng Thiên hộ Võ Duy Dương xây dựng căn cứ ở Gò Tháp nằm trong Đồng Tháp Mười. Ông là người vẽ kiêu các công sự chiến đấu mô phỏng theo kiêu của các đồn canh của một đại úy (sau được chính phủ Hoa Kỳ phong đại tướng) tên Suter, người Canada, xây dựng ở California gọi là đồn Suter. Ông được Thiên Hộ Dương giao chỉ huy một đội nghĩa quân, đánh thắng Pháp nhiều trận ở Mỹ Trà, Cao Lãnh, Cai Lậy... Tháng 4/1866, Pháp mang đại quân tấn công đại đồn Tháp Mười, ông chiến đấu quyết liệt và tử trận lúc 45 tuổi.</p>		
75	BÙI THANH KHIẾT	<p>Ông Bùi Thanh Khiết (1924 – 1984), quê làng Tân An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia Giải phóng quân từ năm 1945. Ngày 04/01/1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1947, ông làm Trưởng phòng Chính trị Quân khu 9 và Trưởng ban Chính trị tỉnh Long Châu Hà. Tập kết ra Bắc, ông được cử làm Chính uỷ trung đoàn, rồi Phó Chủ nhiệm Chính trị sư đoàn. Năm 1964, ông trở về Nam chiến đấu, là Phó Chính uỷ Quân khu 8, Khu uỷ viên rồi Phó Chính uỷ Quân khu 9, Khu uỷ viên khu Tây Nam Bộ. Năm 1973, ông được phong quân hàm Đại tá, là Bí thư Đảng uỷ, Phó Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên và hai bên, đóng tại sân bay Tân Sơn Nhất. Sau đó, ông làm Phó Chủ nhiệm Cục chính trị Bộ Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam. Cuối năm 1976, ông làm Thứ trưởng Bộ Giáo dục, Bí thư Đảng đoàn Bộ Giáo dục. Ông là Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV, Uỷ viên</p>	BÙI THANH KHIẾT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. 213

		<p>chính thức khoá V. Từ tháng 8/1979, ông là Trưởng ban Khoa giáo Trung ương. Tháng 4/1981, ông được bầu vào Quốc hội khoá VII, đơn vị tỉnh Đồng Tháp và được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật của Quốc hội... Ông từ trần ngày 07/01/1984.</p> <p>Công lao của ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Quân công Giải phóng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba, Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba.</p>		
76	LÊ VĂN KIẾC	<p>Lê Văn Kiéc (1923 – 1972), bí danh Lê Trung Nghĩa, Ba Nghĩa, quê ở làng Hoà Khánh, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Lúc nhỏ theo gia đình đến làm ăn tại xã Hưng Thạnh, huyện Mỹ An (nay là huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1950, Lê Văn Kiéc tham gia du kích xã, tháng 10/1958 được kết nạp vào Đảng, tháng 4/1959, được rút lên Bộ đội địa phương huyện Mỹ An.</p> <p>Ngày 04/01/1960, ông chỉ huy trung đội Địa phương quân huyện phối hợp với tổ Đặc công và Phân đội 272 của tỉnh đánh sập tháp 10 tầng của Ngô Đình Diệm xây dựng tại Gò Tháp Mười, diệt, bị thương và bắt gần một trung đội địch. Tháng 02/1965, ông làm Huyện Đội trưởng Cao Lãnh, tháng 7/1967 là Chính trị viên Huyện đội Mỹ An. Tháng 01/1971, ông làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Kiến Phong. Mùa nước năm 1971 ông chỉ huy diệt được 4 đồn địch, diệt gần 100 tên địch, thu hơn 50 súng các loại; đánh thiệt hại nặng Đại đội Biệt kích 215 khét tiếng ác ôn ở vùng bắc huyện Cao Lãnh. Đêm 30/9/1972, trong lúc chỉ huy đơn vị đánh đồn Quán Tre, ông hy sinh anh dũng.</p> <p>Ông Lê Văn Kiéc chỉ huy và trực tiếp chiến đấu 120 trận, loại khỏi vòng chiến 480 tên địch, thu nhiều súng, bắn cháy 2 xe (có</p>	LÊ VĂN KIẾC	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.216</p>

		1 M113), 1 tàu; đào 288 công sự, gài 1.200 lựu đạn, cắm 16.000 mìn chông... Ông được tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Nhì, Ba, Huân chương chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 23/5/2005, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng ông Lê Văn Kiểc (Lê Trung Nghĩa) danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i> .		
77	NGUYỄN HỮU KIẾN	<p>Ông Nguyễn Hữu Kiến (1880 – 1954), trong một gia đình nghèo ở xóm xép Cả Kịch, làng Tân Thuận (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông hăng hái tham gia phong trào Đông Du và Minh Tân. Ông cùng với Nguyễn Quang Diêu quan hệ với nhiều nhà yêu nước lúc bấy giờ, như Nguyễn Văn Điền (Châu Đốc), Lê Văn Đáng, Lê Văn Mỹ, Lê Văn Ký, Trần Văn Nhựt (Cao Lãnh). Ông là một trong số ít người ở Nam Bộ có công hỗ trợ Hồ Tá Bang trong việc xây dựng trường Dục Thanh ở Phan Thiết và cũng chính ông là người đã vận động một số thanh niên Cao Lãnh ra học ở trường này. Ông là người được Nguyễn Quang Diêu chọn tham gia phái đoàn 12 người sang Hồng Kông vào tháng 5/1913. Năm 1927, ông Nguyễn Quang Diêu, sau mười mấy năm tù đày, vượt ngục về nước tiếp tục hoạt động; một lần nữa, ông lại cùng Nguyễn Quang Diêu bôn ba khắp nơi vận động. Đến năm 1937, ông mở trường dạy học ở vòm xép Cả Kịch; ngoài ra, ông còn coi mạch, hốt thuốc, trị bệnh cho dân và dịch sách thuốc từ tiếng Hoa ra chữ Việt để phổ biến kiến thức trị bệnh trong nhân dân.</p> <p>Năm 1940, với cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thực dân Pháp đàn áp, khủng bố khắp nơi, quy chụp trường của ông có “vấn đề”, ra lệnh đóng cửa tức khắc. Trường đóng cửa, ông về Mỹ Tho sống với con gái làm nghề giáo. Ngày 04/1/1954, ông qua đời.</p>	NGUYỄN HỮU KIẾN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.218
78	ĐỐC BINH KIỀU	Đốc Binh Kiều (? – 1866). Dân gian thường gọi ông là Lê Công Kiều, Trần Phú Kiều hoặc Nguyễn Tấn Kiều, nhưng phổ biến	ĐỐC BINH KIỀU	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015.



		<p>nhất là quan Lớn Thượng. Ông là người gốc miền Trung vào Nam sinh sống ở huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường. Khi thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông về Gia Định đầu quân chống giặc. Đến khi Trương Định lập căn cứ Tân Hoà (Gò Công), Thiên Hộ Dương lập căn cứ Bình Cách, Mỹ Quý (Ba Giồng, huyện Kiến Đăng), ông đem quân về Ba Giồng hợp tác với Thiên Hộ Dương.</p> <p>Ông được phong chức đốc binh và trở thành một tham mưu đặc lực của Thiên hộ. Tháng 6/1864, nghĩa quân rơi vào tình trạng cực kỳ khó khăn, Thiên Hộ Dương quyết định rút vô Đồng Tháp Mười và đặt tổng hành dinh tại Gò Tháp. Đốc Binh Kiều được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ. Ông huy động dân binh, nghĩa quân đào hào đắp lũy, xây dựng đại đồn Tháp Mười suốt mấy tháng liền. Sau đó, theo phân công của Thiên hộ, Đốc Binh Kiều chỉ huy đồn Tả, ông vận dụng chiến thuật du kích kết hợp với kinh nghiệm dân gian sáng tạo các cách đánh độc đáo như đốt đồng, dùng ong, dùng trâu, hàm chông... làm cho giặc Pháp và tay sai vô cùng khiếp sợ. Trong cuộc tấn công Tháp Mười vào tháng 4/1866, giặc Pháp đã dùng một lực lượng lớn để áp đảo mặt này, quyết hạ cho được đồn Tả để tiến vào Tháp Mười. Đốc Binh Kiều điều động nghĩa quân chống trả quyết đẩy lui nhiều đợt tấn công của giặc, đến chiều bọn chúng phải rút lui. Ông lên đài quan sát theo dõi cuộc thoái binh của giặc, chẳng may ông bị thương. Ông được đưa về Gò Giồng Dung điều trị. Mấy ngày sau, được tin đại đồn thất thủ ông uất lên mà chết.</p>		Tr.220
79	NGUYỄN VĂN KÍNH	<p>Ông Nguyễn Văn Kính (1910 – 1992) thường gọi Hai Kính, quê làng Bình Đông, tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay là thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng năm 1926, gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội năm 1928, tại Chi Hội Lấp Vò. Được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng tháng 9/1929 tại Lấp Vò.</p>	NGUYỄN VĂN KÍNH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.222

		Tháng 11/1930, ông bị giặc bắt, chúng tra tấn cực hình, tù đầy nhưng ông vẫn không hề khai báo, không tiết lộ bí mật. Năm 1934, ông được ra tù, trở về địa phương tiếp tục hoạt động cho Đảng, được Đảng tin nhiệm cử giữ chức vụ Phó Bí thư Đặc uỷ Hậu Giang. Năm 1945, ông là Tỉnh uỷ viên tỉnh Long Xuyên, Bí thư Quận uỷ Lấp Vò. Thực dân Pháp tái xâm lược Long Xuyên, Sa Đéc... ông cùng Đảng bộ và nhân dân địa phương kháng chiến chống Pháp giành thắng lợi. Sau Hiệp định Giơnevơ, ông công tác Kinh tài tỉnh An Giang, Ban Tài chính - Kinh tế Kế hoạch khu Trung Nam bộ (Khu 8). Ông nghỉ hưu tháng 7/1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh và từ trần ngày 11/7/1992.		
80	LƯU VĂN LANG	<p>Ông Lưu Văn Lang (1880 – 1969), quê làng Tân Phú Đông, Sa Đéc. Ông là sinh viên Nam Kỳ đầu tiên đậu bằng Ingénieur des Arts et Manufactures (Kỹ sư công nghệ chuyên ngành cầu cống - tương đương như kỹ sư xây dựng ngành cầu đường ngày nay).</p> <p>Năm 1930 đến 1940, ông làm việc cho Sở Công chánh Sài Gòn. Năm 1943 - 1944, ông tích cực giúp phong trào Truyền bá Quốc ngữ chính thức hoạt động rầm rộ ở Sài Gòn và các tỉnh. Tháng 3/1945, Nhật đảo chánh Pháp, ông được mời ra Huế giữ chức Tổng trưởng, nhưng ông giữ khí tiết, tuyên bố: <i>“Không làm đầy tớ cho ai nữa cả!”</i>. Pháp tái chiếm Sài Gòn, ông vẫn bất hợp tác với giặc. Từ đó, nhà ông là nơi hội họp, gặp gỡ của số trí thức tiến bộ, yêu nước. Năm 1947, ông cùng bác sĩ Nguyễn Văn Hường, giáo sư Đặng Minh Trứ, vận động gần 300 trí thức ký tên vào bản kiến nghị đòi Chính phủ Pháp đàm phán với Chính phủ Kháng chiến để chấm dứt chiến tranh. Năm 1949, ông là người ký tên đầu tiên vào bản kiến nghị thứ hai, với hàng ngàn chữ ký, đòi Chính phủ Pháp thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh để trao trả độc lập và tái lập hoà bình Việt Nam. Ngày 09/01/1950, tại Sài Gòn, nhân đám tang học trò Trần Văn Ôn,</p>	LƯU VĂN LANG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.224

		ông dẫn đầu đoàn biểu tình đông hàng trăm ngàn người. Năm 1954, tuy đã già, ông vẫn nhận chức Chủ tịch danh dự Phong trào Hoà bình. Tháng 11/1954, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt ông giam giữ, không lâu sau, vì uy tín lớn lao của ông, chúng buộc phải thả ông ra. Ông ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, công khai phổ biến các văn kiện của Mặt trận ngay giữa Sài Gòn.		
81	PHẠM HỮU LẦU	Ông Phạm Hữu Lầu (1906 – 1959) bí danh Tư Lộ, quê làng Hoà An, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là Phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Tháng 10/1929, ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng. Năm 1930, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1954 đến 1959, ông làm Phó Bí thư rồi Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Ông mất ngày 16/12/1959 do bệnh lao phổi. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông bị thực dân Pháp bắt và đày ra Côn Đảo hai lần (lần thứ nhất, giữa năm 1930; lần thứ hai, cuối năm 1939). Ông đã có nhiều đóng góp to lớn cho Đảng, cho cách mạng trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930 - 1945), trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và những năm đầu cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1959). Ông là một tấm gương cộng sản mẫu mực về cống hiến trọn đời mình cho Đảng và cho dân tộc.	PHẠM HỮU LẦU	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.228
82	TRẦN BÁ LÊ	Ông Trần Bá Lê (1850 – 1931), quê thôn Hoà An, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang (nay thuộc xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh). Ông được cử làm Hương cả Nhì trong làng, nên người trong làng thường gọi ông là Cả Nhì Ngưu. Vào những năm 1907, 1908, lúc phong trào Đông Du phát triển, ông là người tài trợ lớn, có tiếng ở vùng Cao Lãnh. Năm 1917, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc tìm đến Cao Lãnh, ông giữ cụ lại để nuôi dưỡng. Theo yêu cầu của cụ Nguyễn Sinh Sắc, ông dựng	TRẦN BÁ LÊ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.230

		<p>cho cụ một căn nhà nhỏ trong vườn nhà ven bờ rạch Cái Tôm, để cụ tiện dạy học và hốt thuốc. Năm 1929, khi cụ Nguyễn Sinh Sắc qua đời, ông Trần Bá Lê là một trong những người góp sức vào việc an táng. Cuối năm 1929, Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Sa Đéc ra đời, đặt cơ quan ngay trong vườn xoài của ông. Nơi đây thường diễn ra các cuộc họp và in ấn tài liệu. Tháng 11/1930, Pháp và tay sai bắt thần bao vây nhà ông bắt bảy người, trong đó có các đảng viên Bùi Dự, Lê Văn Hy (Hai Hy) và Đỗ Hữu Giàu (cháu ngoại ông). Riêng ông, chúng bắt tại Cái Tắc. Sau đó, chúng đưa tất cả về giam ở Vĩnh Long. Một tháng sau, chúng giải ông và ba đồng chí về Khám lớn Sài Gòn. Tại đây, chúng giam ông chung phòng với đồng chí Hà Huy Giáp. Tháng 7/1931, ông qua đời tại Khám Lớn. Ngày 04/4/2014, ông được Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công nhận liệt sĩ và cấp bằng Tổ quốc ghi công.</p>		
83	TRẦN THANH LIÊM	<p>Trần Thanh Liêm (1941 – 1968), tên thường gọi Lê Văn Liêm, quê xã Phong Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ông nổi tiếng là một chiến sĩ, một cán bộ chỉ huy đặc công giỏi của Tiểu đoàn 857 tỉnh Vĩnh Long trong những năm 1962 - 1968.</p> <p>Vào đội Du kích xã năm 1960, năm 1962, ông được đưa đi học lớp đặc công do Tỉnh đội tổ chức, học xong được bổ sung vào trung đội đặc công của tỉnh. Năm 1965, được đề bạt làm tiểu đội trưởng, rồi trung đội phó, Đại đội Phó Đại đội Đặc công. Năm 1967 được điều động qua làm Đại đội Phó Đại đội 203, Tiểu đoàn 857. Tháng 5/1967, ông cùng đơn vị tiêu diệt đồn Trà Khiết, xã Mỹ Thuận. Tháng 9/1967, Đại đội 203 do ông chỉ huy phối hợp với Đại đội 205 diệt gọn đồn Bình Tiên và một đại đội cảnh sát đóng dã ngoại, diệt và bắt 218 tên địch, thu toàn bộ vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh. Trong cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968, Tiểu đoàn 857, được Quân Khu 9 giao nhiệm vụ đánh sân bay Vĩnh Long, với 66 máy bay các loại</p>	TRẦN THANH LIÊM	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.232</p>

		<p>và 150 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật Mỹ. Cấp trên chọn ông làm mũi trưởng, chỉ huy 40 đồng đội thọc sâu đánh vào sân bay. Sau gần 30 phút chiến đấu, quân ta đã phá huỷ được 63 chiếc trong số 66 chiếc. Khi chỉ huy đơn vị rút ra, tổ của ông lọt vào bãi mìn dày đặc của địch trong hàng rào. Ông và một số đồng đội đã anh dũng hy sinh lúc 5 giờ sáng ngày mùng một Tết năm 1968, khi vừa tròn 27 tuổi.</p> <p>Với chiến công to lớn, Trần Thanh Liêm được khen thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất nhiều bằng khen, giấy khen của Tỉnh đội và Quân Khu 9. Ngày 30/8/1995, Liệt sỹ Trần Thanh Liêm được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
84	ĐẶNG THÚC LIÊNG	<p>Ông Đặng Thúc Liêng (1867 – 1945), quê làng Tân Phú, quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), sau dời về quê vợ ở làng Tân Qui Đông, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông từng hoạt động yêu nước chung với Trần Chánh Chiêu và Nguyễn An Khương. Tháng 10/1908, Pháp ra lệnh bắt Đặng Thúc Liêng và hơn 40 người tình nghi khác giam ở khám đường Mỹ Tho. Ông được ra tù sau bốn tháng bị giam cầm. Từ năm 1911 đến năm 1944, ông trở lên Sài Gòn viết bài cho nhiều tờ báo, chủ trương tờ <i>Việt dân báo</i> (1931), sáng lập hội “<i>Việt Nam Y Dược</i>” (1934), cùng Lê Phát Vĩnh xuất bản tuần báo <i>Đông Phong</i> (khoảng năm 1944), với các hiệu: Trúc Am, Mộng Liêm, Lục Hà Tẩu. Cuối năm 1944, ông rời Sài Gòn về làng Tân Quy Đông, tỉnh Sa Đéc sống những ngày cuối đời và mất vào ngày 16/8/1945.</p> <p>Ông là một nhà văn tiên phong ở miền Nam, ông được giới văn học mến yêu, kính trọng. Có thể xem ông là người có công lớn trong thời kỳ chữ Quốc ngữ bắt đầu có mặt trên sinh hoạt văn hoá</p>	ĐẶNG THÚC LIÊNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.234

		ở miền Nam vào thế kỷ XIX.		
85	NGUYỄN VĂN LINH	<p>Ông Nguyễn Văn Linh (1815 – 1865), quê ở thôn Mỹ Ngãi, huyện Kiên Đăng, tỉnh Định Tường (nay thuộc phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Khi thực dân Pháp kéo quân đến vùng Cao Lãnh tiến hành bình định chiếm đóng. Ông đứng ra qui tụ thanh niên trai tráng trong vùng luyện tập võ nghệ, trang bị vũ khí theo dõi hành tung của giặc, hễ có cơ hội là diệt chúng, làm cho giặc hoang mang ngay từ buổi đầu mới chiếm đóng. Giữa năm 1863, Thiên hộ Võ Duy Dương từ Ba Giồng (Cai Lậy) dẫn nghĩa quân vô Đồng Tháp Mười xây dựng đồn lũy, lập căn cứ, truyền hịch chiêu mộ nghĩa sĩ, ông liền đem lực lượng của mình đặt dưới quyền chỉ huy của Thiên hộ và hiến nhiều kế sách cho việc xây dựng, phát triển lực lượng nghĩa quân. Ông và Đốc Binh Kiều là hai bộ tướng phụ tá đắc lực của Thiên Hộ Dương trong việc chiêu mộ nghĩa quân và vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến. Ông được giao thống lĩnh một đạo nghĩa quân phụ trách hoạt động vùng Cao Lãnh, nên trong quân cũng như ngoài dân thường gọi ông là Thống Linh. Hoạt động của ông làm cho giặc Pháp trong vùng mất ăn mất ngủ, nhưng chúng không sao đàn áp nổi.</p> <p>Một hôm trên đường lo việc quân cơ, tiện đường ghé qua thăm gia đình, bị giặc phục kích bắt ông cùng Thống Bình và Thống Chiếu tại thôn Phong Mỹ, đem về chợ ông Chánh (tức chợ Mỹ Ngãi sau này) giam giữ. Không mua chuộc được ông, chúng ra tay hành quyết ông cùng với Thống Bình, Thống Chiếu tại chợ Mỹ Ngãi.</p>	NGUYỄN VĂN LINH, THỐNG LINH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.236
86	ĐỖ THỪA LUÔNG ĐỖ THỪA TỰ	Ông Đỗ Thừa Luông (? – 1872), quê ở Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp), sinh trưởng dưới thời vua Tự Đức. Năm 1872, ông cùng em là Đỗ Thừa Tự (? – 1872) vận động nhân dân nổi lên chống Pháp ở ven rừng U Minh, từ rạch Cái	ĐỖ THỪA LUÔNG, ĐỖ THỪA TỰ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.240

		<p>Tàu (nay thuộc huyện U Minh) đến vùng An Biên (tỉnh Kiên Giang ngày nay).</p> <p>Nghĩa quân đóng căn cứ tại khu vực Hàn Lớn và Hàn Nhỏ nằm trong xóm Cái Tàu. Quân Pháp phát hiện ra căn cứ và tấn công, nghĩa quân đánh trả quyết liệt, song vì thiếu vũ khí, nên căn cứ bị triệt hạ, nhiều nghĩa quân hy sinh. Trước tình hình lực lượng quá chênh lệch, anh em họ Đỗ không muốn các đồng chí mình tiếp tục hy sinh nữa, nên ra lệnh giải tán nghĩa quân và vào trong rạch Cái Tàu tự tử. Tuy cuộc khởi nghĩa không thành công, nhưng hai ông luôn được nhân dân tưởng nhớ.</p>		
87	LÊ VĂN LƯỢNG	<p>Ông Lê Văn Lượng (1933-1959), quê quán xã Long Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông tham gia cách mạng năm 1955, tại Đội Bảo vệ Tỉnh uỷ Kiến Phong (nay là Đồng Tháp). Tháng 10/1959, đơn vị phân công ông cùng hai chiến sĩ bảo vệ ông Trần Anh Điền (Tám Bé), Phó Bí thư Tỉnh uỷ Kiến Phong đi dự Hội nghị Trung ương, tổ chức tại Thường Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong. Hội nghị xong, trên đường trở về căn cứ Tỉnh uỷ, khi đi đến ngọn Nhà Hay thuộc Phong Mỹ, quận Cao Lãnh, khoảng 17 giờ thì bất ngờ lọt vào vòng vây của địch. Quân địch quá đông, hỏa lực mạnh, để bảo vệ ông Trần Anh Điền và tài liệu mật, ông một mình ở lại chiến đấu thu hút, cầm chân địch, tạo điều kiện cho đồng đội bảo vệ ông đồng chí Trần Anh Điền thoát khỏi vòng vây. Ông đã kiên cường chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, làm cho địch chết, bị thương trên 20 binh lính. Ông anh dũng hy sinh khi vừa tròn 26 tuổi.</p> <p>Quá trình tham gia cách mạng, ông đã trực tiếp chiến đấu trên 50 trận, diệt hàng trăm tên địch, trong đó có các tên ác ôn, chiêu hồi, chỉ điểm, gián điệp gây nhiều nợ máu với nhân dân và cách mạng, thu nhiều vũ khí. Ngày 01/3/2010, Liệt sĩ Lê Văn Lượng được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	LÊ VĂN LƯỢNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.243</p>

88	NGUYỄN THỊ LỰU	<p>Bà Nguyễn Thị Lựu (1909 – 1988), tên thật Đỗ Thị Thương, bí danh Thu, Cửu, thường gọi Tám Lựu, quê làng Hòa An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Bà được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng cuối năm 1929 tại Phong Hoà, Cần Thơ (nay là xã Phong Hoà, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Đầu năm 1931, trên cương vị Thường vụ Tổng công hội đỏ Xứ uỷ Nam Kỳ, bà bị giặc bắt giam ở bót Pôlô (Chợ Lớn). Toà đại hình đặc biệt Sài Gòn tuyên án bà 5 năm tù giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Năm 1936, bà được trả tự do, tham gia nhóm La Lutte (tranh đấu), phục vụ tại toà soạn <i>La Lutte</i> và được bầu vào Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội. Đầu năm 1937, bà tiếp tục làm báo <i>L'Avant-Garde</i> (1937), <i>Le Peuple</i> (1937), <i>Dân chúng</i> (1938 - 1939). Đầu tháng 9/1939, bà bị thực dân Pháp bắt lần thứ 2 giam ở nhà tù Phú Mỹ (1939 - 1941) và trại giam Bà Rá (1941 - 1945).</p> <p>Năm 1946, bà công tác ở Tỉnh uỷ Châu Đốc. Sau đó, bà giữ các nhiệm vụ: Trưởng ban Phụ Vận Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn (1949), phụ trách Tiểu ban đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ (1954), gia nhập Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Ban Mặt trận Trung ương (1959), Vụ trưởng Vụ quốc tế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1960), Phó Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1961), Đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI. Sau ngày 30/4/1975, bà đảm nhận chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban thống nhất của Quốc hội, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nghỉ hưu tháng 7/1979.</p>	NGUYỄN THỊ LỰU	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.245</p>
89	HUỶNH CHÍ MẠNH	<p>Ông Huỳnh Chí Mạnh (1913 – 2000) còn gọi là Nguyễn Ngọc Tân (bí danh Hai Lực), quê Hương Giản, Yên Dương, Hà Bắc.</p> <p>Năm 1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, là Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông</p>	HUỶNH CHÍ MẠNH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.249</p>



		<p>được Xứ uỷ Nam Bộ phân công đi Campuchia móc nối tổ chức cơ sở cách mạng, vận động Việt kiều ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Cuối năm 1946, ông là Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ Châu Đốc, rồi Bí thư Tỉnh uỷ Châu Đốc cuối năm 1947. Từ tháng 4/1948, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Long Châu Tiền. Năm 1951, Khu uỷ điều ông lên công tác ở Campuchia với chức vụ Uỷ viên Ban cán sự Campuchia, Bí thư Ban cán sự Đông Nam Campuchia. Sau đình chiến năm 1954, ông là uỷ viên Ban cán sự liên lạc, Trưởng Ban phụ trách Việt kiều Campuchia. Năm 1960, ông là Khu uỷ viên miền Đông Nam Bộ, Bí thư Khu uỷ Đông Nam Bộ, Chính uỷ Quân khu 2, Phó Bí thư Ban cán sự và Chính uỷ Tiền phương Quân khu 7. Năm 1977, ông giữ chức Phó Ban cải tạo Công Thương nghiệp Trung ương và sau đó nghỉ hưu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông mất năm 2002.</p> <p>Quá trình công tác và chiến đấu, ông đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất.</p>		
90	NGUYỄN THỊ MẠO	<p>Bà Nguyễn Thị Mạo (1902 – 1975), quê làng Khánh An Đông, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Chồng bà là ông Châu Tấn Tài, sinh năm 1900, người cùng quê với bà. Bà có 7 người con (5 trai, 2 gái), trong đó có 4 người con đi kháng chiến và cả 4 người là Liệt sỹ. Ngày 17/12/1994, bà Nguyễn Thị Mạo được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i>.</p>	NGUYỄN THỊ MẠO	Đồng Tháp nhân vật chí, năm 2005.
91	BÙI ĐỨC MINH	<p>Bùi Đức Minh (? – 1835). Hiện tại, chưa có thông tin về năm sinh cũng như quê quán của Bùi Đức Minh. Chỉ biết ông sống vào khoảng cuối thời các chúa Nguyễn.</p> <p>Tháng 9/1815, ông được bổ làm Ký lục dinh Bình Hoà (Khánh Hoà), chức quan trật Chánh tam phẩm. Tháng 5/1818, ông được</p>	BÙI ĐỨC MINH	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.253

		<p>vua Gia Long sai phái làm duyệt tuyển ở Bình Hoà. Tháng 3/1821, ông làm Cai Bạ Biên Hoà. Tháng 9/1823, ông được bổ làm Ký lục Phiên An. Tháng 5/1824, ông lĩnh chức Tuyên phủ sứ hai phủ Trà Vinh, Mân Thít, kiêm quản đồn Uy viễn. Tháng 6/1826, ông được thăng làm Tả tham tri Binh bộ, chức quan cao cấp ban văn, chỉ đứng sau Thượng thư, trật Tòng nhị phẩm. Tháng 9, ông được chuyển làm Tả tham tri Công bộ. Năm 1829, ông lại được đổi làm tả tham tri Binh bộ. Tháng 6/1829, ông được vua Minh Mạng phong hiệp đồng Bảo hộ Chân Lạp. Tháng 10, vua gia hàm Thượng thư Binh bộ (Chánh nhị phẩm) cho ông, vẫn hiệp đồng bảo hộ quốc ấn Chân Lạp, án thủ đồn Châu Đốc, kiêm lĩnh Biên vụ Hà Tiên. Năm 1835, vì tuổi cao sức yếu, ông chết trong quân thứ lúc theo quân đánh Lê Văn Khôi.</p>		
92	NGUYỄN VĂN MINH	<p>Ông Nguyễn Văn Minh (1921 – 1988), tên thường gọi Chín Minh), tên khai sinh là Nguyễn Thành Thị, bí danh Nam, quê xã Bình Thạnh, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng tháng 10/1944, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1945. Tháng 9/1945, ông là cán bộ Quận uỷ Hồng Ngự phụ trách Liên xã Tân Hội, Bình Thạnh và xã Thường Lạc. Tháng 9/1947, ông là Huyện uỷ viên Huyện uỷ Hồng Ngự và Huyện đội trưởng Huyện đội Hồng Ngự. Tháng 01/1952, ông làm Bí thư xã Bình Thạnh, huyện Hồng Ngự, sau đó làm Phó Bí thư Huyện uỷ rồi Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự (từ tháng 4/1954), Phó Ban Binh vận tỉnh Kiến Phong (từ tháng 10/1958), Uỷ viên Ban Binh vận Khu 8 (từ tháng 10/1960). Từ tháng 3/1970, ông là Phó Ban Cán sự khu vực 30 (Campuchia), Trưởng Ban liên lạc vùng 21 (Campuchia). Tháng 10/1970 đến tháng 01/1972, ông là Uỷ viên Ban Tổ chức Khu, Bí thư Đảng uỷ Liên cơ Dân - Chính - Đảng. Tháng 11/1974, ông là Bí thư Đảng uỷ Liên cơ Dân -</p>	NGUYỄN VĂN MINH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.256</p>

		<p>Chính - Đảng Khu 8, rồi Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Tháp (từ tháng 02/1976), Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp, Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự (từ tháng 4/1977). Năm 1987, ông nghỉ hưu và mất ngày 9/10/1988. Quá trình công tác và chiến đấu, ông được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất và Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.</p>		
93	TRƯỜNG TẤN MINH	<p>Ông Trương Tấn Minh (? - ?), tên tục là Miên, sinh tại làng An Bình (nay thuộc huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm ông 30 tuổi, khi giặc ngoại xâm giày xéo quê hương, ông cùng một người bạn chiêu mộ nghĩa đồng, lấy của nhà ra nuôi quân, sắm sửa vũ khí, hoạt động chống Pháp ở vùng Cao Lãnh, gây nhiều khó khăn cho việc bình định của giặc. Về sau, ông rút lực lượng của mình vào Đồng Tháp Mười hợp tác chiến đấu với nghĩa quân Thiên hộ Võ Duy Dương. Thiên Hộ Dương giao cho ông nhiều trọng trách. Nhiệm vụ nào ông cũng hoàn thành, nên ông được phong chức lãnh binh; từ đó, nghĩa quân thường gọi ông là Lãnh binh Miên. Tháng 4/1866, thực dân Pháp mang đại quân triệt hạ căn cứ Tháp Mười. Lực lượng của ông thường xuyên bị giặc bao vây, truy lùng ráo riết; ông cùng nghĩa quân rút sang Cao Miên ẩn náu chờ đợi thời cơ. Khi hay tin Thiên Hộ Dương tử nạn ở Cần Giò, nghĩa quân ngày một suy yếu, rồi tan rã, ông trở về nước, sống ẩn dật trong chùa Thanh Lương cổ tự ở quê nhà cho đến lúc qua đời.</p>	TRƯỜNG TẤN MINH	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.260</p>
94	VÕ VĂN MỪNG	<p>Ông Võ Văn Mừng (1930 – 2018), quê làng Tân Thuận Tây, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Khi được tuyên dương Anh hùng là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam, Tiểu đội trưởng Đặc công. Năm 17 tuổi, ông tham gia du kích xã. Tính từ khi là du kích đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông đã đánh địch 107 trận, nhiều lần bị thương nặng, trận nào cũng hoàn</p>	VÕ VĂN MỪNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.261</p>

		<p>thành xuất sắc nhiệm vụ.</p> <p>Đầu tháng 9/1952, ông tự nguyện xin đi đánh diệt khẩu pháo 90 ly của Pháp đặt ở Côn Trọi. Qua thời gian nghiên cứu, đêm 18/10/1952, ông ôm bộc pháo lội qua 3 chiếc tàu địch, đặt bộc phá trong đồng đạn cỡ 4 - 5 trăm trái, bộc phá nổ, cả đồng đạn pháo nổ liên tục và văng tứ phía. Khẩu pháo bị phá huỷ, ta diệt 1 trung đội Pháp và lính Lê Dương, làm chìm và bị thương 2 tàu. 4 giờ chiều ngày 10/9/1953, ông cùng đồng đội hóa trang lính Cao Đài, đi xe lôi đến đồn xã Tân Tịch, cận thị xã Cao Lãnh. Ông cùng đồng đội tràn vào bắn bọn lính đang chơi ở sân bóng chuyền, địch lớp chết, lớp hoảng chạy tán loạn. Ta thu 12 súng, rút lui an toàn. Đêm 30/10/1953, ông cùng đơn vị đánh đồn Rạch Trâu Trắng, xã Phong Mỹ. Ông bộc phá vượt qua mấy lớp rào tre, rào gai, hào sâu chạy vào đồn đặt bộc phá, rồi chạy ra ngoài châm điện rồi cùng đồng đội tiến vào đồn diệt bọn còn sống sót.</p> <p>Tập kết ra Bắc, đến ngày 07/5/1956, ông được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên dương danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>. Sau đó, ông trở về Nam tham gia đánh Mỹ nhiều trận ở Khe Sanh, Đường 9 Nam Lào, Buôn Ma Thuột... khi về hưu với quân hàm Trung tá. Với những cống hiến to lớn của mình, ông được tặng Huân chương Quân công hạng Ba, nhiều Huân chương chống Pháp, chống Mỹ và nhiều phần thưởng cao quý khác.</p>		
95	LÊ VĂN MỸ	<p>Ông Lê Văn Mỹ (1876 – 1946), tên thường gọi Sáu Mỹ), quê thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (nay là phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng từ đầu phong trào Đông Du ở Nam Kỳ. Năm 1907, ông cùng Lê Văn Đáng, Lê Văn Sao xuất dương sang Nhật nhưng bị nhà đương cuộc Nhật trục xuất về nước, bị thực dân Pháp bắt giam ở Sài Gòn giải về Vĩnh Long, lãnh án</p>	LÊ VĂN MỸ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.266</p>

		tù hơn 1 năm. Ra tù, ông vẫn bí mật liên kết những người yêu nước, tiếp tục hoạt động, trước sau có đến 9 lần bị Pháp bắt bỏ tù vì làm quốc sự. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc về sống ở Cao Lãnh, thường gặp gỡ, bàn luận chuyện cứu nước với ông Lê Văn Mỹ tại Kim Quang tự (chùa Lâm Vô), ngôi chùa do bà Năm Phước (mẹ ruột) dựng lên. Ông Lê Văn Mỹ qua đời ngày 24/3/1946.		
96	NGUYỄN VIỆT NAM	<p>Ông Nguyễn Việt Nam (1921 – 1991), quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Thời gian học Đại học Y khoa ở Hà Nội, ông tham gia phong trào sinh viên yêu nước của Tổng Hội Sinh viên Đông Dương. Ông còn là người tham gia sáng lập ra Tân Dân chủ đoàn mà về sau là Đảng Dân chủ Việt Nam. Ông từng là Tổng Thư ký Hội Hướng đạo Nam Kỳ, Phó Tổng Thư ký Thanh niên Tiền Phong. Năm 1944, ông “xếp bút nghiên” về Nam, Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công ở Sài Gòn và Nam Bộ, ông được chính quyền Cách mạng bổ nhiệm chức vụ Chính trị viên của Sư đoàn Cộng hòa vệ binh.</p> <p>Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, ông là một trong những trí thức Việt Nam đầu tiên cầm vũ khí đánh Pháp và là người dân Nam Bộ đầu tiên bị thương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau đó, ông phụ trách Ban Tuyên truyền Quân Dân Chánh tỉnh Sa Đéc, kiêm Chủ nhiệm tờ báo <i>Dân Chủ</i> - cơ quan ngôn luận của Dân Chánh tỉnh và là Biên tập viên của tờ <i>Kèn Gọi Lính</i> của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ. Sau Hiệp định Giơnevơ, ông tập kết ra miền Bắc. Ông là Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Dân chủ Việt Nam, là Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và là Tổng biên tập báo <i>Độc Lập</i> của Đảng Dân chủ Việt Nam. Sau ngày 30/4/1975, ông trở về Nam, là đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó</p>	NGUYỄN VIỆT NAM	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.267

		nghỉ hưu và mất năm 1991.		
97	NGUYỄN VĂN NĂM	<p>Ông Nguyễn Văn Năm (1925 – 1976), thường gọi là Tám Mai, quê làng Bình Phước Xuân, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Trú quán xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Ông tham gia giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở ấp Tháp Mười, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (nay là xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Tháng 6/1946, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ tháng 4/1948 đến tháng 3/1964, ông trải qua các chức vụ: Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc huyện Cao Lãnh, kiêm Thư ký Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc xã Tháp Mười (nay là Trường Xuân và Mỹ Hòa), rồi Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc tỉnh Sa Đéc; Bí thư Huyện đoàn Thanh niên cứu quốc huyện Mộc Hóa, tỉnh Tân An; Ủy viên Thường vụ Xã ủy xã Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Tân An; Ủy viên Thường vụ Xã ủy rồi Phó Bí thư, Bí thư Chi bộ xã Tháp Mười, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Phong; Huyện ủy viên, rồi Phó Bí thư, Bí thư Huyện ủy Mỹ An.</p> <p>Tháng 9/1964, ông làm Chính trị viên Tiểu đoàn 502 tỉnh Kiến Phong, được bổ sung Tỉnh ủy viên dự khuyết Tỉnh ủy Kiến Phong. Đến tháng 4/1968, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng Kiến Phong. Năm 1973, ông làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong kiêm Tỉnh đội Trưởng. Năm 1974, ông làm Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Sa Đéc. Cuối năm 1974, ông bị bệnh, Trung ương Cục điều về Ban Tổ chức và đưa đi điều trị. Đến ngày 06/8/1976, ông từ trần,</p> <p>Do có nhiều công lao, cống hiến cho cách mạng và nhân dân, ông đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất và Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.</p>	NGUYỄN VĂN NĂM	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.273

98	NGUYỄN VĂN NÁO	<p>Ông Nguyễn Văn Náo (1914 – 2003), quê làng Long Khánh, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Long Khánh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Ông gia nhập tổ chức Nông hội đỏ năm 1936. Tháng 8/1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương. Cách mạng thành công, ông được bầu làm Bí thư chi bộ xã. Năm 1946, ông là quận ủy viên quận Hồng Ngự, rồi Tỉnh ủy viên tỉnh Long Châu Tiền, phụ trách Bí thư quận Hồng Ngự (1949), Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh huyện Phú Châu, tỉnh Long Châu Sa (1950), Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt và Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh huyện Tân Châu (1953). Sau đình chiến là Trưởng ban Bình vận tỉnh Châu Đốc.</p> <p>Năm 1957, ông là Thường vụ Tỉnh ủy An Giang, Trưởng Phân ban Châu Đốc. Từ tháng 12/1958, là Bí thư Tỉnh ủy An Giang. Tháng 3/1964, ông được rút về Khu 8, phụ trách Trưởng Ban An ninh Khu, phụ trách Mặt trận, Dân vận, Nông hội, Hòa Hảo. Tháng 8/1969, ông được giao nhiệm vụ Bí thư tỉnh An Giang lần hai. Đến tháng 6/1971, Khu ủy rút ông về phụ trách Mặt trận, Dân vận. Sau Giải phóng ông là cán bộ Thanh tra thuộc bộ phận phía Nam. Năm sau, ông nghỉ hưu và mất vào năm 2003.</p> <p>Là người con Đồng Tháp, nhưng cả cuộc đời ông gắn liền với phong trào cách mạng An Giang. Ông có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Công lao của ông được Đảng và Nhà nước tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Ba.</p>	NGUYỄN VĂN NÁO	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.269</p>
99	NGUYỄN HỮU NGHI	<p>Ông Nguyễn Hữu Nghi (1894 – 1947) thường gọi là thầy Ba Dĩ, quê làng Bình Thành, tổng Phong Thạnh Thượng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông có nhiều ruộng đất cho tá điền canh tác, nhưng rất căm</p>	NGUYỄN HỮU NGHI	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.277</p>

		ghét thực dân Pháp cướp nước. Trong thời gian Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở địa phương, bằng nhiều cách, ông giao nộp cho cách mạng 12 khẩu súng trường, góp phần giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám thành công, ông tiếp tục đóng góp cho cách mạng, hiến hàng chục mẫu ruộng, mấy trăm ký đồng, thau, cung cấp nhiều tiền, gạo, nuôi bộ đội Vệ quốc đoàn. Ngày 06/01/1946, ông Nguyễn Hữu Nghi được nhân dân tín nhiệm bầu vào Quốc hội khóa I, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đơn vị tỉnh Long Xuyên. Ngày 15/3/1947, ông bị bọn phản động ở địa phương bắt, giết tại xã nhà. Tấm gương yêu nước, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của ông Nguyễn Hữu Nghi được Tổ quốc ghi công, nhân dân nhớ ơn, địa phương ghi vào sử sách.		
100	ĐẶNG VĂN NGOẠN	<p>Ông Đặng Văn Ngoạn (1820 – 1890), quê thôn Nhị Mỹ, tổng Phong Thạnh, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường (nay thuộc huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Tháng chạp năm Canh tuất (1850) khi biết tin Phật Thầy Tây An được phép nhà cầm quyền tỉnh An Giang chỉ định cư trú ở chùa Tây An dưới chân núi Sam, ông Ngoạn tìm đến để xin quy y. Ông được Phật Thầy uỷ cho vào núi Voi mở ruộng, lập nhà, cất chùa. Sau 14 tháng, ông được Phật Thầy gọi về núi Sam giúp Phật Thầy trong việc phát phù trị bệnh và xem sóc chùa Tây An. Ông trở thành một trong 12 đại đệ tử “<i>Thập nhị hiền thủ</i>” của Phật Thầy. Ông thu phục được hàng ngàn tín đồ, cùng nhau khai hoang mở ruộng, xây dựng một “<i>trại ruộng</i>” làm nơi tu học cho tín đồ ở tại Trà Bông. Tiếng là chùa nhưng chỉ thờ Trần Điều, không thờ cốt Phật, không chuông mõ, không tụng kinh Phật. Năm 1874, bệnh thời khí hoành hành nhiều nơi, Hương chức làng Nhị Mỹ thỉnh cầu ông chữa trị. Ông liền đem hết năng tài kinh nghiệm cứu sống không biết bao nhiêu người. Sau khi Phật Thầy viên tịch, thực dân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa của Trần Văn</p>	ĐẶNG VĂN NGOẠN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.279



		Thành, những nhân vật cốt cán của Bửu Sơn Kỳ Hương bị theo dõi, truy lùng, tin đồn phân tán lẫn tránh... Trước tình hình đó, tin đồn Bửu Sơn Kỳ Hương ở khu vực Trà Bông, Nhị Mỹ, Cao Lãnh chuyển sang đạo Tứ an hiếu nghĩa và trại ruộng Trà Bông trước đây trở thành chùa Tứ an hiếu nghĩa, do Đặng Công Hứa (Chín Hứa, con Đặng Văn Ngoạn), làm trụ trì và được dân gian gọi là chùa Ông Chín. Trong hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chùa Ông Chín là cơ sở nuôi chứa cán bộ, hầu hết tin đồn đều tham gia kháng chiến.		
101	NGUYỄN KIM NHA	Ông Nguyễn Kim Nha (1914 – 1996), quê làng Kiến An, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang). Ông tham gia cách mạng năm 1929, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930. Năm 1931, ông tham gia thành lập Quận uỷ Lâm thời quận Chợ Mới và Tỉnh uỷ Long Xuyên. Từ 1933 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông được bổ sung vào Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang, Uỷ viên Ban Cán sự Liên tỉnh miền Tây, Bí thư Tỉnh uỷ Long Xuyên, Uỷ viên Xứ uỷ Nam Kỳ kiêm Bí thư Liên Tỉnh uỷ miền Tây. Thời gian này ông bị địch bắt giam 3 lần ở Long Xuyên và nhà tù Côn Đảo. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông được bổ sung vào Tỉnh uỷ Long Xuyên, giữ chức vụ Phó Giám đốc Quốc gia Tự vệ cuộc, rồi Trưởng ty Công an Long Xuyên; Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tổ chức, Trưởng Ban Dân vận, Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Long Châu Sa. Tháng 01/1955, ông là Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Long Xuyên, đến tháng 01/1957, là Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Kiến Phong. Từ năm 1962 đến năm 1977, ông giữ các chức vụ: Bí thư Ban Cán sự Đảng bộ Việt kiều kiêm Hội trưởng Công hội Việt kiều yêu nước ở Campuchia, Uỷ viên Ban Mặt trận Trung ương Cục Miền Nam, Uỷ viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Năm 1978, ông nghỉ hưu. Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 50 tuổi	NGUYỄN KIM NHA	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.281

		Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hạng Nhất. Ông qua đời năm 1996, được an táng tại Nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh.		
102	NGUYỄN THANH NHA	<p>Ông Nguyễn Thanh Nha (1919 – 1972), quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông tham gia dân quân và vào Đồng Tháp Mười kháng chiến chống Pháp. Vốn có tay nghề vẽ giỏi, ông được giao vẽ mẫu để khắc gỗ in bạc của Pháp, góp phần nuôi các lớp huấn luyện quân sự. Sau đó, ông được rút lên Khu 8 làm Trưởng ban Mỹ thuật của Phòng Chính trị. Năm 1951, ông công tác Văn nghệ thuộc Phòng Chính trị Phân liên khu miền Đông. Năm 1952, ông làm Phó đoàn Văn công Ngũ Yên tỉnh Long Châu Sa. Tập kết ra Bắc, ông là thành viên sáng lập Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam (1957) và được bầu làm Phó Tổng thư ký Hội, Ủy viên Đảng đoàn Hội. Gần 10 năm trên đất Bắc là thời gian ông chuyên hoạt động sân khấu và tài năng viết vở bật sáng, tiêu biểu là các vở cải lương “<i>Tình riêng nghĩa cả</i>”, “<i>Khuất Nguyên</i>” do Đoàn Văn công Nam Bộ diễn và vở “<i>Tiếng sấm Tây Nguyên</i>” do Đoàn Dân ca Liên khu V biểu diễn, với bút danh Thanh Nha. Đến năm 1964, ông trở về Nam, làm Ủy viên Tiểu ban Văn nghệ miền Nam, chủ trì ngành sân khấu cải lương Hội Văn nghệ Giải phóng. Ông sáng tác nhiều bài ca lẻ, chập cải lương ngắn như “<i>Lời mẹ dặn</i>”, “<i>Lay tình bó ông đại diện</i>”, “<i>Lòng mẹ</i>”, “<i>Xông ra diệt Mỹ</i>”, “<i>Nước mắt người thân</i>”... với bút danh Trần Ngọc.</p> <p>Ông lâm bệnh nặng và qua đời ngày 23/10/1972. Ông là người có công lớn đối với ngành sân khấu cách mạng Việt Nam. Ông được khen thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huy chương Kháng chiến hạng Nhất và Huân chương Chiến thắng hạng Ba. Ngày 27/4/2012, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ</p>	NGUYỄN THANH NHA	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.282

		nghĩa Việt Nam tặng Giải thưởng Nhà nước cho soạn giả Thanh Nha với cụm tác phẩm: <i>Chung sức diệt thù</i> (cải lương), <i>Thoát vòng đau khổ</i> (dân ca), <i>Tiếng sấm Tây Nguyên</i> (cải lương), <i>Tình riêng nghĩa cả</i> (sân khấu), <i>Trong lửa đỏ</i> (sân khấu).		
103	NGUYỄN VĂN NHÀN	<p>Ông Nguyễn Văn Nhàn (? – 1798), người huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang (nay thuộc Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia quân đội thời các chúa Nguyễn, từng theo đi đánh dẹp nhiều trận, làm quan đến Khâm sai tổng nhưng cai cơ. Ông từng theo hầu Nguyễn Ánh sang ở Vọng Các.</p> <p>Tháng 3/1786, ông cùng Trương Phước Luật, Nguyễn Văn Định... được Nguyễn Ánh phái đến Giang Khảm đóng 10 chiến thuyền. Sau đó ông được phong làm Bảo hộ Chân Lạp. Tháng 3/1790, ông được Nguyễn Ánh giao coi quản cơ Tả thủy, rồi coi quản Tả thuận chỉ thăng chánh trưởng chỉ chỉ Tả Thuận (5/1790). Tháng 12/1791, Nguyễn Ánh sai Bảo hộ Nguyễn Văn Nhàn và Cai cơ Lưu Phước Tường sung chức chánh phó sứ sang Xiêm để giao hiếu. Với tài biện bác của mình, ông hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trở về Gia Định vào tháng 2 nhuận năm sau.</p> <p>Tháng 12/1792, giặc Đồ Bà cướp Hà Tiên, ông đem quân đánh đuổi được. Giặc nghe đến uy danh của ông liền trốn xa. Mùa xuân năm 1794, ông được giao coi doanh Hậu thủy, rồi đến tháng 9/1795, ông được giao nhiệm vụ đem các thứ phẩm vật đến Bắc Tâm Bôn ở Nam Vang tặng cho vua Chân Lạp. Sau đó, ông nhiều lần được cử đi sứ sang Xiêm. Đến năm 1798 ông bệnh chết, được tặng Chương cơ, được thờ vào 2 miếu Hiền trung và Trung hưng công thần.</p>	NGUYỄN VĂN NHÀN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.286
104	NGUYỄN HỮU NHÂN	Ông Nguyễn Hữu Nhân (? - ?), người Tống Sơn (Thanh Hóa) tham chính dưới triều chúa Vũ Vương Nguyễn Phước Khoát (còn gọi là Chúa Vũ, 1714 - 1765), từng sự dưới quyền Thống suất Trương Phước Du và Nghi biểu hầu Nguyễn Cư Trinh. Ông	NGUYỄN HỮU NHÂN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.287

là người thông minh, mưu trí, gan dạ, quả cảm, từng giúp Nghi biểu hầu Nguyễn Cư Trinh lập nhiều công trạng trong công cuộc khai hoang mở cõi và bảo vệ vùng đất phương nam. Năm 1732, ông phụng mạng vào châu Định Viễn, lãnh chức Cai đội dinh Long Hồ lo công cuộc mở mang và bảo vệ phương Nam.

Năm 1757, khi tiếp thu vùng đất Tầm Phong Long (Kompong Luông), Nguyễn Cư Trinh chia đất này ra ba đạo: Châu Đốc (ở Hậu giang), Tân Châu (ở Tiền giang) và Đông Khẩu (phía tây bắc Long Hồ, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu) - đây là vùng đất mới, có vị trí quan trọng, là đầu mối giao lưu đường thủy từ nhiều nơi khác đến, chợ Sa Đéc là nơi gặp gỡ giao lưu khá tập nập của nhiều thương khách là người nước ngoài. Song song với việc xây dựng lý sở cai trị, thiết lập bộ máy hành chính, ông áp dụng luật pháp nghiêm minh, nghiêm trị kẻ gian tế, bảo đảm an ninh trật tự, tạo điều kiện chợ Sa Đéc ngày một phát triển. Chính vì vậy mà vào đầu thế kỷ XIX chợ Sa Đéc trở thành một trong vài trung tâm thương mại sầm uất ở Nam Bộ. Vùng đất đạo Đông Khẩu (nay bao gồm các huyện Châu Thành, thành phố Sa Đéc, huyện Lai Vung và huyện Lấp Vò của tỉnh Đồng Tháp), từng bước phát triển. Nơi đây lưu dân người Việt, người Hoa khai thác từ lâu, nay chính thức thuộc chủ quyền người Việt. Chẳng bao lâu, trên địa bàn của đất Đông Khẩu Đạo, dân cư tập trung ngày một đông, thành lập được trên 60 thôn, phường.

Nhân hoà hầu Nguyễn Hữu Nhân có những chiến công nổi bật chống quân Xiêm xâm lược, góp phần bảo vệ biên cương. Với những công lao to lớn, nên khi qua đời, ông được triều đình truy tặng tước hầu, Nhân hoà hầu, với danh hiệu “Tiền Cai cơ Đông khẩu đạo Đặc tiến Phụ quốc Sĩ hòa hầu” và được nhân dân biết ơn, tôn kính, lập đền thờ ở thôn Vĩnh Phước, ngày đêm hương khói vọng ngưỡng. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), nhà vua có sắc gia phong cho tước “*Quảng ân, Thực đức trung đẳng thần*

		<p>chuẩn cho thôn Vĩnh Phước phụng tự. Tờ sắc quý báu này hiện được lưu giữ cẩn thận tại đình Vĩnh Phước.</p> <p>Sa Đéc được công nhận là cấp thành phố, là do công sức và cả máu xương của nhiều thế hệ đóng góp. Trong đó, Nhân hoà hầu Nguyễn Hữu Nhân là người có công thiết lập nền móng ban đầu, xứng đáng được tôn vinh là Tiền hiền của thành phố Sa Đéc.</p>		
105	PHẠM THỊ NHỊ	<p>Bà Phạm Thị Nhị, sinh năm 1918, quê làng Hòa An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Bà lập gia đình với ông Lê Văn Lâu, sinh năm 1919, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Gia đình nghèo, sống nghề ruộng.</p> <p>Sau cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, bà Phạm Thị Nhị làm liên lạc cho quận, hằng ngày giấu thơ, tài liệu v.v. trong giỏ trầu, lội bộ đưa đi các xã. Nhanh nhẹn, mưu trí, nhiều năm làm liên lạc, bà luôn qua mặt bọn địch, không một lần sơ suất. Với công lao của bà và gia đình nên bà được nhà nước phong tặng mẹ Việt Nam anh hùng ngày 17 tháng 04 năm 1994, bà mất năm 2009.</p>	PHẠM THỊ NHỊ	Đồng Tháp nhân vật chí, năm 2005.
106	NGUYỄN TÔN NHƠN	<p>Ông Nguyễn Tôn Nhơn (1868 – 1926), quê thôn An Bình, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường (nay là xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1907, ông tham gia phong trào Đông Du và Duy Tân. Ông và ông cử Nguyễn Bá Trác là hai nhân vật hoạt động hăng say trong hai phong trào ở làng An Bình và khu vực chung quanh. Ông quan hệ với ông Nguyễn Quang Diêu, một lãnh tụ của phong trào Đông Du miền Nam, thường bí mật đến hội họp ở chùa Linh Sơn (Mỹ Trà).</p> <p>Ông lãnh nhiệm vụ chiêu mộ thanh niên tham gia xuất dương du học và vận động ủng hộ tài chính cho phong trào. Ông bị chính quyền thực dân theo dõi, khám xét nhà và bắt vào tháng 11/1910. Sau hơn một tháng giam cầm ông ở khám đường Vĩnh Long, thực dân điều tra nhưng không tìm ra manh mối gì, đành</p>	NGUYỄN TÔN NHƠN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.294

		phải thả ra. Đến năm 1912, ông tiếp tục hoạt động lại và có quan hệ rộng hơn với một số nhà yêu nước trong Đông Kinh Nghĩa Thục bị thực dân Pháp an trí hoặc trốn vào Nam, như Võ Hoành ở Sa Đéc, Nguyễn Quyền ở Bến Tre, Nguyễn Xuân Côn ở Đốc Vàng... Đến năm 1926, ông lâm bệnh và từ trần.		
107	NGUYỄN VĂN NHƠN	Ông Nguyễn Văn Nhơn (1753 – 1822), quê làng Tân Đông, huyện Vĩnh An (nay thuộc xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp). Đầu năm 1774, ông đầu quân làm Đội trưởng dưới trướng của cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên. Khi chúa Nguyễn Phúc Thuận đi tuần du miền Nam, Nguyễn Khoa Thuyên theo vô Gia Định, ông là thuộc viên của Tổng Phước Hiệp đóng ở Bình Khang, rồi lại theo Tổng Phước Hòa giữ đất Ô Cam. Kể từ đó, cho đến khi qua đời, ông đã có nhiều công trận phò giúp các chúa Nguyễn và là một vị quan tận tụy trong hai triều vua Gia Long, Minh Mạng. Ông cũng là người từng hai lần giữ chức Tổng trấn Gia Định thành (1808, 1811). Năm 1822, ông qua đời, được truy tặng tước <i>Quận công</i> , cho tên Thụy là <i>Trung Cán</i> , vua cho nghỉ triều ba ngày, sai quan ban tuần tể, vua Minh Mạng bảo Trịnh Hoài Đức rằng: “ <i>Nguyễn Văn Nhơn là đại thần huân cựu, trung thành, cẩn hậu, bất hạnh chết đi lòng trăm rất thương...</i> ”. Năm 1831, Minh Mạng truy tặng <i>Tá vận công thân đặc tiến tráng vũ tướng quân, hữu quân đô thống phủ chương phủ sự</i> , đổi tên là <i>Mục Hiến</i> , phong là <i>Kinh môn Quận công</i> .	NGUYỄN VĂN NHƠN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.295
108	LÊ VĂN NHUNG	Ông Lê Văn Nhung (1916 – 1941), bí danh Lý Hồng Thanh, Tur Ú, quê làng Tân Huệ, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Tân Huệ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 14 tuổi. Năm 1932, ông bị địch bắt cùng cha và 3 người nữa với một số tài liệu và 3 bản in. Tháng 5/1933, tại Sài Gòn, thực dân Pháp xử ông một năm tù về tội “phá rối trị an”.	LÊ VĂN NHUNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.296

		<p>Ra tù, ông là đảng viên Cộng sản Đông Dương, bắt tay ngay vào công tác, gây dựng, củng cố lại phong trào cách mạng. Trong cao trào vận động Dân chủ, ông lấy bí danh là Lý Hồng Thanh. Tháng 8/1936, ông công tác tại Tỉnh uỷ Châu Đốc. Tháng 01/1937, ông tổ chức lễ truy điệu đồng chí Trần Văn Lắm (Bí thư Quận uỷ Tân Châu - Hồng Ngự). Năm 1938, ông được cử vào Ban Chấp hành Liên Tỉnh uỷ Cần Thơ. Năm 1939, Liên Tỉnh uỷ cử ông về công tác quận Châu Thành, tỉnh Rạch Giá. Tại đây, ông cùng địa phương ra sức củng cố và xây dựng các chi bộ, cơ sở đảng toàn quận và thành lập Quận uỷ Châu Thành (cuối năm 1939). Cuối năm 1939, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Châu Đốc, rồi Bí thư Tỉnh uỷ Cần Thơ (9/1940). Cuối tháng 11/1940, Tỉnh uỷ Cần Thơ đang họp thì bị địch bao vây bắt nhiều người, trong đó có ông. Ông bị giải lên Sài Gòn, đánh đập khảo tra tàn nhẫn và kết án tử hình. Ngày 03/6/1941, địch đưa ông và Ngô Hữu Hạnh về Cần Thơ để xử bắn, uy hiếp tinh thần nhân dân, ngày hôm sau, chúng đưa hai ông ra pháp trường xử bắn. Hai người đòi không bịt mắt để nhìn quê hương, đồng bào và nhấn nhủ: <i>“Đồng chí, đồng bào hãy nói tiếp sự nghiệp của chúng tôi đang dang dở”</i>.</p>		
109	NGUYỄN VĂN NHƯỢNG	<p>Ông Nguyễn Văn Nhượng (1913 – 2006), bí danh Hùng Việt, quê làng Tân Đông, tổng An Thanh Hạ, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia Cách mạng tháng Tám năm 1945. Tháng 01/1946, ông làm Chủ tịch Uỷ ban Cách mạng xã, sau đó làm Trung đội Trưởng, Trung đội B, Đại đội 1030, Trung đoàn 115 (5/1947).</p> <p>Tháng 9/1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1950, ông làm cán bộ tác huấn Ban Tham mưu Trung đoàn, sau đó làm cán bộ tác huấn Phòng Tham mưu Quân Khu 8. Từ tháng 12/1950 đến tháng 10/1953, ông làm Đại đội</p>	NGUYỄN VĂN NHƯỢNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.298

		<p>trưởng Đại đội 947, Tiểu đoàn 311, Trung đoàn Đồng Tháp, được cử làm Phó Bí thư chi bộ, rồi Huyện đội trưởng, Huyện uỷ viên huyện Tân Hồng, tỉnh Long Châu Sa. Năm 1954, tập kết ra Bắc. Tháng 10/1961, ông công tác tại Sư đoàn 338, làm cán bộ Phòng Chính trị Sư đoàn, được phong quân hàm Đại úy. Cuối năm 1965, ông làm Trưởng ban Chính trị Tỉnh đội Kiến Phong, được bổ sung vào Tỉnh uỷ. Đến tháng 01/1974, ông làm Chính uỷ đoàn 652, Phó Chủ nhiệm Cục Chính trị Quân khu. Ngày 30/12/1976, ông làm Chính uỷ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp, được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, được bầu vào Quốc hội khóa VI. Năm 1979, ông được phong quân hàm Thượng tá. Năm 1980, ông nghỉ hưu về sống ở quê nhà xã Tân Khánh Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Ông được Đảng và Nhà nước tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Quyết thắng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Giải phóng, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.</p>		
110	TRẦN THỊ NHƯỢNG	<p>Bà Trần Thị Nhượng (1896 – 1988), tên gia đình là Trần Thị Ngài, thường gọi Sáu Ngài, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ngày 15/6/1928, bà được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1929, bà được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng, năm 1930 làm Bí thư Chi bộ liên xã. Tháng 12/1930, bà bị Phủ Mẫn quận Cao Lãnh khám xét, bắt tại nhà và giải bà lên Khám Lớn Sài Gòn, tra tấn dã man. Cuối năm 1931, bà bị địch kê án 8 tháng tù treo, bị quản thúc ở Cao Lãnh rồi Sa Đéc. Năm 1933 - 1934, bà cùng chồng lên Đốc Vàng, vừa sản xuất vừa gây dựng cơ sở cách mạng. Năm 1939, bà bị giặc bắt quản thúc tại nhà số 115, đường Vĩnh Phước, Sa Đéc cùng với hai con nhỏ. Bà tiếp tục hoạt động cách mạng và địch bắt kê án 8 tháng tù giam.</p>	TRẦN THỊ NHƯỢNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.300</p>



		<p>Ra tù bị quản thúc ở Sa Đéc, nhưng bà tìm mọi cách móc nối với cơ sở, tích cực đi tuyên truyền vận động cách mạng, lập lại Chi bộ, cử người đi liên hệ tìm lãnh đạo Đảng cấp trên.</p> <p>Được bà Nguyễn Thị Thập giúp đỡ hướng dẫn, bà trở về Cao Lãnh gặp các đồng chí: Cương, Nhạc, Lăng, Lương... bàn và quyết định thành lập Tỉnh uỷ lâm thời trong tháng 3/1945. Bà được phân công làm Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh. Bà trực tiếp chỉ huy quần chúng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi tại Sa Đéc. Từ giữa năm 1946 đến cuối năm 1949, bà làm Bí thư Tỉnh uỷ Sa Đéc, sau đó được điều động về làm công tác Kinh tế - Tài chính của Trung ương Cục, rồi công tác Phụ nữ Nam Bộ đến ngày đình chiến 1954. Tập kết ra miền Bắc, năm 1955, bà làm Phó Giám đốc trại Nhi đồng. Từ năm 1959 - 1963, bà là Hiệu trưởng Trường Học sinh miền Nam. Năm 1964, bà là Phó Giám đốc Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương. Năm 1966, bà nghỉ hưu và mất năm 1988.</p> <p>Cuộc đời và hoạt động của bà Trần Thị Nhượng đã nêu tấm gương sáng về phẩm chất, đạo đức cách mạng trung kiên của người cán bộ, đảng viên, suốt đời thủy chung son sắt với Đảng và nhân dân. Bà đã được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh.</p>		
111	BÙI VĂN NÔI	<p>Ông Bùi Văn Nôi (1947 – 1972), tên thường gọi Hùng Nôi, quê xã Long Hưng, quận Lấp Vò, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Long Hưng, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm 17 tuổi, ông tình nguyện đầu quân vào Quân y huyện Lấp Vò. Ông là một trong những người có kỹ thuật đào hầm bí mật, gài lựu đạn giỏi của đơn vị Quân y Lấp Vò lúc bấy giờ. Tháng 8/1964, ông vinh dự được kết nạp Đảng. Ngày 31/10/1966, địch sử dụng một chi đoàn xe bọc thép M113 và hơn một đại đội bộ binh mở cuộc càn quét đánh phá khu căn cứ của ta ở vùng Long</p>	BÙI VĂN NÔI	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.302

		<p>Hung. Khi cách diêm đóng quân của Quân y huyện Lấp Vò khoảng 500m, địch bắn xối xả và tiến quân vào. Ông cùng đồng chí Nguyễn Thị Phiên (Võ Thị Hồng) với hơn 10 quả lựu đạn tự tạo và hệ thống chông mìn, chạmbẫy đã bẻ gãy hoàn toàn cuộc càn quét lớn của địch: cháy 1 xe M113, hỏng 1 chiếc, diệt 19 tên địch, bảo vệ được vùng căn cứ và bảo vệ thương binh an toàn, đồng chí Hồng hy sinh còn ông bị thương nặng. Sau lần chiến đấu dũng cảm đó, ông vinh dự được cử đi dự Đại hội Anh hùng Chiến sỹ thi đua Quân Khu. Năm 1972, khi ông đang là tổ trưởng tổ chính trị huyện đội, kiêm phụ trách công tác thanh niên, trong chuyến tham gia đoàn vận chuyển lương thực, vũ khí, thuốc men trở về, bị địch phục kích ông, cùng nhiều đồng chí hy sinh anh dũng. Trong suốt quá trình chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ông đã diệt 16 tên địch, làm bị thương 13 tên, phá huỷ 1 xe M113, góp phần cùng tập thể Quân y Lấp Vò điều trị hơn 30 thương binh trọng thương và 5 người dân, riêng ông đã gài trên 70 quả lựu đạn và mìn, đào 86 hầm bí mật bảo vệ thương binh. Ông đã được tặng danh hiệu “Dũng sỹ diệt cơ giới” và nhiều bằng khen, giấy khen.</p> <p>Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, ngày 01/6/2007, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng Liệt sỹ Bùi Văn Nổi danh hiệu <i>Anh hùng Lựu đạn vũ trang nhân dân</i>.</p>		
112	PHAN VĂN ON	<p>Ông Phan Văn On (1905 – 1947), bí danh Trường Xuân, quê Quảng Ngãi. Ông tham gia hoạt động cách mạng năm 1938 tại quê nhà. Khi thực dân Pháp phát hiện, để tránh đàn áp, ông cùng vợ con vào Nam sinh sống tại chợ Tân An (Long An) để tiếp tục hoạt động cách mạng. Trước Cách mạng Tháng 8/1945, ông tự nguyện đem tất cả máy móc của gia đình vào Kinh Kho của tỉnh Long An, cùng anh em thành lập cơ sở sản xuất vũ khí thô sơ. Khi thị xã Tân An bị thực dân Pháp tái chiếm, ông cùng hai</p>	PHAN VĂN ON	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.304</p>

		<p>người con và người bạn là Nguyễn Văn Sơn chuyển toàn bộ phương tiện máy móc cơ khí vào chiến khu Đồng Tháp Mười tiếp tục sản xuất vũ khí, lần lượt nhập với cơ sở sản xuất vũ khí của Thủ Thừa - một bộ phận sản xuất vũ khí của Chợ Lớn và xưởng sản xuất của tỉnh Mỹ Tho do thầy giáo Phạm Văn Lộ phụ trách. Ông chế tạo nhiều loại vũ khí cung cấp cho lực lượng vũ trang Khu 8. Đặc biệt, ông chế tạo được loại lựu đạn có dây giật bằng dây bố, hiệu quả sát thương rất cao, làm cho quân địch khiếp sợ và được bộ đội thời đó đặt tên là lựu đạn Trường Xuân. Hàng ngày, ông chế tạo thêm 80 viên đạn súng Mút giao cho Khu trưởng Trần Văn Trà.</p> <p>Khi thành lập Binh Công xưởng I, Khu 8, ông phụ trách sản xuất lựu đạn có đuôi, nạp bằng thuốc đen và trực tiếp vô thuốc hoàn thành quả lựu đạn. Ngày 20/9/1947, tại kinh Cây Vông (trên Gãy Cờ Đen, nay thuộc xã Trường Xuân) trong khi pha chế thuốc nổ đã xảy ra cháy, lúc này trên ghe còn nhiều lựu đạn thành phẩm, ông cùng hai con nhận chìm ghe để tránh gây thương vong cho anh em công nhân. Ông và hai con cùng người bạn thân đã bị bỏng nặng và hy sinh.</p> <p>Đề ghi nhận công lao của ông đối với cách mạng và nhân dân, ngày 21/10/2014</p> <p>, Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng Liệt sỹ Phan Văn On (Trường Xuân) danh hiệu cao quý: <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.</i></p>		
113	NGUYỄN VĂN PHÀN	<p>Nguyễn Văn Phàn (1916 – 2010), tên thường gọi Sáu Chung, quê làng Tân Thuận Tây, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 1936. Ngày 25/8/1945, ông trực tiếp lãnh đạo lực lượng vũ trang và nhân dân xã khởi nghĩa giành chính quyền ở quận Cao Lãnh và chi viện giành chính quyền ở tỉnh lỵ Sa Đéc.</p>	NGUYỄN VĂN PHÀN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.306</p>

		<p>Ông là Huyện uỷ viên, Huyện đội trưởng huyện Cao Lãnh (1948), Tỉnh đội phó, Uỷ viên Liên Chi uỷ Tỉnh đội Sa Đéc (1950), sau đó làm Tỉnh đội phó tỉnh Đồng Tháp, Huyện đội trưởng huyện Cao Lãnh rồi Huyện đội trưởng huyện Tân Hồng, tỉnh Long Châu Sa. Sau đình chiến (tháng 7/1954), ông là Huyện uỷ viên Huyện uỷ Hồng Ngự và là cán bộ Binh vận tỉnh, đại diện Mặt trận Liên - Việt tỉnh phụ trách Hòa Hảo vận. Năm 1957, ông làm Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự. Ông cùng Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 và đơn vị Bảy Phú, Năm Bình phục kích đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn của địch, tiêu diệt gọn 2 đại đội và Ban Chỉ huy tiểu đoàn địch tại Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung vào ngày 26/9/1959. Cuối năm 1959, ông là Tỉnh uỷ viên, Chính trị viên, Trưởng ban Cán sự Tỉnh đội Kiến Phong, rồi Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chính trị viên Tỉnh đội Kiến Phong (1961).</p> <p>Năm 1963, ông là Chính uỷ Hậu cần Quân khu 8 (Trung Nam Bộ), Phó Bí thư Đảng uỷ Phòng Hậu cần. Đầu năm 1971, ông làm Giám đốc Sở Thương binh Xã hội Khu 8. Tháng 02/1976, ông được rút lên cơ quan Thương binh Xã hội miền Nam và Bộ Thương binh Xã hội. Tháng 02/1979, ông trở về tỉnh nhà nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Công ty chế biến Lâm sản tỉnh Đồng Tháp. Năm 1982, ông là Trưởng ty rồi Giám đốc Sở Lâm nghiệp Đồng Tháp đến năm 1985. Ông đã được tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc Lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.</p>		
114	NGUYỄN VĂN PHẤN	<p>Nguyễn Văn Phấn (1942 – 1991), tên thường dùng Tư Phấn, quê xã Thường Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 1960, vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam năm 1965.</p> <p>Năm 1963, ông được bổ sung vào đơn vị bảo vệ Tỉnh uỷ Kiến</p>	NGUYỄN VĂN PHẤN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.313

		<p>Phong (C279) và làm cận vệ Bí thư Tỉnh uỷ. Trong suốt 12 năm công tác tại đơn vị C279, ông đã hàng chục lần bảo vệ Bí thư Tỉnh uỷ đi công tác, phục vụ Tỉnh uỷ họp hội an toàn; tham gia bao vây tấn công đồn bót địch và chống địch càn quét đánh phá căn cứ. Suốt từ năm 1963 đến ngày 30/4/1975, ông đã chỉ huy và trực tiếp đánh địch chết và bị thương 208 tên (có 75 lính Mỹ), bắt 30 tên, phá huỷ 7 xà lan và ghe tàu quân sự, bắn rớt 2 máy bay trực thăng... Sau ngày 30/4/1975, ông làm Trưởng Phòng Cảnh sát bảo vệ, rồi Phó Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy Cảnh sát, thuộc Công an tỉnh (1981). Tháng 6/1985, ông làm Trưởng Công an huyện Tháp Mười, cấp bậc Đại tá. Đến tháng 4/1990, ông nghỉ hưu và mất năm 1991.</p> <p>Ông đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba, Huân chương Chiến sĩ Giải phóng, Danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ cấp 2, nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 21/01/1997, ông được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
115	NGUYỄN VĂN PHÁT	<p>Ông Nguyễn Văn Phát (1909 – 1982), quê làng Hội An, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hội An Đông, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp). Tháng 6/1927, ông đi Quảng Châu (Trung Quốc) dự khoá huấn luyện do Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tổ chức và được kết nạp vào Hội tháng 11/1927 tại đây.</p> <p>Gần nửa thế kỷ đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ông được Đảng và Nhà nước giao các nhiệm vụ quan trọng: Năm 1928 - 1929: Bí thư Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Sa Đéc, giáo viên trường Sa Đéc Học đường, làm biên tập, in và phát hành Báo <i>Công nông binh</i> và Tập san <i>Bôn-xê-vích</i> vùng Sài Gòn - Chợ Lớn; bị địch bắt giam ở Côn Đảo (1929 - 1934); công tác trong phong trào vận động Dân chủ của Đảng ở Vĩnh Long - Sài Gòn (1935 - 1940); Ủy viên Ban lãnh đạo</p>	NGUYỄN VĂN PHÁT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.308

		<p>khởi nghĩa ở Vĩnh Long (6/1945 - 1946); Chủ tịch Ủy ban Hành chánh rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Vĩnh Long (8/1945 - 02/1946); Tỉnh uỷ viên, Uỷ viên Ban Xã hội tỉnh Vĩnh Long, Đại biểu Quốc hội Khoá đầu tiên, đơn vị bầu cử tỉnh Vĩnh Long (1946 - 1947); Tổng Thư ký Mặt trận Liên - Việt Nam Bộ, Uỷ viên Ban Mặt trận Trung ương Cục miền Nam (1948 - 1953); tham tán tại Đại sứ quán Việt Nam tại Bungari, Đại sứ Việt Nam tại Algerie, Vụ Trưởng vụ Nghiên cứu tư liệu Bộ Ngoại giao. Ông là Đại biểu Quốc hội các khoá I, II và III (1957 - 1971). Tháng 9/1971, ông nghỉ và mất năm 1982. Ông được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.</p>		
116	VÕ VĂN PHÁT	<p>Ông Võ Văn Phát (1918 – 1989), tên khai sinh là Võ Minh Chiêu (bí danh Võ Phát, Hai Đen, Tư Võ), quê xã Mỹ An Hưng, tổng An Thạnh Thượng, huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng từ năm 1936 trong phong trào Đông Dương Đại hội của Mặt trận Dân chủ tại làng Mỹ Luông (Long Xuyên). Ngày 10/4/1945, ông được kết nạp Đảng tại Chi bộ Mỹ An Hưng và được cử làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ An Hưng. Tháng 10/1945, ông là Tỉnh uỷ viên, Bí thư Quận uỷ Lai Vung, rồi Bí thư Thị xã uỷ thị xã Sa Đéc (01/1948), Bí thư Tỉnh uỷ Sa Đéc (9/1949). Từ tháng 11/1951 đến tháng 12/1952, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Long Châu Sa, kiêm Chính trị viên Tỉnh đội Long Châu Sa, Khu uỷ viên dự khuyết Khu 8.</p> <p>Sau Hiệp định Giơnevơ, ông phụ trách Phó Ban Tài Chính Xứ uỷ Nam Bộ. Năm 1960, ông là Chánh Văn phòng Ban Quân sự Miền (C-99) và đến giữa năm 1960, là Phó Văn phòng Trung ương Cục miền Nam. Từ năm 1961, ông làm Cục phó Cục Hậu cần Bộ Tư lệnh Miền B2, quân hàm Đại tá (1964). Năm 1966, ông được giao kiêm trưởng Đoàn 17 (Cục Hậu cần Miền B2),</p>	VÕ VĂN PHÁT	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.310</p>

		<p>hoạt động hậu cần trên đất Campuchia. Tháng 12/1974 đến 15/3/1975, ông là trưởng đoàn cán bộ Cục Hậu cần Miền B2. Tháng 12/1975, ông làm Tổng cục trưởng Tổng Cục Lương thực miền Nam, thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.</p> <p>Từ tháng 6/1976, ông làm Thứ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm, kiêm tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực miền Nam. Ngày 01/01/1983, ông nghỉ hưu và mất năm 1989. Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 40 tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất và nhiều huân, huy chương khác.</p>		
117	LÊ HỮU PHI	<p>Ông Lê Hữu Phi (1913 – 1993), còn có tên là Lê Hồng Phúc, tên thường dùng Sáu Thân, bí danh Tân Văn, quê xã Tân Bình Xuyên, huyện Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay là xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia cách mạng tháng 4/1945 và được kết nạp vào Đảng tháng 9/1945. Từ năm 1946 đến 19954, ông giữ các chức vụ: Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã Tân Bình Xuyên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Chợ Mới, Huyện ủy viên Huyện ủy Lai Vung, tỉnh Long Châu Sa, Trưởng Công an huyện Lai Vung. Từ sau Hiệp định Giơnevơ đến đầu năm 1975, ông giữ các chức vụ: Bí thư Huyện ủy Lấp Vò; Bí thư Huyện ủy Bình Minh; Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban Kinh tế tài chính tỉnh Vĩnh Long; Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Ban Kinh tế tài chính và chỉ đạo huyện Cái Nhum; Trưởng phân ban Sa Đéc; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long...</p> <p>Sau ngày 30/4/1975, ông là Chủ tịch Ủy ban quân quản tỉnh Vĩnh Long. Sau đó làm Bí thư Đảng ủy Khối Dân chính Đảng tỉnh Vĩnh Long (3/1976), rồi công tác tại Ban Cải tạo giao thông và thương nghiệp tỉnh Cửu Long (7/1977). Năm 1983, ông nghỉ</p>	LÊ HỮU PHI	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.315</p>

		hưu và mất năm 1993. Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huân chương Quyết thắng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất.		
118	NGUYỄN THỊ PHIẾN	<p>Bà Nguyễn Thị Phiến (1945 – 1966), tên thường dùng là Võ Thị Hồng, quê xã Vĩnh Thạnh, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm 1963 - 1964, bà làm giao liên công khai cho xã Long Hưng. Năm 1965, hoạt động công khai bị lộ, bà được đưa vào công tác ở đơn vị Quân y huyện Lập Vò. Tháng 5/1966, bà cùng đơn vị chiến đấu chống địch càn quét vào căn cứ, diệt 2 tên, làm bị thương 2 tên, bảo vệ an toàn cho thương binh. Trận chiến đấu anh dũng và quyết liệt nhất của bà vào trưa ngày 25/10/1966. Một chi đoàn xe bọc thép M113 gồm 15 chiếc, chở hơn 100 lính, đánh vào Quân y Lập Vò đang đóng tại Trà Bông (Long Hưng). Trạm Quân y chỉ có thương binh và 2 nhân viên là bà và Bùi Văn Nổi. Địch dùng hỏa lực mạnh dọn đường rồi tiến vào. Trận chiến diễn ra rất ác liệt, một trái lựu đạn của địch rớt ngay công sự, bà nhanh tay chụp lấy ném trả lại. Cuối cùng, có một trái lựu đạn vô và nổ trong công sự làm bà hy sinh, còn Bùi Văn Nổi thì mất một cánh tay. Trong trận này, Bà và Bùi Văn Nổi đã đánh lui 6 đợt tấn công của địch, diệt 19 tên, đánh hư 3 xe M113, bảo vệ được căn cứ và thương binh.</p> <p>Ngày 20/12/1994, Liệt sĩ Nguyễn Thị Phiến được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	NGUYỄN THỊ PHIẾN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.319
119	NGUYỄN VĂN PHỐI	<p>Ông Nguyễn Văn Phối (1916 - 1966), quê thôn Mỹ Nghĩa, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Từ năm 1936 đến năm 1939, ông tham gia phong trào Đông Dương Đại hội và được kết nạp vào Đảng Cộng sản năm 1939. Tháng 3/1947, ông làm Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh, rồi Ủy viên</p>	NGUYỄN VĂN PHỐI	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.327



		<p>Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sa Đéc, phụ trách Hội Nông dân tỉnh (8/1948). Từ năm 1951, ông là Phó Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh. Cuối năm 1952, ông làm Phó Bí thư/Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Long Châu Sa cho đến năm 1954. Từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1960, ông là Bí thư Tỉnh uỷ các tỉnh: Sa Đéc, Long An, Kiến Phong và là Uỷ viên Liên Tỉnh uỷ (Khu uỷ viên Khu 8).</p> <p>Sau cuộc Đồng khởi năm 1960, ông được bổ sung vào Ban Thường vụ Khu uỷ. Khi Bộ tư lệnh Quân Khu 8 thành lập, ông làm Phó Chính uỷ Quân Khu 8. Cuối năm 1961, ông làm Chính uỷ Đoàn 962, nhiệm vụ chính là tổ chức các bến đò ở Bến Tre, Trà Vinh để tiếp nhận vũ khí vận chuyển từ Bắc vào Nam bằng đường biển. Ngày 16/6/1966, trong một chuyến đi kiểm tra từ Bến Tre qua Trà Vinh, tàu của ông bị tàu địch phát hiện bao vây ở cửa biển Cổ Chiên, gần vàm Khâu Bàng thuộc xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, ông đã nổ mìn phá tàu, hy sinh anh dũng, bảo vệ bí mật chiến lược của Đảng.</p> <p>Ông Nguyễn Văn Phôi đã đóng góp nhiều công lao lớn cho phong trào cách mạng tỉnh nhà, nhất là những năm 1954 - 1960, tái lập lực lượng vũ trang cách mạng, chuyển thế chuyển vùng tiến lên Đồng Khởi. Ngày 22/11/2011 ông được Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
120	LƯU KIM PHONG	<p>Ông Lưu Kim Phong (1905 – 1992), bí danh Bảy Quới, Tám Phương, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1925, ông cùng Phạm Hữu Lầu, Trần Văn Mảng, Nguyễn Như Ý... tổ chức thành công lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh tại chợ Cao Lãnh.</p> <p>Tháng 7/1927, ông được chọn cùng 3 thanh niên khác sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự khóa huấn luyện hoạt động cách mạng do</p>	LƯU KIM PHONG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.321</p>

		<p>Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Học xong, ông được kết nạp vào Việt Nam Cách mạng Thanh niên và được phân công về Cao Lãnh, Sa Đéc hoạt động (tháng 12/1927). Đầu năm 1928, ông thành lập Tổ Việt Nam Cách mạng Thanh niên đầu tiên ở Hòa An (Cao Lãnh). Ông là người đầu tiên ở tỉnh Sa Đéc cung cấp tin tức về Nguyễn Ái Quốc cho cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, lúc Cụ ở Cao Lãnh. Ông bị địch bắt giam 3 lần: Lần thứ nhất vào tháng 6/1928, lần thứ 2 ngày 25/8/1930 (bị kêu án tù 4 năm đày đi Côn Đảo), lần thứ 3 ngày 02/9/1939 (ông cùng 14 đồng chí bị mật thám Pháp bắt về tội “hoạt động chính trị” và bị giam hơn 6 tháng ở khám Vĩnh Long) .</p> <p>Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông công tác tại các cơ quan: Ban nghiên cứu điền địa Tỉnh uỷ Cần Thơ, dự khóa huấn luyện Lê Duẩn (khóa 3), Ty Ngân Khố Cần Thơ, công tác Tiếp liệu và Kinh tài cho Xứ uỷ Nam Bộ. Sau 30/4/1975, ông công tác tại Mặt trận thành phố Cần Thơ. Đến năm 1977, ông nghỉ hưu và mất năm 1992.</p>		
121	NGUYỄN THANH PHONG	<p>Ông Nguyễn Thanh Phong (1929 – 2018), tên gia đình là Nguyễn Long Noãn, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Học hết sơ học, sớm giác ngộ Cách mạng, từ tháng 7/1945, ông gia nhập Thanh niên Cứu quốc và Uỷ viên Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc xã Mỹ Trà, tham gia giành chính quyền tại địa phương. Tháng 7/1947, ông được cử đi học bổ túc văn hóa và là Uỷ viên Ban Chỉ huy trường. Cuối năm 1948, ông là cán bộ xã hội tỉnh Sa Đéc và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương đầu năm 1949. Giữa năm 1950, ông được rút lên làm cán bộ Ban Tổ chức Trung ương Cục, Trưởng Tổ nghiên cứu, Bí thư Chi bộ cơ quan.</p> <p>Tập kết ra Bắc, đầu năm 1955, ông là cán bộ Ban Tổ chức Thành uỷ Hà Nội. Đến tháng 8/1955, ông được điều động làm cán bộ</p>	NGUYỄN THANH PHONG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.324

	<p>Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng phòng Thống kê nhân sự và Bí thư Chi bộ.</p> <p>Đầu năm 1958, ông đi học trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch, vừa là sinh viên vừa là chi uỷ viên Chi bộ nhà trường, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp sinh viên trường.</p> <p>Tháng 6/1961, tốt nghiệp Đại học, ông được giữ lại làm giảng viên môn Kinh tế - Chính trị trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch, đồng thời là Phó Bí thư chi bộ, Uỷ viên Thường vụ Ban Chấp hành Công đoàn trường. Cuối năm 1964, ông là cán bộ nghiên cứu tình hình kinh tế miền Nam của Ban Thống nhất Trung ương.</p> <p>Tháng 3/1965, ông lên đường về Nam, là Trưởng đoàn CK43, Bí thư Đảng uỷ cơ sở. Tháng 8/1965, ông nhận công tác tại Ban Kinh tài Khu Trung Nam Bộ, với chức vụ Phó ban phụ trách sản xuất. Đến tháng 3/1968, ông được giao nhiệm vụ Phó Văn phòng Khu uỷ, Trưởng Ban nghiên cứu tổng hợp, Uỷ viên Đảng uỷ Liên cơ Dân Chính Đảng khu, Trưởng Ban nghiên cứu phía sau. Tháng 9/1973, ông là Phó Ban Kế hoạch Khu uỷ và sau đó là Phó ban Kinh tế Tài chính Khu uỷ, Phó Ban Kinh tế Kế hoạch Khu, Bí thư Đảng uỷ Liên cơ Dân Chính Đảng Khu.</p> <p>Khi tỉnh Đồng Tháp thành lập, ông về Đồng Tháp, được bầu vào Tỉnh uỷ, đắc cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh và là Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch tỉnh Đồng Tháp. Ông là Đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV, thứ V và là Đại biểu Quốc hội Khóa VII, Khóa VIII.</p> <p>Tháng 3/1977, ông được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh. Tháng 8/1986, ông được bầu Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Năm 1992, ông được điều động làm Phó Chủ nhiệm chuyên trách Uỷ ban Kinh tế và Ngân sách Quốc hội Khóa IX. Với kiến</p>		
--	---	--	--

		<p>thức sâu rộng về Kinh tế - Kế hoạch, ông đã đóng góp nhiều trí tuệ cho sự phát triển của tỉnh và cho Quốc hội.</p> <p>Năm 1999, ông nghỉ hưu và ngụ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuổi cao ông vẫn tích cực tham gia Ban Chủ nhiệm Hội đồng hương Đồng Tháp tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhiệt tình đóng góp cho tỉnh nhà.</p> <p>Quá trình công tác và cống hiến, ông đã được tặng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.</p>		
122	TRẦN VĂN PHỤC	<p>Ông Trần Văn Phục (1930 – 1972), tên thường gọi Hai Phi, quê làng Long Hưng, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã Long Hưng A, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1948, ông tham gia cách mạng và được kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam. Năm 1961, ông làm Phó Ban An ninh huyện Lập Vò. Năm 1962, ông là Huyện uỷ viên, Trưởng Ban An ninh huyện và sau là Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Trưởng Ban An ninh huyện Lập Vò.</p> <p>12 năm công tác, chiến đấu trong lực lượng an ninh huyện Lập Vò, ông cùng đồng đội trực tiếp và phối hợp bộ đội chiến đấu trên 200 trận. Trận cuối cùng ông tham gia chiến đấu và anh dũng hy sinh là vào tháng 12/1972, ông được Huyện uỷ phân công đến Bình Thạnh Trung công tác. Khi về đến Thủ Ô, xã Vĩnh Thạnh bị Trung đội Biệt kích nguy phát hiện bao vây. Địch đông, ta chỉ có ba người (ông và hai chiến sĩ an ninh huyện), một chiến sĩ an ninh hy sinh 1, 1 bị thương nặng, ông cũng bị thương. Trước tình thế đó, ông thủ tiêu toàn bộ tài liệu và bắn hết viên đạn cuối cùng, nằm sấp lên người đồng đội, rút chốt trái lựu đạn giấu dưới bụng. Đợi khi chúng đến, ông buông lựu đạn, làm 3 tên chết, 2 tên bị thương nặng. Ông anh dũng hy sinh.</p>	TRẦN VĂN PHỤC	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.329</p>

		Liệt sỹ Trần Văn Phục (Hai Phi) được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Ba và nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 01/9/2000, Liệt sỹ Trần Văn Phục (Hai Phi) được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i> .		
123	HUỶNH HỮU PHƯỚC	Huỳnh Hữu Phước (1919 – 1974), quê làng Tân Huệ, trên cù lao Tây thuộc quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Tân Huệ, thuộc Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 14 tuổi và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 3/1936. Đến tháng 7/1941, ông được bổ sung làm Liên Tỉnh uỷ viên, phụ trách Bí thư lâm thời tỉnh Rạch Giá. Đầu năm 1943, ông làm Phó Bí thư Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang, phụ trách củng cố cơ sở Đảng và quần chúng ở ba tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng và Vĩnh Long. Để chuẩn bị khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám 1945, đầu tháng 5/1945, Tỉnh uỷ Lâm thời Vĩnh Long được thành lập, ông là Bí thư. Năm 1946, ông phụ trách Tỉnh uỷ viên Châu Đốc, rồi Long Châu Hậu, Phó Bí thư Tỉnh uỷ Long Châu Hà. Đến tháng 9/1953, ông phụ trách quyền Bí thư, rồi Bí thư Tỉnh uỷ Long Châu Hà cho đến ngày đình chiến tháng 7/1954. Sau năm 1954, ông phụ trách Uỷ viên Ban Nông vận và Uỷ viên Ban Vận động Hòa Hảo Khu 8 (1959 - 1974). Năm 1974, do sức khỏe yếu, ông được Trung ương đưa ra Bắc trị bệnh, ngày 04/11/1974, ông qua đời. Quá trình tham gia và cống hiến cho cách mạng, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Ba.	HUỶNH HỮU PHƯỚC	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.333
124	TRẦN TẤN QUỐC	Ông Trần Tấn Quốc (1914 - 1987), tên khai sinh Trần Chí Thành, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).	TRẦN TẤN QUỐC	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.341

		<p>Ông tham gia rải truyền đơn, biểu tình ngày 03/5/1930 tại Cao Lãnh. Sau đó, ông bị giặc bắt với tội danh “<i>Hoạt động phá hoại chống nhà nước</i>”, tòa Vĩnh Long kêu án 5 năm tù, đày Côn Đảo (vào đầu năm 1931). Tháng 10/1934, ông ra tù (sớm hơn 1 năm). Tháng 6/1936, ông chính thức gia nhập vào làng báo Sài Gòn, với tư cách phóng viên tờ nhật báo Việt Nam.</p> <p>Từ năm 1936 - 1975, ông đã nếm trải đủ cung bậc của nghề làm báo suốt 40 năm, ông cộng tác với nhiều tờ báo ở Sài Gòn, từng biên tập và làm chủ bút các tờ: <i>Điện tín</i> (1940 - 1945), <i>Tin Điện</i>, <i>Tin Mới</i>, <i>Dư Luận</i>, <i>Việt Thanh</i> (1946 - 1947), <i>Đuốc Nhà Nam</i> (1968 - 1972). Ông còn đóng góp tích cực cho bộ môn sân khấu cải lương với sáng kiến mở ra trang “kịch trường” đầu tiên trên tờ báo <i>Tiếng dội</i> (1950) và đặc biệt là giải “<i>Thanh Tâm</i>”, nhằm khuyến khích các nghệ sĩ trẻ “nhiều triển vọng” của ngành sân khấu “<i>với cao vọng xây dựng một thể hệ nghệ sĩ cải lương tài và đức đi đôi, hầu xóa bỏ ít nhiều thành kiến đối với nghệ hát xír ta...</i>”. Ông còn viết nhiều tác phẩm khác như: <i>Sài Gòn Septembre 1945</i>, <i>Nam Bộ kháng chiến</i>, <i>Cô gái Côn Đảo</i>, <i>Kỷ niệm làm báo 1936 - 1975</i>.</p>		
125	LÊ VĂN SA	<p>Ông Lê Văn Sa (1922 – 1998), tên gia đình là Lê Văn Tẹn, quê làng Chánh Hội, quận Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Nhơn Chánh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long). Ông tham gia giành chính quyền tại xã nhà trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và làm Đoàn trưởng Thanh niên Tiền phong kiêm Trung đội trưởng Dân quân. Tháng 11/1950 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.</p> <p>Năm 1962, ông làm Bí thư Huyện uỷ Cái Nhum kiêm Chính trị viên Huyện đội. Đầu năm 1967, ông được bầu vào Tỉnh uỷ Vĩnh Long, làm Tỉnh đội Phó, sau đó làm Bí thư Huyện uỷ Bình Minh (9/1969). Đến cuối năm 1972, ông làm Trưởng Phân ban Tỉnh uỷ Vĩnh Long (gồm các huyện, thị: Châu Thành, Lai Vung, Lấp</p>	LÊ VĂN SA	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.345</p>

		<p>Vò, Sa Đéc). Tháng 8/1974, ông làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ Sa Đéc, Trưởng Ban Dân vận Mặt trận, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh. Khi thành lập tỉnh Đồng Tháp (tháng 02/1976), ông làm Trưởng ban Ban Dân vận Mặt trận, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh. Tháng 01/1977, tại Đại hội Mặt trận Dân tộc Thống nhất toàn quốc, ông được bầu Uỷ viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ đó, trải qua hai lần Đại hội ở tỉnh, ông đều được tin nhiệm cao giữ các nhiệm vụ này. Tháng 11/1986, ông ghi hưu và mất năm 1998. Ông đã được tặng thưởng Huy hiệu 40 tuổi Đảng (năm 1990), Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều huy chương cao quý khác.</p>		
126	TRẦN VĂN SẮC	<p>Trần Văn Sắc (1911 – 1949), tên thật là Trần Văn Nghiêm, nguyên quán Như Long, Cần Thơ. Liệt sĩ, Hạo sĩ, chiến sĩ cách mạng thời kỳ 1930.</p> <p>Năm 1931, ông là học sinh trường Hoà - Gia Định, tham gia phong trào cách mạng. Ngày 01/4/1931, ông bị bắt tại trụ sở An loát của Xứ uỷ Nam Kỳ (tại Chợ Lớn) cùng với 3 đảng viên cộng sản là: Ung Văn Khiêm, Phan Hữu Trinh, Lê Hiên. Ngày 13/4/1932, ông được địch thả.</p> <p>Sau khi ra tù, ông tiếp tục hoạt động cách mạng và bị mật thám Pháp nhận xét là một trong số những nhà hoạt động tích cực ở Long Xuyên và Cần Thơ. Ông từng thọ giáo cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Bác Hồ) tại Cao Lãnh vào năm 1928 khi tham gia Tổ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội.</p> <p>Ngày 27/11/1938, Hội nghị tổ chức tại Chợ Gạo (tỉnh Mỹ Tho) để bầu Ban Thường vụ Xứ uỷ Nam Kỳ, ông là một trong 11 đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ lâm thời Xứ uỷ Nam Kỳ. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã từng nhiều lần bị địch bắt giam. Ông là tác giả của tác phẩm hội họa nổi tiếng</p>	TRẦN VĂN SẮC	<p>Báo điện tử tỉnh Sóc Trăng.  <a href="https://www.baosoctrang.org.vn/van-hoa-the-thao/liet-si-tran-van-sac-va-con-duong-mang-ten-ong-29329.html">https://www.baosoctrang.org.vn/van-hoa-the-thao/liet-si-tran-van-sac-va-con-duong-mang-ten-ong-29329.html</a></p>

		“Nông dân và trâu mùa nước nổi đồng bằng sông Cửu Long” vẽ năm 1930.		
127	ĐOÀN VĂN SÁCH	<p>Đoàn Văn Sách (1794 – 1842), là con trưởng của Binh bộ Thượng thư Đoàn Văn Trường. Ông được hưởng chế độ tập ấm, học trường Anh Danh (Trường võ bị chuyên nghiệp triều Nguyễn). Minh Mạng năm thứ 8 (1827), bổ làm Suất đội, đội 3, quân Thần Sách. Năm 1830, thừa tập ấm hàm Quản cơ. Năm 1834, thăng Thự Phó Vệ úy vệ Cự Dũng đến quân thứ Gia Định đánh giặc. Năm thứ 1835, vì có chiến công được thực thụ Phó Vệ úy. Năm 1837, đổi đi Phó Lãnh binh tỉnh Hưng Hóa, tập phong là Diên Hựu Nam rồi đổi đi làm Phó Lãnh binh phủ Hải Đông ở Trấn Tây. Thiệu Trị năm thứ I (1841), cùng với Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương tiến quân đánh phá Lâm Sơn, dẹp yên hết giặc ở Lạc Hóa được thăng Thự Đề đốc tỉnh Vĩnh Long. Năm Thiệu Trị thứ II (1842) được phong Đề đốc tỉnh Vĩnh Long.</p> <p>Tháng 4 năm 1842, ông lâm trọng bệnh qua đời, được vua truy phong Tiền phong Đô thống Anh dũng tướng quân, tấn phong Diên Hựu Bá, cho tên thụy là Trung Võ.</p>	ĐOÀN VĂN SÁCH	Đại Nam liệt truyện chánh biên - Nhị tập do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn
128	LÊ QUỐC SẢN	<p>Ông Lê Quốc Sản (1920 – 2002), thường gọi Tám Phương, quê xã Quàn Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà (nay là huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định). Ông nhập ngũ tháng 4/1945 và vào Đảng Cộng sản Đông Dương cùng năm ấy. Tháng 8/1945, ông làm Chỉ huy Quân Giải phóng của Việt Kiều ở tỉnh Xavanakhet (Lào). Nghe theo lời kêu gọi cứu nước của Bác Hồ, tháng 12/1946, ông làm Phó Chỉ huy trưởng Chi đội Trần Phú (Hải ngoại IV) từ Thái Lan hành quân về Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.</p> <p>Tháng 3/1947, Chi đội Trần Phú và ông về đến Sa Đéc chiến đấu theo sự phân công của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Đơn vị đã đánh thắng nhiều trận vang dội ở Sa Đéc, Cao</p>	LÊ QUỐC SẢN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.347



		<p>Lãnh, Nha Môn, Cái Tàu. Từ tháng 4/1947 đến tháng 10/1954, ông giữ các chức vụ: Chi đội phó Chi đội Trần Phú, Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn Trưởng, Liên Trung đoàn trưởng, Tỉnh đội trưởng Vĩnh Trà...Tập kết ra miền Bắc, ông làm Trưởng phòng Bờ biển, Trung đoàn Trưởng trung đoàn 50, Quân khu Tả Ngạn. Năm 1961, ông được trở lại chiến trường Nam Bộ, công tác trong Bộ Tư lệnh Quân khu 8. Từ năm 1972 đến 1975 là Phó Tư lệnh, Tư lệnh Quân khu 8, Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 8. Từ tháng 5/1976, ông làm Phó Tư lệnh Quân khu 9. Tháng 9/1980, ông được phân công làm công tác tổng kết chiến tranh. Năm 1987, ông nghỉ hưu và mất năm 2002.</p> <p>Ông được phong hàm Thiếu tướng năm 1974, sau đó được phong hàm Trung tướng. Ông được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, hai Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương chiến thắng hạng Nhất và nhiều Huân chương, Huy chương khác.</p>		
129	HÀ THỊ SAN	<p>Bà Hà Thị San (1943 – 2018), quê làng Tân Hội, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Khi được tuyên dương Anh hùng, bà là Chính trị viên Xã đội Tân Hội, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Ngày 28/2/1977, một Đại đội quân Pôn-pốt lần chiếm áp Tân Hòa, bà trực tiếp chỉ huy Tiểu đội du kích chặn đánh quyết liệt, diệt 6 tên, địch rút chạy về bên kia biên giới. Tháng 8/1978, một Trung đội địch sang đánh phá, bà chỉ huy 9 du kích phục kích đánh chính diện, diệt 4 tên, thu 2 súng. Ngày 15/9/1978, địch chiếm một gò cao thuộc xã Tân Hội, bà chỉ huy đội du kích phối hợp lực lượng bạn đánh địch suốt đêm, đến 6 giờ sáng hôm sau, cả Tiểu đoàn địch rút chạy. Ta diệt 13 tên, bắt sống 2 tên. Ngày 04/11/1978, một Tiểu đoàn bộ binh và 4 tàu chiến địch theo sông Sở Thượng đánh xuống ngã ba Tân Hội. Bà chỉ huy 12 du kích chặn đánh địch quyết liệt. Sáng hôm sau, đội du kích Tân Hội</p>	HÀ THỊ SAN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.348</p>

		<p>phối hợp với đơn vị bạn, phản công địch mãnh liệt, đẩy lùi địch về bên kia biên giới...</p> <p>Tính từ tháng 4/1977 đến tháng 01/1979, bà trực tiếp chỉ huy đội du kích xã phối hợp với đơn vị bạn đánh 56 trận (có 6 trận độc lập chiến đấu), diệt 52 tên địch, thu 16 súng. Riêng bà diệt 6 tên, thu 1 súng B41 và 3AK. Năm 1979, bà làm trợ lý Dân quân Huyện đội Hồng Ngự, vài năm sau bà nghỉ hưu, mang quân hàm Đại úy. Ngày 20/12/1979, bà Hà Thị Sạn vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
130	LÊ VĂN SAO	<p>Ông Lê Văn Sao (1890 - ?), là con thứ ba của ông Lê Văn Đáng ở Hòa An, Cao Lãnh (nay là xã Hoà An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm 17 tuổi, ông cùng cha xuất dương qua ngã Xiêm La (Thái Lan) đến Trung Quốc rồi sang Nhật. Sau đó, ông xin làm thủy thủ trên tàu S/S Ville d'Oran chạy trên tuyến đường từ Marseille sang các nước Viễn Đông. Ông đến Pháp vào khoảng năm 1915, liên hệ với các Việt kiều yêu nước có quan hệ với nhóm Phan Châu Trinh. Năm 1919, ông gia nhập hội những người Việt Nam yêu nước của Nguyễn Ái Quốc. Là người nhiệt tình trong mọi hoạt động nên ông được Hội giao nhiều trọng trách và đóng vai trò quan trọng trong Hội những người Việt Nam yêu nước, luôn hiện diện bên cạnh Nguyễn Ái Quốc, trong thời gian Người còn hoạt động ở Pháp (1917 - 1923). Ông vừa là người liên lạc thân tín của Nguyễn Ái Quốc, được giao trọng trách mang các chỉ thị, thông tin đến các hội viên, vừa đảm nhận công tác tuyên truyền đường lối chủ trương của Hội đến Việt kiều ở các hải cảng mà tàu ông cập bến. Do đó, ông luôn bị Pháp cử nhiều đặc trách theo dõi. Khoảng năm 1925, ông về hoạt động ở Trung Quốc và sau năm 1930 thì mất tích.</p> <p>Ông Lê Văn Sao là nhân vật tiêu biểu trong phong trào vận động</p>	LÊ VĂN SAO	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.349</p>

		yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản chuyển sang khuynh hướng dân chủ mới và nhân vật duy nhất ở Đồng Tháp hoạt động kề cận với Nguyễn Ái Quốc trong những năm tháng tìm đường cứu nước.		
131	LÊ VĂN SẾN	<p>Ông Lê Văn Sến (1895 – 1990), còn gọi là Bảy Sến, tên khai sinh là Phạm Văn Đờm, quê ấp Phú Mỹ Lương, xã Phú Hựu, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông tham gia cách mạng và là thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong Tổng An Mỹ, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính thị trấn Cái Tàu Hạ. Ngày 01/01/1946, quân Pháp đánh chiếm thị trấn Cái Tàu Hạ, chúng kêu gọi ông trở về dạy học nhưng ông kiên quyết từ chối. Khoảng tháng 3/1946, ông được đề cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Sa Đéc - đại diện thành phần công chức, trí thức. Đầu năm 1949, ông làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Sa Đéc cho đến hết năm 1950, rồi làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Đồng Tháp (đến 6/1951 thì tỉnh này giải thể), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Tân An (1951).</p> <p>Đầu năm 1952, ông được bố trí vào Ban Chấp hành Tổng hội Việt Kiều toàn Campuchia (đóng ở Đông Nam Campuchia) với nhiệm vụ Phó Chủ nhiệm Tổng Hội Việt kiều, phụ trách kinh tế - tài chính của Liên tỉnh. Tháng 02/1952, ông được kết nạp vào Đảng. Sau Hiệp định Giơnevơ, Đảng uỷ Liên tỉnh Kandal - Prâyveng - Soài Riêng gợi ý ông đi tập kết nhưng ông xin ở lại để chăm sóc người vợ bị mù, con trai đi tập kết, con gái thoát ly công tác. Sau giải phóng, ông về quê xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó, ông về sống với con gái ở Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi qua đời - năm 1990.</p>	LÊ VĂN SẾN	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.354
132	TRẦN TRUNG SĨ	Ông Trần Trung Sĩ (1955 – 1972), quê xã Tân Hòa Bắc, huyện	TRẦN TRUNG SĨ	Đồng Tháp nhân vật chí,

		<p>Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).</p> <p>Tháng 3/1971, ông được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng Việt Nam và vào Đội Cảnh vệ bảo vệ cơ quan Huyện uỷ Châu Thành. Lần đầu tiên, ông bảo vệ 4 cán bộ đi họp xa, phải qua đường lớn, bị địch phục kích nổ súng, ông bắn kèm chế cho đoàn cán bộ chí rút lui an toàn. Khi bị thương, ông gài 1 trái lựu đạn, hôm sau, địch trở lại tìm dấu vết, trúng lựu đạn ông gài, tên trung úy đại đội trưởng và hai lính bị thương. Đầu tháng 3/1972, do một tên đầu hàng chỉ điểm, địch đưa 1 tiểu đoàn bảo an, cùng dân vệ, thám báo đến vây bắt một số cán bộ ta về bóm xã Phú Long. Địch nổ súng, ông và một đồng đội được phân công đánh chặn địch để ta đưa chiến thương thoát ra. Ông bị vướng mìn, gãy lìa cả hai chân, đồng đội của ông cũng bị thương. Ông giục đồng đội rút lui, một mình ông chờ địch bò vào cách 10m mới ném lựu đạn và lần lượt bắn hết 4 băng đạn. Hết đạn, ông đập gãy súng và hy sinh khi mới 17 tuổi.</p> <p>Ngày 13/8/1980, Liệt sỹ Trần Trung Sĩ được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		<p>Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.359</p>
133	PHAN VĂN SON	<p>Ông Phan Văn Sơn (1940 – 1992) bí danh Sáu Sơn, quê xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1961, ông tham gia cách mạng tại Xã đội Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh và được kết nạp vào Đảng tháng 6/1972.</p> <p>Từ năm 1965, ông công tác tại Hậu cần Tỉnh đội Kiến Phong, tháng 10/1969, trong khi thực hiện nhiệm vụ tháo gỡ mìn, ông bị mìn nổ cụt tay. Đầu năm 1971, sau khi điều trị vết thương, ông công tác tại Ban An ninh xã Bình Hàng Trung với chức vụ Phó Trưởng Ban An ninh, rồi Trưởng Ban An ninh. Tháng 7/1973, tại khu vực chợ thuộc ấp 2, xã Bình Hàng Trung có tên trưởng ấp và tên phó ấp ác ôn. Theo chỉ đạo của cấp uỷ xã, ông</p>	PHAN VĂN SON	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.360</p>

		<p>lên kế hoạch diệt hai tên này. Kết quả, diệt tại chỗ tên trưởng ấp và phó ấp, bắt sống 11 phòng vệ dân sự, thu 01 súng trung liên, 01 ga-răng, 09 khẩu M1, M2. Trận đánh này tạo được tiếng vang lớn, làm cho địch hoang mang, lo sợ, phải co cụm trong thời gian dài, tạo thêm điều kiện, khí thế cho phong trào cách mạng ở địa phương.</p> <p>Khoảng 14 giờ chiều một ngày của tháng 11/1973, ông chỉ huy một tiểu đội du kích chia làm hai mũi tiếp cận khu vực nhà của 2 tên cảnh sát ác ôn, mỗi mũi tiếp cận 1 tên, ông dẫn đầu 1 mũi cùng 2 du kích. Cả hai mũi hoàn thành nhiệm vụ, diệt 2 tên cảnh sát ác ôn và rút lui an toàn. Tháng 5/1975, ông được điều động về công tác tại Công an huyện Cao Lãnh. Năm 1987, vết thương cũ tái phát, sức khỏe yếu, ông xin về nhà dưỡng bệnh. Đến năm 1992, ông qua đời.</p> <p>Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày 01/3/2010, ông Phan Văn Sơn được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
134	PHẠM ĐỨC SƠN	<p>Ông Phạm Đức Sơn (1920 – 1969), thường gọi Tư Trường, quê xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được Đảng tín nhiệm lần lượt giao các trọng trách: Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ; Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Gia Định; Phó Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, Sa Đéc; Bí thư liên Tỉnh ủy Miền Đông; Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy, Bí thư Phân khu ủy kiêm Chính ủy Phân khu Đặc khu Sài Gòn - Gia Định... Ông hy sinh năm 1969.</p>	PHẠM ĐỨC SƠN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.362</p>
135	PHAN VĂN SỬ	<p>Ông Phan Văn Sử (1910 – 1982), tại làng Trung Thành, quận Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông được gia đình gửi sang Pháp học và đậu bằng Tú tài, năm 1933 trở về nước.</p> <p>Năm 1934, ông xin phép lập Trường Trung Thành học. Trường</p>	PHAN VĂN SỬ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.363</p>

		<p>Trung Thành là một cơ sở yêu nước, hoạt động hợp pháp trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nơi đây tập hợp được nhiều trí thức yêu nước, thông qua việc giảng dạy mà gieo mầm cách mạng cho học sinh. Từ một trí thức yêu nước, tháng 4/1945, ông được đứng vào hàng ngũ của Đảng, tham gia chỉ đạo khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại tỉnh lỵ Vĩnh Long. Ông là Tổng Thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh (năm 1946). Từ năm 1951 - 1953, ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Long Châu Sa. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, được phân công làm nhiệm vụ chống địch cường ép đồng bào Công giáo di cư vào Nam. Từ năm 1964, ông làm Đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Tiệp Khắc, rồi làm Vụ trưởng Vụ Á châu II, Bộ Ngoại giao (1970). Đến tháng 7/1973, ông nghỉ hưu, ngày 06/5/1982, ông qua đời. Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, Huy hiệu Thành đồng Tô quốc. AN</p>		
136	DƯƠNG HỮU TÀI	<p>Ông Dương Hữu Tài (1926 – 2005), quê làng Tân Qui Đông, Sa Đéc (nay thuộc phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp). Ông đã trở thành “Nghệ nhân Tư Tôn”, người sáng lập “Vườn Hồng Tư Tôn”, một trong những người tiếp nối các thế hệ nông dân trồng hoa kiểng, góp phần làm nên Làng hoa Tân Qui Đông - Sa Đéc ngày nay. Năm 1960, nhiều người đã biết đến “Vườn Hồng Tư Tôn” và con đường bờ rạch Thông Lưu được mang tên “Đường Vườn Hồng”. Từ đó đến những năm 1990, khu vườn của ông trồng trên 460 loại cây và bông có dục tính, 250 loại cây cảnh dùng trang trí nội thất, kiến tạo cảnh quan công viên, công sở, các công trình văn hoá, tư gia... Ông Dương Hữu Tài - Nghệ nhân Tư Tôn còn được nhà văn Sơn</p>	DƯƠNG HỮU TÀI	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.365</p>

		Nam thân quý gọi ông là một pho tượng “Văn minh Miệt Vườn” bằng xương, bằng thịt.		
137	TRẦN TRUNG TAM	<p>Ông Trần Trung Tam (1913 – 1998), tên thường gọi Ba Tam, tên khai sinh là Nguyễn Tấn Hoạch, quê làng Hựu Thành, quận Đức Hoà, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Hựu Thành, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An). Tham gia cách mạng ngày 01/5/1930, vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 01/1936 tại Chi bộ xã Hựu Thành.</p> <p>Ông trải qua muôn ngàn gian nan, thử thách, tù đày Côn Đảo (1942 - 1945)... vẫn kiên định lập trường cách mạng, bẻ bẻ đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ông được Đảng và Chính phủ giao các trọng trách: Bí thư Chi bộ xã Hựu Thành (1936); Thường vụ Huyện uỷ Đức Hoà, Bí thư Tỉnh uỷ Tân An, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, Bí thư liên Tỉnh uỷ Mỹ Tho (1937 - 1942); Bí thư Huyện uỷ Đức Hoà, Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Chợ Lớn, Thường vụ Khu uỷ Khu Sài Gòn - Chợ Lớn (01/1945 - 1950); Bí thư Tỉnh uỷ Sa Đéc - Long Châu Sa (cuối năm 1950 - 11/1951); cán bộ Ban Tổ chức Trung ương Cục, Ban Nông vận Trung ương Cục (1952 - 1954); Ủy viên Ban Tập kết Nam Bộ (1954 - 1955); Vụ phó rồi Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Y tế (1954 -1979).</p> <p>Năm 1980, ông nghỉ hưu và mất năm 1998. Ông được tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huy hiệu Kháng chiến, huy hiệu Nam Bộ Thành đồng Tổ quốc.</p>	TRẦN TRUNG TAM	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.372</p>
138	NGUYỄN PHƯỚC TÂN	<p>Ông Nguyễn Phước Tân (1930 – 2007), tên khai sinh là Nguyễn Văn Chân, thường gọi Hai Tân), quê làng Tân Khánh, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Năm 15 tuổi, ông tích cực tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương. Năm 1947, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, ông hoạt động điệp</p>	NGUYỄN PHƯỚC TÂN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. 380</p>

		<p>báo ở Sài Gòn. Bằng sự mưu trí, dũng cảm, ông đã nhiều lần thoát khỏi sự truy lùng của địch, xây dựng được hàng trăm cơ sở bí mật (có cả cấp đại tá nguy), qua đó, nắm được tình hình, giúp cấp trên tổ chức nhiều trận đánh đạt kết quả. Từ năm 1975 - 1980, với trách nhiệm phụ trách công tác chống phản động ở địa bàn các tỉnh phía Nam, phối hợp với công an các địa phương khám phá hàng trăm vụ án phản động, góp phần bảo vệ an ninh trật tự ở các tỉnh phía Nam. Năm 1981, ông trực tiếp phụ trách đơn vị K4/2, hướng dẫn, chỉ đạo công an các địa phương khám phá hàng chục vụ án gián điệp, tình báo. Từ tháng 12/1987 đến tháng 4/1990, ông làm Trưởng đoàn Chuyên gia của Bộ Nội vụ (Bộ Công an) Việt Nam giúp nước bạn Campuchia. Tháng 4/1991, ông làm Tổng cục phó Tổng cục An ninh đến khi nghỉ hưu (tháng 6/1997).</p> <p>Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Quân công hạng Nhì, Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Ba. Tháng 8/1985, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
139	NGUYỄN VĂN TÂY	<p>Ông Nguyễn Văn Tây (1910 – 1996), tên thường dùng là Nguyễn Thanh Sơn, những năm hoạt động cách mạng còn có các bí danh Tư Hải, Oai, Nilakiri, quê làng Trà Côn, quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).</p> <p>Đầu năm 1927, ông được bí mật đưa qua Quảng Châu dự lớp huấn luyện cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, tháng 7/1927 được kết nạp vào tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Về nước, năm 1928, ông là Ủy viên Tỉnh bộ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội tỉnh Long Xuyên. Ngày 02/9/1929,</p>	NGUYỄN VĂN TÂY	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.382</p>



		<p>ông được kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng. Sau đó, ông là Bí thư Chi bộ đặc biệt vùng Cao Lãnh, Chợ Mới. Giữa năm 1930, ông về nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh uỷ Gia Định và tháng 4/1931 là Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ. Từ năm 1940, ông rút vào hoạt động bí mật ở vùng Châu Đốc, Rạch Giá. Tháng 8/1945, ông là Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ Liên tỉnh miền Tây. Sau đó, ông giữ chức Thanh tra chính trị Uỷ ban Hành chính lâm thời Nam Bộ. Ông là đại biểu Quốc hội khóa I tỉnh Vĩnh Trà (Vĩnh Long - Trà Vinh) và là Phó Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam (năm 1946), Xứ uỷ viên Nam Bộ, Uỷ viên phụ trách quân sự và ngoại vụ Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ (1948), Bí thư Ban Cán sự Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương tại Campuchia, Tư lệnh kiêm Chính uỷ quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia (1950)... Từ năm 1957 - 1975, ông là Bí thư Đảng đoàn, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Tài chính nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.</p> <p>Tháng 9/1976, ông nghỉ hưu và mất năm 1996. Ông được tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất...</p>		
140	<b>ĐINH TRUNG THÀNH</b>	<p>Ông Đinh Trung Thành (1932 – 2007), tên khai sinh là Lương Văn Nơi, quê làng Mỹ An Hưng, quận Lấp Vò, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1946, ông là Đội trưởng Đội Thiếu nhi Tiên phong xã Mỹ An Hưng. Năm 1947, ông vào bộ đội ở Đại đội 1030, Trung đoàn 115. Từ chiến sĩ, đến Tổ trưởng, Tiểu đội phó rồi Tiểu đội trưởng Đại đội 949, ông chiến đấu liên tục, đến khi tập kết ra Bắc là Trung đội phó thuộc Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 658.</p> <p>Năm 1956, ông về Tiểu đoàn huấn luyện 15 thuộc Đại đoàn 316. Cuối năm 1960, ông làm Trợ lý tác chiến của Quân khu Tây</p>	<b>ĐINH TRUNG THÀNH</b>	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.387

		<p>Nam Bộ (T3). Tháng 3/1965, ông là Tiểu đoàn phó – Tham mưu trưởng Tiểu đoàn Tây Đô lừng danh của Cần Thơ. Đầu năm 1967, ông là Tiểu đoàn phó, Tham mưu trưởng Tiểu đoàn độc lập 308 của Quân khu. Năm 1969, ông là Trung đoàn phó rồi Trung đoàn trưởng Trung đoàn 3 của Quân khu... Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông là Trưởng phòng Tổng kết chiến tranh của Quân khu. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam xảy ra, ông là Phó Tư lệnh rồi Tư lệnh Sư đoàn 4 của Quân khu 9. Sau đó, ông làm Tham mưu phó Mặt trận 979. Năm 1983, ông làm Hiệu trưởng Trường Quân sự Quân khu. Năm 1988, ông được phong Thiếu tướng. Năm 1992, ông làm Phó Tư lệnh Quân khu 9, đến năm 1997 ông nghỉ hưu.</p> <p>Thiếu tướng Đinh Trung Thành đã được tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhì, 2 Huân chương Quân công hạng Nhì, 2 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, 3 Huân chương Chiến công hạng Nhất.</p>		
141	LÊ VĂN THẾ	<p>Ông Lê Văn Thế (1931 – 2001), quê xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông tham gia cách mạng từ tháng 3/1947, đến ngày 23/11/1949, ông được kết nạp vào Đảng. Từ năm 1950, ông là thư ký Văn phòng Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, cán bộ Kinh tài tỉnh Long Châu Hà.</p> <p>Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1970, ông phụ trách Phòng Giá Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp. Từ năm 1975 đến năm 1987, ông là cán bộ Tổng Cục Nông nghiệp miền Nam, Vụ Phó Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp, trợ lý Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp Thực phẩm. Từ tháng 12/1987, ông là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm cho đến khi nghỉ hưu tháng 7/1995.</p> <p>Ông Lê Văn Thế đã được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huy chương Kháng chiến hạng II và nhiều hình thức khen</p>	LÊ VĂN THẾ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.402</p>

		thường khác.		
142	TRẦN VĂN THẾ	<p>Ông Trần Văn Thế (1958 – 1978), quê xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi hy sinh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Trung sĩ, Trung đội trưởng, Đại đội 1, Tiểu đoàn 502 tỉnh Đồng Tháp.</p> <p>Năm 15 tuổi, ông vào bộ đội, làm liên lạc. Trong chiến tranh biên giới Tây Nam, ông có mặt ở huyện Hồng Ngự, tham gia đánh địch 15 trận. Trung đội do ông chỉ huy đã diệt và làm bị thương hàng trăm tên. Riêng ông diệt 24 tên, bắn bị thương 9 tên, thu 7 súng (1 B40, 1 M79, 1 CKC, 4 AK), phá hủy 1 xuồng.</p> <p>Trận chiến đấu cuối cùng trước khi ông hy sinh là trận đánh ngày 15/12/1978 tại Rọc Muống, Dứt Gò Suông, xã Tân Công Chí, 1 tiểu đoàn địch bao vây tấn công nhiều mặt vào trận địa trung đội của ông. Ông bình tĩnh chỉ huy đơn vị bám trụ chiến đấu. Đến 10 giờ, trận đánh càng gay go, 2 đồng chí hy sinh. Đạn sắp hết, lại không liên lạc được với tiểu đoàn, ông quyết định cho đơn vị mở đường máu rút lui. Một mình ông ở lại với khẩu M79 và 2 khẩu AK, vừa liên tục di chuyển vừa bắn chặn địch. Bị thương lần thứ 2, ông vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, huỷ súng rồi hy sinh khi tròn 20 tuổi đời.</p> <p>Liệt sỹ Trần Văn thế đã được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhất và ngày 20/12/1979, được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	TRẦN VĂN THẾ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.403
143	PHAN VĂN THIẾT	<p>Ông Phan Văn Thiết (1902 – 1987), bút danh Thân Việt, Lan Đình, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông đỗ bằng Cử nhân Luật (1934). Thông luật pháp, giỏi thơ văn, cùng nhà Nho Đặng Thúc Liêng hợp tác khai thác tờ báo <i>Việt Dân</i> (1934). Khoảng thời gian 1935 - 1936, ông giữ vai trò chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo <i>Tân văn</i>, <i>Thế giới tân văn</i> có tiếng vang trên văn</p>	PHAN VĂN THIẾT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.410

		<p>đàn. Sau đó, ông chủ trương biên tập tờ <i>Dân sanh, Tiếng dội</i>. Khoảng năm 1952, ông ngưng hẳn hoạt động báo chí, làm công chức chuyên ngành luật pháp. Ông nổi danh trong lĩnh vực luật pháp (thường được gọi thân mật Tòa Thiết), được nhiều người mến mộ, trọng nề qua vai trò Thẩm phán, Biện lý, Chánh án, Luật sư, rất mực liêm khiết và có tình, có nghĩa. Ông còn mở Văn phòng dịch vụ pháp lý miễn phí ở Sài Gòn và Văn phòng luật sư bình dân ở Cao Lãnh (hoạt động cho đến năm 1972) để giúp đỡ đồng bào nghèo, sức yếu thế cô.</p> <p>Thời kỳ đầu kháng chiến, ông từng giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân Tỉnh bộ Việt Minh Bạc Liêu. Chính vì thái độ chống đối “không biết trên đầu có ai”, ông bị thực dân Pháp khép tội chính trị, bắt giam một thời gian. Ông từ trần năm 1987 tại Pháp.</p> <p>Luật sư Phan Văn Thiết đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị về mặt nghiên cứu: <i>Nam thi hiệp tuyển</i> (nhà in Lý Công Uẩn, Sài Gòn - 1948), <i>Bí quyết làm cho đời sống vui tươi, Tự vưng công chức, Dân luật tu tri, Hình luật tu tri, Cách tranh tụng về dân sự, Kiểu mẫu văn khế, Hộ tịch chỉ nam, Pháp luật thực hành, Phụ nữ Việt Nam trước pháp luật, Nhân viên công lực cầm nang</i>.</p>		
144	TRẦN THỊ THỜI	<p>Bà Trần Thị Thời (1924 – 2014), quê làng Tân Hoà Bắc, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Tân Hoà Bắc, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Chồng bà là ông Trần Văn Dực, sinh năm 1921, quê xã An Phú Thuận, quận Châu Thành. Năm 1960, bà làm giao liên cho Huyện đội Châu Thành. Bà có 8 người con (7 trai, 1 gái), 7 người con trai lần lượt tham gia kháng chiến, trong đó có 5 người con là Liệt sỹ. Ngày 17/12/1994, bà Trần Thị Thời được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Bà mẹ Việt Nam Anh hùng</i>.</p>	TRẦN THỊ THỜI	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015.
145	TRẦN THỊ THU	<p>Bà Trần Thị Thu (1946 – 1968), bí danh Kim Hồng, quê xã Hòa An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thuộc thành phố Cao</p>	TRẦN THỊ THU	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015.

		<p>Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), tham gia cách mạng năm 1960. Khi hy sinh là Xã đội phó xã Hòa An, đảng viên Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam.</p> <p>Năm 14 tuổi, bà tình nguyện làm liên lạc, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, đào hầm bí mật nuôi chứa cán bộ. Ngày 27/10/1962, bà cùng bà con trong xóm đào hầm bí mật chứa 2 trung đội địa phương quân tỉnh về ém quân, diệt gọn đại đội 10 bảo an của địch. Nhận chỉ đạo của cấp trên phải diệt hai tên ác ôn, 8 giờ tối ngày 02/7/1964, bà cùng 2 du kích trà trộn vào bà con đi chùa, bắn chết hai tên này tại quán cà phê cách đồn chỉ hơn 100m. Năm 1966, bà làm Xã đội phó. Trong cuộc tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968, bà cùng đội du kích tích cực phục vụ và cùng bộ đội đánh vào thị xã Cao Lãnh, diệt ác phá kềm. Địch chi viện quân biệt động, xe M.113 phản kích ác liệt. Riêng đơn vị du kích của bà diệt 27 tên, có 1 Mỹ. Ngày 03/6/1968, trên đường về huyện nhận chỉ thị mới, bà bị địch phục kích bắn bị thương nặng và bắt sống. Địch tra tấn rồi dụ dỗ, bà vẫn giữ vững khí tiết, mắng chửi lại địch. Không khai thác được gì, nên hôm sau địch giết chết bà.</p> <p>Ngày 30/10/1978, Liệt sĩ Trần Thị Thu được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		Tr.419
146	NGUYỄN VĂN THƯ	<p>Theo sách “Đại Nam nhất thống chí” và “Đại Nam liệt truyện” do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, thì Nguyễn Văn Thư (? – 1794), người huyện Kiến Phong, trấn Định Tường. Thân sinh là ông Nguyễn Văn Núi và bà Lê Thị Nhạc gốc ở Bình Định, vào miền Nam khai thác lâm thủy sản và khai hoang trồng lúa. Gia cảnh ngày một khá giả. Gia đình ông vốn có truyền thống giỏi nghề võ, bản thân ông từng đánh cọp nổi tiếng khắp vùng.</p>	NGUYỄN VĂN THƯ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.430</p>

Ông Thư lập gia đình, vợ là người ở thôn Mỹ Xương (nay là xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Do vợ là người con duy nhất trong gia đình, nên ông Thư ở lại bên vợ.

Nguyễn Văn Thư là người khảng khái, có khí tiết. Năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Ánh sai người về vùng Sa Đéc chiêu mộ thêm quân. Ông và hai người em cùng tham gia vào đội nghĩa binh. Ông được bố trí dưới trướng Tôn Thất Hội, và ngay trong năm ấy, anh em ông Thư được dịp thi thố tài năng ở Tham Lương và được phong chức Khâm sai cai cơ. Tháng 6 năm Kỷ Dậu (1789), Nguyễn Ánh cho đặt thêm đạo Kiên Đồn (ở cửa sông Tà Ôn thuộc dinh Vĩnh Trấn), Cai cơ Nguyễn Văn Thư cùng với Tham mưu Nguyễn Ngọc Chương được cử coi giữ và kiêm thu thuế của Hoa kiều, Tháng 10, ông được thăng làm Chánh trưởng chi Tiền chi Hậu quân, qua năm sau thăng làm Khâm sai Tổng nhung cai cơ Phó tướng Hậu quân. Đây là chức võ quan cao cấp, trật Chánh nhị phẩm hệ võ ban. Sau, nhờ lập nhiều công trận, lại có đức độ trung dũng nên ông Thư được phong chức Chương cơ.

Đến năm Tân hợi (1791), ông được chuyển làm Khâm sai Tổng nhung cai cơ Phó tướng Tiền quân. Đến năm Giáp Dần (1794), ông được sung vào đoàn quân giải vây thành Diên Khánh, rồi tiến đánh cửa biển Thị Nại, phá hủy được trại Tiêu Cô, Mai Hương. Tuy thắng trận, nhưng Nguyễn Văn Thư đều thiệt mạng do trúng đạn đại bác và trong cảnh hỗn loạn, thi hài của ông Thư, hai em và nhiều tướng sĩ khác, đều chìm mất tại cửa biển này.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua lấy niên hiệu là Gia Long vào năm Nhâm Tuất), đã cho truy tặng các tướng sĩ có công dựng lại cơ nghiệp, trong số ấy có ông Nguyễn Văn Thư được ban *Đặc Tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng Trụ quốc, Khâm sai Chương dinh Thư Ngọc Hầu*, được liệt thờ ở

		miếu <i>Trung Hưng Công Thần</i> .		
147	ĐINH HỮU THUẬT	<p>Ông Đinh Hữu Thuật (1881 – 1942), người làng Mỹ Xương (nay thuộc huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông có chân trong Hội đồng quản hạt, được mọi người gọi là Hội đồng Chánh.</p> <p>Khi phong trào Đông Du, Duy Tân nổ ra, ông tích cực tham gia với nhiều hoạt động, bản thân ông cũng đóng góp cho phong trào khá lớn. Ông thường sát cánh cùng ông Nguyễn Quang Diêu. Cuối tháng 5/1913, ông cùng ông Nguyễn Quang Diêu sang Long Xuyên bí mật tiếp xúc với Cường Để. Ngay sau đó, một phái đoàn được thành lập để sang Trung Hoa nhận “chi tệ tín phiếu”, mua vũ khí, đưa thêm một ít du học sinh và tìm lãnh tụ Nguyễn Thần Hiến. Phái đoàn gồm 10 người lớn và 2 thanh niên, trong có ông. Phái đoàn đến Hồng Kông được 1 tuần thì tất cả đều bị cảnh sát Anh bắt, giao cho thực dân Pháp áp giải về nhà giam Hỏa Lò, Hà Nội. Tại đây, ông cùng ông Nguyễn Quang Diêu và nhiều người khác bị xử 10 năm khổ sai biệt xứ, đày đi Cayenne (Nam Mỹ). Đầu năm 1917, ông cùng ông Nguyễn Quang Diêu vượt ngục sang Trinidad. Năm 1920, ông quyết định tìm đường về nước, ông đến núi Cám (Châu Đốc) để ẩn cư. Sau đó, ông đi lại nối kết với các đồng chí khác, hoạt động nhiều nơi, đi đến đâu cũng bị bọn mật thám lùng sục, đuổi bắt, nhiều đồng chí nằm im, vì vậy, ông về ngụ ở Mương Điều (nay thuộc xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp) và mất vào năm 1942.</p>	ĐINH HỮU THUẬT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.426
148	TRẦN HỮU THƯỜNG	<p>Ông Trần Hữu Thường (1844 – 1921), quê thôn Phú Thuận, tỉnh An Giang (nay thuộc huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Ông là một nhà mô phạm lỗi lạc ở miền Nam khi thời Nho học còn thịnh. Dân gian thường gọi ông là cụ Tú Thường.</p> <p>Ông theo học với cụ Huân đạo Nguyễn Văn Khuê, đỗ tú tài năm 1864 ở Trường thi An Giang. Ông về quê mở trường dạy học,</p>	TRẦN HỮU THƯỜNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.431

		<p>chẳng bao lâu, tiếng tăm thầy Tú Thường vang dội khắp miền Hậu Giang. Cần người có uy tín với dân chúng trong bộ máy cai trị để giữ vững công cuộc thống trị, thực dân Pháp nhiều lần mời thỉnh, dọa dẫm buộc ông ra tham chính, nhưng ông quyết tâm không làm tay sai, tiếp tay với giặc bức hại đồng bào, nên một mực từ chối. Khắp các tỉnh miền Tây, ở đâu cũng có người theo học với ông. Học trò ông có nhiều người thành đạt, nổi tiếng, trong đó trội hơn hết là ông Nguyễn Quang Diêu, người Tân Thuận (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), vừa là một lãnh tụ của phong trào Đông Du ở miền Nam vừa là một nhà thơ yêu nước với số lượng sáng tác khá lớn.</p> <p>Từ đầu thế kỷ XX trở đi, thực dân Pháp tìm cách ngăn cản các nhà Nho dạy chữ Hán nhưng ông vẫn tiếp tục dạy lén lút. Đến năm 1912, viên chủ tỉnh Châu Đốc là một người Pháp có óc hiếu cổ, biết ông là người am tường các di tích trong vùng, mời ông đến dịch hai bia Vĩnh Tế Sơn và Thoại Sơn ra văn vần. Ông là dịch giả bài văn bia Vĩnh Tế Sơn đầu tiên ra quốc ngữ còn truyền tụng đến ngày nay.</p>		
149	ĐOÀN VĂN THƯỢNG	<p>Ông Đoàn Văn Thượng (1927 – 1998), tên gia đình là Đoàn Minh Ngọc, quê làng Tân Thành, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp). Từ tháng 3/1945, ông kinh qua các chức vụ: làm liên lạc và vào Hội Thanh niên Đỏ, Huyện đoàn phó Thanh niên Cứu quốc huyện Hồng Ngự, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7/1947, Huyện đoàn trưởng, Phó Bí thư Chi bộ Mặt trận Dân vận huyện, Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc tỉnh Long Châu Tiền, Huyện đoàn trưởng Thanh niên và Phó Bí thư Chi bộ Mặt trận Dân vận, cán bộ Kiểm tra Huyện ủy Tân Hồng.</p> <p>Sau đình chiến 1954, ông được chỉ định Huyện ủy viên dự khuyết, sau đó là Huyện ủy viên chính thức, được Tỉnh ủy Kiên Phong điều động về phụ trách căn cứ Tỉnh ủy. Năm 1958, ông</p>	ĐOÀN VĂN THƯỢNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.433



		<p>là Phó Bí thư Huyện uỷ, rồi Quyền Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự. Năm 1962, ông vào Tỉnh uỷ, được phân công làm Bí thư Huyện uỷ Mỹ An, sau đó là Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự (1964). Sau cuộc Tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968, ông làm Bí thư Thị uỷ Cao Lãnh. Cuối năm 1972, ông là Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, rồi Phó Bí thư Tỉnh uỷ Kiên Phong (3/1974). Khi thành lập tỉnh Long Châu Tiền, ông là Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Cách mạng tỉnh Long Châu Tiền. Tháng 3/1976, ông là Tỉnh uỷ viên, Trưởng Ty Thương nghiệp Đồng Tháp, rồi Chủ tịch Hội đồng Trọng tài Kinh tế tỉnh (10/1980). Tháng 11/1986, ông nghỉ và mất năm 1998.</p> <p>Ông đã được tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.</p>		
150	NGUYỄN VĂN TIẾP	<p>Nguyễn Văn Tiếp (1945 – 1996), quê xã Tân Thành, huyện Hồng Ngự (nay là xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Đang là du kích xã, ông xin vô công trường sản xuất vũ khí. Qua nhiều lần thử nghiệm, ông cùng anh em đã thành công trong việc lấy liều tống của hỏa tiễn 75 ly để tống đầu đạn 155 ly. Hai trái đạn 155 ly xuất xưởng đầu tiên được bắn vô cụm pháo Quân Khánh, phá huỷ 2 khẩu pháo 155 ly của địch. Ông cùng anh em lại sáng chế phóng đầu đạn 105 ly thành công và đặt tên cho nó là H.300; nghiên cứu nối khúc gỗ vào sau đạn cối 120 ly và bắn bằng súng cối 81 ly; cải tiến cách gói thuốc nổ TNT vô thùng đựng đạn đại liên, thường gọi là “gói giá” hay “320” - đồn Bờ Rào bị đánh bằng loại này đã hoảng sợ, rút chạy. Trong việc sản xuất lựu đạn, ông nghiên cứu cải tiến khuôn đầu, khuôn tim, khuôn kim hỏa, khuôn gọt tay thắng, tăng năng suất gấp 4 lần. 10 năm công tác ở xưởng, ông cùng anh em sản xuất 7.904 lựu</p>	NGUYỄN VĂN TIẾP	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.435</p>

		<p>đạn, 145 trái mìn, tháo gỡ 1.200 bom, pháo lép của địch, cải tiến 770 đạn DKZ, đạn pháo 155 ly, 105 ly, cối 120, 81, 82, 60 ly, đạn B.40, B.41 để đánh địch.</p> <p>Ông 3 lần được bầu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, 3 lần danh hiệu Dũng sĩ quyết thắng, nhiều Bằng khen, Giấy khen. Ngày 30/8/1978, ông Nguyễn Văn Tiệp được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>. Khi ấy ông là Thiếu úy, Phó Giám đốc Xưởng sửa chữa cấp III Tỉnh đội Đồng Tháp, đại biểu Quốc hội khóa VI, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>		
151	LÂM THANH TÙNG	<p>Lâm Thanh Tùng (1937 – 2000), nghệ sĩ Lâm Tới, làng Mỹ Hội, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Tháng 02/1954, ông gia nhập bộ đội thuộc Đại đội 949, Tiểu đoàn 311, làm liên lạc.</p> <p>Tập kết ra Bắc, ông học văn hóa tại trường Học sinh miền Nam số 2 Thanh Hóa. Tháng 8/1959, ông vào học Trường Điện ảnh khóa đầu tiên ở Hà Nội và năm 1964 tốt nghiệp loại ưu, là diễn viên Xưởng phim truyện Việt Nam, được chọn đóng vai Kính trong phim “<i>Hai người lính</i>”, phim đoạt giải Quả cầu vàng ở Tiệp Khắc. Ông liên tiếp đóng các phim: <i>Trên vĩ tuyến 17</i>, <i>Nổi gió</i>, <i>Nguyễn Văn Trỗi</i>, <i>Đường về quê mẹ</i>, <i>Vĩ tuyến 17 ngày và đêm...</i> Từ tháng 4/1974, ông là sinh viên thực tập đạo diễn phim ở Cộng hòa Dân chủ Đức. Tốt nghiệp ông về làm diễn viên và đạo diễn ở Hãng phim Giải phóng, tham gia làm các phim: <i>Giữa hai làn nước</i>, <i>Mùa gió chướng</i>, <i>Cánh đồng hoang</i>, <i>Nắng đỏ...</i> Ông là một diễn viên đa tài, đóng giỏi những vai phản diện lẫn chính diện. Nổi bật là vai Núi trong <i>Đường về quê mẹ</i>, Ba Đô trong <i>Cánh đồng hoang</i>, Tám Quyện trong <i>Mùa gió chướng...</i> gây ấn tượng sâu sắc trong công chúng. Ông được chọn là diễn viên xuất sắc nhất trong vai Tám Quyện, phim <i>Mùa gió chướng</i> tại Đại hội Liên hoan phim Việt Nam năm 1982 và đến Mát-cơ-</p>	LÂM THANH TÙNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.436</p>

		va nhận phần thưởng cao nhất cho phim <i>Cánh đồng hoang</i> . Ông đã được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba, Huy hiệu thành phố Hồ Chí Minh, và được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú (1984), Nghệ sĩ Nhân dân (1997).		
152	NGUYỄN THỊ TRÀ	<p>Nguyễn Thị Trà (1932 – 1962), bí danh Sáu Cúc, quê xã Tịnh Thới, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1954, bà tham gia hoạt động cách mạng, đến ngày 01/6/1956, được kết nạp vào Đảng. Năm 1959, bà được Huyện uỷ Cao Lãnh giao nhiệm vụ Bí thư Chi bộ kiêm Chính trị viên Xã đội.</p> <p>Bà đã phát triển được 15 du kích xã, 45 du kích mật, 06 đảng viên, 25 đoàn viên, trên 300 hội viên đoàn thể nông thanh phụ và 07 cơ sở trong lòng địch, nâng chất lượng 02 cơ sở nội tuyến, dứt điểm 02 đồn cấp trung đội, thu 50 súng, diệt 06 tên ngoan cố, bắt nhiều tề điệp nguy hiểm đem về vùng giải phóng để khai thác. Bà cùng với bộ đội huyện tổ chức đánh 04 trận, diệt 25 tên, làm bị thương 40 tên khác, thu 17 súng các loại và 12 lần vũ trang tuyên truyền để phát huy uy thế của ta, hạ uy thế địch. Cùng với đặc công tình, đánh pông-tông cầu Bắc. Tháng 6/1962, trên đường đi hội nghị Huyện uỷ mở rộng để nhận chỉ đạo mới, bà lọt vào ổ phục kích của địch, trúng đạn và bị thương nặng, nhưng vẫn bình tĩnh, gan dạ, giấu tất cả tài liệu quan trọng. Địch bắt bà nhưng không khai thác được gì, liền bắt chết và kéo xác bà về nhà Hội đồng xã hòng răn đe quần chúng.</p> <p>Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày 30/01/2011, Chủ tịch nước CXXHCN Việt Nam đã truy tặng Liệt sỹ Nguyễn Thị Trà danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	NGUYỄN THỊ TRÀ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.438
153	NGUYỄN VĂN TRE	Ông Nguyễn Văn Tre (1934 – 1971), tại làng Thanh Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười,	NGUYỄN VĂN TRE	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015.

		<p>tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng trong đội du kích ấp, rồi du kích xã, chiến đấu chống địch. Trận địa đánh địch của ông là ấp Hưng Lợi, quê ông và vũ khí diệt địch là các loại chông, lòi, trái gài tự tạo. Tính chung từ năm 1965 - 1971, bằng trái gài ông chặn đánh địch 250 trận, giết chết 150 tên (có 10 Mỹ), làm bị thương hơn 200 tên (có 20 Mỹ).</p> <p>Mùa khô năm 1967, 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 7 càn vào xã, ông cùng hai tổ du kích gài một trái pháo 105 ly và 20 lựu đạn tại gò cao. Địch vào đó, vướng nhiều trái nổ, chết và bị thương 30 tên. Năm 1969, Mỹ đổ quân “nhảy cóc” lọt vào bãi lựu đạn gài của ông, 1 trái nổ làm 3 tên chết. Mùa mưa năm 1969, địch phát hiện điểm hội nghị Bình vận của tỉnh ở kinh Nguyễn Văn Tiếp B, liền đổ 1 trung đoàn thuộc Sư đoàn 7, chia nhiều mũi đánh vào. Được giao nhiệm vụ bảo vệ hội nghị, ông cùng du kích bám theo các mũi quân địch, gài lựu đạn đánh chặn. Địch không vào được và cụm quân bao vây chặt khu vực. Đến tối, ông gỡ lựu đạn, đưa 60 đại biểu ra khỏi vòng vây an toàn, rồi trở lại gài lựu đạn. Sáng địch đánh vào, không gặp ai và kết quả có hơn 60 tên bị diệt. Tháng 02/1971, ông hy sinh khi đang là Phó Bí thư Xã ủy, Chính trị viên Xã đội Thanh Mỹ.</p> <p>Ngày 30/10/1978, Liệt sỹ Nguyễn Văn Tre được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		Tr.441
154	NGUYỄN MINH TRÍ	<p>Ông Nguyễn Minh Trí (1946 – 1967), quê xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp). Lúc hy sinh là cán bộ trung đội, xạ thủ B.41, Tiểu đoàn 502. Một tuổi quân, ông tham gia 22 trận đánh và tiến bộ rất nhanh.</p> <p>Rạng sáng ngày 04/12/1967, Mỹ dùng chiến thuật Hạm đội nhỏ trên sông, đưa hàng trăm tàu chiến mở trận càn quét lớn theo sông Rạch Ruộng vào Đồng Tháp Mười. Đoàn tàu chạy qua trận địa ta mai phục, đến khoá đầu trong thì ta nổ súng. Ông siết cò</p>	NGUYỄN MINH TRÍ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.442

		<p>phóng viên đạn B.41 làm chiếc tàu vừa đến ngang công sự mình bốc cháy và chìm xuống nước. Ông bắn viên đạn thứ hai làm một chiếc tàu nữa bốc cháy. Trận địa mù mịt khói đạn. Ông đã bắn hết 4 viên đạn B.41 trong 5 phút, vượt quá qui định thời gian cho phép. Tàu địch tiếp tục vào, bất chấp quy định mỗi xạ thủ chỉ được bắn tối đa 4 phát đạn với một khoảng thời gian cách xa nhau, ông giựt túi đạn của người tiếp đạn, bắn tới phát thứ 9, làm chìm 7 tàu Mỹ và hai chiếc khác bị thương. Việc làm quá sức con người đó, khiến ông hy sinh giữa trận địa. Kết quả trận đánh, 37 tàu và trên 300 quân Mỹ nguy bị diệt. Trong đó có phần đóng góp công lao và sự hy sinh ngoan cường của Liệt sỹ Nguyễn Minh Trí.</p> <p>Ngày 30/10/1977, Liệt sỹ Nguyễn Minh Trí được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
155	NGUYỄN VĂN TRÍ	<p>Nguyễn Văn Trí (? – 1965). Năm 1950, Xứ uỷ Nam Bộ quyết định thành lập tỉnh căn cứ Đồng Tháp, địa bàn gồm huyện Mộc Hóa của tỉnh Tân An, hai huyện Cái Bè và Cai Lậy của tỉnh Mỹ Tho và huyện Cao Lãnh của tỉnh Sa Đéc. Tỉnh lỵ đặt tại Mộc Hóa.</p> <p>Xứ uỷ chỉ định Tỉnh uỷ Đồng Tháp gồm 9 người do ông Nguyễn Văn Trí (Hai Trí), Khu uỷ viên Khu 8, Phó Chính uỷ Bộ Tư lệnh Quân Khu 8 làm Bí thư Tỉnh uỷ. Nhiệm vụ của tỉnh Đồng Tháp là xây dựng Đồng Tháp Mười thành một vùng căn cứ vững mạnh về mọi mặt, dự trữ lực lượng kháng chiến lâu dài. Tỉnh Đồng Tháp hoạt động được 6 tháng thì giải thể, vì Trung ương và Trung ương Cục giải thể Khu 7, Khu 8, Khu 9, thành lập Mặt trận Đồng Tháp và Mặt trận Cửu Long, theo yêu cầu lãnh đạo cuộc kháng chiến. Cuối năm 1951, ông Nguyễn Văn Trí được Trung ương Cục điều về làm Trưởng ban Căn cứ địa Nam Bộ. Tập kết ra Bắc, ông Nguyễn Văn Trí làm Thứ trưởng Bộ Nông</p>	NGUYỄN VĂN TRÍ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.443</p>

		trường nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông từ trần năm 1965. Năm 1997, ông Nguyễn Văn Trí được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.		
156	NGUYỄN TRỌNG TRÌ	Ông Nguyễn Trọng Trì (1832 – 1899), người thôn Định An, tổng An Phú, huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang (nay là xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông Nguyễn Trọng Trì, đỗ cử nhân khoa thi Hương năm Ất Mão (1855) tại trường thi Gia Định, được phong Hàn lâm viện Điển bộ, Tòng bát phẩm. Năm 1864, được cử làm Giáo Thọ, trông coi Phủ học Tân Thành (Sa Đéc). Đến năm 1866, chưa đầy một năm trước khi thực dân Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (1867), triều đình Huế cử ông làm Tuần phủ tỉnh An Giang, kiêm nhiếp phủ Tuy Biên, dưới quyền Tổng đốc Phan Khắc Thận. Biết ông là một Nho quan của triều đình Huế, có uy tín trong vùng, thực dân Pháp ra sức khuyến dụ ông hợp tác với chúng, nhưng bị ông cự tuyệt. Hưởng ứng phong trào kháng Pháp của nhân dân Nam Kỳ, ông chiêu tập nghĩa dũng, sĩ phu gia nhập nghĩa binh của Nguyễn Trung Trực. Đêm 16/6/1868, nghĩa binh của Nguyễn Trung Trực đánh chiếm và làm chủ thành Kiên Giang (Rạch Giá). Hai ngày sau, Pháp và tay sai phản công đánh chiếm lại thành. Sau ba ngày đêm chiến đấu anh dũng, nhưng vì lực lượng không cân sức, ông Nguyễn Trung Trực ra lệnh cho nghĩa binh rút về Hòn Chông, rồi ra Phú Quốc. Trong thời gian này, để phân tán lực lượng của Pháp, chặn bước tiến của chúng từ hướng An Giang tiến xuống, ông Nguyễn Trọng Trì lãnh đạo một toán binh cùng với nhân dân địa phương đốn cây, đắp cản, lập một trận đánh tàu Pháp tại vùng Ba Bàn, Trà Kên, Lạc Dục (nay thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Khi ông Nguyễn Trung Trực bị Pháp bắt và hành hình tại Rạch	NGUYỄN TRỌNG TRÌ	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.444

		<p>Giá (27/10/1868), ông Nguyễn Trọng Trì vẫn tiếp tục kháng chiến, ông đem toán nghĩa binh còn lại gia nhập đạo binh “Gia Nghị” của Quân cơ Trần Văn Thành, lập chiến khu Bảy Thưa (vùng Láng Linh), từ căn cứ này tỏa ra đánh tiêu hao đồn Pháp khắp trong vùng...</p> <p>Cho đến tháng 3/1867, Pháp phải huy động toàn lực lượng từ Long Xuyên, Châu Đốc, Vĩnh Long, Cần Thơ... chia làm các ngã đánh vô chiến khu Bảy Thưa hòng tiêu diệt căn cứ kháng chiến của nghĩa quân. Nghĩa binh dưới sự chỉ huy của ông Trần Văn Thành và các vị dưới trướng đã quyết liệt chống trả quân Pháp trong nhiều ngày đêm, song do vũ khí thiếu thốn, lực lượng không cân sức, đại đồn Bảy Thưa thất thủ. Ông Nguyễn Trọng Trì cùng một số nghĩa binh phá được vòng vây của Pháp, vượt rạch, băng sông, tìm nơi mai danh ẩn tích chờ cơ hội rửa mối nhục của người dân mất nước.</p> <p>Sau một thời gian, ông trở về sống ẩn dật ở làng Định Yên với tên gọi mới là Kỳ, mở lớp dạy học chữ Nho, thu nhận học trò với hơn 20 người là con em trong làng và các làng lân cận. Ông Nguyễn Trọng Trì mất ngày 11 tháng Chạp năm Bính Tuất (1899), hưởng thọ 67 tuổi.</p>		
157	VÕ VĂN TRỊ	<p>Ông Võ Văn Trị (1928 – 1968), tên thường dùng Mười Đồng, quê làng Hoà An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng từ tháng Tám năm 1945. Tháng 3/1947, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, cuối năm 1947, ông được bầu vào Ban Chấp hành Thanh niên cứu quốc huyện Cao Lãnh. Tháng 6/1948, ông là Huyện uỷ viên Huyện uỷ Cao Lãnh, rồi Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách hai đoàn kiểm tra công tác đảng, quân, chánh hai khu vực tổng An Tịnh và tổng Phong Năm (1949). Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, ông giữ nhiệm vụ Phó Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh, rồi Bí thư Huyện uỷ Cao</p>	VÕ VĂN TRỊ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.446</p>

		<p>Lãnh (11/1955), Phó Bí thư Huyện uỷ (đầu năm 1956), Bí thư Huyện uỷ Cao Lãnh (1957). Đầu tháng 9/1959, là Tỉnh uỷ viên Tỉnh uỷ Kiến Phong, rồi Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (đầu năm 1960), phụ trách Trưởng ban Mặt trận Dân vận tỉnh Kiến Phong. Cuối năm 1960, ông được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ, tiếp tục phụ trách Mặt trận Dân vận. Đầu năm 1965, ông được cử làm Chính trị viên Tỉnh đội Kiến Phong.</p> <p>Ngày 14/10/1968, trong một trận ném bom của máy bay B.52, ông hy sinh ở tuổi 40 khi đang giữ trọng trách Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chính trị viên Tỉnh đội Kiến Phong. Ông hy sinh là một tổn thất lớn cho Đảng bộ và lực lượng vũ trang tỉnh nhà lúc bấy giờ. Ông Võ Văn Trị đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.</p>		
158	TRƯƠNG VĨNH TRỌNG	<p>Ông Trương Vĩnh Trọng (1942 – 2021), tên thường dùng là Hai Nghĩa, quê xã Bình Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Năm 1960, lúc còn đang đi học, ông hoạt động bí mật trong học sinh thị xã Bến Tre. Đến năm 1964, ông được kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam. Năm 1978, ông được bầu vào Tỉnh uỷ Bến Tre, sau đó là Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Bí thư Huyện uỷ Giồng Trôm (1982).</p> <p>Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), ông được bầu làm Uỷ viên Dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh Bến Tre (4/1987 - 6/1991). Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), ông được bầu làm Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được rút về Trung ương nhận nhiệm vụ Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Tại Đại hội Đảng lần thứ VIII (tháng 6/1996), ông tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng. Từ tháng 02/1998, ông làm Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương. Tháng 7/2000,</p>	TRƯƠNG VĨNH TRỌNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.457</p>



		<p>ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Tháp. Đại hội Đảng lần thứ IX (2001), ông đắc cử vào Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 4/2001, ông được phân công giữ chức Trưởng ban Nội chính Trung ương. Tại Đại hội Đảng lần thứ X, ông được bầu vào Bộ Chính trị, tiếp tục được phân công làm Trưởng Ban Nội chính Trung ương. Tháng 6/2006, ông được bầu giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ. Tháng 10/2011, ông nghỉ hưu, ngụ ở quê nhà - xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.</p> <p>Quá trình chiến đấu và công tác ông đã được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều huân huy chương cao quý khác.</p>		
159	PHAN LƯƠNG TRỰC	<p>Ông Phan Lương Trục (1930 – 2012), có tên khai sinh là Đỗ Hữu Công, quê làng Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Tháng 5/1947, kỷ niệm một năm ngày thầy giáo - chiến sĩ cách mạng Phan Lương Trục hy sinh, ông xin phép được lấy tên người thầy kính yêu của mình làm bí danh. Từ đây, cái tên Phan Lương Trục gắn bó suốt cuộc đời binh nghiệp của ông.</p> <p>Ngày 15/8/1948, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ tháng 8/1948, đến tháng 10/1954, ông lần lượt giữ các chức vụ: Tiểu đội trưởng, Chính trị viên trung đội, Chính trị viên đại đội, Đại đội trưởng Đại đội 2053, Phó Bí thư Chi bộ của Đại đội, Phó Ban tác huấn của tiểu đoàn 404, Khu 8. Tháng 10/1954, ông tập kết ra miền Bắc. Sau đó ông được cử đi đào tạo các lớp về quân sự. Tháng 3/1965, ông trở về miền Nam chiến đấu, làm cán bộ nghiên cứu phòng tác chiến Bộ Tham mưu Miền. Từ năm 1970 đến 30/4/1975, ông làm Trưởng ban Tác chiến Quân khu 8, cấp hàm Thiếu tá.</p> <p>Từ năm 1975 đến 1978, ông là Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân</p>	PHAN LƯƠNG TRỰC	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.462</p>

		<p>sự tỉnh Đồng Tháp, cấp hàm Trung tá. Ông cùng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ, chỉ huy lực lượng vũ trang phối hợp dân quân, du kích đánh quân Pôn - Pốt (Campuchia) xâm lấn biên giới nước ta, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ; thành lập 2 nông trường Đường Thét và Giồng Găng hoạt động có hiệu quả, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng ở vùng Đồng Tháp Mười.</p> <p>Từ năm 1980, ông làm Phó Tư lệnh Quân khu 9, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang, cấp hàm Thiếu tướng. Năm 1997, ông được nghỉ hưu. Ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, 14 huân chương các loại, Huy chương Thành đồng Tổ quốc.</p>		
160	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	<p>Ông Nguyễn Xuân Trường (1922 – 2006), bí danh Mười Nhẹ, quê làng An Bình, tổng An Phước, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia Cách mạng tháng Tám năm 1945, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11/1948. Tháng 11/1955, ông làm Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ Châu Đốc. Đến tháng 7/1956, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ Hồng Ngự. Năm 1957, ông làm Phó Bí thư, rồi Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự, được bổ sung vào Tỉnh uỷ Kiến Phong. Tháng 9/1962, ông làm Bí thư Huyện uỷ Thanh Bình. Được hơn một năm thì Tỉnh uỷ rút lên phụ trách công tác Dân vận - Mặt trận và bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ rồi Phó Bí thư. Tháng 11/1972 đến tháng 3/1974, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Kiến Phong. Từ giữa năm 1974, ông làm Bí thư Tỉnh uỷ Long Châu Tiền cho đến hết năm 1975.</p> <p>Đầu năm 1976, tỉnh Đồng Tháp được thành lập, ông làm Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Trọng trách này ông thực hiện đến tháng 5/1987. Sau đó, ông chuyển qua làm Chủ tịch Uỷ ban Hữu nghị đoàn kết với các nước, tham gia hoạt động quỹ vì tuổi thơ của tỉnh và làm chuyên viên Chính</p>	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.464

		<p>phủ trong Ban chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười. Tháng 7/1995, ông nghỉ hưu.</p> <p>Ông được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba.</p>		
161	NGUYỄN TÚ	<p>Ông Nguyễn Tú (? - ?), người thôn Bả Canh, xã Đập Đá, phủ Hoài Nhơn, trấn Bình Định, nguyên là tuý tướng của nghĩa quân Tây Sơn trước đây. Khi nhà Tây Sơn sụp đổ, để tránh sự trả thù của nhà Nguyễn, ông cùng vợ trốn vào Nam lập nghiệp. Thuở ấy, vùng Mỹ Trà, An Bình còn nhiều nơi là rừng rậm, đầy thú dữ. Ông hô hào những người đi khẩn hoang cùng nhau phá rừng cất nhà làm ruộng. Năm nọ, thú loạn rừng tràn ra bờ rạch Cái Sao phá hoại mùa màng, gia súc, thậm chí còn bắt người ăn thịt. Bà Vại nhà gần rạch Cái Sao, vào lúc trời chạng vạng, bà ngồi rửa chén cạnh bờ sông bị cọp vồ mất xác. Những việc đó làm cho mọi người hoang mang lo sợ, công việc ruộng rẫy ngưng trệ, cứ trời về chiều là mọi nhà đóng chặt cửa không dám ra ngoài.</p> <p>Thấy vậy, Nguyễn Tú tập hợp trai tráng truyền dạy võ nghệ, tổ chức rào thôn xóm, canh phòng thú dữ. Hễ có báo động, mọi nhà đều đánh mõ, đánh trống âm lên để xua đuổi chúng đi. Nhiều lần đi tuần phòng gặp cọp, ông đều hạ được. Nhờ vậy, lần hồi thú dữ bị đẩy lùi vào rừng sâu, mọi người làm ăn bình thường trở lại. Công cuộc khai hoang ngày một mở rộng, nhiều bà con cùng quê quán vào lập nghiệp được ông giúp đỡ mọi mặt, thôn xóm ngày một đông vui, làm ăn sung túc. Lúc bấy giờ, ở Nam Kỳ tổ chức hành chính còn lỏng lẻo, chưa phân chia thành phủ, huyện rạch ròi. Toàn vùng chia làm 9 khổ trường chủ yếu là để thu thuế, miền đất sau này mang tên Cao Lãnh, lúc ấy thuộc khổ trường Bả Canh. Phải chăng, ở đây có nhiều lưu dân xuất thân từ thôn Bả Canh - Bình Định nên Bả Canh được dùng làm</p>	NGUYỄN TÚ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.466</p>

		<p>tên đặt cho khó trường này. Sau đó, hai thôn An Bình và Mỹ Trà lần lượt ra đời.</p> <p>Nguyễn Tú được mọi người cử làm người đứng đầu khó trường thay mặt nhân dân giao tiếp với quan trên. Với địa vị này, ông đứng về phía dân chúng chống lại sự áp bức của bọn cường hào ác bá, giúp người nghèo khó thoát cảnh sưu thuế nặng.</p> <p>Đến khi vợ chồng ông già yếu qua đời, mặc dù không có con thừa tự, nhưng hai người vẫn được dân làng mai táng chu đáo trong niềm thương tiếc và biết ơn. Người đời sau dựng bia ghi công đức của ông, gọi là bia Tiên hiền làng Mỹ Trà.</p>		
162	NGUYỄN HOÀNG TU	<p>Ông Nguyễn Hoàng Tư (1922 – 1946), tên thật là Nguyễn Văn Tư, bút hiệu Thuý Minh, quê Nha Môn, tổng An Mỹ, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông là thành viên Mặt trận Việt Minh trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và là cây bút cách mạng chủ lực, có nhiều tâm huyết, ông thường xuyên có bài đăng trên tờ tuần báo “Thanh niên” (1943 - 1944) và tờ báo “Tiên” (1945), cơ quan ngôn luận của Thanh niên tiền phong. Ông bị thực dân Pháp bắt tại Sài Gòn, những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945), bị tra tấn dã man và hy sinh khoảng đầu năm 1946 trong nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn) khi mới 24 tuổi đời.</p> <p>Trong sự nghiệp văn chương, ông đã hoàn thành tập thơ “Ánh thiêng liêng” và 3 tập kịch thơ “Tháp ngát trời”, “Trọng Thủy - Mỹ Châu”, “Thái tử Đan”, ngoài ra còn có vở kịch thơ ngắn “Trần luy” đăng trên tuần báo “Thanh niên” số Xuân Giáp Thân 1944.</p>	NGUYỄN HOÀNG TU	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.474</p>
163	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	<p>Ông Nguyễn Đình Tuấn (1907 – 1944), quê làng Tân Bình, tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Tháng 5/1928, ông gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh</p>	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.468</p>

		<p>niên tại Chi bộ Hội Lập Vò, hoạt động cùng các thầy giáo: Thầy Cung, thầy Cái, thầy Hanh..., Tháng 11/1929, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Lập Vò ra đời, ông là 1 trong 6 đảng viên đầu tiên của Chi bộ này. Quá trình hoạt động cách mạng, ông Nguyễn Đình Tuấn được Đảng tin nhiệm giao trọng trách Ủy viên Xứ uỷ Nam Kỳ. Ngày 07/9/1936, Nguyễn Đình Tuấn bị thực dân Pháp bắt và dùng mọi cực hình tra tấn, nhưng ông vẫn trung kiên, bất khuất, giữ khí tiết người đảng viên Cộng sản. Không khai thác được gì và không đủ chứng cứ buộc tội, ngày 25/3/1938, Pháp trả tự do cho ông. Ra tù, ông tiếp tục hoạt động cách mạng. Do hậu quả địch tra tấn, ông bệnh nặng và từ trần ngày 23/8/1944 khi vừa tròn 37 tuổi.</p>		
164	ĐỖ CÔNG TƯỜNG	<p>Ông Đỗ Công Tường (? – 1820), gốc người miền Trung, là con ông Đỗ Văn Văn, vào Nam dưới thời chúa Nguyễn, ban đầu định cư ở vàm Rạch Chanh. Thời đó, vùng này còn hoang vu có tên là rừng Sáu Võ. Ông Văn sinh được hai con trai là Đỗ Công Tường, Đỗ Văn Thoại và bốn người con gái.</p> <p>Ông Đỗ Công Tường có tên tục là Lãnh chưa rõ sinh năm nào, chỉ còn biết khoảng năm 1817, dưới thời Gia Long, ông cùng vợ đến khai khẩn vạt đất ven bờ rạch Thầy Khâm. Thấy đất tốt, ông bà trồng quýt. Sở đất ở vị trí gần vàm, nơi rạch Thầy Khâm đổ ra sông Con (sau gọi là sông Cao Lãnh), nên bà con trong làng mang thổ sản ra đây buôn bán, lâu ngày thành chợ và gọi nôm na là chợ Vườn Quýt. Cả hai ông bà đều có lòng thương người, thường cuu mang, giúp đỡ người khốn khó, riêng ông tính tình cương trực, sẵn sàng giúp kẻ cô thế, nên cả hai đều được mọi người cảm mến. Do đó, khi làng được thành lập, ông được cử giữ chức câu đưng, trông coi việc phân xử các vụ tranh tụng nhỏ trong làng. Chợ Vườn Quýt ngày tấp nập, đông người đến mua bán, do ông làm chức Câu đưng, nên có người còn gọi chợ Ông Câu hoặc chợ Câu Lãnh.</p>	ĐỖ CÔNG TƯỜNG	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.477</p>

		<p>Năm Canh Thìn (1820), dân làng Mỹ Trà bị bệnh dịch tả hoành hành, có nhà chết gần hết. Tiếng kêu cứu, khóc than vang dậy, cảnh chôn cất người chết diễn ra suốt ngày, ban đêm tiếng mõ kêu cứu nổi lên từng chập, làng xóm, chợ búa vắng vẻ tiêu điều. Lúc bấy giờ, người ta cho rằng bị bệnh dịch là do trời đất quả phạt.</p> <p>Không thể ngồi yên nhìn cảnh tượng đau thương ấy, ông bà lập bàn thờ giữa chợ, cầu xin trời đất phù trợ cho dân chúng tai qua nạn khỏi và nguyện chết thay cho họ. Khẩn nguyện xong, ông bà ăn chay ba ngày, từ ngày mùng sáu đến ngày mùng tám. Đến sáng mùng chín bà lâm bệnh, đến tối thì qua đời. Đang lo tần liệm cho bà thì ông phát bệnh và đến hai giờ sáng ngày mười một, ông cũng qua đời.</p> <p>Dân làng an táng ông bà xong thì bệnh thời khí lần hồi cũng dứt luôn. Do vậy, dân làng nghĩ rằng chính ông bà là người đã cứu họ thoát chết, nên đã cùng nhau kể công người của, lập đền thờ ông bà bên bờ kinh Thầy Khâm (nay là đường Lê Lợi) ngày đêm khói hương để tưởng nhớ công lao của hai người, được gọi là miếu Ông bà Chủ chợ.</p>		
165	NGUYỄN VĂN TUYÊN	<p>Ông Nguyễn Văn Tuyên (1762 – 1830), người huyện Vĩnh An, trấn An Giang (thuộc vùng đất Sa Đéc).</p> <p>Đầu năm 1788 (Mậu Thân), ông theo quan quân chúa Nguyễn đi đánh giặc, từng làm phó Vệ úy vệ Hồ uy quân Thần sách. Có lúc bị cách chức, rồi lại cho khôi phục nguyên hàm, theo quân đi đánh giặc. Năm 1801 (Tân Dậu), được thăng Vệ úy kinh uy doanh Tiền quân. Năm Gia Long thứ 11 (1812), thăng Vệ úy vệ Chấn bảo nhất quân Chấn vũ, Khâm sai chương cơ. Năm Gia Long thứ 15 (1816), diện quản vệ úy Hữu bảo nhất Hữu quân kiêm đem quân 2 vệ Hữu bảo nhất, Hữu bảo nhị theo Lê Văn Duyệt đi dẹp giặc “ác man” ở Quảng Ngãi, chém được hơn 300</p>	NGUYỄN VĂN TUYÊN	Đông Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.473

		<p>đầu giặc, được thưởng 300 quan tiền. Mùa Đông năm 1819 (Gia Long thứ 18), vâng lệnh, sung làm Phó Đồng lý đi đào kênh Vĩnh Tế. Năm 1822 (Minh Mạng thứ 3), theo chức cũ làm Trấn thủ Biên Hoà, vì có tang cha, xin từ chức, khi hết tang được điện bổ Trấn Thủ Định Tường.</p> <p>Mùa Đông năm 1823 (Minh Mạng thứ 4), hội đồng với Thống chế Nguyễn Văn Thoại (tức Thoại Ngọc Hầu) và Trần Công Lại, lại trông coi việc đào kênh Vĩnh Tế, rồi được triệu về kinh đô Huế. Năm 1824, ra làm trấn thủ Vĩnh Thanh, rồi bổ Thống chế coi biên binh thành Gia Định. Năm 1827, Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt được triệu về Kinh, Nguyễn Văn Tuyên được cử quyền nhiếp Tổng trấn vụ. Năm sau (1828), khi Lê Văn Duyệt trở về, Nguyễn Văn Tuyên lại được sung chức như cũ.</p> <p>Năm 1829 (Minh Mạng thứ 10), Nguyễn Văn Tuyên được truyền giao quốc ấn, đóng giữ đồn Châu Đốc, kiêm lĩnh việc biên giới Hà Tiên. Năm 1830 (Minh Mạng thứ 11), ông Nguyễn Văn Tuyên bệnh mất, hưởng thọ 68 tuổi. Con trưởng tên là Cửu theo hàm tập ấm làm quan Phó lãnh binh ở Hải Tây, con thứ tên là Trinh làm ngoại uỷ cai cơ Trung dũng.</p>		
166	NGUYỄN VĂN ÚT	<p>Nguyễn Văn Út (1948 – 2004), tự Út Nội, quê xã Phú Hựu, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1962, ông theo cách mạng, làm giao liên cho Tỉnh đội Vĩnh Long, đến năm 1967, ông chuyển về Huyện đội Châu Thành.</p> <p>Ngay trận đầu tiên tham gia đánh đồn Cả Bàn (Lấp Vò) đã giành được thắng lợi. Đêm 30 Tết Mậu Thân năm 1968, ông cùng 2 chiến sĩ đánh diệt một lô cốt bên phà Mỹ Thuận, sau đó đánh sập cầu Huyện Báo, cắt đứt Quốc lộ 4 đoạn Mỹ Thuận - Vĩnh Long, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng tỉnh đội và thị xã đánh chiếm sân bay và thị xã Vĩnh Long. Tháng 12/1968, một mình ông ra bám sát Liên tỉnh lộ 80, cách đồn Cái Da 300 m,</p>	NGUYỄN VĂN ÚT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.479

		<p>dùng mìn phá huỷ một xe Quân sự (GMC) diệt 13 tên địch. Cuối năm 1969, đầu năm 1970, ông dùng kỹ thuật đặc công, 3 lần đánh vào Tân Xuân, phá huỷ 2 xe, diệt một toán phòng vệ xung kích. Năm 1971, ông chỉ huy tổ đặc công, vượt qua cồn An Hòa diệt một toán phòng vệ dân sự, thu 20 súng. Năm 1974, ông được đề bạt Huyện đội trưởng Huyện đội Châu Thành, chỉ huy đánh 8 đồn địch trong huyện và nhiều trận chống càn quét tái chiếm của địch. Mùa xuân 1975, ông chỉ huy bao vây, bức rút và đánh diệt 20 đồn và 10 lô cốt của địch góp phần giải phóng quê hương.</p> <p>Ông đã được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhì và danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Quân khu. Ngày 20/12/1994, ông Nguyễn Văn Út được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
167	PHAN VĂN ÚT	<p>Ông Phan Văn Út (1932 – 1951), tên thường dùng Út Ngọ, quê làng Tân Phú Trung, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Năm 17 tuổi, ông tham gia công tác ở xã. Ông được cài cắm vào Tổng hành dinh lực lượng vũ trang “Bảo Quốc Đoàn” của Cao Đài (thân Pháp) tại Sa Đéc, do Văn Thành Cao chỉ huy.</p> <p>Nhận được tin sẽ có đoàn quan chức cấp cao của Pháp đi “kinh lý” Sa Đéc vào cuối tháng 7/1951, Thị đội và Công an thị xã Sa Đéc lên kế hoạch đánh địch bằng chất nổ, ông Phan Văn Út nhận trách nhiệm ấy. Sáng ngày 31/7/1951, phái đoàn cấp cao của Pháp và Nam phần đến Tiểu khu Sa Đéc. Đứng vào lúc đoàn quan khách duyệt hàng quân danh dự “Thanh niên Bảo Quốc Đoàn” thì ông hành động. Hai tiếng nổ long trời, đánh gọn làm náo loạn cả Tiểu khu, giết chết thiếu tướng Săng - xông (Chanson), Tư lệnh quân đội Pháp ở Nam Bộ, Thái Lập Thành,</p>	PHAN VĂN ÚT	Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.481



		<p>Thủ hiến Nam phần Việt Nam, 2 sĩ quan cấp tá Pháp, 12 tên khác bị thương. Ông Phan Văn Út hy sinh anh dũng.</p> <p>Ngày 16/8/1951, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ quyết định truy tặng ông Huy hiệu Kháng chiến Nam Bộ và đề nghị lên Chính phủ tặng huy chương cho ông. Ngày 22/7/1998, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i> cho Liệt sỹ Phan Văn Út.</p>		
168	NGUYỄN NHƯ VẤN	<p>Ông Nguyễn Như Vấn (1924 – 2001), quê xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên. Thuở nhỏ, ông sinh sống ở Lào. Ông là cán bộ thuộc Chi đội Hải ngoại 4, cùng đơn vị tình nguyện về nước, kháng chiến chống Pháp. Tháng 5/1947, về tới tỉnh Sa Đéc, cuối năm đơn vị đổi phiên hiệu là Trung đoàn 109. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương trên đường hành quân về nước. Cuối năm 1948, ông là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 325, Liên Trung đoàn 109-111 và được chỉ định vào Tỉnh ủy Sa Đéc. Tháng 10/1949, ông là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Sa Đéc, rồi Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Long Châu Tiên. Khi thành lập tỉnh Long Châu Sa, ông là Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội phó Tỉnh đội Long Châu Sa.</p> <p>Tháng 7/1954, lực lượng vũ trang tỉnh Long Châu Sa tổ chức thành Trung đoàn 668 tập kết ra Bắc, ông là Chính ủy, Bí thư Trung đoàn ủy Trung đoàn. Sau đó trải qua một số chức vụ khác. Năm 1966, ông trở về Nam chiến đấu và là Trưởng phòng Tình báo Bộ Tổng Tham mưu Quân Giải phóng miền Nam. Ông tham gia cuộc Tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968 và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Từ năm 1978, ông là Cục phó Cục Tình báo phụ trách phía Nam (Tây Nam), tham mưu phó Bộ Tư lệnh Sư đoàn 19 (1979), được phong quân hàm Thiếu tướng vào cuối năm 1984. Từ tháng 7/1987, ông là Cục trưởng Cục Tình báo, Bộ Tổng Tham mưu; Tổng cục trưởng Tổng cục</p>	NGUYỄN NHƯ VẤN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.483</p>

		<p>II, Bộ Quốc phòng, Bí thư Đảng uỷ Tổng Cục (1993). Ông được thăng quân hàm Trung tướng tháng 4/1989. Tháng 10/1995, ông nghỉ hưu.</p> <p>Trung tướng Nguyễn Như Văn đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhì, 3 Huân chương Quân công (2 hạng Nhì, 1 hạng Ba), Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhì, 5 Huân chương Chiến công (3 hạng Nhất, 2 hạng Nhì), và nhiều huân huy chương khác.</p>		
169	PHẠM VĂN VỄ	<p>Phạm Văn Vễ (1930 – 1964), quê làng Tân Dương, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Khi hy sinh ông đang là Xã đội trưởng xã Tân Dương.</p> <p>Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mới 15 tuổi, ông đã cùng với nhiều thanh niên địa phương tham gia cách mạng, làm liên lạc cho Vệ Quốc đoàn. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, ông được phân công ở lại địa phương hoạt động hợp pháp, xây dựng cơ sở. Năm 1960, ông vào du kích xã. Với tài bơi lội và đánh địch bằng lựu đạn, từ năm 1960 đến lúc hy sinh (ngày 16/12/1964), ông đã tổ chức Đội du kích xã đánh đồn trên 10 trận, chống càn 08 trận. Riêng ông đã dùng lựu đạn tiêu diệt hơn 70 tên địch, trong đó có 02 cố vấn Mỹ, phá hỏng 01 tàu chiến Mỹ, thu nhiều vũ khí. Trận chiến đấu cuối cùng của ông là ngày 16/12/1964, ông chỉ huy đội du kích xã Tân Dương phối hợp với đơn vị của thị xã Sa Đéc phục kích đánh tàu Mỹ đi càn quét ở vùng Vĩnh Thạnh, Long Hưng trở về Sa Đéc. Trận này, ông cùng đồng đội bắn cháy 1 tàu giặc, diệt 48 tên (có 2 lính Mỹ). Ông cùng 3 chiến sĩ anh dũng hy sinh.</p> <p>Ngày 29/01/1996, Liệt sỹ Phạm Văn Vễ được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>	PHẠM VĂN VỄ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.485</p>

170	NGUYỄN VĂN VĨ	<p>Ông Nguyễn Văn Vĩ (1895 – 1976), còn gọi là Michel Văn Vĩ, quê Sa Đéc, có quốc tịch Pháp, du học tại Pháp và tốt nghiệp tại Trường Cao học Thương nghiệp Paris. Ông là một trong những người sáng lập hội SAMIPIC, vận động góp tiền để cấp học bổng cho số học sinh nghèo, học giỏi. Ông cũng là Hội trưởng Hội tương tế Sa Đéc, tập hợp một số đồng hương, lo việc quan, hôn, tang, tế... Ông đứng ra thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ Nam Kỳ và nhận được giấy phép hoạt động do chính Thống đốc Nam Kỳ ký ngày 18/8/1944. Ông là một trong những nhân sĩ trí thức Nam Bộ đầu tiên tại Sài Gòn gia nhập Đảng Dân chủ Việt Nam, hoạt động bí mật trong vùng tạm chiếm.</p> <p>Ngày 01/8/1954, ông và nhiều nhân sĩ trí thức miền Nam hưởng ứng, tham gia Ủy ban Hoà Bình khu Sài Gòn - Chợ Lớn của luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Tháng 4/1964, Đại hội lần II Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, ông được mời vào Ủy ban Mặt trận Trung ương với bí danh Huỳnh Đán, một công thương gia yêu nước. Ngày 16/11/1964, phản đối Mỹ và chư hầu ồ ạt đổ quân vào miền Nam, ông tham gia “Phong trào Dân tộc tự quyết” do luật sư Nguyễn Long và một số trí thức Sài Gòn thành lập. Sau đó, ông cùng một số nhân sĩ trí thức bị địch bắt vì tham gia “Phong trào Dân tộc tự quyết” và “Ủy ban vận động Hoà bình”. Đến cuối năm 1967, ông được thả ra, khi đã 72 tuổi, bị tù đày nên sức khỏe yếu và mất năm 1976.</p>	NGUYỄN VĂN VĨ	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.488</p>
171	VÕ THỊ VIỆT	<p>Bà Võ Thị Việt (1920 – 2014), tên gia đình là Võ Thị Vị, thường gọi là Năm Việt, quê làng An Tịch, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Từ năm 1930 - lúc còn đi học, bà đã tham gia canh gác, in tài liệu mật, dán rải truyền đơn trong xóm ấp. Bà tích cực tuyên truyền chống Nhật, Pháp tham gia cướp chính quyền ở thị xã Sa Đéc tháng 8/1945. Năm 1953, bà là Hội phó Phụ nữ tỉnh Long Châu Sa. Sau đình chiến, bà hoạt động bí mật, là Trưởng ban</p>	VÕ THỊ VIỆT	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.494</p>

		<p>Phụ vận Tỉnh uỷ Sa Đéc. Đầu năm 1957, bà là Huyện uỷ viên Huyện uỷ Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1967, bà được bầu vào Tỉnh uỷ Vĩnh Long, làm Hội trưởng Phụ nữ tỉnh, kiêm Trưởng ban Chỉ đạo đấu tranh chính trị tỉnh và Uỷ viên Ban Chấp hành Phụ nữ Khu Tây Nam Bộ. Từ năm 1968, bà phụ trách thị xã Sa Đéc, là Tổng Thư ký Uỷ ban nhân dân Cách mạng tỉnh Vĩnh Long. Đến năm 1971, bà là Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Vĩnh Long, trong Phân ban Tỉnh uỷ vùng thị xã Sa Đéc, Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành. Khi thành lập tỉnh Sa Đéc, năm 1974, bà được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Chuẩn bị giải phóng Sài Gòn, bà được trên điều động về Khu Sài Gòn - Gia Định, làm Trưởng đoàn cán bộ công tác gây dựng cơ sở cánh C. Liền sau giải phóng bà nhận nhiệm vụ Bí thư Ban Cán sự Đảng đoàn quận 3, rồi Phó Bí thư Quận uỷ quận 3, Trưởng Ban Tổ chức Quận uỷ quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 7/1977, bà là Bí thư Quận uỷ Quận 3. Năm 1984, bà nghỉ hưu và qua đời năm 2014.</p> <p>Quá trình hoạt động cách mạng bà đã được Đảng và Nhà nước trao tặng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều huy chương cao quý khác.</p>		
172	NGUYỄN VĂN VÓC	<p>Nguyễn Văn Vóc (1942 – 1968), tên thường dùng là Lê Hồng, quê ở ấp An Lợi xã Thanh Mỹ, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Phong (nay thuộc huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Sau cuộc đồng khởi năm 1959, 1960, xã Thanh Mỹ được giải phóng, ông được tiếp nhận vào công tác ở đơn vị Giao bưu tỉnh Kiến Phong. Năm 1964, ông làm Tiểu đội phó, Trung đội giao liên B412, chuyên đưa rước “khách đặt biệt” và bắt thường. Từ năm 1964 - 1968, ông nhiều lần tổ chức đưa các cán bộ lãnh đạo cấp cao xuống chiến trường, vượt qua các tuyến phòng thủ, chốt chặn của địch ở biên giới, qua Đồng Tháp Mười, xuống Mỹ Tho,</p>	NGUYỄN VĂN VÓC	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.496</p>

		<p>Bến Tre và các tỉnh Tây Nam Bộ. Nổi bật là tuyến công tác từ ngày 13 đến ngày 16/5/1968, Đội giao liên B412 được giao nhiệm vụ bảo vệ và đưa đoàn khách gồm 5 cán bộ, trong đó có 4 cán bộ là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh uỷ các tỉnh: Bến Tre, Gò Công, Mỹ Tho, Kiến Phong và ông Tám Dần là Chỉ huy phó kiêm Tham mưu trưởng Quân khu 8 từ chiến trường về Trung ương Cục. Đến 4 giờ sáng ngày 16/5/1968, đoàn tới ngã tư Cô Đông, thuộc xã Tân Công Sinh, huyện Tam Nông. Tại đây diễn ra trận chiến rất ác liệt giữa ta và địch, đến 12 giờ trưa, địch cho 30 lượt máy bay đổ thêm 400 quân, trong đó có 1 đại đội biệt kích Mỹ, liên tiếp mở 3 đợt tấn công, nhưng đều thất bại. Đến 1 giờ chiều, sau 7 đợt đánh địch, bên ta một chiến sĩ hy sinh, cả đơn vị chỉ còn lại 13 người, mỗi người chỉ còn vài chục viên. Trước tình hình đó, đơn vị quyết định dồn đạn cho tổ tiên duyên và ông tình nguyện ở lại chặn địch, còn tất cả tập trung bí mật dẫn đoàn khách rút lui khỏi trận địa. Sau đợt tấn công thứ 8 của địch, trên trận địa, chỉ còn một mình ông Nguyễn Văn Vóc phải chống trả với một tiểu đoàn địch, ông đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và hy sinh anh dũng.</p> <p>Năm 1997, Liệt sỹ Nguyễn Văn Vóc được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
173	NGUYỄN VĂN VOI	<p>Nguyễn Văn Voi (1949 – 1973), quê làng An Tịch, tổng An Hội, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Ông tham gia đội du kích xã lúc 20 tuổi. Cuối tháng 02/1969, ông dùng lựu đạn giết được một mật báo viên ác ôn của Ty cảnh sát, làm chần động dư luận trong vùng. Tháng 5/1969, một mình ông lên đến gần đồn Tề Xã, quăng 2 trái lựu đạn vào đồn làm bị thương nặng 2 tên. Tháng 3/1970, ông bí mật đột nhập trụ sở Hội đồng xã lấy một máy đánh chữ. Một lần khác, ông dùng mìn</p>	NGUYỄN VĂN VOI	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.498</p>

		<p>đánh sập trụ sở, làm cho Tề xã, áp hết sức hoang mang. Năm 1971 - 1972, ông được giao nhiệm vụ diệt một số tên ác ôn trong đoàn cán bộ bình định, ông đã hoàn thành xuất sắc, diệt 1 tên chỉ cách đồn 150m, 1 tên tại nhà, 1 tên trên đường đi và bắn bị thương 1 tên, các tên còn lại hoảng sợ chuyển đi nơi khác. Tháng 8/1973, trong trận đánh đồn Xẻo Mây (Tân Lễ), ông đã anh dũng hy sinh.</p> <p>Ngày 30/8/1995, Liệt sĩ Nguyễn Văn Voi được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu <i>Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân</i>.</p>		
174	NGUYỄN LONG XẢO	<p>Ông Nguyễn Long Xảo (1905 – 1996), thường gọi Bảy Xảo, quê làng Tân Thuận Tây, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông sớm giác ngộ và tham gia hoạt động cách mạng, tháng 02/1930, ông được kết nạp vào Đảng, hoạt động ở tỉnh Long Xuyên.</p> <p>Tháng 02/1935, ông là Bí thư Chi bộ liên xã Hoà An - Tân Thuận Đông. Từ năm 1937 đến tháng 8/1939, ông công tác ở Ban hành động quận Cao Lãnh (hoạt động phong trào Đông Dương đại hội). Tháng 3/1945, ông được bầu vào Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Sa Đéc, được phân công làm Trưởng ban Quân sự quận Cao Lãnh. Từ tháng 3/1946 đến tháng 9/1954, ông là Tỉnh uỷ viên rồi Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ Sa Đéc, Long Châu Sa (phụ trách tổ chức, tài chính, kiểm tra), Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh, Thư ký Liên hiệp Công Đoàn tỉnh... Tháng 10/1954, ông tập kết ra miền Bắc. Từ tháng 01/1955 đến tháng 8/1964, ông giữ các chức vụ: Bí thư chi bộ Nông trang Nam Bộ Quý Cao, Tỉnh uỷ viên tỉnh Kiến An (1961 - 1962)... Tháng 8/1964, ông nghỉ hưu và mất năm 1996.</p> <p>Ông Nguyễn Long Xảo được tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.</p>	NGUYỄN LONG XẢO	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.501</p>

175	NGUYỄN HỮU XUYẾN	<p>Ông Nguyễn Hữu Xuyên (1917 – 2007), thường gọi là Tám Kiên Quốc, quê ở xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).</p> <p>Ông tham gia hoạt động cách mạng tại Sa Đéc từ năm 1937. Năm 1940, ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương và bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo vào năm 1941. Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, ông trở về Sa Đéc hoạt động trong lực lượng vũ trang của tỉnh. Từ tháng 10/1945 đến năm 1954, ông giữ các chức vụ: Chỉ huy trưởng Cộng hòa vệ binh tỉnh Sa Đéc, Chỉ đội trưởng Chi đội 18, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 115, Chỉ huy trưởng liên Trung đoàn hoạt động khu vực tỉnh Vĩnh Long - Trà Vinh, Tham mưu trưởng Phân liên khu miền Tây... Sau hiệp định Giơnevơ, tháng 7/1954, ông là Ủy viên Quân sự của Xứ ủy Nam Bộ, hoạt động ở miền Tây Nam Bộ. Năm 1957, ông chuyển lên miền Đông Nam Bộ, đến tháng 6/1958, ông là Trưởng ban Quân sự miền Đông Nam Bộ. Năm 1961, ông là Tư lệnh lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ. Từ năm 1965 đến năm 1974, ông là Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Tháng 6/1974, ông về công tác tại Bộ Quốc phòng. Tháng 02/1977, ông là Phó Tư lệnh Quân khu 9. Sau đó ông được nghỉ hưu.</p> <p>Ông Nguyễn Hữu Xuyên được phong hàm Trung tướng (1986), được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất, hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều huân chương, huy chương khác.</p>	NGUYỄN HỮU XUYẾN	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.502</p>
176	ĐỖ VĂN Y	<p>Ông Đỗ Văn Y (1892 – 1968), quê làng Hòa An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp).</p> <p>Ông tốt nghiệp Trường sư phạm Gia Định, nhưng không đi dạy học. Hưởng ứng phong trào Duy Tân, ông xuất dương hoạt động</p>	ĐỖ VĂN Y	<p>Đồng Tháp nhân vật chí, Nxb Trẻ, năm 2015. Tr.505</p>

		<p>cứu nước cùng với Mạnh Tự Trương Duy Toàn. Thông thạo tiếng Đức, ông từng là Bí thư của Kỳ Ngoại hầu Cường Đê trong cuộc Âu du. Ít lâu, ông bị trục xuất khỏi nước Pháp, đưa về Sài Gòn, rồi bị quản thúc một thời gian. Sau đó, ông xuống Cần Thơ làm quản lý cho nhà in An Hà. Sau nhiều năm hoạt động yêu nước bị thất bại, về cuối đời, ông chuyên nghiên cứu văn học yêu nước miền Nam. Năm 1946, ông đắc cử đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau khi Pháp tái chiếm Nam Bộ, ông bị giặc Pháp bắt giam, đến năm 1948 mới được trả tự do. Sau đó, ông lên sống ở Sài Gòn và mất ở đây năm 1968.</p>		
177	TRƯƠNG THỊ Y	<p>Bà Trương Thị Y (1918-1968), quê làng Mỹ Luông, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên. Năm 1947, gia đình bà về ở làng Tân Phú, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp).</p> <p>Bà tham gia cách mạng từ tháng Tám năm 1945. Chồng bà, ông Cù Văn Thạnh (Cù Quang Minh), sinh năm 1919, ông tham gia cách mạng và từ tháng Tám năm 1945, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, từng giữ nhiều chức vụ ở xã và huyện Thanh Bình cho đến lúc nghỉ hưu năm 1980.</p> <p>Bà Trương Thị Y tích cực tham gia đấu tranh chính trị. Nổi bật là các cuộc đấu tranh trực diện tại quận Thanh Bình ngày 20/10/1960, ngày 7/01/1961 và ngày 05/3/1961 tại thị xã Cao Lãnh. Trong trận địch đổ quân càn quét lớn ở hậu xã Bình Thành, Tân Phú, chúng bắt bà cùng người con gái và một số người khác, giam qua đêm rồi xả súng bắn chết tất cả vào sáng ngày 25/7/1968, tại Bắc Dầu xã Bình Thành.</p> <p>Bà sinh được 9 người con, 02 người con thứ tư và thứ năm bị pháo địch bắn chết. Còn lại, con bà có đến 6 người là liệt sĩ.</p> <p>Bà Trương Thị Y có 6 con là liệt sĩ. Bản thân bà cũng là liệt sĩ. Ngày 17/12/1994, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng bà danh hiệu <i>Bà Mẹ Việt Nam anh hùng</i>.</p>	TRƯƠNG THỊ Y	Lịch sử truyền thống cách mạng xã Tân Huê, huyện Thanh Bình (1930-1975), xuất bản năm 2000.



**III. CÁC DANH TỪ, ĐỊA DANH, PHONG TRÀO ĐẤU TRANH, SỰ KIỆN GẮN VỚI LỊCH SỬ, VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ QUỐC HIỆU NƯỚC TA QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ (51 tên)**

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
<i>3.1. Các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu</i>				
1	HOÀ BÌNH	Tình trạng yên ổn không có chiến tranh, không dùng vũ lực, không để xảy ra chiến tranh.	HOÀ BÌNH	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 575
2	THÁI BÌNH	Đất nước, đời sống yên ổn, không có loạn lạc, chiến tranh.	THÁI BÌNH	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 1170
3	DÂN CHỦ	Chế độ dân chủ hoặc quyền dân chủ. Toàn dân có quyền tham dự việc nước hoặc tự do phát biểu ý kiến về việc nước. Tôn trọng quyền tự do dân chủ, không quan liêu độc đoán.	DÂN CHỦ	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 330
4	THÀNH CÔNG	Đạt được kết quả, mục đích như dự định.	THÀNH CÔNG	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 1178
5	TỰ DO	Trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động chính trị, xã hội. Trạng thái không bị giam cầm hoặc không bị làm nô lệ...	TỰ DO	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 1376
6	ĐOÀN KẾT	Kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung	ĐOÀN KẾT	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 433
7	THỐNG NHẤT	Hợp lại thành một khối với một cơ cấu tổ chức và sự điều hành quản lý chung. Đồng nghĩa với hợp nhất.	THỐNG NHẤT	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 1227

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
8	THANH NIÊN	Người còn trẻ, đang ở độ tuổi trưởng thành. Là lực lượng to lớn, là nguồn lực dồi dào, mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển xã hội hiện tại và là người chủ tương lai của đất nước.	THANH NIÊN	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 1176
9	GIẢI PHÓNG	Là làm cho được tự do, thoát khỏi tình trạng bị nô dịch, chiếm đóng, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc.	GIẢI PHÓNG	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 503
10	ĐỒNG TÂM	Chung một lòng, chung một ý chí	ĐỒNG TÂM	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 452
11	CHIẾN THẮNG	Dành được phần thắng trong chiến tranh, chiến đấu hoặc trong một cuộc thi đấu thể thao. Đồng nghĩa với thắng lợi.	CHIẾN THẮNG	Từ điển tiếng Việt, Trung tâm từ điển học, nxb Đà Nẵng, 2009 Tr. 215
<b>3.2. Địa danh tiêu biểu</b>				
12	ẤP BẮC	Địa danh thuộc tỉnh Tiền Giang. ẤP BẮC xưa ở làng Tân Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, nổi tiếng bởi sự kiện chiến thắng ngày 01/01/1963, mở màn cao trào diệt Mỹ trong chiến tranh đặc biệt ở miền Nam Việt Nam.	ẤP BẮC	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang. “Di tích Ấp Bắc” <a href="https://svhttdl.tiengiang.gov.vn/di-tich-lich-su">https://svhttdl.tiengiang.gov.vn/di-tich-lich-su</a>
13	VIỆT BẮC	Là căn cứ cách mạng của Việt Nam, nằm về phía Đông Bắc Bắc bộ, nơi Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đóng đô để lãnh đạo cách mạng kháng chiến đến ngày thắng lợi.	VIỆT BẮC	Công thông tin điện tử Thành phố Huế <a href="https://huecity.gov.vn/Du-khach/Thong-tin-ten-duong-pho/tid/Viet-Bac">https://huecity.gov.vn/Du-khach/Thong-tin-ten-duong-pho/tid/Viet-Bac</a> .
14	ĐỔNG ĐA	Là địa danh thuộc thành phố Hà Nội, nơi gắn với chiến thắng quân Thanh trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa (chiến thắng Kỷ Dậu) năm 1789. Chiến thắng khẳng định sự tồn tại của nước Đại Việt trước hiểm họa xâm lược và chấm dứt sự tồn tại của nhà Hậu Lê.	ĐỔNG ĐA	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 878 Tập 2, Tr. 149

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
15	BẠCH ĐĂNG	Tên chiến thắng của Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán (năm 938); Lê Đại Hành đánh tan quân Tống (năm 981); Trần Hưng Đạo đại thắng quân Nguyên - Mông (năm 1288).	BẠCH ĐĂNG	Cục Di sản văn hóa <a href="http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-bach-dang-2960">http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-bach-dang-2960</a>
16	BA ĐÌNH	Là địa danh lịch sử ở Hà Nội và thắng cảnh ở tỉnh Thanh Hoá, cũng là tên gọi chung của 03 thôn Mậu Thịnh, Thượng Thọ và Mỹ Khê. Danh từ này được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn đặt tên cho quảng trường tại Thủ đô Hà Nội sau khi Người đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 02/9/1945.	BA ĐÌNH	Từ điển Tiếng Việt <a href="https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-ba%20%C4%91%C3%ACnh">https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-ba%20%C4%91%C3%ACnh</a>
17	VÂN ĐÒN	Tên chiến thắng của nhà Trần trong kháng chiến chống Nguyên - Mông năm 1288.	VÂN ĐÒN	<a href="https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%A2n_%C4%90%E1%BB%93n">https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%A2n_%C4%90%E1%BB%93n</a>
18	CHƯƠNG DƯƠNG	Tên chiến thắng của quân dân nhà Trần đánh bại quân xâm lược Nguyên – Mông, năm 1285.	CHƯƠNG DƯƠNG	<a href="https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%ADn_Ch%C6%B0%C6%A1ng_D%C6%B0%C6%A1ng_%C4%91%E1%BB%99">https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%ADn_Ch%C6%B0%C6%A1ng_D%C6%B0%C6%A1ng_%C4%91%E1%BB%99</a>
19	DIÊN HỒNG	(Sử) cung điện trong thành Thăng Long (Hà Nội), xưa là nơi hội yến giữa vua Trần với các bô lão bàn kế phá giặc Nguyên. Cuối năm 1282, nhà Nguyên điều đại quân chuẩn bị đánh Đại Việt. Đầu 1285, Thượng hoàng Trần Thánh Tông cho mời các bô lão trong nước về Thăng Long, đãi yến trước thềm điện Diên Hồng để hỏi kế sách nên đánh hay nên hòa. Các bô lão đã đồng thanh “Đánh”. Biểu thị ý chí quyết tâm đánh giặc giữ nước của toàn dân.	DIÊN HỒNG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 673
20	VẠN KIẾP	Tên một địa danh thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương; địa điểm chiến thắng quân xâm lược Nguyên – Mông năm 1285.	VẠN KIẾP	Liên Hiệp Các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam <a href="https://vusta.vn/dau-tich-can-cu-dia-van-kiem-trong-cuoc-khang-chien-chong-mong-nguyen-p70034.html">https://vusta.vn/dau-tich-can-cu-dia-van-kiem-trong-cuoc-khang-chien-chong-mong-nguyen-p70034.html</a>
21	CHI LĂNG	Tên cửa ải thuộc huyện Chi Lăng, Lạng Sơn, nơi chiến thắng quân	CHI LĂNG	Cổng thông tin điện tử tỉnh

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		Minh xâm lược của Lê Lợi		Lạng Sơn <a href="https://chilang.langson.gov.vn/ku-hu-di-tich-lich-su-chi-lang-noi-ghi-dau-nhung-chien-cong-oai-hung">https://chilang.langson.gov.vn/ku-hu-di-tich-lich-su-chi-lang-noi-ghi-dau-nhung-chien-cong-oai-hung</a>
22	MÊ LINH	Nguyên là tên một huyện thuộc kinh đô Phong Châu, thời thuộc Hán gồm phần đất vùng Sơn Tây, tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ ngày nay, quê hương của Hai Bà Trưng. Khi đánh đuổi được Tô Định, Hai bà lên ngôi và đóng đô tại Mê Linh.	MÊ LINH	Báo điện tử tỉnh Hòa Bình <a href="http://www.baohoabinh.com.vn/16/153690/Me-Linh-mien-que-dam-dau-tich-lich-su-van-hoa.htm">http://www.baohoabinh.com.vn/16/153690/Me-Linh-mien-que-dam-dau-tich-lich-su-van-hoa.htm</a>
23	CỔ LOA	Kinh đô của nhà nước Âu Lạc, dưới thời An Dương Vương (thế kỷ III TCN) và của nhà nước dưới thời Ngô Quyền (thế kỷ I). Hiện nay, di tích Cổ Loa thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông An, thành phố Hà Nội.	CỔ LOA	Cục Di sản văn hóa <a href="http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-kien-truc-nghe-thuat-va-khao-co-co-loa-2958">http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-kien-truc-nghe-thuat-va-khao-co-co-loa-2958</a>
24	THĂNG LONG	Kinh đô của nước Đại Việt thời Lý, Trần, Lê, Mạc, Lê Trung Hưng (1010-1788). Năm 1010, tương truyền khi vua Lý Công Uẩn rời kinh đô Hoa Lu đến đất Đại La thì thấy rồng bay lên nên gọi tên kinh đô mới là Thăng Long, hay “rồng bay lên” theo nghĩa Hán Việt.	THĂNG LONG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 170
25	HẠ LONG	Địa danh thuộc tỉnh Quảng Ninh. Vịnh Hạ Long là một vịnh kín, xưa kia là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Lãnh Pha, Lãnh Hi chống Pháp cuối thế kỷ XIX. Vịnh Hạ Long được UNESCO xếp hạng Di sản thiên nhiên thế giới.	HẠ LONG	Báo điện tử tỉnh Quảng Ninh <a href="https://baoquangninh.com.vn/vinh-ha-long-va-nhung-tram-tich-van-hoa-lich-su-2515335.html">https://baoquangninh.com.vn/vinh-ha-long-va-nhung-tram-tich-van-hoa-lich-su-2515335.html</a>
26	HOA LƯ	Kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam, gắn với ba triều đại: nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý. Với các dấu ấn lịch sử là thống nhất giang sơn, đánh Tống – dẹp Chiêm; phát tích quá trình định đô Hà Nội. Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lu (Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội), Hoa Lu trở thành Cổ đô.	HOA LƯ	Cục Di sản văn hóa <a href="http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-va-kien-truc-nghe-thuat-co-do-hoa-lu-2952">http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-va-kien-truc-nghe-thuat-co-do-hoa-lu-2952</a>

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
27	NHU NGUYỆT	Tên phòng tuyến và tên chiến thắng của quân dân Đại Việt thời nhà Lý chống quân Tống năm 1077	NHU NGUYỆT	Báo điện tử tỉnh Bắc Ninh <a href="http://www.baobacninh.com.vn/chi-tiet-bac-ninh-xua-va-nay/-/details/20182/am-vang-chien-thang-nhu-nguyet">http://www.baobacninh.com.vn/chi-tiet-bac-ninh-xua-va-nay/-/details/20182/am-vang-chien-thang-nhu-nguyet</a>
28	ĐIÊN BIÊN PHỦ	Địa danh ghi dấu tích chiến thắng lừng lẫy địa cầu, kết thúc cuộc chiến tranh 9 năm kháng chiến chống Pháp xâm lược Việt Nam.	ĐIÊN BIÊN PHỦ	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 796
29	HÀM RỒNG	Một địa danh và tên chiến thắng ở Thanh Hóa trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	HÀM RỒNG	Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa <a href="https://thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2022-3-13/NUI-RONG--SONG-MA--CAU-HAM-RONG-1sg9v3.aspx">https://thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2022-3-13/NUI-RONG--SONG-MA--CAU-HAM-RONG-1sg9v3.aspx</a>
30	HOÀNG SA	Hoàng Sa (bãi cát vàng), quần đảo thuộc huyện Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng (Việt Nam). Gồm hơn 20 hòn đảo san hô lớn nhỏ, trải trên một vùng biển khoảng 15 nghìn km <sup>2</sup> giữa 15 <sup>05</sup> ·- 17 <sup>05</sup> · vĩ Bắc, 111 <sup>0</sup> -130 <sup>0</sup> kinh Đông, cách Cù Lao Ré 200km, cách đảo Hải Nam 230 km. Thời chúa Nguyễn, Hoàng Sa thuộc huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, xứ Quảng Nam. Ngày 30/3/1938, dụ của vua Bảo Đại sát nhập vào tỉnh Thừa Thiên. Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, do chính quyền miền Nam quản lý. 19/1/1974 bị Trung Quốc đánh chiếm cho tới nay. Ngày 9/12/1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện Hoàng Sa thuộc Quảng Nam - Đà Nẵng. Từ tháng 11/1996, thuộc thành phố Đà Nẵng.	HOÀNG SA	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2, Tr. 336
31	TRƯỜNG SA	Trường Sa: Là huyện đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa, cách vịnh Cam Ranh khoảng 250 hải lý về phía đông. Quần đảo khoảng trên 100 đảo, đá và bãi cạn, cấu tạo bởi san hô và vụn san hô, nằm trên một diện tích biển kéo dài từ tây sang đông khoảng 800km và từ bắc xuống nam khoảng 600km, tổng diện tích các đảo khoảng 10 km, nhiệt độ trung bình năm khoảng 27,7 <sup>0</sup> C, lượng mưa trung bình 2.810mm/năm. Đặc sản: vích, chim, hải sản, cá heo. Theo Lê Quý Đôn (“phủ biên tập lục”; 1776), họ	TRƯỜNG SA	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 663

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
		<p>Nguyễn đã đặt Đội Hoàng Sa và Trường Sa. Bản đồ Việt Nam nhà Nguyễn 1834 ghi tên quần đảo là Vạn Lý Trường Sa. Ngày 14/4/1930 toàn quyền Đông Dương Đơ Lat (De Lattre) điều khiển thông báo hạm La Malixiodor (la Malicieuse) ra Trường Sa cắm cờ và dựng bia chủ quyền. Ngày 21.2.1993 Thống đốc Nam Kỳ Krôt ây mê (J. K rautheimer) kí Nghị định số 4762 sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Các đảo Trường Sa, Sơn Ca, Nam Yết, Song Tử Tây, Sinh Tồn, An Bang do quân đội Sài Gòn đóng giữ. Năm 1978, xây dựng trạm khí tượng Trường Sa 48920. Năm 1988, xây dựng trạm khí tượng Song Tử Tây. Hiện nay trên quần đảo Trường Sa còn có mặt Philippin, Malaixia, Đài Loan, Trung Quốc đánh chiếm bãi chửi thậ. Ngày 9/12/1982, sáp nhập Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh. Từ tháng 6/1989, là huyện của tỉnh Khánh Hòa.</p>		
32	TÂY SƠN	<p>Huyện ở phía tây tỉnh Bình Định, quê hương, căn cứ buổi đầu của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn cuối thế kỷXVIII. Lập nên triều đại Tây Sơn (1778-1802), do các thủ lĩnh của nghĩa quân Tây Sơn (Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ) sáng lập. Năm 1802, bị Nguyễn Ánh lật đổ.</p>	TÂY SƠN	<p>Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 109</p>
33	TRƯỜNG SƠN	<p>- Tên một dãy núi dài nhất Việt Nam ở Trung Bộ. - Tên con đường vận tải, đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh với một mạng lưới giao thông quân sự chiến lược trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước</p>	TRƯỜNG SƠN	<p>Báo điện tử Chính phủ  <a href="https://baochinhphu.vn/dia-danh-lich-su-chien-tich-hao-hung-102256029.htm">https://baochinhphu.vn/dia-danh-lich-su-chien-tich-hao-hung-102256029.htm</a></p>
34	DỤC THANH	<p>Thuộc tỉnh Bình Thuận.  Dục Thanh là tên viết tắt của ngôi trường Dục thanh học hiệu được các nhà chí sĩ lập nên nhằm giáo dục, đào tạo cho con em nhà nghèo theo nội dung yêu nước và tiên bộ, mở mang sự học, nằm ở thành phố Phan Thiết.</p>	DỤC THANH	<p>Trang thogn6 tin điện tử Ban Tuyên giáo tỉnh Bình Thuận  <a href="https://btgtu.binhthuan.dcs.vn/Trang-chu/post/214241/di-tich-lich-su-van-ho%CC%81a-dia-diem-truong-duc-thanh">https://btgtu.binhthuan.dcs.vn/Trang-chu/post/214241/di-tich-lich-su-van-ho%CC%81a-dia-diem-truong-duc-thanh</a></p>

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
35	TÂN TRÀO	Thuộc tỉnh Tuyên Quang. Là chiến khu cách mạng từ năm 1945. Nơi đây diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng của Đảng; Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, họp Quốc dân Đại hội.	TÂN TRÀO	Cục Di sản văn hóa <a href="http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-tan-trao-2949">http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-tan-trao-2949</a>
36	YÊN TỬ	Thuộc tỉnh Quảng Ninh. Tên dãy núi chạy dài khoảng 40 km, ngăn cách hai tỉnh Bắc Giang và Quảng Ninh. Đây là kinh đô Phật giáo Việt Nam thế kỷ XIII, vua Trần Nhân Tông tu ở chùa Yên Tử lập ra phái Thiền tông gọi là phá Trúc Lâm và Ngài là đệ nhất tổ.	YÊN TỬ	Cục Di sản văn hóa <a href="http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-va-danh-lam-thang-canh-yen-tu-2962">http://dsvh.gov.vn/di-tich-lich-su-va-danh-lam-thang-canh-yen-tu-2962</a>
37	PHÚ XUÂN	Vốn tên là Thụy Lôi, sau Nguyễn Phúc Thái dời phủ chúa từ Kim Long về đây, đổi thành làng Phú Xuân, nay thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời chúa Nguyễn Phúc Khoát đóng đô ở đây gọi là thành Phú Xuân. Khi Nguyễn Huệ lên ngôi gọi là kinh đô Phú Xuân.	PHÚ XUÂN	Cổng thông tin điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế <a href="https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-du-dia-chi/tid/Phu-Xuan-Kinh-do-cua-Dai-Viet-duoi-trieu-Tay-Son/newsid/4303836E-B483-44CB-BBD8-1A636AB6B75B/cid/C9C3B49B-0564-48F5-B02A-A39D7CB154C7">https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-du-dia-chi/tid/Phu-Xuan-Kinh-do-cua-Dai-Viet-duoi-trieu-Tay-Son/newsid/4303836E-B483-44CB-BBD8-1A636AB6B75B/cid/C9C3B49B-0564-48F5-B02A-A39D7CB154C7</a>
<b>3.3. Phong trào đấu tranh tiêu biểu</b>				
38	ĐÔNG DU	Phong trào Đông Du là một phong trào cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ 20. Phong trào có mục đích kêu gọi thanh niên Việt Nam ra nước ngoài (Nhật Bản) học tập, chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ cho việc giành lại độc lập cho nước nhà. Lực lượng nòng cốt cổ động và thực hiện phong trào là Duy Tân hội và Phan Bội Châu.	ĐÔNG DU	Bảo tàng lịch sử Quốc gia <a href="https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3097/14624/phong-trao-djong-du-1905-1908-mot-hinh-thuc-xay-dung-luc-luong-cach-mang-nhung-nam-djau-the-ky-xx.html">https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3097/14624/phong-trao-djong-du-1905-1908-mot-hinh-thuc-xay-dung-luc-luong-cach-mang-nhung-nam-djau-the-ky-xx.html</a>

Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
39	CẦN VƯƠNG	Phong trào Cần Vương nổ ra vào cuối thế kỷ XI do vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương kêu gọi sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến giúp vua, bảo vệ quê hương đất nước.	CẦN VƯƠNG	Đại cương lịch sử Việt Nam. Nhà xuất bản giáo dục - 2000 Tập 1, Tr.67
40	ĐỒNG KHỞI	Tên gọi một phong trào nổi dậy của nhân dân miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước	ĐỒNG KHỞI	Báo điện tử Quân đội Nhân dân <a href="https://www.qdnd.vn/cuoc-thi-viet-quan-doi-anh-hung-quooc-phong-vung-manh/phong-trao-dong-khoi-mien-nam-1960-buoc-ngoat-chien-luoc-cua-cuoc-khang-chien-chong-my-cuu-nuoc-605650">https://www.qdnd.vn/cuoc-thi-viet-quan-doi-anh-hung-quooc-phong-vung-manh/phong-trao-dong-khoi-mien-nam-1960-buoc-ngoat-chien-luoc-cua-cuoc-khang-chien-chong-my-cuu-nuoc-605650</a>
41	XÔ VIẾT NGHỆ TỈNH	Tên phong trào cách mạng của nhân dân các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh những năm 1930 – 1931 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	XÔ VIẾT NGHỆ TỈNH	Tạp chí Tuyên Giáo Ban Tuyên giáo Trung ương <a href="https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/dau-an-xo-viet-nghe-tinh-tren-hanh-trinh-dau-tranh-vi-doc-lap-tu-do-129577">https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/dau-an-xo-viet-nghe-tinh-tren-hanh-trinh-dau-tranh-vi-doc-lap-tu-do-129577</a>
<b>3.4. Sự kiện lịch sử tiêu biểu</b>				
42	3 THÁNG 2	Sự kiện - Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/2/1930)	3 THÁNG 2	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 729
43	30 THÁNG 4	Ngày giải phóng miền Nam, hoàn toàn thống nhất đất nước (30/4/1975).	30 THÁNG 4	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 453
44	19 THÁNG 5	Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890)	19 THÁNG 5	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 2, Tr. 352
45	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương, đánh đổ ách thống trị của thực dân và chế độ quân chủ, giành độc lập tự do (tháng Tám năm 1945)	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 328
46	2 THÁNG 9	Quốc khánh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945)	2 THÁNG 9	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 3, Tr. 65



Stt	Tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
<i>3.5. Quốc hiệu nước ta qua các thời kỳ lịch sử</i>				
47	VĂN LANG	Tên nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Theo truyền thuyết trong số 100 con trai của Lạc Long Quân – Âu Cơ, 50 người theo mẹ lên núi, cùng suy tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu	VĂN LANG	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 820
48	ÂU LẠC	Âu Lạc là nhà nước cổ có thật và là nhà nước rõ ràng đầu tiên của người Việt cổ được thành lập tại miền Bắc Việt Nam bởi một nhân vật có thật tên là Thục Phán năm 257 TCN	ÂU LẠC	Báo điện tử Đồng Tháp <a href="https://www.baodongthap.vn/chinh-tri/quoc-hieu-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-lich-su-33462.aspx">https://www.baodongthap.vn/chinh-tri/quoc-hieu-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-lich-su-33462.aspx</a>
49	ĐẠI NAM	Là Quốc hiệu của nước ta do vua Minh Mạng đặt ra vào năm 1838, với ý chí quyết tâm thể hiện sự hùng cường, lớn mạnh của nước ta thời ấy. Quốc hiệu này tồn tại đến ngày 02/9/1945 thì được đổi tên thành Việt Nam cho đến ngày nay.	ĐẠI NAM	Bảo tàng Lịch sử Quốc gia <a href="https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/12689/minh-mang-djat-quoc-hieu-djai-nam-qua-moc-ban-trieu-nguyen.html">https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/12689/minh-mang-djat-quoc-hieu-djai-nam-qua-moc-ban-trieu-nguyen.html</a>
50	ĐẠI VIỆT	Quốc hiệu Việt Nam dưới các vương triều: Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, được Lý Thánh Tông chính thức đặt vào năm 1054 và tồn tại đến năm 1804, khi Gia Long đổi thành Đại Nam. Trừ khoảng thời gian ngắn dưới triều Hồ (1400 – 1407, mang quốc hiệu Đại Ngu).	ĐẠI VIỆT	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 1, Tr. 721
51	VẠN XUÂN	Vạn Xuân là quốc hiệu Việt Nam thời kỳ 544-602. Năm 544, sau khi giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa đánh đuổi quân đô hộ nhà Lương, Lý Bí xưng đế, đặt niên hiệu, dựng triều đình và chính thức đặt tên nước Vạn Xuân. Năm 602, Lý Phật Tử thất bại trong cuộc xâm lược của nhà Tùy. Nhà nước Vạn Xuân chấm dứt.	VẠN XUÂN	Từ điển bách khoa Việt Nam Tập 4, Tr. 786

#### IV. ĐỊA DANH, DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ TIÊU BIỂU TỈNH ĐỒNG THÁP (25 tên)

Stt	tên	Tóm tắt ý nghĩa	Tên dự kiến đặt	Nguồn trích dẫn
-----	-----	-----------------	-----------------	-----------------

4. 1. Địa danh tiêu biểu				
1	SA ĐÉC (thành phố Sa Đéc)	Hiện có 3 nguồn gốc về địa danh này: 1. Xuất phát từ tiếng khmer Phsar – Dek, có nghĩa là chợ sắt hay chợ bán sắt 2. Sa Đéc là tên một vị thần của người Châp Lạp, có nhiệm vụ phò trợ cho nhân dân trong vùng, thường được thờ trên sông. Xưa tại rạch Sa Đéc có miếu thờ thần Phsar – Dek. 3. Sa Đéc là tên một vị thần gọi là Sa-Đích, tiếng địa phương âm lại gọi là Sa Đéc. Ngày xưa Sa Đéc cũng có thờ vị thần này và theo sách <i>Đại Nam nhất thống chí</i> cũng có ghi: ...Ở núi Tô vùng Thất Sơn có miếu thờ thủy thần Sa-Đích.	SA ĐÉC	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT (2016). Tr. 402
2	CÁI TÀU HẠ (Thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành)	Theo sách Ký sự đến Việt Nam năm 1657, của Chu Thuân Thủy: Cái Tàu là người cai quản những người Hoa và coi xem những việc tàu bè, tức Cai Bạ. Từ giữa thế kỷ XVII, Cai Tàu là là một chức vụ được đặt ở xứ Đàng Trong tại những nơi có người Tàu (Trung Hoa) cư ngụ cùng với việc trông coi tàu bè. Ngoài ra từ “Cái” còn có nghĩa là sông là rạch và “Hạ” là phía dưới tính từ thượng nguồn sông Tiền.	CÁI TÀU HẠ	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT (2016). Tr. 416
3	BẢO HẬU (Long Thắng, xã Định Hòa, Lai Vung)	Bảo hậu là căn cứ quan trọng của Nguyễn Ánh trong cuộc chiến với Tây Sơn. Hiện nay trên nền Bảo Hậu cũ có một ngôi miếu nhỏ, nhân dân địa phương tổ chức lễ cúng vào vào ngày 12/12 (al) và ngày 12/3 (al) hàng năm	BẢO HẬU	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT (2016). Tr.95
4	MƯƠNG KHAI (xã Mỹ Trà, TP Cao Lãnh)	Rạch Chanh càng đi sâu vô ngọn càng hẹp và cạn dần. Vào mùa khô, con nước kém dân ở đây thường thiếu nước dùng. Hội tề làng Mỹ Trà bắt dân đào vét sâu con rạch từ cầu ông Năm Bé đến cầu ông Sùng. Từ bên kia, rạch Cái Môn, ông Hội đồng Nguyễn Xuân Vinh (còn gọi là Hội đồng Chính) cho đào một con kinh nối qua đến cầu ông Sùng. Con kinh thông với rạch Chanh này được đặt tên là Mương Khai – kinh Hội Đồng, vì nó khai thông nước	MƯƠNG KHAI	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT (2016). Tr. 382

		trên đất ông Hội đồng Vinh để làm ruộng và vận chuyển lúa. Mương Khai hiện nay là ranh hai ấp 1 và 2 của xã Mỹ Trà. Hai bờ Mương Khai – kinh Hội Đồng đã đắp đường đất và đồ đá chống lầy, đồng thời là đê bao ngăn nước chuyển hai cánh đồng ấp 1 và ấp 2 làm lúa 3 vụ có đê bao khép kín. Dân cư ở đồng đúc hai đầu Mương Khai - kinh Hội Đồng, khoảng giữa còn thưa dân. Đời sống dân còn nghèo, một ít hộ khá. Đa số sống nghề ruộng, chăn nuôi nhỏ lẻ cá, heo, gà, vịt... Điện đã kéo về. Để phát triển vùng này, hướng sắp tới sẽ mở rộng, nâng cấp đường trải nhựa, vừa đi lại lưu thông vừa là đê bao khép kín. Hiện nay tuyến đường vườn Ông Huệ đi đình Cái Môn đang xây bốn cống ngăn và thoát nước. Phía bên ấp 1, nhân dân ngoài làm 2 vụ lúa còn làm một vụ đậu và một số hộ chuyển qua trồng sen.		
5	NHA MÂN ( xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành.)	Theo tiếng Khmer Oknha “ <i>Óc –Nha</i> ” là một quan chức địa phương, là danh xưng của “lãnh đạo” cầm đầu một đơn vị quân đội. Nha Mân là nói trại của từ “ <i>Óc – Nha –Moon</i> ”, Moon là tên của vị quan cai quản vùng đất này.	NHA MÂN	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT (2016). Tr. 350
6	CÁI TÀU THƯỢNG ( Hội An Đông, Lấp Vò)	Theo sách Ký sự đến Việt Nam năm 1657, của Chu Thuần Thủy: Cái Tàu là người cai quản những người Hoa và coi xem những việc tàu bè, tức Cai Bạ. Từ giữa thế kỷ XVII, Cai Tàu là là một chức vụ được đặt ở xứ Đàng Trong tại những nơi có người Tàu (Trung Hoa) cư ngụ cùng với việc trông coi tàu bè. Ngoài ra từ “Cái” còn có nghĩa là sông là rạch và “Thượng” là phía trên tính từ thượng nguồn sông Tiền. Tại Hội An Đông, Lấp Vò có người hoa đến cư trú gọi là Cái Tàu Thượng	CÁI TÀU THƯỢNG	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT (2016). Tr. 416
7	BẢO TIỀN ( Long Định, Long Thắng Lai Vung)	Cách Bảo Hậu khoảng 6km, Bảo Tiền cũng là căn cứ của Chúa Nguyễn trong cuộc chiến với Tây Sơn. Trương truyền, Bảo tiền rộng khoảng 4ha, xung quanh là bờ thành	BẢO TIỀN	Hội Khoa học lịch sử Tỉnh, từ điển Địa danh Đồng Tháp, Nxb VHNT

		dày đắp bằng đất, trong và ngoài bờ thành là đường hào sâu, chiều rộng gần bằng 10m, hầu hết dân binh trong bảo là người địa phương. Trên nền Bảo Tiên xưa, nhân dân dựng mộ ngôi miếu khoảng 20m <sup>2</sup> với đồ khí tự đơn sơ.		(2016). Tr.95
<i>4.2. Di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu</i>				
8	ĐÌNH TÔNG SƠN VÀ ĐỀN THỜ PHẬT THẦY TÂY AN (Xã Mỹ An Hưng A, huyện Lập Vò)	<p>Thuộc loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật.</p> <p>Đình Tông Sơn ra đời vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, thờ Thần Thành hoàng Bôn cảnh có sắc phong của vua Tự Đức năm 1853. Đình là nơi ông Đoàn Minh Huyền đến trị bệnh dịch cho dân vào năm 1849. Lúc đó, đình cất bằng tre lá. Đình có thờ ông Đoàn Minh Huyền cho đến khi xây dựng đền thờ ông ở bên cạnh đình. Về sau, đình được xây dựng lại kiên cố, đến năm 1972 có tu bổ thêm. Có 2 lệ cúng trong năm: Hạ điền 17 – 18/04 âm, Thượng điền 17 – 18/12 âm.</p> <p>Ông Đoàn Minh Huyền (1807 – 1856), người thôn Tông Sơn, nay là xã Mỹ An Hưng A, huyện Lập Vò. Là người sáng lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có tên là Phật Thầy Tây An. Là người có công vận động nhân dân khai hoang lập ấp ở nhiều nơi của miền Tây Nam bộ và trị bệnh cứu dân.</p> <p>Chùa Phật Thầy được xây dựng vào năm 1863 trên nền cũ, nơi ông chữa bệnh dịch cho dân năm 1849. Trước sân chùa có miếu Tam hoàng: Thiên, Địa, Nhân; cột phượng đặt ở giữa. Chính điện là ngôi Tam bảo thờ bức trần điều thờ Bửu Sơn Kỳ Hương, đối diện có bàn thờ Phật Thầy Tây An. Tại đây còn giữ những di vật có liên quan đến ông Đoàn Minh Huyền.</p> <p>Được xếp hạng di tích cấp tỉnh 20/04/2001.</p>	TÔNG SƠN	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
9	DANH THẮNG TRÀM CHIM (huyện Tam Nông)	<p>Thuộc loại hình di tích danh lam thắng cảnh.</p> <p>Vườn quốc gia Tràm Chim nằm lọt thỏm giữa vùng đất trũng ngập nước của Đồng Tháp Mười có diện tích tự nhiên 7.313 ha. Trong hai cuộc kháng chiến nơi đây còn là căn cứ cách mạng của ta. Năm 1978, tỉnh cho chủ trương trồng tràm nhằm để khôi phục</p>	TRÀM CHIM	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

		<p>nơi đây thành một vùng Đồng Tháp Mười nguyên thủy. Năm 1980 đã trồng được 2.300 ha rừng tràm. Năm 1985 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định khoanh vùng 5.200 ha để tái tạo Đồng Tháp nguyên thủy thu hẹp, giao cho huyện Tam Nông quản lý. Đặc biệt, từ khi có Sếu đầu đỏ về, Tràm Chim trở nên nổi tiếng. Ngày 02/2/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số: 47/TTg về việc xác lập khu bảo tồn thiên nhiên Tràm Chim thuộc huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp là “Khu bảo tồn thiên nhiên của quốc gia” với diện tích 7612 ha, có bờ đê bao quanh chu vi gần 60 km. Năm 2012 Ban Thư ký Công ước Ramsar chính thức công nhận Tràm Chim là Khu Ramsar thứ 2000 của thế giới và là thứ 4 của Việt Nam.</p> <p>Được công nhận là di tích cấp quốc gia ngày 12/10/2015</p>		
10	<p>TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG GIỒNG THỊ ĐAM - GÒ QUẢN CUNG ( Xã An Phước, huyện Tân Hồng)</p>	<p>Đây là di tích lịch sử cách mạng. Tiểu đoàn 502 tỉnh Kiến Phong được thành lập ngày 23/9/1959 tại Giồng Thị Đam. Sau 3 ngày thành lập (26/9/1959) Tiểu đoàn đã lập một chiến công vang dội tại Giồng Thị Đam- Gò Quản Cung, đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn của địch, với thất bại thảm hại này buộc địch phải họp Hội đồng quân kỷ trung ương kiểm điểm các lực lượng tham chiến. Đây là một trận đánh lớn thời bấy giờ, giữa lúc cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam bị chìm trong bể máu, Trung ương chưa cho phép đấu tranh vũ trang, cách mạng miền Nam đang trong thời kỳ đen tối. Đây được xem là “Tiếng sấm đầu mùa” phát đi hiệu lệnh xung phong cho cả miền Nam. Thắng lợi này không chỉ có ý nghĩa chiến thuật mà mang ý nghĩa chiến lược, nó khẳng định con đường cách mạng miền Nam phải là con đường bạo lực cách mạng. Được xếp hạng cấp quốc gia ngày 19/01/2004</p>	<p>GIỒNG THỊ ĐAM, GÒ QUẢN CUNG</p>	<p>Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp</p>
11	<p>ĐÌNH TÂN NHUẬN ĐÔNG</p>	<p>Đình thờ Thần Hoàng bốn cảnh, cúng lễ 02 lần/năm. Cúng Kỳ Yên (hạ điền); cúng Thượng điền. Trong quá trình tồn tại đình là nơi tín ngưỡng cầu quốc thái, dân an, dân làng làm thuận lợi có</p>	<p>TÂN NHUẬN ĐÔNG</p>	<p>Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp</p>

	(xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành)	được ẩm no hạnh phúc. Ngoài ra đình còn là nơi sinh hoạt văn hóa vui chơi, giải trí trong những dịp hội hè thư giãn tinh thần. Được xếp hạng di tích Quốc gia vào ngày 04/11/2020.		
12	NHÀ CÔ NGUYỄN THÀNH GIUNG ( Phường 4, Tp Sa Đéc)	Di tích kiến trúc nghệ thuật nhà cổ ông Nguyễn Thành Giung. Ông sinh năm 1894 tại làng Tân Đông, khu tham biện Sa Đéc. Đỗ tiến sĩ khoa học năm 1923, Bộ trưởng Bộ giáo dục và Thanh niên của chính phủ Nam kỳ năm 1951, mất năm 1959 tại Sài Gòn. Nhà được cất vào năm 1927 theo kiểu biệt thự kiến trúc Pháp để nghỉ dưỡng mỗi khi ông về quê nghỉ hè, lễ, tết... Hiện nay là trụ sở của Ủy Ban nhân dân Phường 4, Thị xã Sa Đéc. Được xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 09/12/2009.	NGUYỄN THÀNH GIUNG	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
13	ĐÌNH VĨNH THỚI – TÂN HOÀ (Xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung)	Được xây dựng năm từ 1889; qua thời gian tồn tại, đình được trùng tu nhiều lần. Hiện tại, đình có kiến trúc bề thế, mang phong cách kiến trúc truyền thống của đình làng Nam bộ, là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, vui chơi, giải trí thư giãn tinh thần của nhân dân địa phương. Đình còn lưu giữ nhiều nghi thức cúng tế mang giá trị văn hoá truyền thống của cư dân Nam bộ. Được xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 22/12/2016	VĨNH THỚI, TÂN HOÀ	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
14	CHÙA BỬU HÙNG (Xã Long Thắng, huyện Lai Vung)	Được xếp vào loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, chùa Bửu Hùng do Nguyễn Đăng Đại Sư từ Phú Xuân (Huế) vào đây sáng lập vào khoảng đầu thế kỷ 18, khi đoàn cư dân miền ngoài vào khai phá vùng đất này. Trong thời kỳ lập quốc, Nguyễn Ánh có đến cư trú tại Chùa này, khi lên ngôi Vua Gia Long có ban sắc tứ cho Chùa năm 1803 với tám biển: “Sắc Tứ Bửu Hùng Tự Gia Long Nhị Niên”. Năm 1821 Vua Minh Mạng ban tặng Chùa 01 tượng Phật Di Đà cao 1,8m, ngang 1,3m và pháp khí thờ tự. Các lễ cúng lớn trong năm: Thượng ngươn 15/4 Âl, Trung ngươn 15/7 Âl, Hạ ngươn 15/10 Âl. Được xếp hạng cấp quốc gia ngày 03/8/2007.	BỬU HÙNG, CẢ CÁT	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
15	ĐÌNH LONG	Được xếp vào loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật. Đình Long	LONG KHÁNH	Hồ sơ khoa học xếp hạng

	<b>KHÁNH</b> ( xã Long khánh A, huyện Hồng Ngự)	<p>Khánh ra đời vào khoảng 1830, thờ Thần Thành hoàng Bốn cảnh. Năm 1852, Vua Tự Đức sắc phong thờ Thần Thành hoàng Bốn cảnh. Đình được xây dựng kiến cổ từ năm 1908 đến năm 1911 thì hoàn thành. Đình có qui mô rất lớn, có 114 cột gỗ cắm xe tròn, có các hạng mục: Võ qui, Võ Ca, Tiên tế, Chánh điện, Nhà khách, Miếu Bạch Mã Thái Giám, Bà Chúa Xứ ... đều được xây dựng kiên cố khang trang lộng lẫy.</p> <p>Năm 1928, 1929 Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có đến Đình xem mạch và hốt thuốc trị bệnh cho dân. Năm 1979 trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, nơi đây là Quân Y Viện của Sư đoàn 330 điều trị thương tích cho bộ đội.</p> <p>Các lễ cúng lớn trong năm: Hạ điền vào ngày 09,10/5 Âl; Thượng điền vào ngày 16,17/12 Âl. Được công nhận di tích cấp quốc gia vào ngày 18/12/2009</p>		di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
16	<b>VĂN THÁNH MIẾU</b> ( Phường 1, TP Cao Lãnh)	<p>Di tích lịch sử lưu niệm Văn Thánh Miếu được xây dựng vào năm 1857 tại thôn Mỹ Trà, tổng Phong Thạnh, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường do Tiên sĩ Hồ Trọng Đỉnh là tri phủ Kiến Tường chủ xướng. Miếu thờ Khổng Tử và các học trò của ông, nó thể hiện sự tôn sư trọng đạo và các giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc. Năm 1878, Văn Thánh Miếu được về vị trí hiện nay. Từ năm 1951 – 1975, do chiến tranh nên Văn Miếu ngưng hoạt động. Cho đến năm 1995, thư viện tỉnh Đồng Tháp sử dụng làm trụ sở cơ quan.</p> <p>Văn Thánh Miếu là biểu tượng sự tôn sùng nho học của nhân dân Cao Lãnh lúc bấy giờ. Đồng thời nói lên tinh thần hiếu học và tôn sư trọng đạo của người xưa.</p> <p>Được UBND tỉnh Đồng Tháp xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 20/04/2001</p>	<b>VĂN THÁNH MIẾU</b>	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
17	<b>ĐỊA ĐIỂM ĐÔNG KHỞI CHIẾN</b>	<p>Được xếp vào loại hình di tích lịch sử cách mạng. Đêm 24 rạng 25/12/1959, Tỉnh ủy Kiến Phong nay là tỉnh Đông</p>	<b>THANH MỸ</b>	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá.

	<p>THẮNG GIẢI PHÓNG XÃ THANH MỸ (Xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười)</p>	<p>Tháp đã phát động đợt tiến công tiêu diệt đồn Vinh Huê, trừng trị bọn ác ôn và giành được thắng lợi. Đây là xã được giải phóng đầu tiên của tỉnh Kiến Phong, mở đầu phong trào các xã trong tỉnh tiến hành nổi dậy, góp phần mở màn cao trào “Đông khởi” khắp miền Nam.</p> <p>Bia được xây dựng năm 2009. Được xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 09/12/2009.</p>		<p>Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp</p>
18	<p>ĐÌNH VĨNH PHƯỚC</p>	<p>Đình thần Vĩnh Phước (còn được gọi là đình Gạo) nằm trên đường Trần Hưng Đạo, thuộc khóm 1, phường 1, thành phố Sa Đéc. Đình thần Vĩnh Phước được thiết kế tương tự như những ngôi đình cổ khác ở Nam bộ Việt Nam. Từ ngoài vào trong, đình gồm có: cổng tam quan, sân đình, và tòa đình chính. Mái tòa đình lợp ngói âm dương, kiểu “thượng lầu hạ hiên”, trên mái có nhiều hình đắp nổi theo những điển tích xưa... Toàn bộ khung sườn của đình đều bằng gỗ, được kết cấu chịu lực. Bao lam, thành vọng, hoành phi, liễn đối trong đình đều được chạm khắc công phu, tinh tế và sơn son thếp vàng.</p> <p>Được UBND tỉnh Đồng Tháp xếp hạng di tích cấp tỉnh ngày 10/4/2003.</p>	<p>VĨNH PHƯỚC</p>	<p>Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp</p>
19	<p>CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA TỈNH ỦY KIẾN PHONG (Xã Mỹ Long, Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh)</p>	<p>Là loại hình di tích lịch sử cách mạng.</p> <p>Tỉnh ủy Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) chọn Xẻo Quít làm căn cứ kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1960 đến năm 1975, trong khu vực I di tích có các công trình như: Công sự chiến đấu các loại, công sự chống bom pháo, Hội trường Tỉnh ủy, nhà làm việc của Bí thư Tỉnh ủy, nhà của đội C.279. Nhà Văn thư, nhà bếp, nhà đón khách, nhà của đ/C Chánh văn phòng Tỉnh ủy. Đến tham quan các công trình này ngoài đường bộ ra, quý khách được tham quan bằng xuồng ba lá len lỏi trong rừng tràm nguyên sinh có tuổi thọ trên 50 năm tuổi và khoảng trên 200 loài động thực vật rất hấp dẫn, được giao lưu đờn ca tài tử, trải nghiệm các mô hình thú vị như dờ chà cá, đua xuồng bắt vịt, vượt cầu dừa Xẻo</p>	<p>XẺO QUÍT</p>	<p>Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp</p>



		<p>Quít và được thưởng thức các món đặc sản vùng Đồng Tháp Mười.</p> <p>Được xếp hạng di tích cấp quốc gia vào ngày 09/4/1992.</p>		
20	VỤ THẨM SÁT BÌNH THÀNH	<p>Thảm sát Bình Thành 1954 là một vụ thảm sát gây ra bởi quân đội của chính quyền Sài Gòn tại xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp..</p> <p>Ngày 12 tháng 11 năm 1954 tiểu đoàn bảo an số 502 <u>Quân đội Quốc gia Việt Nam</u> tiến hành bố ráp xã Bình Thành bắt chết 3 người, bắt khoảng 600 người giam ở Trường học xã Bình Thành để tra tấn. Lúc 14h30 cùng ngày, binh lính <u>Quân đội Quốc gia Việt Nam</u> đem 24 người ra sông thủ tiêu, không cho người nhà mang xác về mai táng, binh lính <u>Quân đội Quốc gia Việt Nam</u> đào hố chôn chung tại đây. Cộng với 7 người bị giết ngày 11 tháng 11 năm 1954, tổng số người chết là 34.</p> <p>Được xếp hạng Quốc gia vào ngày 19/01/2004.</p>	BÌNH THÀNH	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
21	GÒ THÁP (Xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười)	<p>Di tích lịch sử khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Gò Tháp.</p> <p>Đây là nơi cư trú của một bộ phận dân cư thuộc Vương quốc Phù Nam (thế kỷ I- thế kỷ VI), là căn cứ kháng chiến chống Pháp của Thiên Hộ Dương – Đốc Binh Kiều (1862-1866), căn cứ của Xứ ủy Nam bộ (1946-1949).</p> <p>Qua nhiều đợt khai quật thu thập nhiều di vật phong phú như: Gốm thô, Gốm mịn, Gốm màu, Cọc gỗ nhà sàn, Tượng Thần Vishnu, Shiva ... phát hiện nhiều loại hình di tích như: Cư trú, Mộ táng, kiến trúc ... Đặc biệt có 2 lễ hội diễn ra vào ngày 14-15/3 âm lịch và ngày 14-15/11 âm lịch hàng năm thu hút khoảng 200.000 người.</p> <p>Di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt vào ngày 27/9/2012</p>	GÒ THÁP	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
22	NHÀ CỎ HUỲNH CẨM THUẬN (phường 2, TP Sa	<p>Di tích kiến trúc nghệ thuật nhà cỏ Huỳnh Cẩm Thuận. Di tích này do ông Huỳnh Cẩm Thuận cất nhà vào năm 1917, kiểu biệt thự, có 3 gian, mặt trước xây kiểu cửa vòm, kiến trúc La Mã thời</p>	HUỲNH CẨM THUẬN, HUỲNH THUYẾT LÊ	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

	Đéc)	<p>phục Hưng thế kỷ 17, cột gỗ tròn, vách gạch, nền lát gạch hoa. Nội thất trang trí nhiều mảng chạm Mai, Lan, Cúc, Trúc, sơn son thếp vàng ...</p> <p>Con là Huỳnh Thủy Lê thừa kế ngôi nhà này, ông là nhân vật chính của tiểu thuyết tự truyện “Người tình” (L’ Amant) do nhà văn nữ người Pháp Marguerite Duras viết vào năm 1984, tiểu thuyết được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới.... “L/Amant” được trao giải thưởng Goncourt năm đó.</p> <p>Được xếp hạng di tích cấp quốc gia vào ngày 18/12/2009</p>		
23	CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CẢ TRÁP (Xã Tân Phước, huyện Tân Hồng)	<p>Di tích lịch sử cách mạng căn cứ kháng chiến Cả Tráp. Được thành lập 1947, căn cứ kháng chiến Cả Tráp là địa bàn hoạt động, chỉ đạo và chiến đấu trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp và Mỹ của nhiều cơ quan, đơn vị quan trọng của huyện Hồng Ngự, Tam Nông và tỉnh Châu Đốc. Để giữ vững địa bàn hoạt động, quân và dân ta đã chiến đấu ngoan cường đánh tan nhiều cuộc càn quét lớn của địch, từ đó bảo vệ an toàn khu căn cứ và củng cố tạo lòng tin cho cán bộ, chiến sĩ đấu tranh đến ngày hoàn toàn thống nhất đất nước.</p> <p>Được công nhận di tích ngày 12/12/2011</p>	CẢ TRÁP	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
24	ĐÌNH TÂN PHÚ TRUNG (xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành)	<p>Di tích kiến trúc nghệ thuật đình Tân Phú Trung. Ngôi đình này được xây vào đầu thế kỷ 19, thờ Thần Thành hoàng Bồn cảnh và Quan Thánh Đế Quân. Được Vua Tự Đức sắc phong thờ Thần Thành hoàng Bồn cảnh năm 1854. Đình được xây dựng kiên cố vào năm 1914 đến nay, các hạng mục kiến trúc còn nguyên vẹn, kiến trúc Đình có quy mô và kết cấu điển hình của ngôi Đình Nam bộ thời Nguyễn đầu thế kỷ 20; nội thất Đình có các Hoành phi bao lam, câu đối được chạm khắc rất tinh vi đặc sắc với các đề tài Long Lân Quy Phụng, Xuân, Hạ, Thu, Đông... được sơn son thếp vàng. Đặc biệt Đình thờ tượng Quan Thánh Đế Quân bằng gỗ trầm rất quý.</p> <p>Các lễ cúng lớn trong năm: Hạ điền 16,17,18/1 Âl, Quan Thánh</p>	TÂN PHÚ TRUNG	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

		Đế Quân: 24/6 Âl; Thượng điền 16,17/11 Âl		
25	ĐÌNH ĐÌNH YÊN (xã Đình Yên, huyện Lập Vò)	<p>Di tích kiến trúc nghệ thuật đình Đình Yên. Ngôi đình này ra đời vào đầu thế kỷ 19, thờ Thần Thành hoàng Bồn cảnh. Được Vua Tự Đức sắc phong thờ Thần Thành hoàng Bồn cảnh năm 1852.</p> <p>Đình được xây dựng kiên cố từ năm 1909 đến năm 1912 thì khánh thành, đến nay các hạng mục kiến trúc còn nguyên vẹn trừ Võ ca. Kiến trúc Đình có quy mô và kết cấu điển hình của ngôi Đình Nam bộ đầu thế kỷ 20; nội thất Đình có các Hoành phi, Bao lam, Câu đối được chạm khắc rất tinh vi, đặc sắc với các đề tài Long, Lân, Quy, Phụng, Xuân, Hạ, Thu, Đông... được sơn son thếp vàng, nhiều bàn thờ, tủ thờ cẩn ốc xà cừ rất tinh xảo.</p> <p>Có 2 lễ cúng lớn trong năm: Hạ điền vào ngày 15,16/4 Âl; Thượng điền: 15,16/11 Âl. Được xếp hạng cấp quốc gia vào ngày 06/6/2012.</p>	ĐÌNH YÊN	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp
26	Đơn vị bảo vệ các cơ quan Tỉnh uỷ Kiến Phong	<p>Tình hình cách mạng miền Nam trong những năm 1958 – 1959 có nhiều chuyển biến quan trọng, phong trào cách mạng ngày càng dâng cao, chiến trường tỉnh có nhiều thuận lợi, vùng căn cứ giải phóng của ta được mở rộng. Song, Mỹ-Ngụy vẫn thực hiện âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng của ta bằng mọi cách, chúng tập trung lực lượng, dùng mọi biện pháp đánh phá vùng căn cứ tìm diệt cơ quan đầu não và lực lượng vũ trang cách mạng.</p> <p>Trước âm mưu của Mỹ-Diệm ngày càng mở nhiều chiến dịch hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng, chúng tổ chức mạng lưới do thám, chỉ điểm, công dân vụ dày đặc hòng bủa lưới bắt cán bộ, phát hiện chỗ đóng quân của các cơ quan, bộ đội ta. Trước tình hình đó, công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ các lực lượng cách mạng càng trở nên khó khăn, phức tạp, đầy thử thách. Xác định công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ các cơ quan Tỉnh uỷ là vấn đề quan trọng, quyết định sự sống còn của cách mạng. Quán triệt Chỉ thị của Trung ương Cục, Ban An ninh tỉnh Kiến Phong đã tăng cường lực lượng bảo vệ cơ quan Tỉnh uỷ.</p>	C279	Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá Căn cứ kháng chiến Tỉnh uỷ Kiến Phong. Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp

		<p>Ngày 27 tháng 9 năm 1959, đơn vị bảo vệ khu căn cứ Tỉnh ủy (C279) được thành lập, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Với tinh thần cách mạng tiến công, đơn vị đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, bí mật kịp thời phục vụ tốt công tác lãnh đạo của Đảng. Các đồng chí đã biết dựa vào dân, bố trí nơi ăn nghỉ, hội họp, phương tiện đi lại cho các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy. Vũ khí đạn dược thiếu thốn, các đồng chí phải tự tạo lấy vũ khí, khí tài và tự túc về lương thực. Khi xây dựng căn cứ, đơn vị phải đào hàng trăm công sự, hàng trăm hầm bí mật. Công sự vừa xây dựng xong bị địch phát hiện, bắn phá, cơ quan Tỉnh ủy phải chuyển đi, các cán bộ chiến sĩ C279 vẫn luôn bám trụ, không nản chí, luôn đảm bảo an toàn bí mật cho căn cứ. Bên cạnh đó còn xây dựng căn cứ dự bị để di dời cơ quan Tỉnh ủy khi cần thiết. Đặc biệt, đơn vị đã bảo vệ tuyệt đối an toàn các đồng chí cán bộ Tỉnh ủy khi địch càn quét. Suốt từ năm 1959 đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đơn vị C279 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ an toàn cơ quan Tỉnh ủy và các đồng chí lãnh đạo</p>		
--	--	---	--	--